Người ký: BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
Email: bkhdt@mpi.gov.vn
SAO Y Cơ quan: BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
Thời gian ký: 04.05.2023 14:50:09 +07:00

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH QUY HOẠCH TỈNH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 3305/BC-HĐTĐ	*Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2023*

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH
Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Thực hiện Quyết định số 358/QĐ-BKHĐT ngày 21/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về kiện toàn Hội đồng thẩm định Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây gọi tắt là Hội đồng thẩm định), Quy chế hoạt động của Hội đồng thẩm định ban hành kèm theo Quyết định số 359/QĐ-HĐTĐ ngày 21/3/2023 và đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh tại Tờ trình số 11/TTr-SKHĐT ngày 27/01/2023[1]; ngày 21 tháng 4 năm 2023, tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Hội đồng thẩm định đã tổ chức phiên họp để thẩm định Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Hội đồng thẩm định đánh giá hồ sơ trình thẩm định Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung sau:

I. VIỆC TIẾP NHẬN VÀ XỬ LÝ HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

1. Hồ sơ trình thẩm định quy hoạch đầy đủ theo quy định của pháp luật về quy hoạch, gồm:

a) Tờ trình số 11/TTr-SKHĐT ngày 27 tháng 01 năm 2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh đề nghị thẩm định Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

b) Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

c) Báo cáo Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (bao gồm báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt);

d) Báo cáo số 24/BC-SKHĐT ngày 27/01/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh tổng hợp giải trình, tiếp thu các ý kiến tham gia với Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

đ) Bản sao ý kiến góp ý của 21 Bộ, cơ quan ngang Bộ, 06 địa phương có liên quan và 06 tổ chức chính trị xã hội;

---

[1] Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định nhận được đầy đủ hồ sơ trình thẩm định vào ngày 09/2/2023

e) Báo cáo kết quả đánh giá môi trường chiến lược của Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

g) Hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu về quy hoạch;

h) Văn bản số 152/UBND-KT ngày 19/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc trình thẩm định Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Cung cấp hồ sơ và tổng hợp ý kiến tham gia của các thành viên Hội đồng thẩm định

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ và Kế hoạch số 1040/KH-HĐTĐ ngày 16/02/2023 của Chủ tịch Hội đồng thẩm định về kế hoạch thẩm định Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; ngày 15/02/2023, Hội đồng thẩm định đã gửi công văn số 989/HĐTĐ-CV đến các thành viên Hội đồng thẩm định, công văn số 990/HĐTĐ-CV đến các chuyên gia phản biện quy hoạch, công văn số 991/HĐTĐ-CV đến các chuyên gia phản biện báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, công văn số 992/HĐTĐ-CV đến chuyên gia phản biện bản đồ, cơ sở dữ liệu quy hoạch tỉnh và công văn số 993/HĐTĐ-CV đến Bộ Tài nguyên và Môi trường mời đại diện Lãnh đạo cấp Cục/Vụ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tham gia Hội đồng thẩm định kèm theo hồ sơ quy hoạch để xin ý kiến thẩm định đối với hồ sơ trình thẩm định quy hoạch tỉnh Tây Ninh. Tính đến ngày 21/4/2023, Cơ quan thường trực Hội đồng đã nhận được ý kiến tham gia của 19/20 Bộ là thành viên Hội đồng thẩm định (*còn lại Bộ Y tế chưa có văn bản tham gia ý kiến thẩm định)* và 10/10 ý kiến của Ủy viên phản biện. Cơ quan thường trực của Hội đồng thẩm định đã tổng hợp ý kiến của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, chuyên gia là thành viên, ủy viên Hội đồng thẩm định, đồng thời chuẩn bị các nội dung báo cáo tại phiên họp của Hội đồng thẩm định theo quy định của pháp luật.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP[2] và khoản 4 Điều 26 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020[3], Cơ quan thường trực của Hội đồng thẩm định đã tổ chức *"Hội thảo tham vấn ý kiến đối với Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của Quy hoạch tỉnh Tây Ninh"* vào ngày 14 tháng 3 năm 2023 với sự tham gia của các thành viên Hội đồng thẩm định và các chuyên gia phản biện báo cáo đánh giá môi trường chiến lược.

---

[2] Phiên họp thẩm định quy hoạch được tiến hành khi có văn bản của cơ quan thẩm định báo cáo đánh môi trường chiến lược đối với quy hoạch phải thực hiện đánh giá môi trường chiến lược …

[3] Cơ quan chủ trì thẩm định quy hoạch có trách nhiệm thẩm định kết quả đánh giá môi trường chiến lược trong quá trình thẩm định quy hoạch

II. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

1. Về thẩm quyền thẩm định

Hội đồng thẩm định đã thực hiện đúng nhiệm vụ, thẩm quyền được giao tại Quyết định số 358/QĐ-BKHĐT ngày 21/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về kiện toàn Hội đồng thẩm định Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy chế hoạt động của Hội đồng thẩm định ban hành kèm theo Quyết định số 359/QĐ-HĐTĐ ngày 21/3/2023 của Chủ tịch Hội đồng thẩm định.

2. Đánh giá của Hội đồng thẩm định

Hội đồng thẩm định đánh giá Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định tại Điều 32 Luật Quy hoạch và quy định của Luật Bảo vệ môi trường như sau:

a) Sự phù hợp với Nhiệm vụ lập quy hoạch đã được phê duyệt

- Tên, thời kỳ, phạm vi ranh giới quy hoạch: cơ bản phù hợp với Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 775/QĐ-TTg ngày 08/6/2020.

- Sự phù hợp giữa nội dung quy hoạch so với yêu cầu về nội dung được xác định trong nhiệm vụ lập quy hoạch được phê duyệt: nội dung quy hoạch cơ bản đáp ứng được yêu cầu đã xác định trong nhiệm vụ lập quy hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; tuy nhiên, đề nghị bổ sung và làm rõ thêm một số nội dung theo quy định tại Điều 27 Luật Quy hoạch và Điều 28 Nghị định 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ (chi tiết tại điểm d Mục 2 Phần II Báo cáo này).

- Sự phù hợp của số lượng và yêu cầu về nội dung đề xuất được thực hiện so với nhiệm vụ lập quy hoạch được phê duyệt: tại Quyết định số 775/QĐ-TTg ngày 08/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ xác định yêu cầu đối với các nội dung đề xuất như sau *"Các nội dung đề xuất nghiên cứu để đưa vào quy hoạch tỉnh phải có cơ sở khoa học, phù hợp với thực tiễn địa phương, xuất phát từ nhu cầu phát triển, yêu cầu quản lý Nhà nước tại địa phương"*. Báo cáo tổng hợp quy hoạch tỉnh Tây Ninh và các văn bản trình thẩm định kèm theo chưa thể thể hiện rõ số lượng và yêu cầu về các nội dung đề xuất được tích hợp vào quy hoạch tỉnh; do vậy, không đủ cơ sở để đánh giá về sự phù hợp của số lượng và yêu cầu về nội dung đề xuất được thực hiện so với nhiệm vụ lập quy hoạch đã được phê duyệt, đề nghị cơ quan lập quy hoạch làm rõ thêm.

- Thành phần, số lượng, tiêu chuẩn và quy cách hồ sơ quy hoạch đã cơ bản đáp ứng các yêu cầu quy định theo Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Tây Ninh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

b) Thẩm định việc tuân thủ quy trình lập quy hoạch tỉnh quy định tại khoản 4 Điều 16, Điều 18, Điều 19 Luật Quy hoạch và nội dung Điều 32 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ

Tờ trình thẩm định số 11/TTr-SKHĐT ngày 27/01/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh và hồ sơ trình thẩm định gửi kèm theo không thể hiện quá trình triển khai lập quy hoạch tỉnh; do vậy, không đủ cơ sở để thẩm định sự tuân thủ quy trình lập Quy hoạch tỉnh Tây Ninh theo quy định tại khoản 4 Điều 16, Điều 18, Điều 19 Luật Quy hoạch và nội dung Điều 32 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ. Đề nghị Cơ quan lập quy hoạch bổ sung quy trình lập Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo đúng quy định của pháp luật về quy hoạch.

c) Việc tích hợp các nội dung quy hoạch do các cơ quan, tổ chức được phân công thực hiện

- Để đảm bảo sự tích hợp đồng bộ giữa các ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật về quy hoạch thì việc sử dụng chung dữ liệu về điều tra hiện trạng, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, thực trạng liên kết vùng, phân tích, đánh giá các yếu tố, điều kiện, nguồn lực, bối cảnh phát triển và việc thống nhất các quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, định hướng ưu tiên phát triển ngành, lãnh thổ trong quá trình lập quy hoạch là rất cần thiết. Đề nghị cơ quan lập quy hoạch tỉnh rà soát nội dung quy hoạch, các số liệu, dữ liệu trong hồ sơ quy hoạch để đảm bảo tính thống nhất và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung và số liệu, dữ liệu được sử dụng trong báo cáo quy hoạch; đồng thời đề nghị xem xét một số nội dung như sau:

+ Rà soát, tích hợp các nội dung quy hoạch trong danh mục quy hoạch tích hợp ban hành kèm theo Nghị quyết 110/NQ-CP ngày 02/12/2029 của Chính phủ vào Quy hoạch tỉnh Tây Ninh.

+ Rà soát các nội dung đề xuất được tích hợp vào quy hoạch tỉnh để đảm bảo có sự thống nhất giữa quan điểm, mục tiêu, phương án phát triển, bố trí không gian phát triển và giải pháp thực hiện quy hoạch; các nội dung đề xuất tích hợp vào phương án phát triển ngành, lĩnh vực trong quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030 đảm bảo tính khái quát cao nhưng vẫn đầy đủ các nội dung cơ bản phục vụ cho công tác quản lý và đủ điều kiện để triển khai các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành theo quy định của pháp luật sau khi quy hoạch tỉnh được phê duyệt.

+ Quy hoạch tỉnh Tây Ninh được triển khai lập trong khi các quy hoạch cấp quốc gia và quy hoạch vùng đang trong quá trình lập và hoàn thiện; do vậy, đề nghị tỉnh Tây Ninh cập nhật các nội dung các quy hoạch cao hơn thời kỳ 2021-2030 đã được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt, cập nhật quy hoạch ngành quốc gia đang được các Bộ hoàn thiện để hoàn thiện phương án

phát triển và bố trí các dự án cấp quốc gia trên địa bàn tỉnh, đảm bảo tính đồng bộ và thống nhất giữa các loại quy hoạch theo Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội.

d) Sự phù hợp của quy hoạch tỉnh với quy định tại Mục 2 Chương II Luật Quy hoạch

Nội dung báo cáo Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 cơ bản đã bám sát quy định của Luật Quy hoạch, Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ và Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Tây Ninh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 775/QĐ-TTg ngày 08/6/2020. Tuy nhiên, cần rà soát, bổ sung nội dung và sắp xếp lại bố cục báo cáo đảm bảo tính logic, cụ thể:

- Về căn cứ lập quy hoạch, kết cấu và nội dung báo cáo

+ Về căn cứ lập quy hoạch: việc tổ chức triển khai lập quy hoạch tỉnh Tây Ninh trong bối cảnh quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng đang được triển khai lập là phù hợp với Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội. Đề nghị rà soát, bổ sung thêm một số Nghị quyết của Trung ương, Bộ Chính trị, văn bản quy phạm pháp luật, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ có liên quan làm cơ sở để lập quy hoạch tỉnh Tây Ninh theo ý kiến thẩm định của các thành viên Hội đồng thẩm định; đồng thời rà soát để lược bỏ các văn bản đã hết hiệu lực.

+ Về kết cấu và nội dung báo cáo: đề nghị kết cấu lại báo cáo quy hoạch tỉnh trên cơ sở bám sát nội dung quy hoạch tỉnh được quy định tại Điều 27 của Luật Quy hoạch và Điều 28 của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ; chính xác lại tên các mục, tiểu mục theo quy định của pháp luật về quy hoạch; đồng thời bổ sung một số nội dung: (i) Khả năng huy động nguồn lực; (ii) Đánh giá về thực trạng lao động, việc làm; (iii) Đánh giá về tiềm năng đất đai, tính hợp lý và hiệu quả sử dụng đất của tỉnh; (iv) Đánh giá về thực trạng phát triển và sự phù hợp về phân bố phát triển không gian của các khu chức năng; (v) Tồn tại, hạn chế cần giải quyết theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ.

- Về phân tích, đánh giá, dự báo các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh Tây Ninh: đề nghị bổ sung, làm rõ một số nội dung như sau:

+ Bổ sung một số chỉ tiêu liên quan đến chất lượng nguồn nhân lực của các ngành kinh tế và so sánh với mức bình quân chung của vùng; so sánh với các tỉnh, thành phố trong vùng Đông Nam Bộ để xác định rõ lợi thế, các yếu tố mang tính đặc thù của tỉnh;

+ Bổ sung dự báo về nhu cầu nhân lực cho một số ngành, lĩnh vực quan trọng của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch, nhất là nhân lực qua đào tạo, nhân lực có kỹ năng nghề.

+ Đánh giá kỹ hơn hiện trạng thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản; xác định lợi thế, tồn tại, vướng mắc để làm cơ sở xây dựng phương án khai thác khoáng sản trong quy hoạch tỉnh; rà soát các mỏ/điểm mỏ đã được khoanh định khu vực phân tán nhỏ lẻ hoặc các mỏ/điểm mỏ độc lập đã được điều tra, đánh giá hoặc đã thăm dò đánh giá trữ lượng, đáp ứng tiêu chí đối với mỏ phân tán nhỏ lẻ quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ; cập nhật, điều chỉnh thống nhất đối với khu vực, điểm, diện tích tạm cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn; rà soát để đảm bảo không chồng lấn tọa độ, ranh giới với Quy hoạch về thăm dò, khai chế biến khoáng sản Việt Nam thời kỳ 2021-2030.

+ Phân tích số liệu cụ thể về hiện trạng tài nguyên; đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội, tác động của việc thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng các loại khoáng sản đến phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, môi trường, đa dạng sinh học, cảnh quan, dịch vụ hệ sinh thái.

- Về đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, thực trạng phát triển các ngành

+ Về thực trạng phát triển kinh tế:

Đề nghị làm rõ hơn cơ cấu đóng góp trong GRDP theo các thành phần kinh tế; bổ sung một số chỉ tiêu tổng hợp như: GRDP bình quân, VA/GO, chỉ tiêu năng suất tổng hợp TFP; so sánh một số chỉ tiêu quan trọng với mức bình quân chung của vùng và quốc gia.

Làm rõ kết quả đạt được so với mục tiêu, định hướng trong quy hoạch thời kỳ trước; làm rõ nguyên nhân của sự sụt giảm tăng trưởng kinh tế trong năm 2015; phân tích, làm rõ nguyên nhân dẫn tới tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân của tỉnh Tây Ninh chỉ bằng một nửa so với mục tiêu trong Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2011-2020; xác định cụ thể những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

Làm rõ nguyên nhân trong việc giảm tỷ trọng của khu vực dịch vụ trong GRDP; rà soát để đảm bảo tính tương thích và phù hợp giữa mức đầu tư cho một lao động của ngành nông nghiệp và năng suất lao động của ngành; bổ sung số liệu thu - chi ngân sách của tỉnh thời kỳ 2010- 2020.

Làm rõ sự ảnh hưởng của quy mô kinh tế nhỏ đến việc chủ động nguồn lực phát triển; nguyên nhân dẫn tới ICOR của tỉnh Tây Ninh cao hơn hầu hết các tỉnh Đông Nam Bộ; lý do tỉnh Tây Ninh cơ bản vẫn chưa thu hút được các nhà đầu tư lớn; nguyên nhân của hiện tượng "xuất cư đô thị".

+ Về hiện trạng phát triển công nghiệp - xây dựng:

Phân tích theo chuỗi giá trị đối với 04 ngành sản xuất quan trọng chiếm 75% giá trị toàn ngành công nghiệp của tỉnh; bổ sung phân tích, đánh giá tổng

thể về phát triển các khu công nghiệp về thu hút đầu tư, đóng góp ngân sách, giải quyết việc làm, giá trị xuất khẩu...; tình hình xây dựng nhà ở công nhân, các công trình văn hóa, thể thao cho người lao động tại các khu công nghiệp; đánh giá hiệu quả đầu tư hạ tầng kỹ thuật và hiệu quả kinh tế - xã hội của các khu công nghiệp, khả năng kết nối với hệ thống giao thông, logistic và các hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác tại các khu công nghiệp với hệ thống hạ tầng của tỉnh; rà soát tỷ lệ lấp đầy của các khu công nghiệp đã thành lập, đảm bảo sự thống nhất số liệu trong toàn bộ báo cáo; bổ sung đánh giá, phân tích về đóng góp của các khu kinh tế cửa khẩu đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Làm rõ cơ cấu giá trị sản xuất (GO), giá trị gia tăng (VA), trình độ công nghệ, nhân lực, năng suất lao động trong nội ngành chế biến chế tạo; đánh giá theo cụm liên kết ngành đối với các tiểu ngành thuộc phân ngành chế biến, chế tạo (làm rõ các nội dung như: (i) Thượng nguồn: khả năng cung ứng nguyên, phụ liệu cho sản xuất; (ii) Trung nguồn: năng lực công nghệ, năng suất lao động, trình độ nhân lực; (iii) Hạ nguồn: đối tượng tiêu thụ và quy mô thị trường).

Bổ sung các đánh giá về các khu công nghiệp, cụm công nghiệp như: ưu, nhược điểm trong việc lựa chọn địa điểm, quy mô và phân bố không gian của các khu, cụm công nghiệp hiện tại và đã quy hoạch; khả năng kết nối hạ tầng kỹ thuật của các khu, cụm công nghiệp với hệ thống hạ tầng chung của tỉnh; mô hình kinh tế tuần hoàn trong hoạt động của các khu, cụm công nghiệp hiện có. Bổ sung nội dung đánh giá về thực trạng hạ tầng và các hoạt động liên quan của các khu chức năng trong các khu kinh tế cửa khẩu.

Bổ sung phân loại quy mô, cơ cấu doanh nghiệp, hiệu quả hoạt động theo lĩnh vực, hiện trạng sử dụng công nghệ trong các doanh nghiệp, những thuận lợi, khó khăn và nguyên nhân khó khăn của các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh.

+ Về hiện trạng phát triển các ngành dịch vụ:

Làm rõ cơ cấu hàng hóa (nội tỉnh và trung chuyển) xuất khẩu, đặc biệt đối với các mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn. Nguyên nhân dẫn đến năng suất lao động của ngành thương mại, dịch vụ thấp; bổ sung phân tích, đánh giá về hạ tầng thương mại như mật độ và phân bố hạ tầng thương mại so với định mức chung và nhu cầu thực tế, chất lượng hạ tầng thương mại; đánh giá kỹ hạ tầng logistic tại khu vực cửa khẩu, những hạn chế trong hoạt động thương mại biên giới làm cơ sở đề xuất các giải pháp trong thời kỳ quy hoạch.

Phân tích cụ thể đóng góp của phân ngành du lịch vào GRDP của tỉnh; phân tích làm rõ thực trạng hạ tầng phục vụ du lịch; xác định các điểm nghẽn trong phát triển du lịch của tỉnh; chất lượng của hạ tầng du lịch (cơ sở lưu trú,

nhà hàng), nhân lực du lịch và thực trạng liên kết phát triển du lịch; kết quả và những hạn chế của từng loại hình du lịch; phân tích thị trường du lịch quốc tế và nội địa; cơ cấu khách du lịch và chi tiêu của khách du lịch; thực trạng quản lý nhà nước về du lịch; xác định nguyên nhân khiến tiềm năng phát triển du lịch chưa được khai thác hiệu quả.

Đánh giá cụ thể đóng góp của khoa học, công nghệ vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trên các lĩnh vực: quản lý, đổi mới, ứng dụng công nghệ; bảo vệ, phát triển tài sản trí tuệ, sở hữu trí tuệ; tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; kết quả thực hiện cơ chế, chính sách thu hút nguồn lực đầu tư cho khoa học, công nghệ.

+ Về hiện trạng phát triển nông, lâm, thủy sản:

Phân tích, đánh giá bổ sung về thực trạng phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn; loại bỏ các nội dung chi tiết về hiện trạng các loại cây trồng vật nuôi tại bảng 20 và 21.

Lựa chọn sản phẩm chủ lực thuộc ngành để phân tích, đánh giá theo chuỗi giá trị và cụm liên kết ngành (liên kết trong cung ứng giống, vật tư nông nghiệp, các phương pháp canh tác, nuôi trồng theo công nghệ mới; liên kết trong sản xuất và chế biến; liên kết giữa sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp chủ lực); đánh giá cụ thể các chỉ tiêu như chất lượng sản phẩm, năng suất lao động, quy mô thị trường và năng lực sản xuất để thấy được cơ hội cung cấp các sản phẩm nông nghiệp đặc sản/thế mạnh của tỉnh; làm rõ hơn kết quả của định hướng áp dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp.

+ Về hiện trạng phát triển các lĩnh vực xã hội:

Đánh giá kỹ hơn các nội dung liên quan đến đào tạo, dạy nghề, như quy mô, cơ cấu và chất lượng đào tạo, khả năng đáp ứng nhu cầu của địa phương về nhân lực.

Đối với thực trạng giáo dục mầm non, bổ sung số liệu trường mầm non, mẫu giáo của tỉnh; tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia; đánh giá và làm rõ mức độ đáp ứng nhu cầu đưa trẻ đến trường của tỉnh; khó khăn vướng mắc trong việc đảm bảo quyền của trẻ em được tiếp cận giáo dục. Bổ sung thông tin tỷ lệ học sinh/lớp, giáo viên/lớp, học sinh học 2 buổi/ngày, xã hội hóa giáo dục đối với giáo dục phổ thông; rà soát số liệu tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn đảm bảo phù hợp với quy định tại Luật Giáo dục; bổ sung thông tin, đánh giá về thực trạng đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên giáo dục. Bổ sung đánh giá về những ưu điểm, khó khăn, hạn chế và nguyên nhân đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo theo từng vấn đề làm cơ sở cho việc đề xuất mục tiêu, phương án, giải pháp phát triển giáo dục và đào tạo và mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch.

Bổ sung nội dung đánh giá về khả năng đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của các cơ sở y tế, thực trạng phát triển hệ thống y tế tư nhân, các dịch vụ y tế; khả năng phòng chống và xử lý các tình huống khi có dịch bệnh xảy ra trên quy mô lớn.

Bổ sung thực trạng về hoạt động bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể, bảo tàng, hoạt động văn hóa nghệ thuật, điện ảnh, lĩnh vực thư viện; bổ sung đánh giá thực trạng của thể dục thể thao trong trường học và trong lực lượng vũ trang.

Bổ sung nội dung đánh giá về công tác chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực, thực trạng phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh; làm rõ các kết quả nghiên cứu, triển khai khoa học công nghệ vào các hoạt động kinh tế cụ thể của địa phương, đặc biệt trong ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp.

Đánh giá việc thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo, cập nhật, sử dụng số liệu tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều.

Làm rõ mối quan hệ giữa xu thế dân số tăng trưởng rất chậm, mức di cư "thuần âm" với tuyến cấu trúc công nghiệp hóa - đô thị hóa; xác định hệ lụy sâu sắc của xu thế dân số giảm đến triển vọng đô thị hóa, phát triển công nghiệp và thực hiện các mục tiêu phát triển của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch.

- *Về hiện trạng bảo vệ môi trường*: đề nghị làm rõ thực trạng môi trường (nước, không khí) và xử lý chất thải (rắn, lỏng) trong hoạt động khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng và chế biến nông, lâm sản quy mô công nghiệp; bổ sung các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu.

- *Về hiện trạng sử dụng đất:* đề nghị tính toán/thống kê các chỉ tiêu kinh tế, xã hội theo chuỗi thời gian để thấy rõ được hiệu quả hay hạn chế trong sử dụng đất đối với từng loại đất (nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ).

- *Về hiện trạng trạng phát triển hệ thống đô thị, nông thôn:*

+ Làm rõ quy mô dân số tại đô thị hiện có, trong đó bổ sung các số liệu về tăng trưởng dân số đô thị qua các năm để đánh giá nhu cầu sử dụng đất tại các đô thị và nhận định về "xu hướng đang có tình trạng xuất cư ra khỏi khu vực nội thị"; bổ sung phân tích, đánh giá thực trạng các chỉ tiêu liên quan đến tỷ lệ đất giao thông đô thị, hệ thống chiếu sáng công cộng, hệ thống hồ đô thị, hồ điều hòa; công tác đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nướctrên địa bàn.

+ Bổ sung số liệu, phân tích, đánh giá về sự phát triển hạ tầng đô thị; sự phân bố không gian của các hệ thống đô thị, nông thôn, chất lượng các đô thị, hạ tầng kỹ thuật trong các đô thị; bổ sung đánh giá kết quả thực hiện Chương trình phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2012-2020 tại Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 07/11/2012; đánh giá kết quả xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hóa nông thôn theo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

- Về hiện trạng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội

+ Về hiện trạng phát triển hạ tầng kỹ thuật

Xác định rõ các hạn chế, bất cập của hệ thống hạ tầng kỹ thuật tỉnh Tây Ninh, trong đó tập trung làm rõ đối với các khu vực tập trung phát triển đô thị, công nghiệp của tỉnh như thành phố Tây Ninh, các thị xã Trảng Bàng, Hòa Thành; các huyện Gò Dầu, Bến Cầu; làm rõ vai trò, tính chất của các đô thị trong tỉnh; mối liên kết giữa các đô thị, đô thị - khu công nghiệp, đô thị - khu du lịch làm cơ sở lập quy hoạch chung đô thị; nguyên tắc quản lý phát triển đô thị.

Bổ sung kết quả dự báo nhu cầu vận tải trên các hành lang vận tải và phân chia theo các phương thức vận tải để làm cơ sở cho việc nghiên cứu, xác định quy mô, công suất quy hoạch của các công trình kết cấu hạ tầng giao thông, đặc biệt là đối với các tuyến đường bộ.

Về hệ thống đường bộ: bổ sung đánh giá hiện trạng các bến xe trên địa bàn tỉnh, số liệu hiện trạng lưu lượng phương tiện trên các tuyến đường để đánh giá khả năng đáp ứng nhu cầu vận tải trong nội tỉnh, liên tỉnh, hiện trạng về kết nối đường bộ tới các cảng, bến thủy thủy nội địa đang khai thác và bến thủy nội địa phục vụ nhu cầu vận chuyển hàng hóa của người dân, kết quả thực hiện quy hoạch giao thông vận tải của tỉnh giai đoạn trước để định các điểm nghẽn về kết cấu hạ tầng giao thông làm cơ sở định hướng phát triển giai đoạn tiếp theo. Về đường Hồ Chí Minh đoạn Chơn Thành - Đức Hòa, đề nghị bổ sung thông tin về tình hình thực hiện đầu tư như sau *"Để hoàn thành các hạng mục thi công dở dang, từng bước hoàn chỉnh mạng lưới giao thông, bảo đảm an ninh - quốc phòng vùng Đông Nam Bộ và Tây Nguyên, Bộ GTVT đã phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đường Hồ Chí Minh đoạn Chơn Thành - Đức Hòa tại Quyết định số 1032/QĐBGTVT ngày 28/7/2022, phân kỳ đầu tư quy mô đường cấp III, dự kiến hoàn thành năm 2025"*.

Về hệ thống đường thủy nội địa: bổ sung hiện trạng cụ thể (quy mô, công suất) đối với các cảng thủy nội địa hiện có; bổ sung thuyết minh đánh giá về tình hình đầu tư cảng, bến thủy nội địa trên các tuyến đường thủy nội địa quốc gia và địa phương trong thời kỳ 2011-2020 từ các nguồn vốn. Nghiên cứu bổ sung nội dung tổng hợp, đánh giá các cơ chế, chính sách tỉnh đã ban hành để khuyến khích, hỗ trợ xây dựng đồng bộ và bền vững lĩnh vực kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và vận tải thủy nội địa.

Đánh giá cụ thể về khả năng kết nối, giữa hệ thống các loại đường quốc lộ và tỉnh lộ, hệ thống giao thông nội tỉnh, hệ thống các loại hình vận tải (bộ, thủy), khả năng kết nối của các khu dân cư với các khu dịch vụ du lịch, thương mại và sản xuất tập trung với các trục giao thông chính, khả năng đáp ứng nhu cầu hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

Bổ sung nội dung đánh giá về hiện trạng hạ tầng mạng cáp (khu vực chưa có hạ tầng cáp quang), hạ tầng mạng thông tin di động (hiện trạng khu vực lõm sóng, sóng yếu; khu vực chưa có sóng thông tin di động; hiện trạng mạng thông tin di dộng theo cơ cấu vị trí trạm thu phát sóng thông tin di động, sử dụng chung cơ sở hạ tầng); xác định rõ phạm vi, quy mô của hạ tầng viễn thông thụ động để thể hiện chính xác hiện trạng hạ tầng viễn thông thụ động; bổ sung hiện trạng triển khai địa chỉ Ipv6 trong cơ quan nhà nước; bổ sung hiện trạng hạ tầng kết nối phục vụ chính quyền điện tử hướng đến chính quyền số và đánh giá về sự sẵn sàng của hạ tầng viễn thông cho chuyển đổi số; làm rõ hiện trạng phát triển dịch vụ công nghệ thông tin và truyền thông; bổ sung đánh giá hiện trạng phát triển công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp công nghệ số.

Đánh giá bổ sung các nội dung liên quan đến kho dữ trữ và hệ thống phân phối xăng dầu, khí đốt trên địa bàn tỉnh; hạ tầng thủy lợi và khả năng cung cấp nước cho các khu sản xuất nông nghiệp tập trung quy mô lớn.

+ Về hiện trạng phát triển hạ tầng xã hội

Đề nghị nghiên cứu bổ sung nội dung phân tích, đánh giá về hiện trạng hạ tầng giáo dục và đào tạo. Bổ sung nội dung về hiện trạng kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển khoa học và công nghệ như cơ sở vật chất - kỹ thuật của tổ chức khoa học và công nghệ; hệ thống tiêu chuẩn đo lường, phòng thí nghiệm trọng điểm; khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, cơ sở ươm tạo công nghệ, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ; hạ tầng thông tin, thống kê khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh.

Rà soát, bổ sung làm rõ quy mô tuyển sinh, đào tạo đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; phân bổ không gian, nhu cầu sử dụng đất và khả năng đáp ứng của tỉnh đối với các cơ sở bảo trợ xã hội hiện tại; tách nội dung mạng lưới trung tâm dịch vụ việc làm thành mục riêng để đánh giá và bổ sung thông tin về quy mô tư vấn, giới thiệu việc làm hàng năm của mạng lưới cơ sở hiện tại.

Bổ sung bảng thống kê số lượng các công trình thể thao cơ bản (sân vận động, nhà thi đấu, bể bơi) cấp tỉnh/huyện/xã và các ngành quản lý.

- *Về vị thế, vai trò của tỉnh đối với vùng, quốc gia:* làm rõ vai trò của Tây Ninh trong liên kết phát triển đối với vùng Đông Nam Bộ, quốc gia trong một số nội dung như: trở thành vai trò cửa ngõ, cầu nối giữa 3 khu vực: Tây Nguyên, Vùng Tp. Hồ Chí Minh và vùng Đồng bằng Sông Cửu Long và kết nối kinh tế đối ngoại với một số nước ASEAN (Campuchia, Thái Lan...) trong giao lưu và phát triển kinh tế; vai trò quan trọng trong cung cấp nước trong sản xuất và sinh hoạt cho nhiều địa phương thông qua hệ thống thủy lợi Dầu Tiếng; một trong

các trung tâm lớn cho phát triển các cụm liên kết ngành; trong tương lai, trở thành vành đai cung cấp sản phẩm nông nghiệp chất lượng cao cho vùng Đông Nam Bộ.

- *Về xu hướng quốc tế, bối cảnh quốc gia, vùng có tác động đến sự phát triển của tỉnh:* bổ sung phân tích tác động của các yếu tố, điều kiện của vùng, quốc gia, các xu hướng chính trị và kinh tế quốc tế mới tác động đến phát triển của tỉnh.

- *Về các nguy cơ và tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh:* bổ sung các nguy cơ và tác động của biến đổi khí hậu đến các di tích lịch sử - văn hóa, khu, điểm du lịch và cơ sở thể thao trên địa bàn tỉnh.

- *Về phân tích SWOT:* bổ sung một số nội dung cụ thể về các cơ hội và thách thức từ hội nhập quốc tế và tham gia các hiệp định thương mại tự do; khái quát và phân tích theo cặp vấn đề để nhận diện những vấn đề cốt lõi đang đặt ra cho sự phát triển của Tây Ninh hiện nay.

- *Về quan điểm, mục tiêu và lựa chọn phương án phát triển*

+ Về quan điểm phát triển: bổ sung quan điểm tổ chức, sắp xếp không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, phát triển kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ. Điều chỉnh, biên tập lại các quan điểm phát triển để đảm bảo tính logic; xem xét bổ sung quan điểm về phát triển bền vững.

+ Về mục tiêu và kịch bản phát triển: thuyết minh cụ thể về tính khả thi của việc lựa chọn kịch bản phát triển số 03; luận chứng thêm về việc xây dựng các chỉ tiêu tăng trưởng GRDP và chỉ tiêu tăng trưởng công nghiệp và xây dựng cho giai đoạn 2026-2030; bổ sung một số chỉ tiêu phản ánh chất lượng tăng trưởng, thu nhập bình quân đầu người, chỉ tiêu về phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế số, kinh tế cac-bon thấp, chỉ tiêu về chuyển dịch cơ cấu lao động. Rà soát lại các chỉ tiêu phát triển để đảm bảo thống nhất với các Nghị quyết của Đảng và các nội dung chỉ tiêu chuyên ngành Quyết định đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành.

- *Các nhiệm vụ trọng tâm và các khâu đột phá:* xem xét, loại bỏ nhiệm vụ trọng tâm số 02 vì đây không phải là nhiệm vụ trọng tâm của quy hoạch; cân nhắc tính khả thi của đề xuất thực hiện 9 nhiệm vụ trọng tâm và 7 chương trình đột phá vì bối cảnh phát triển còn nhiều yếu tố bất định và thời hạn thực hiện quy hoạch chỉ còn 6-7 năm.

- Về phương hướng phát triển các ngành quan trọng trên địa bàn tỉnh; lựa chọn phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội

+ Đề nghị rà soát, bổ sung nội dung phương án phát triển các ngành quan trọng theo quy định tại khoản 4 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ. Bổ sung luận chứng để xác định một số ngành, lĩnh vực quan trọng, có ý nghĩa tạo đột phát cho phát triển kinh tế - xã hội tỉnh.

+ Về phương án phát triển ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản: nêu rõ ngành nông nghiệp là ngành quan trọng hay chỉ lĩnh vực sản xuất vùng nguyên liệu chuyên canh phục vụ cho công nghiệp chế biến là chủ lực; bổ sung định hướng phát triển vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh; bổ sung, cập nhật định hướng phát triển vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ; loại bỏ định hướng cụ thể về diện tích, sản lượng các loại cây trồng, vật nuôi; bổ sung định hướng về chất lượng sản phẩm, năng suất lao động và triển vọng phát triển thị trường của một số sản phẩm cây con chủ lực; bổ sung giải pháp đảm bảo vùng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.

+ Về phương án phát triển ngành công nghiệp: bổ sung định hướng phát triển các ngành công nghiệp có tính chất nền tảng, ổn định, hỗ trợ cho các ngành lĩnh vực khác như ngành công nghiệp hóa chất, hóa chất cơ bản, đồng thời cơ cấu lại các phân ngành công nghiệp theo hướng tăng tỷ trọng các ngành có kỹ thuật, công nghệ cao, ít gây ô nhiễm môi trường; làm rõ quan điểm phát triển công nghiệp theo hướng bền vững, thân thiện môi trường; bổ sung định hướng tiếp nhận sự dịch chuyển một số ngành công nghiệp từ các địa phương trong vùng Đông Nam Bộ.

+ Về phương án phát triển ngành du lịch: bổ sung định hướng về đóng góp của ngành du lịch vào GRDP toàn tỉnh, cơ cấu thị trường khách du lịch; bổ sung một số nội dung về: (i) Phương hướng phát triển các khu du lịch, cụm du lịch và sự kết nối giữa các tuyến, cụm du lịch; (ii) Định hướng kết nối với các địa phương trong vùng để liên kết, khai thác và phát triển du lịch của tỉnh Tây Ninh; bổ sung định hướng thị trường du lịch, giải pháp về đầu tư, cơ chế chính sách thu hút đầu tư du lịch, giải pháp liên kết phát triển du lịch; giải pháp về ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ trong phát triển du lịch.

+ Về phương án phát triển ngành thương mại, dịch vụ: bổ sung định hướng phát triển hạ tầng thương mại văn minh, hiện đại, củng cố hạ tầng thương mại truyền thống và hạ tầng thương mại điện tử gắn với chuyển đổi số. Rà soát phương án phát triển và điều kiện triển khai sân golf theo đúng quy định tại Nghị định số 52/2020/NĐ-CP ngày 27/4/2020 của Chính phủ.

- Về phương án phát triển các ngành thuộc lĩnh vực xã hội

+ Về phương hướng phát triển văn hóa, thể thao: bổ sung mục tiêu phát triển thể dục thể thao (gồm thể dục thể thao quần chúng, thể dục thể thao trong

trường học và thể dục thể thao trong lực lượng vũ trang); xem xét lược bỏ mục tiêu *"Phấn đấu đạt vị trí từ 30-25 trên toàn quốc tại Đại hội thể thao toàn quốc lần thứ IX năm 2022"* do Đại hội lần thứ IX năm 2022 đã được tổ chức; bổ sung giải pháp bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, di sản đặc trưng.

+ Về phương hướng phát triển giáo dục và đào tạo:

Xem xét bổ sung quan điểm *"Giáo dục và đào tạo là nền tảng phát triển bền vững. Đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển, được ưu tiên đi trước trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; huy động mọi nguồn lực của xã hội đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển các cơ sở giáo dục ngoài công lập; đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục hướng tới phát triển bền vững, cân đối về số lượng, chất lượng, cơ cấu, hiệu quả, cung ứng tốt hơn dịch vụ công cho xã hội, bảo đảm công bằng, bình đẳng trong tiếp cận giáo dục và đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục"*.

Bổ sung một số mục tiêu, chỉ tiêu liên quan trực tiếp đến việc thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông mới; mục tiêu, chỉ tiêu phát triển đối với giáo dục con em dân tộc, giáo dục chuyên biệt dành cho trẻ khuyết tật và giáo dục đại học - sư phạm của tỉnh; lồng ghép các mục tiêu về chuyển đổi số trong giáo dục đào tạo; bổ sung các giải pháp tổng thể về phát triển giáo dục và đào tạo.

+ Về phương hướng phát triển thông tin và truyền thông: rà soát các nội dung liên quan tới mục tiêu phát triển lĩnh vực thông tin và truyền thông đảm bảo đồng bộ, thống nhất với các chỉ tiêu, định hướng phát triển của các văn bản có liên quan; bổ sung mục tiêu, phương án, giải pháp phát triển hạ tầng viễn thông thụ động, hạ tầng mạng cáp, hạ tầng mạng thông tin di động .... theo hướng thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số tại địa phương.

- Về phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội

+ Đề nghị làm rõ phương án phát triển trục Củ Chi- Gò Dầu- Mộc Bài. Rà soát, bổ sung cơ sở của việc đề xuất giữ nguyên phương án bố trí dự án xi măng Fico tại huyện Tân Châu.

+ Rà soát phương án phát triển khu công nghiệp theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý Khu công nghiệp và Khu kinh tế (cân nhắc không nên đầu tư mới các khu công nghiệp có diện tích nhỏ hơn 50 ha); bổ sung các khu công nghiệp trong khu kinh tế cửa khẩu vào phương án phát triển hệ thống khu công nghiệp của tỉnh; bổ sung giải pháp về cơ chế, chính sách thu hút đầu tư phát triển công nghiệp, thu hút đầu tư hạ tầng công nghiệp; rà soát chỉ tiêu đất khu công nghiệp đến năm 2025 theo đúng chỉ tiêu đất được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022.

+ Rà soát, xây dựng phương án phát triển khu kinh tế theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ; trong đó định vị rõ vị trí, vai trò của Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài. Xây dựng phương án phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài, Xa Mát trên cơ sở quy hoạch chung xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Bổ sung nội dung bố trí không gian các công trình, dự án quan trọng, vùng bảo tồn đã được xác định tại quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trong phương án quy hoạch tỉnh. Xác định rõ phạm vi các khu vực khuyến khích phát triển, khu vực hạn chế phát triển và các khu vực cần bảo tồn, bảo vệ môi trường theo quy định tại khoản 5 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

+ Bổ sung định hướng, giải pháp về đầu tư phát triển hệ thống các cơ sở dịch vụ phục vụ du lịch (lưu trú, ăn uống, mua sắm, vui chơi giải trí…); bổ sung định hướng phát triển các khu, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh Tây Ninh về sản phẩm du lịch, hệ thống hạ tầng, cơ sở vật chất, cơ sở dịch vụ phục vụ du lịch, đặc biệt đối với khu du lịch quốc gia núi Bà Đen.

+ Về phương án phát triển khu nghiên cứu và đào tạo: đề nghị làm rõ phương án *"Thành lập các phân hiệu trường đại học liên kết với các trường đại học lớn trong vùng, định hướng trở thành các cơ sở nghiên cứu và đào tạo quan trọng của tỉnh"* về quy mô, địa điểm, định hướng không gian bố trí và nhu cầu sử dụng đất.

- Về phương án tổ chức hệ thống đô thị, nông thôn và phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện

+ Về các vùng phát triển đô thị: đề nghị xác định rõ phạm vi, nguyên tắc quản lý phát triển đô thị đối với từng vùng phát triển.

+ Về phương án phát triển hệ thống đô thị: làm rõ định hướng phát triển khu đô thị Mộc Bài; làm rõ cơ sở, căn cứ để đề xuất phát triển 07 đô thị mới loại V gồm: Chà Là, Phước Tân, Thái Bình, Thanh Điền, Tân Hưng, Tân Lập, Mỏ Công và dự kiến phạm vi hành chính của các đô thị mới; cơ sở đề xuất thành lập thị xã Dương Minh Châu trên toàn huyện đạt tiêu chí đô thị loại IV, phát triển đô thị Chà Là thành đô thị loại V chưa phù hợp với quy định về tổ chức đơn vị hành chính đô thị; cơ sở và điều kiện thực tế đối với 02 nhiệm vụ trong giai đoạn 2021-2025 là lập đề án công nhận TX. Hòa Thành đạt đô thị loại III và giai đoạn 2026-2030 là lập để án mở rộng địa giới hành chính, công nhận thị xã Hòa Thành đạt đô thị loại II; làm rõ phạm vi dự kiến của các đô thị mở rộng và phương án tổ chức đơn vị hành chính đô thị trên địa bàn tỉnh; làm rõ quy mô dân số dự kiến của các đô thị theo các giai đoạn phù hợp với dự báo tăng trưởng dân số toàn tỉnh và cơ sở đề xuất nâng cấp 15 xã tại 04 huyện, thị xã (Hòa Thành,

Trảng Bàng, Gò Dầu, Bến Cầu) thành phường trong giai đoạn 2021-2025, trong đó có 06 xã thuộc khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài.

Nghiên cứu bổ sung định hướng phát triển đô thị trung tâm, đặc biệt là những vấn đề liên quan mật thiết giữa thành phố Tây Ninh và thị xã Hòa Thành (vai trò, ý nghĩa, quy mô dân số, đất đai, định hướng phát triển); tuy đây là 2 đô thị độc lập nhưng có ý nghĩa tạo động lực cho phát triển của vùng và cả tỉnh, có thể hợp nhất thành đô thị loại I trong tương lai.

+ Về phương án phát triển nông thôn: bổ sung phương hướng xây dựng nông thôn tiên tiến, nông thôn kiểu mẫu của tỉnh giai đoạn 2021- 2030; trong giai đoạn 2021- 2025 cần có phương hướng tập trung xây dựng phát triển nông thôn ở những vùng biên giới, vùng khó khăn.

+ Về phát triển nhà ở: rà soát số lượng nhà ở xã hội dự kiến đến năm 2030 đảm bảo phù hợp với Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Tây Ninh đến năm 2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3629/QĐ-UBND ngày 27/12/2021; làm rõ định hướng phát triển nhà chung cư, nhà ở cho thuê tại các đô thị Tây Ninh, Hòa Thành; nhu cầu, định hướng quy hoạch bố trí quỹ đất để phát triển nhà ở xã hội phù hợp với quy định pháp luật.

+ Bổ sung phương án quy hoạch đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo yêu cầu tại Văn kiện Đại hội XIII của Đảng, Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023- 2030.

- Về phương án phát triển kết cấu hạ tầng

+ Về hạ tầng năng lượng: đề nghị rà soát phương án phát triển điện lực theo ý kiến của Bộ Công Thương tại văn bản số 6446/BCT-KH ngày 19/10/2022.

+ Về hạ tầng giao thông:

Về hạ tầng đường bộ: đề nghị bổ sung thông tin điểm đầu, điểm cuối, tiến độ thực hiện của các tuyến cao tốc trên địa phận tỉnh Tây Ninh. Đối với hệ thống đường tỉnh, đề nghị rà soát, bổ sung thông tin về quy mô số làn xe đối với từng đường tỉnh, phù hợp với cấp đường, kết quả dự báo nhu cầu vận tải. Đối với quy hoạch xây dựng mới các cầu trên sông Sài Gòn và sông Vàm Cỏ Đông nhằm tăng cường kết nối với các tỉnh trong vùng, đề nghị rà soát bổ sung thông tin về quy mô, tiến trình đầu tư và đảm bảo thống nhất với quy hoạch của các tỉnh có liên quan trong vùng. Bổ sung thống kê quy hoạch các điểm đấu nối với quốc lộ trên địa bàn tỉnh theo yêu cầu tại Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02/12/2019 của Chính phủ. Rà soát, bổ sung các nội dung theo yêu cầu tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ để đảm bảo tỷ lệ quỹ

đất hạ tầng giao thông đường bộ đô thị đạt bình quân từ 16-26% so với quỹ đất xây dựng đô thị. Phối hợp với UBND Tp. Hồ Chí Minh, Bộ Giao thông vận tải trong việc nghiên cứu phương án kết nối giữa cao tốc Tp. Hồ Chí Minh - Mộc Bài với cao tốc Phnôm Pênh - Bavet của phía Campuchia theo chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ tại văn bản số 238/VPCP-HTQT ngày 30/01/2023.

Về hạ tầng đường thủy nội địa: đề nghị rà soát, cụ thể hóa hệ thống cụm cảng hàng hóa và hành khách dọc sông Sài Gòn và sông Vàm Cỏ Đông theo Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31/10/2021.

Về hệ thống cảng cạn và trung tâm logictics: đề nghị không sử dụng cụm từ "ICD", sử dụng định nghĩa về cảng cạn theo quy định tại Bộ luật Hàng hải Việt Nam; nghiên cứu, cập nhật định hướng, mục tiêu, giải pháp tại Nghị Quyết số 24-NQ/TW ngày 07/10/2022 của Bộ Chính trị và Nghị Quyết số 154/NQ-CP ngày 23/11/2022 của Chính phủ để xây dựng phương án phát triển cho phù hợp; bổ sung thông tin về kết nối hạ tầng giao thông (đường bộ, đường thủy) và kết nối với cảng biển/cửa khẩu.

Về hạ tầng đường sắt: đề nghị loại bỏ nội *dung "Đối với tuyến liên vận quốc tế kết nối Campuchia... kết nối Camphuchia qua cửa khẩu Mộc Bài"* để phù hợp với Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 19/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Về hạ tầng thủy lợi: bổ sung phương án kết nối hệ thống thủy lợi với mạng lưới thoát nước đảm bảo hiệu quả của công tác thoát nước chống ngập trên địa bàn tỉnh.

+ Về hạ tầng cấp, thoát nước: đề nghị bổ sung phương án cấp và thoát nước (xử lý nước thải) cho các khu chăn nuôi tập trung; bổ sung diện tích tối thiểu cho các nhà máy nước, trạm cấp nước, nhà máy xử lý nước thải, trạm xử lý nước thải đảm bảo phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng.

+ Về hạ tầng xã hội:

Làm rõ sự cần thiết, cơ sở đề xuất, phương án phân bố không gian, bảo đảm bố trí quỹ đất cho các cơ sở giáo dục đại học tối thiểu đáp ứng diện tích đất cho cơ sở giáo dục đại học theo quy định hiện hành và đánh giá tác động của đề xuất *"Thành lập Phân hiệu Trường Đại học Sài Gòn trên cơ sở Sáp nhập trường Cao đẳng sư phạm Tây Ninh vào trường Đại học Sài Gòn"* và *"Phân hiệu Trường Đại học Ngoại thương"*.

Đề nghị làm rõ phương án phát triển về số lượng cơ sở, quy mô chăm sóc, nuôi dưỡng đối với cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công, bảo trợ xã hội; bổ sung phương án phát triển cơ sở dịch vụ việc làm.

Rà soát phương án phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật thể dục thể thao theo quy định của pháp luật và Quyết định số 1752/QĐ-TTg ngày 30/9/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

- Về phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện

+ Đề nghị rà soát, xây dựng phương án sử dụng đất để thực hiện các chương trình, dự án giai đoạn đến năm 2025 phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022; rà soát nội dung theo quy định tại khoản 7 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ.

+ Cập nhật số liệu của Bộ Công an về đất an ninh (số liệu hiện trạng, biến động thay đổi, chỉ tiêu nhu cầu trong thời kỳ quy hoạch, phân bổ đến địa bàn hành chính cấp huyện); làm rõ vị trí đất an ninh phải thu hồi (địa điểm cụ thể đến đơn vị hành chính cấp xã, đơn vị quản lý, sử dụng đất), lý do thu hồi đất an ninh.

+ Phân tích, làm rõ việc chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang phi nông nghiệp để thực hiện các chương trình, dự án; lưu ý không chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa vụ/chuyên trồng lúa trong quỹ đất phải quản lý nghiêm ngặt tại địa phương. Việc chuyển mục đích sử dụng đất rừng tự nhiên để thực hiện các công trình, dự án cần thực hiện đúng theo chỉ đạo của Ban Bí thư tại Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017. Rà soát các công trình, dự án có sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất nhưng đến nay chưa đưa vào sử dụng làm cơ sở cho việc thu hồi đất.

- Về phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

+ Đề nghị nêu rõ quan điểm, mục tiêu bảo vệ môi trường, phát triển bền vững, thúc đẩy mô hình kinh tế tuần hoàn; rà soát các mục tiêu, chỉ tiêu về bảo vệ môi trường để phù hợp với Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 và Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Bổ sung mục tiêu, chỉ tiêu về thu gom và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường; tỷ lệ nước thải sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý.

+ Bổ sung các mục tiêu cụ thể về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học tương ứng với phương án bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; bổ sung nội dung bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên, phương án cụ thể về bảo tồn và khai thác bền vững giá trị của hệ thống khu bảo tồn thiên nhiên, đặc biệt là bảo tồn và khai thác bền vững giá trị của Vườn di sản ASEAN Lò Gò - Xa Mát; bổ sung phương án bảo vệ môi trường và phát triển bền vững giao thông vận tải.

- Về phương án bảo vệ, khai thác và sử dụng tài nguyên và phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước và phòng chống, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

Đề nghị cập nhật các nội dung có liên quan đến tài nguyên nước của tỉnh Tây Ninh trong Quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1622/QĐ-TTg ngày 2712/2022; bổ sung đầy đủ, cụ thể các nội dung quy định về chức năng cơ bản nguồn nước; lượng nước có thể khai thác, sử dụng; dòng chảy tối thiểu; nhu cầu khai thác, sử dụng nước; lượng nước phân bổ cho các đối tượng khai thác, sử dụng; nguồn nước dự phòng cấp nước cho sinh hoạt; các công trình điều tiết, khai thác, sử dụng, phát triển tài nguyên nước; mạng giám sát tài nguyên nước, giám sát khai thác, sử dụng nước, chất lượng nước; rà soát lại nội dung phân vùng tài nguyên nước thành 03 vùng tương tự như phân vùng cấp nước của phương án phát triển hạ tầng thủy lợi. Bổ sung giải pháp đảm bảo quy hoạch không có/ ít ảnh hưởng tới nguồn nước đầu nguồn của sông Vàm Cỏ Đông, Sông Sài Gòn và hồ Dầu Tiếng để tránh tác động tới nguồn nước ở hạ lưu.

- Về phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh: nghiên cứu sử dụng thông tin, dữ liệu của Kịch bản biến đổi khí hậu tại Việt Nam, phiên bản cập nhật năm 2020 đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố vào tháng 12/2021; nghiên cứu, bổ sung các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu thực hiện cam kết của Việt Nam tại Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu để xác định mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính vào năm 2030 nhằm góp phần thực hiện mục tiêu phấn đấu đạt phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050.

- Về Danh mục dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện: bổ sung luận chứng xây dựng danh mục dự án ưu tiên đầu tư; các tiêu chí lựa chọn dự án đầu tư trong danh mục ưu tiên và sắp xếp thứ tự ưu tiên, phân kỳ đầu tư; bổ sung danh mục về kho dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt dự kiến phát triển trên địa bàn tỉnh (kho xăng dầu, kho/trạm chiết nạp LPG quy mô dưới 5.000 m^3); cập nhật dự án hạ tầng dự trữ xăng dầu, khí đốt quốc gia trên địa bàn tỉnh (dự án mở rộng kho xăng dầu Tây Ninh tại ấp Long Bình, xã Long Thành Nam, huyện Hòa Thành quy mô từ 8.000 m^3 lên 20.000 m^3); rà soát, bổ sung danh mục công trình nguồn điện, hạ tầng truyền tải, phân phối điện, dự án về giáo dục và đào tạo trong quy hoạch tỉnh. Rà soát phạm vi, quy mô, công suất các dự án ưu tiên đầu tư trong thời kỳ quy hoạch theo quy định, đảm bảo phù hợp với quy mô, công suất trong phương án quy hoạch.

- Về giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch

+ Làm rõ các giải pháp huy động từng loại nguồn vốn cho phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng và tính tự chủ của tỉnh Tây Ninh trong việc cân đối nguồn vốn để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra trong quy hoạch; xác định cơ cấu nguồn vốn để triển khai các dự án ưu tiên đầu tư đảm bảo tính khả thi.

+ Bổ sung chính sách thu hút nguồn nhân lực khoa học và công nghệ; xây dựng các mối liên kết giữa doanh nghiệp với các nhà khoa học để nâng cao tính ứng dụng của sản phẩm; giải pháp về huy động vốn đầu tư từ các nguồn lực của địa phương để phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Về số liệu, dữ liệu trong hồ sơ quy hoạch: rà soát, chỉnh sửa đảm bảo tính thống nhất về các chỉ tiêu, số liệu giữa các tài liệu, trích dẫn nguồn gốc số liệu theo quy định và chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu, tài liệu, hệ thống sơ đồ, bản đồ và cơ sở dữ liệu trong hồ sơ quy hoạch; rà soát, chỉnh sửa lỗi chính tả trong toàn bộ báo cáo quy hoạch.

- Về hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu về quy hoạch

+ Về hệ thống sơ đồ, bản đồ quy hoạch: cập nhật, bổ sung, hoàn thiện hệ thống sơ đồ, bản đồ và cơ sở dữ liệu quy hoạch theo quy định của pháp luật; bổ sung các bản đồ: phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo, phương án phát triển văn hóa, thể thao và bản đồ vị trí các dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện; rà soát để thể hiện được rõ, chính xác các đối tượng chính được đề cập từ tên của bản đồ; bổ sung danh mục bản vẽ, số hiệu bản vẽ để thuận tiện cho việc theo dõi. Lưu ý các bản đồ, sơ đồ thể hiện phạm vi tổng thể của Việt Nam cần phải có hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

+ Về cơ sở dữ liệu quy hoạch: rà soát, bổ sung các lớp dữ liệu còn thiếu thông tin; rà soát, chỉnh sửa một số lỗi về hình học, lỗi của dữ liệu thuộc tính (như thiếu trường thuộc tính, sai tên trường thuộc tính, lỗi chính tả).

đ) Về nội dung đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC)

- Cấu trúc của báo cáo ĐMC cơ bản đã bám sát các nội dung quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, tuy nhiên đề nghị rà soát, sắp xếp lại các nội dung trong Báo cáo ĐMC theo quy định tại mẫu 01b Phụ lục II Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Đề nghị xác định rõ phạm vi nghiên cứu đánh giá môi trường chiến lược của Quy hoạch tỉnh Tây Ninh; rà soát các mục tiêu bảo vệ môi trường và mức độ tác động môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020.

- Xác định rõ thành phần môi trường, các di sản thiên nhiên, di sản và không gian văn hoá xã hội có khả năng bị tác động bởi quy hoạch; làm rõ các

vấn đề có liên quan chưa được xác định để đề xuất định hướng xử lý, trong đó có nội dung liên quan đến sự phù hợp của phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, quan trắc môi trường; bổ sung đầy đủ nội dung đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến các vấn đề môi trường chính trong trường hợp không thực hiện quy hoạch; bổ sung đánh giá, dự báo đầy đủ tác động của quy hoạch đến biến đổi khí hậu và ngược lại theo quy định tại Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT ngày 07/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Rà soát, làm rõ các vấn đề môi trường chính; xác định nguồn phát sinh tác động, cơ chế tác động và đối tượng bị tác động theo phạm vi không gian và thời gian để xác định mức độ tác động dẫn đến các vấn đề môi trường chính; tổng hợp kết quả dự báo xu hướng tích cực và tiêu cực của các vấn đề môi trường chính khi thực hiện quy hoạch; đánh giá rõ hơn sự ảnh hưởng của các phương án quy hoạch đến lượng nước, chất lượng nước, đến sạt lở bờ sông đối với sông Vàm Cỏ; đánh giá tác động của hoạt động nuôi trồng thủy sản ảnh hưởng đến chất lượng nước, bồi lắng lòng hồ của hồ Dầu Tiếng và giải pháp giảm thiểu tác động tiêu cực đến chất lượng nước và sự bồi lắng của lòng hồ Dầu Tiếng; bổ sung đánh giá tác động xã hội, kể cả tác động tích cực và tiêu cực do ảnh hưởng của quy hoạch.

- Làm rõ kết quả dự báo xu hướng tích cực và tiêu cực của các vấn đề môi trường chính khi thực hiện quy hoạch và cơ sở để đánh giá được mức độ tác động tích cực, tiêu cực của các vấn đề môi trường chính.

- Rà soát các giải pháp, đảm bảo bám sát theo các vấn đề môi trường chính. Phân tích cụ thể, chi tiết nội dung của các giải pháp để giảm thiểu xu hướng tiêu cực do việc thực hiện quy hoạch, đặc biệt đối với các ngành, lĩnh vực ưu tiên, các khu vực dễ bị tổn thương dưới tác động của biến đổi khí hậu; bổ sung các giải pháp xử lý vấn đề ô nhiễm bụi, nhiệt, tiếng ồn và các tác nhân từ hoạt động sản xuất công nghiệp, khai thác và chế biến khoáng sản, đặc biệt làm vật liệu xây dựng.

- Bổ sung, làm rõ các đề xuất, kiến nghị cụ thể từ quá trình ĐMC để điều chỉnh các nội dung của quy hoạch; những vấn đề môi trường cần được tiếp tục nghiên cứu trong quá trình thực hiện quy hoạch.

III. KẾT LUẬN

1. Hội đồng thẩm định đánh giá quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 cơ bản đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật về quy hoạch và pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Hội đồng thẩm định nhất trí thông qua hồ sơ Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện *(thông qua nội dung Quy hoạch với tỷ lệ 28/28 phiếu với điều kiện phải bổ sung, hoàn thiện; thông qua nội dung đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch với tỷ lệ 28/28 phiếu với điều kiện phải bổ sung, hoàn thiện).*

3. Hội đồng thẩm định đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh:

a) Chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu, tài liệu, hệ thống sơ đồ, bản đồ và cơ sở dữ liệu trong hồ sơ Quy hoạch tỉnh Tây Ninh.

b) Chỉ đạo Cơ quan lập quy hoạch:

- Xây dựng báo cáo tiếp thu, giải trình cụ thể toàn bộ ý kiến tham gia bằng văn bản của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, ủy viên phản biện; ý kiến tham gia của thành viên Hội đồng thẩm định tại phiên họp của Hội đồng thẩm định và nội dung Báo cáo này để hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch tỉnh (bao gồm cả nội dung đánh giá môi trường chiến lược) theo quy định của pháp luật, trong đó lưu ý làm rõ và giải trình một số nội dung như sau:

+ Bổ sung và làm rõ một số quy trình lập quy hoạch từ khi triển khai lập đến khi hoàn thiện quy hoạch như: (1) Việc triển khai, phối hợp giữa các cơ quan liên quan trong việc xây dựng nội dung đưa vào quy hoạch; (2) Việc tích hợp nội dung đề xuất vào quy hoạch và việc xem xét, xử lý các vấn đề liên ngành, liên huyện; (3) Làm rõ việc triển khai đồng thời giữa quá trình lập quy hoạch và lập Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược quy hoạch.

+ Làm rõ tính đột phá, sáng tạo trong quan điểm, định hướng phát triển các ngành quan trọng của tỉnh; định hình cụ thể vị thế của tỉnh so với quốc gia trong thời kỳ quy hoạch; xác định rõ các động lực, đột phá trong tăng trưởng, đóng góp của từng ngành, lĩnh vực vào tăng trưởng chung của tỉnh.

+ Làm rõ định hướng phát triển và phân bổ không gian các ngành quan trọng trong thời kỳ quy hoạch, định hướng phân bổ nguồn lực, phân bổ các dự án có tính đột phá và tạo động lực cho sự phát triển tỉnh.

+ Rà soát để đưa ra phương án tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đảm bảo khoa học, hợp lý; phương án phát triển các trục động lực, các vùng chức năng trên cơ sở phát huy tiềm năng, lợi thế của tỉnh và gắn kết với các hành lang kinh tế quốc gia; xác định các khu vực động lực chính để ưu tiên đầu tư, làm đầu tàu lôi kéo các khu vực khác phát triển.

+ Rà soát nội dung quy hoạch tỉnh đảm bảo phù hợp với quy hoạch cấp quốc gia đã được quyết định hoặc phê duyệt; phối hợp với các Bộ, ngành để cập nhật các nội dung đảm bảo phù hợp với các quy hoạch ngành quốc gia đang được hoàn thiện; rà soát nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực đến năm 2025 đảm bảo phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất đã được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Rà soát Báo cáo quy hoạch và Báo cáo kết quả đánh giá môi trường chiến lược quy hoạch tỉnh để xác định những các vấn đề môi trường chính cần lưu ý nếu thực hiện quy hoạch, những khu vực nhạy cảm về môi trường, những khu vực cần hạn chế phát triển, những khu vực không được phát triển; đưa ra các giải pháp bảo vệ môi trường và giảm thiểu các tác động tiêu cực cho từng vấn đề môi trường, từng khu vực nhạy cảm về môi trường.

- Hoàn thiện dự thảo Quyết định phê duyệt Quy hoạch tỉnh theo quy định tại Điều 37 Luật Quy hoạch trên cơ sở hồ sơ Quy hoạch tỉnh đã được hoàn thiện;

- Hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch tỉnh (bao gồm Báo cáo quy hoạch, hệ thống bản đồ, cơ sở dữ liệu, đánh giá môi trường chiến lược quy hoạch và dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch), gửi hồ sơ quy hoạch đã hoàn thiện đến cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định để rà soát theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ.

4. Thành viên Hội đồng thẩm định có trách nhiệm rà soát các nội dung tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định trong hồ sơ Quy hoạch tỉnh Tây Ninh đã được hoàn thiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao; chịu trách nhiệm về việc rà soát các nội dung trong quy hoạch đã được phân công tại Kế hoạch thẩm định số 1040/KH-HĐTĐ ngày 16/02/2023; các ủy viên phản biện rà soát hồ sơ quy hoạch theo ý kiến phản biện và báo cáo thẩm định quy hoạch theo quy định. Văn bản rà soát của thành viên Hội đồng thẩm định và ủy viên phản biện gửi về Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định theo đúng thời gian quy định để tổng hợp.

5. Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định tiếp nhận hồ sơ Quy hoạch tỉnh đã được hoàn thiện do cơ quan lập quy hoạch gửi; trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định ký văn bản gửi thành viên Hội đồng để rà soát; tổng hợp kết quả rà soát của thành viên Hội đồng thẩm định, dự thảo văn bản rà soát hồ sơ Quy hoạch tỉnh trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định ban hành theo quy định tại khoản 10 Điều 34 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ.

6. Hồ sơ quy hoạch tỉnh Tây Ninh sau khi rà soát là đủ điều kiện để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

Trên đây là báo cáo thẩm định Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050./.

(Xin gửi toàn bộ văn bản tham gia ý kiến thẩm định của thành viên Hội đồng thẩm định và các ủy viên phản biện kèm theo Báo cáo thẩm định).

Nơi nhận:
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ trưởng - Chủ tịch HĐTĐ (để báo cáo);
- Thành viên Hội đồng thẩm định;
- Ủy viên phản biện (10 chuyên gia);
- UBND tỉnh Tây Ninh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh;
- Lưu: VT, QLQH. Li 13

TM. HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

THỨ TRƯỞNG
BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
Trần Quốc Phương

DANH SÁCH GỬI VĂN BẢN

I. Bộ, cơ quan ngang Bộ

1. Bộ Nội vụ.

2. Bộ Tài chính.

3. Bộ Tài nguyên và Môi trường (Vụ Kế hoạch - Tài chính)

4. Bộ Tài nguyên và Môi trường (Vụ Môi trường)

5. Bộ Xây dựng.

6. Bộ Giao thông vận tải.

7. Bộ Công Thương.

8. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

9. Bộ Khoa học và Công nghệ.

10. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

11. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

12. Bộ Y tế.

13. Bộ Giáo dục và Đào tạo.

14. Bộ Thông tin và Truyền thông.

15. Bộ Quốc phòng.

16. Bộ Công an.

17. Bộ Tư pháp.

18. Bộ Ngoại giao.

19. Ủy ban Dân tộc.

II. Chuyên gia - Ủy viên phản biện đối với quy hoạch, bản đồ, cơ sở dữ liệu tỉnh Tây Ninh

1. Phó Giáo sư, Tiến sỹ Trần Đình Thiên - Nguyên Viện trưởng, Viện Kinh tế Việt Nam.

Điện thoại: 0904106137. Địa chỉ: Viện Kinh tế Việt Nam, Số 1, Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội.

2. Tiến sỹ, Kiến trúc sư Trần Ngọc Chính - Chủ tịch Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam.

Điện thoại: 0903422718. Địa chỉ: Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam, tầng 6, Cung trí thức Hà Nội, Số 1 Tôn Thất, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

3. Tiến sỹ Trương Sỹ Vinh - Phó Viện trưởng, Viện Nghiên cứu phát triển du lịch, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điện thoại 0913502072. Địa chỉ: số 58 phường Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội

4. Tiến sỹ Dương Đình Giám - Nguyên Viện trưởng, Viện Chiến lược Chính sách công nghiệp, Bộ Công Thương.

Điện thoại: 0903444948. Địa chỉ: P.2603, nhà R1, khu Goldmark City 136, Hồ Tùng Mậu, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

5. Thạc sỹ Nguyễn Văn Chinh - Nguyên Viện trưởng, Viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Điện thoại: 0913317788. Địa chỉ: số nhà 25, Tân Ấp, Phúc Xá, Ba Đình, Hà Nội.

6. Tiến sỹ Lê Thị Minh Phương - Trưởng phòng Khoa học Công nghệ, Trưởng bộ môn kỹ thuật hạ tầng đô thị Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội.

Điện thoại: 0912911368. Địa chỉ: Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, 10 Nguyễn Trãi, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Hà Nội

III. Chuyên gia - Ủy viên phản biện đối báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch tỉnh Tây Ninh

1. Giáo sư, Tiến sỹ Võ Chí Mỹ - Phó Chủ tịch Hội Trắc Địa – Bản đồ - Viễn Thám Việt Nam.

Điện thoại: 0913009239. Địa chỉ: Số 17, ngõ 79 phố Trần Cung, phường Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội.

2. Giáo sư, Tiến sỹ Trần Thục - Phó Chủ tịch Ủy ban Biến đổi khí hậu, Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điện thoại: 0903282894. Địa chỉ: Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và BĐKH, Số 23, ngõ 62 Nguyễn Chí Thanh, Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội

3. Phó Giáo sư, Tiến sỹ Nguyễn Danh Sơn – Nguyên Viện trưởng Viện Phát triển bền vững vùng, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam.

Điện thoại: 0912694437. Địa chỉ: Số 52 phố Kim Đồng, ngõ 19, ngách 19/9, Q. Hoàng Mai, Hà Nội

4. Phó Giáo sư, Tiến sỹ Nguyễn Thế Chinh - Nguyên Viện trưởng, Viện Chiến lược chính sách Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điện thoại: 0913307559. Địa chỉ: Phòng 207, số 23, ngõ 62 đường Nguyễn Chí Thanh, Quận Đống Đa, Hà Nội.

Người ký: BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
Email: bkhdt@mpi.gov.vn
SAO Y Cơ quan: BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
Thời gian ký: 30.03.2023 16:56:15
+07:00

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1846 /BKHĐT-QLQH	*Hà Nội, ngày 09 tháng 3 năm 2023*
V/v tham gia ý kiến thẩm định đối với Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	

Kính gửi: Hội đồng thẩm định Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

HỎA TỐC
Đến trước.....ngày.....

Thực hiện văn bản số 989/HĐTĐ-CV ngày 15/02/2023 của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh và đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh tại Tờ trình số 11/TTr-SKHĐT ngày 27/01/2023 về việc thẩm định Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây gọi tắt là Quy hoạch tỉnh Tây Ninh); căn cứ các quy định của pháp luật về quy hoạch và Quyết định số 1291/QĐ-HĐTĐ ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh về ban hành Quy trình và nội dung thẩm định quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến thẩm định đối với hồ sơ Quy hoạch tỉnh Tây Ninh như sau:

A. THÀNH PHẦN HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

Hồ sơ trình thẩm định Quy hoạch tỉnh Tây Ninh gồm các tài liệu sau:

1. Tờ trình số 11/TTr-SKHĐT ngày 27 tháng 01 năm 2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh về việc thẩm định Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

2. Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

3. Báo cáo Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (bao gồm báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt);

4. Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân về quy hoạch; bản sao ý kiến góp ý của 21 Bộ, cơ quan ngang Bộ, 06 địa phương có liên quan, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Tây Ninh và ý kiến góp ý của một số tổ chức, hiệp hội có liên quan;

5. Báo cáo số 24/BC-SKHĐT ngày 27/01/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh về tổng hợp tiếp thu, giải trình các ý kiến tham gia với Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

6. Báo cáo kết quả đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch;

7. Hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu về quy hoạch;

8. Văn bản số 152/UBND-KT ngày 19/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc trình thẩm định Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

B. NHẬN XÉT CHUNG VỀ HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu hồ sơ quy hoạch tỉnh Tây Ninh; Bộ Kế hoạch và Đầu tư đánh giá về hồ sơ quy hoạch như sau:

1. Quy cách và danh mục hồ sơ trình thẩm định quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tuân thủ theo quy định tại Điều 4 Quy trình và nội dung thẩm định ban hành kèm theo Quyết định số 1291/QĐ-HĐTĐ ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Chủ tịch Hội đồng thẩm định.

2. Hồ sơ trình thẩm định quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã đảm bảo đầy đủ theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật Quy hoạch - Đủ điều kiện để nghiên cứu, nhận xét, đánh giá về hồ sơ.

C. NHẬN XÉT CỤ THỂ VỀ HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

I. Nhận xét, đánh giá thẩm định về nội dung quy hoạch theo quy định tại các Điều 13, 14, 15 và 16 của Quy trình và nội dung thẩm định ban hành kèm theo Quyết định số 1291/QĐ-HĐTĐ ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Chủ tịch Hội đồng thẩm định.

1. Sự phù hợp của Quy hoạch tỉnh Tây Ninh với Nhiệm vụ lập quy hoạch

Nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 775/QĐ-TTg ngày 08/6/2020.

a) Về tên, thời kỳ, phạm vi ranh giới quy hoạch: phù hợp với nhiệm vụ quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 775/QĐ-TTg ngày 04/8/2020.

b) Sự phù hợp giữa nội dung quy hoạch so với yêu cầu về nội dung được xác định trong nhiệm vụ lập quy hoạch được phê duyệt: nội dung quy hoạch cơ bản đáp ứng được yêu cầu đã xác định trong nhiệm vụ lập quy hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; tuy nhiên, đề nghị bổ sung và làm rõ thêm một số nội dung theo quy định tại Điều 27 Luật Quy hoạch và Điều 28 Nghị định 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ; nội dung đề nghị bổ sung và làm rõ được nêu cụ thể tại mục 3 phần I của Văn bản này.

c) Sự phù hợp của số lượng và yêu cầu về nội dung đề xuất được thực hiện so với nhiệm vụ lập quy hoạch được phê duyệt: tại Quyết định số 775/QĐ-TTg ngày 04/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ xác định yêu cầu đối với các nội dung đề xuất như sau *"Các nội dung đề xuất nghiên cứu để đưa vào quy hoạch tỉnh*

phải có cơ sở khoa học, phù hợp với thực tiễn địa phương, xuất phát từ nhu cầu phát triển, yêu cầu quản lý Nhà nước tại địa phương". Báo cáo tổng hợp quy hoạch tỉnh Tây Ninh và các hồ sơ trình thẩm định kèm theo không thể hiện số lượng và yêu cầu về các nội dung đề xuất được tích hợp vào quy hoạch tỉnh; do vậy, không đủ cơ sở để đánh giá về sự phù hợp của số lượng và yêu cầu về nội dung đề xuất được thực hiện so với nhiệm vụ lập quy hoạch đã được phê duyệt.

d) Thành phần, số lượng, tiêu chuẩn và quy cách hồ sơ quy hoạch đã cơ bản đáp ứng các yêu cầu quy định theo Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Tây Ninh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 775/QĐ-TTg ngày 04/8/2020.

2. Sự tuân thủ quy trình lập quy hoạch tại khoản 4 Điều 16, Điều 18, Điều 19 Luật Quy hoạch và nội dung Điều 32 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ

Tờ trình thẩm định số 11/TTr-SKHĐT ngày 27/01/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh và hồ sơ trình thẩm định gửi kèm theo **không thể hiện** quá trình triển khai lập quy hoạch tỉnh; do vậy, không đủ cơ sở để thẩm định sự tuân thủ quy trình lập Quy hoạch tỉnh Tây Ninh theo quy định tại khoản 4 Điều 16, Điều 18, Điều 19 Luật Quy hoạch và nội dung Điều 32 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ.

Đề nghị Cơ quan lập quy hoạch bổ sung quy trình lập Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo đúng quy định của pháp luật về quy hoạch.

3. Sự phù hợp của Quy hoạch tỉnh Tây Ninh với nội dung quy hoạch tỉnh được quy định tại Điều 27 của Luật Quy hoạch và Điều 28 của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP

Về cơ bản nội dung của báo cáo Quy hoạch tỉnh Tây Ninh đã bám sát quy định tại Điều 27 của Luật Quy hoạch và Điều 28 của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ và phù hợp với Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 775/QĐ-TTg ngày 08/6/2020. Cấu trúc báo cáo quy hoạch tỉnh Tây Ninh cơ bản đã thể hiện được đầy đủ nội dung cần có trong một bản quy hoạch tỉnh. Các số liệu, dữ liệu được sử dụng để phân tích, đánh giá trong báo cáo quy hoạch tỉnh tương đối đầy đủ, làm cơ sở cho việc đề xuất các phương hướng phát triển và các giải pháp thực hiện trong thời kỳ quy hoạch. Tuy nhiên, đề nghị rà soát, kết cấu các phần và thứ tự các đề mục phù hợp với nội dung quy định tại Điều 27 của Luật Quy hoạch và Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ, cụ thể:

a) Kết cấu của báo cáo quy hoạch và sự đầy đủ nội dung theo quy định

Kết cấu từng mục trong báo cáo quy hoạch và tên gọi các đề mục chưa bám sát theo quy định của pháp luật về quy hoạch, dẫn đến khó theo dõi. Do vậy, đề nghị biên tập lại kết cấu báo cáo quy hoạch tỉnh theo đúng đề mục được quy định tại Điều 27 của Luật Quy hoạch và Điều 28 của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ; đồng thời rà soát, bổ sung các nội dung còn thiếu. Cụ thể tại Mục II, Phần I, đề nghị:

- Bổ sung nội dung đánh giá về khả năng huy động nguồn lực theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ.

- Bổ sung nội dung đánh giá về thực trạng lao động, việc làm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ.

- Bổ sung nội dung đánh giá về tiềm năng đất đai, tính hợp lý và hiệu quả sử dụng đất của tỉnh theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ.

- Bổ sung nội dung đánh giá về thực trạng phát triển và sự phù hợp về phân bố phát triển không gian của các khu chức năng theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ.

b) Căn cứ lập quy hoạch

Căn cứ lập quy hoạch tỉnh trong báo cáo quy hoạch về cơ bản đầy đủ, tuy nhiên đề nghị rà soát, bổ sung một số căn cứ như sau:

- Đề nghị rà soát lại các căn cứ pháp lý để loại bỏ các văn bản không phải là căn cứ lập quy hoạch tỉnh như Luật Kinh doanh bảo hiểm; loại bỏ các văn bản đã hết hiệu lực và được thay thế bằng các văn bản mới, ví dụ: Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đã được thay thế bằng Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Hội nghị lần thứ 5, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Nghị quyết 19-NQ/TW ngày 31/10/2012 của BCH Trung ương Đảng khóa XI về tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại được cập nhật bằng Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao...

- Bổ sung một số văn bản quan trọng làm căn cứ lập quy hoạch tỉnh như: Nghị quyết số 81/2023/QH15 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050; Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030...

c) Phân tích, đánh giá các yếu tố, điều kiện tự nhiên, hiện trạng kinh tế - xã hội và bối cảnh phát triển đặc thù của tỉnh Tây Ninh

- Đề nghị đổi tiêu đề mục I từ *"I. Phân tích, đánh giá các yếu tố, điều kiện tự nhiên, hiện trạng kinh tế - xã hội và bối cảnh phát triển đặc thù của tỉnh Tây Ninh"* thành *"I. Phân tích, đánh giá các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh"* với các lý do: (1) để phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ và phù hợp với các nội dung được đề cập đến trong Mục I; (2) Nội dung về "Hiện trạng kinh tế - xã hội" đã được phân tích, đánh giá tại Mục II.

- Về vị trí địa lý và các điều kiện tự nhiên, xã hội của tỉnh Tây Ninh: nội dung trong Báo cáo quy hoạch chủ yếu liệt kê các yếu tố tự nhiên và mô tả hiện trạng, do vậy đề nghị so sánh với các tỉnh, thành phố trong vùng Đông Nam Bộ để xác định rõ lợi thế, các yếu tố mang tính đặc thù của tỉnh; tác động thúc đẩy/cản trở của các yếu tố, điều kiện tự nhiên đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Về thực trạng phát triển các lĩnh vực xã hội:

+ Về thực trạng phát triển giáo dục và đào tạo: bổ sung thông tin, số liệu để dẫn chứng cho thực trạng phát triển giáo dục và đào tạo; rà soát bổ sung đánh giá về những ưu điểm, khó khăn, hạn chế và nguyên nhân hạn chế đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh.

+ Về thực trạng phát triển y tế: bổ sung nội dung đánh giá về khả năng đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của các cơ sở y tế; thực trạng phát triển hệ thống y tế tư nhân, các dịch vụ y tế.

+ Về thực trạng phát triển khoa học, công nghệ: bổ sung đánh giá về công tác chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực và thực trạng phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh.

+ Về thực trạng giảm nghèo, an sinh xã hội: đề nghị bổ sung đánh giá việc thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo; cập nhật, sử dụng số liệu tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều.

- Về hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn: bổ sung số liệu, phân tích, đánh giá về sự phát triển hạ tầng đô thị; bổ sung đánh giá kết quả thực hiện Chương trình phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2012-2020 tại Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 07/11/2012; đánh giá kết quả xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hóa nông thôn theo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

- Về hiện trạng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội: đề nghị xác định rõ những hạn chế, điểm nghẽn trong phát triển, tổ chức không gian hạ tầng kỹ thuật dẫn tới chưa khai thác hết tiền năng, lợi thế của tỉnh.

- Về bối cảnh và tác động đến phát triển của tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050:

+ Đề nghị chuyển nội dung về "Vị thế, vai trò của tỉnh đối với vùng, quốc gia" lên Mục I. Phân tích, đánh giá các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh để phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ; đồng thời bổ sung một số chỉ tiêu, nội dung đánh giá về vị thế, vai trò của tỉnh đối với vùng và quốc gia.

+ Về các yếu tố, điều kiện của vùng, quốc gia, quốc tế tác động đến phát triển của tỉnh: trong báo cáo quy hoạch chủ yếu mới liệt kê các yếu tố của quốc tế, quốc gia; chưa có phân tích tác động của các yếu tố này đến phát triển của tỉnh, do vậy, đề nghị nghiên cứu, bổ sung.

+ Về đánh giá thuận lợi, khó khăn, cơ hội, thách thức về phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Tây Ninh trong thời kỳ quy hoạch: đề nghị xác định các tồn tại, hạn chế và những điểm nghẽn chính đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh cần được giải quyết trong thời kỳ 2021-2030.

d) Về phương án phát triển đô thị, nông thôn: đề nghị bổ sung cơ sở và điều kiện thực tế đối với 02 nhiệm vụ trong giai đoạn 2021-2025 là lập đề án công nhận TX. Hòa Thành đạt đô thị loại III và giai đoạn 2026-2030 là lập đề án mở rộng địa giới hành chính, công nhận thị xã Hòa Thành đạt đô thị loại II.

e) Về phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra: Tây Ninh là đầu nguồn của sông Vàm Cỏ Đông và Sông Sài Gòn, có hồ chứa nước Dầu Tiếng, do vậy, đề nghị bổ sung giải pháp để đảm bảo quy hoạch không có/có ít ảnh hưởng tới nguồn nước đầu nguồn của sông Vàm Cỏ Đông, Sông Sài Gòn và hồ Dầu Tiếng để tránh tác động tới nguồn nước ở hạ lưu.

g) Phương án phân bố và khoanh vùng đất đai theo chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện

- Đề nghị rà soát chỉ tiêu các loại đất quy hoạch đến năm 2030 theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ, xây dựng phương án sử dụng đất để thực hiện các chương trình, dự án giai đoạn đến năm 2025 phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022; rà soát nội dung theo quy định tại khoản 7 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ.

- Phân tích, làm rõ việc chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang phi nông nghiệp để thực hiện các chương trình, dự án; lưu ý không chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa vụ/chuyên trồng lúa trong quỹ đất phải quản lý nghiêm ngặt tại địa phương. Việc chuyển mục đích sử dụng đất rừng tự nhiên để thực hiện các công trình, dự án cần thực hiện đúng theo chỉ đạo của Ban Bí thư tại Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017. Rà soát các công trình, dự án có sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất nhưng đến nay chưa đưa vào sử dụng làm cơ sở cho việc thu hồi đất.

h) Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh

Đề nghị nghiên cứu sử dụng thông tin, dữ liệu của Kịch bản biến đổi khí hậu tại Việt Nam, phiên bản cập nhật năm 2020 đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố vào tháng 12/2021; nghiên cứu, bổ sung các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu thực hiện cam kết của Việt Nam tại Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu để xác định mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính vào năm 2030 nhằm góp phần thực hiện mục tiêu phấn đấu đạt phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050.

i) Nội dung khác

Đề nghị rà soát lại các số liệu trong báo cáo quy hoạch, đảm bảo các số liệu được trích dẫn từ nguồn chính thống và Niên giám thống kê đã được Tổng cục Thống kê công bố; đề nghị cập nhật số liệu về GRDP năm 2020 chính thức của Tây Ninh và các tỉnh, thành phố trong vùng Đông Nam Bộ để đánh giá thực trạng phát triển kinh tế của tỉnh.

II. Nhận xét, đánh giá chi tiết về nội dung quy hoạch theo nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch thẩm định số 6481/KH-HĐTĐ ngày 13/9/2022 của Chủ tịch Hội đồng thẩm định với chức năng quản lý nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

1. Đánh giá hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh

- Về hiện trạng phát triển kinh tế:

+ Đề nghị bổ sung, phân tích số liệu về GRDP bình quân đầu người của tỉnh trong giai đoạn 2010-2020; đồng thời có sự so sánh về GRDP bình quân đầu người của tỉnh với trung bình cả nước và vùng Đông Nam Bộ; bổ sung các số liệu phản ánh đóng góp của các yếu tố vào tăng trưởng kinh tế để thấy được chất lượng tăng trưởng kinh tế của tỉnh trong thời gian qua.

+ Phân tích, làm rõ nguyên nhân dẫn tới tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân của tỉnh Tây Ninh chỉ bằng một nửa so với chỉ tiêu đề ra trong Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2011-2020.

+ Về chi ngân sách: đề nghị bổ sung đánh giá về các khoản chi khác giai đoạn 2015-2020 (tại phần 1.3.2 Chi ngân sách địa phương trang 83 dự thảo báo cáo), do tại biểu cơ cấu chi ngân sách của tỉnh giai đoạn 2015-2020 (Hình 51), ngoài chi đầu tư và chi thường xuyên, cơ cấu chi các khoản chi khác chiếm tỷ trọng tương đối lớn (từ 31,8% đến 57,8%) trên tổng chi ngân sách tỉnh.

- Về hiện trạng phát triển các ngành kinh tế:

+ Về hiện trạng phát triển ngành công nghiệp - xây dựng và kinh tế cửa khẩu: đề nghị phân tích theo chuỗi giá trị (cụm liên kết ngành) đối với 04 ngành sản xuất quan trọng chiếm 75% giá trị toàn ngành công nghiệp của tỉnh là công nghiệp chế biến thực phẩm, dệt, sản xuất da, công nghiệp chế biến sản phẩm từ cao su và plastic;

+ Bổ sung phân tích, đánh giá về đóng góp của các khu công nghiệp về thu hút đầu tư, đóng góp ngân sách, giải quyết việc làm, giá trị xuất khẩu...; tình hình xây dựng nhà ở công nhân, các công trình văn hóa, thể thao cho người lao động tại các khu công nghiệp; đánh giá hiệu quả đầu tư hạ tầng kỹ thuật và hiệu quả kinh tế - xã hội của các khu công nghiệp, khả năng kết nối với hệ thống giao thông, logistic và các hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác tại các khu công nghiệp với hệ thống hạ tầng của tỉnh; rà soát lại tỷ lệ lấp đầy của các khu công nghiệp đã thành lập đảm bảo sự thống nhất số liệu trong toàn bộ báo cáo; bổ sung đánh giá, phân tích về đóng góp của các khu kinh tế cửa khẩu đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

+ Về hiện trạng phát triển nông, lâm, thủy sản: đề nghị loại bỏ các nội dung chi tiết về hiện trạng các loại cây trồng vật nuôi tại bảng 20 và 21 của báo cáo quy hoạch; phân tích, đánh giá bổ sung về thực trạng phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; bổ sung phân tích, đánh giá các sản phẩm nông nghiệp theo chuỗi giá trị và cụm liên kết ngành.

+ Về hiện trạng phát triển các ngành dịch vụ: đề nghị làm rõ cơ cấu hàng hóa (nội tỉnh và trung chuyển) xuất khẩu, đặc biệt đối với các mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn; phân tích sâu sự đóng góp của du lịch vào GRDP của tỉnh; phân tích làm rõ thực trạng hạ tầng phục vụ du lịch; xác định các điểm nghẽn trong phát triển du lịch của tỉnh.

2. Quan điểm, mục tiêu và lựa chọn phương án phát triển

- Về quan điểm phát triển: Đề nghị bổ sung quan điểm tổ chức, sắp xếp không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, phát triển kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ.

- Về kịch bản phát triển: báo cáo quy hoạch lựa chọn Kịch bản 3 với tốc độ tăng trưởng rất cao 14,4% trong cả thời kỳ 2021-2030 (tăng trưởng GRDP giai đoạn 2021-2025 đạt 7.5%/năm, giai đoạn 2026-2030 đạt 21.7%/năm) là kịch bản phát triển của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch. Kịch bản này thể hiện quyết tâm bứt phá của tỉnh, tuy nhiên, đề nghị cân nhắc, xem xét về tính khả thi của kịch bản được lựa chọn vì những lý do như sau:

+ Cơ sở được đưa ra trong báo cáo quy hoạch để lựa chọn kịch bản phát triển của tỉnh chưa thật sự thuyết phục, bởi vì một số điều kiện để đạt được kịch bản 3 như: hoàn thiện được hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông; thu hút các nhà đầu tư lớn trong các lĩnh vực công nghiệp – xây dựng, thương mại – dịch vụ; xây dựng Tây Ninh trở thành vùng sản xuất nông nghiệp trọng điểm của vùng Đông Nam Bộ…thì phải cần những cơ chế, chính sách mang tính đột phá, đồng thời phải có thời gian triển khai thực hiện.

+ Căn cứ số liệu Tổng cục thống kê năm 2022, GRDP bình quân đầu người của tỉnh Tây Ninh là 85 triệu đồng. Theo kịch bản 3, GRDP bình quân đầu người đến năm 2030 là 340 triệu đồng (cao gấp 04 lần GRDP năm 2022). Hiện nay, theo đánh giá của tổ chức IMF và một số tổ chức quốc tế lớn, nền kinh tế thế giới đang trong tình trạng suy thoái, việc phục hồi kinh tế sẽ diễn ra chậm do đó ảnh hưởng rất lớn đến toàn ngành kinh tế tại Việt Nam. Trước tình hình đó, việc Tây Ninh đặt kỳ vọng quá cao sẽ ảnh hưởng tới tính khả thi của toàn bộ quy hoạch.

- Về mục tiêu phát triển:

+ Đề nghị nghiên cứu, cân nhắc về tính khả thi của mục tiêu *"Đến năm 2030, Tây Ninh trở thành tỉnh giàu đẹp, văn minh và* ***là địa điểm có môi trường sống tốt bậc nhất khu vực****, thích ứng tốt với biến đổi khí hậu để trở thành* ***điểm đến hấp dẫn để sinh sống và làm việc.****"*.

+ Bổ sung một số chỉ tiêu phát triển liên quan đến kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, kinh tế cac-bon thấp.

- Về tầm nhìn đến năm 2050: đề nghị bổ sung một số chỉ tiêu khái quát đến năm 2050 như: tốc độ tăng trưởng GRDP 2031-2050; GRDP bình quân đầu người, chỉ tiêu tỷ lệ đô thị hóa; chỉ số phát triển con người.

- Về nhiệm vụ trọng tâm và các khâu đột phá: đề nghị xem xét, loại bỏ nhiệm vụ trọng tâm số 02 *"Tập trung tháo gỡ những bất cập, vướng mắc, nâng cao chất lượng công tác quy hoạch theo hướng "động, mở", linh hoạt, phục vụ tốt yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, thu hút đầu tư. Xây dựng quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030 chất lượng, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm tính kết nối, liên thông với quy hoạch vùng, tích hợp đồng bộ với quy hoạch trong các lĩnh vực"* vì đây không phải là nhiệm vụ trọng tâm của quy hoạch.

3. Phương hướng phát triển các ngành quan trọng trên địa bàn tỉnh

- Đề nghị rà soát, bổ sung phương án tổ chức không gian phát triển và giải pháp phát triển các ngành quan trọng của tỉnh theo quy định tại tại điểm b và điểm c khoản 4 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ.

- Về phương án phát triển ngành công nghiệp: đề nghị làm rõ quan điểm phát triển ngành công nghiệp trong thời kỳ 2021-2030 là cơ cấu lại ngành công nghiệp, tập trung phát triển mạnh công nghiệp chế biến, chế tạo gắn với công nghệ thông minh, thân thiện với môi trường, ít phát thải, tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm sử dụng đất đai và lao động. Theo nội dung đánh giá hiện trạng, các dự án sản xuất kinh doanh tại các khu công nghiệp chủ yếu là các dự án trong lĩnh vực chế biến, chế tạo, sơ chế nông sản, dệt may... có giá trị gia tăng thấp. Do đó, trong định hướng phát triển công nghiệp cần chủ động thu hút, hợp tác đầu tư nước ngoài có chọn lọc, không thu hút đầu tư bằng mọi giá, lấy chất lượng, hiệu quả, công nghệ và bảo vệ môi trường là tiêu chí đánh giá chủ yếu như chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030.

- Về phương án phát triển ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản: hiện nay, Ban chấp hành Trung ương đã ban hành Nghị quyết số 19-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045, do đó, đề nghị nghiên cứu, bổ sung các nội dung liên quan trong Nghị quyết số 19-NQ/TW phù hợp với điều kiện của tỉnh để bổ sung vào báo cáo quy hoạch. Bổ sung định hướng phát triển vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh; bổ sung, cập nhật định hướng phát triển vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ của tỉnh theo Quyết định số 885/QĐ-TTg ngày 23/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ. Rà loại, loại bỏ định hướng cụ thể về diện tích, sản lượng các loại cây trồng, vật nuôi để tạo sự linh hoạt trong công tác chỉ đạo, điều hành.

- Về phương án phát triển du lịch: đề nghị rà soát, bổ sung một số nội dung: (i) Phương hướng phát triển các tuyến du lịch, cụm du lịch và sự kết nối giữa các tuyến, cụm du lịch; (ii) Định hướng kết nối với các địa phương trong vùng để liên kết, khai thác và phát triển du lịch của tỉnh Tây Ninh. Hiện nay, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đang xây dựng Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, do vậy, đề nghị UBND tỉnh Tây Ninh phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để nghiên cứu, đề xuất phương án thành lập khu du lịch quốc gia núi Bà Đen (để phù hợp với mục tiêu hình thành khu du lịch quốc gia núi Bà Đen trong thời kỳ quy hoạch). Đề nghị rà soát

phương án phát triển sân golf theo quy định tại Nghị định số 52/2020/NĐ-CP ngày 27/4/2020 của Chính phủ về đầu tư xây dựng và kinh doanh sân gôn.

4. Phương án tổ chức các hoạt động kinh tế - xã hội

- Về bố trí không gian các công trình, dự án quan trọng, các vùng bảo tồn đã xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch cấp vùng: trong các quy hoạch cấp quốc không xác định các dự án xi măng, do vậy, đề nghị rà soát, bổ sung cơ sở của việc đề xuất giữ nguyên phương án bố trí dự án xi măng Fico tại huyện Tân Châu; đối với dự án thủy điện, dự án năng lượng tái tạo, đề nghị UBND tỉnh Tây Ninh phối hợp với Bộ Công Thương cập nhật nội dung của Quy hoạch tổng thể về năng lượng, Quy hoạch phát triển điện lực thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đang được Bộ Công Thương hoàn thiện để hoàn thiện phương án phát triển và bố trí các dự án cấp quốc gia trên địa bàn tỉnh, đảm bảo tính đồng bộ và thống nhất giữa các loại quy hoạch.

- Về phương án phát triển các khu công nghiệp:

+ Đề nghị rà soát, xây dựng phương án phát triển khu công nghiệp theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý Khu công nghiệp và Khu kinh tế.

+ Hiện nay, báo cáo quy hoạch đề xuất mở rộng diện tích đất dành cho khu công nghiệp đến năm 2030 là 9.524 ha, tăng 5.255 ha so với chỉ tiêu đất khu công nghiệp đã được phân bổ cho tỉnh Tây Ninh theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Do vậy, đề nghị xem xét, rà soát chỉ tiêu đất công nghiệp đến năm 2030 đảm bảo phù hợp với Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022; đồng thời rà soát diện tích đất khu công nghiệp đến năm 2025 theo đúng chỉ tiêu đất được Thủ tướng Chính phủ giao.

+ Khi xem xét, xác định vị trí của các khu công nghiệp mới được bổ sung trong quy hoạch, đề nghị UBND tỉnh Tây Ninh rà soát, bảo đảm không có sự chồng lấn với các dự án hiện hữu khác. Trường hợp chồng lấn, đề nghị có phương án xử lý cụ thể, bảo đảm tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

+ Về danh mục các khu công nghiệp (Bảng 98) cần lưu ý một số nội dung như sau:

(i) Phương án phát triển hệ thống khu công nghiệp trong quy hoạch tỉnh phải bao gồm cả khu công nghiệp trong và ngoài khu kinh tế. Các khu công nghiệp trong khu kinh tế cửa khẩu cần phù hợp với quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế cửa khẩu đã được phê duyệt; đây là căn cứ để thẩm định chủ trương đầu tư dự án phát triển hạ tầng khu công nghiệp theo quy định của Luật Đầu tư, do đó, đề nghị rà soát, bổ sung các khu công nghiệp trong khu kinh tế cửa khẩu (nếu có) vào phương án phát triển hệ thống khu công nghiệp của tỉnh.

(ii) Dự án khu công nghiệp Đại An Sài Gòn trong khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài (300 ha) đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư từ năm 2016 nhưng không có trong phương án phát triển hệ thống khu công nghiệp của tỉnh thời kỳ 2021-2030. Trường hợp đưa phần diện tích này ra khỏi quy hoạch khu công nghiệp, đề nghị UBND tỉnh Tây Ninh làm việc với nhà đầu tư, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của nhà đầu tư, không để xảy ra khiếu nại, khiếu kiện.

(iii) Tên Bảng 98 là Quy hoạch các khu công nghiệp ngoài khu kinh tế nhưng trong đó có thống kê cả Khu công nghiệp TMTC là khu công nghiệp trong khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài; do vậy, đề nghị rà soát cho phù hợp.

- Về phương án phát triển các khu kinh tế: đề nghị rà soát, xây dựng phương án phát triển khu kinh tế theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ.

5. Danh mục dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện

Đề nghị bổ sung, làm rõ về luận chứng xây dựng danh mục dự án quan trọng của tỉnh, sắp xếp thứ tự ưu tiên và phân kỳ thực hiện các dự án tại "*Danh mục dự án ưu tiên đầu tư thời kỳ 2021-2030*" và "*Danh mục dự án kêu gọi đầu tư giai đoạn 2021-2030*" (Phụ lục 5, 6 dự thảo Báo cáo) theo quy định tại điểm b khoản 13 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP; đồng thời, rà soát để đảm bảo danh mục dự án đề xuất đưa vào quy hoạch là các dự án có quy mô lớn, cấp tỉnh, có tính liên huyện và đóng vai trò tạo động lực, cấp thiết đối với phương án phát triển của tỉnh theo phạm vi quy hoạch tỉnh được quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Quy hoạch.

- Báo cáo quy hoạch tỉnh định hướng "*Xây dựng Tây Ninh trở thành vùng sản xuất nông nghiệp trọng điểm của Đông Nam Bộ, với nền nông nghiệp xanh, chất lượng cao*", tuy nhiên số dự án trọng điểm liên quan đến nông nghiệp chỉ chiếm 2/6 dự án về lĩnh vực nông nghiệp và 2/76 tổng số dự án dự kiến triển khai trong năm 2021-2025. Do vậy, đề nghị UBND tỉnh Tây Ninh xem xét nghiên cứu, bổ sung một số chương trình, dự án về phát triển nông nghiệp dự kiến triển khai trong giai đoạn 2021-2030 để đảm việc thực hiện được mục tiêu đề ra trong quy hoạch.

- Đề nghị rà soát các danh mục dự án đảm bảo thống nhất với nội dung về phương án phát triển của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch và đảm bảo có sự thống nhất nội dung giữa dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch tỉnh và báo cáo quy hoạch tỉnh.

- Rà soát danh mục các dự án sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 đảm bảo các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021 - 2025, giai đoạn 2026-2030 theo quy định tại Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

6. Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch

- Đề nghị làm rõ các giải pháp huy động từng loại nguồn vốn cho phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng và tính tự chủ của tỉnh Tây Ninh trong việc cân đối nguồn vốn để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra trong quy hoạch.

- Về giải pháp huy động động nguồn lực để thực hiện quy hoạch: theo báo cáo quy hoạch, giai đoạn 2021-2030 dự báo nhu cầu vốn đầu tư của tỉnh Tây Ninh là rất lớn, khoảng 805.000 tỷ đồng, trong đó giai đoạn 2021-2025 cần khoảng 210.000 tỷ đồng, giai đoạn 2026-2030 cần khoảng 595.000 tỷ đồng. Tuy nhiên, tại giải pháp huy động động nguồn lực để thực hiện quy hoạch chưa thể hiện rõ các giải pháp huy động nguồn vốn cho phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng và tính tự chủ của tỉnh Tây Ninh trong việc cân đối nguồn vốn để thực hiện các nhiệm vụ đề ra.

7. Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược

- Cấu trúc của báo cáo ĐMC của quy hoạch tỉnh Tây Ninh cơ bản đã đầy đủ nội dung theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Đề nghị rà soát, cập nhật, bổ sung một số văn bản làm cơ sở cho việc xây dựng Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược Quy hoạch tỉnh Tây Ninh như Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07/10/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Nghị quyết số 81/2023/QH15 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, các quy hoạch ngành quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt...

- Về mối quan hệ của Quy hoạch được đề xuất với các chiến lược, quy hoạch khác có liên quan: đề nghị làm rõ sự phù hợp của Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 với các chiến lược cấp quốc gia như Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050; phù hợp với các quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt.

- Về thành phần môi trường, di sản thiên nhiên có khả năng bị tác động bởi quy hoạch: đề nghị làm rõ hơn các di sản thiên nhiên, di sản và không gian văn hóa - xã hội có bị tác động bởi quy hoạch hay không, nếu có thì tác động như thế nào. Báo cáo quy hoạch lựa chọn kịch bản tăng trưởng rất cao nên sẽ gây ra áp lực lớn đối với môi trường, do vậy, đề nghị rà soát, đánh giá đầy đủ 05 thành phần môi trường chính bị tác động bởi quy hoạch.

- Đề nghị bổ sung đầy đủ nội dung đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến các vấn đề môi trường chính trong trường hợp không thực hiện quy hoạch; bổ sung đánh giá, dự báo đầy đủ tác động của quy hoạch đến biến đổi khí hậu và ngược lại theo quy định tại Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT ngày 07/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Phân tích cụ thể, chi tiết nội dung của các giải pháp để giảm thiểu xu hướng tiêu cực do việc thực hiện quy hoạch, đặc biệt đối với các ngành, lĩnh vực ưu tiên, các khu vực dễ bị tổn thương dưới tác động của biến đổi khí hậu.

- Bổ sung, làm rõ các đề xuất, kiến nghị cụ thể từ quá trình ĐMC để điều chỉnh các nội dung của Quy hoạch tỉnh Tây Ninh; những vấn đề môi trường cần được tiếp tục nghiên cứu trong quá trình thực hiện quy hoạch tỉnh.

D. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Đề nghị xem xét bổ sung, hoàn thiện các nội dung trên cơ sở ý kiến tham gia cụ thể tại Phần B, Phần C của Văn bản này.

2. Rà soát quy cách, hình thức thể hiện nội dung trong báo cáo quy hoạch; rà soát về tính thống nhất của số liệu trong toàn bộ báo cáo quy hoạch.

3. Quy hoạch tỉnh Tây Ninh đủ điều kiện để tổ chức phiên họp thẩm định.

4. Nhất trí thông qua quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung.

Trên đây là ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đối với Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; đề nghị Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- UBND tỉnh Tây Ninh;
- Sở KHĐT tỉnh Tây Ninh;
- Các đơn vị: Tổng cục Thống kê; Viện CLPT; các Vụ: KTNN, GSTĐĐT, TCTT, LĐVHXH; QLKKT;
- Lưu: VT, QLQH. Li 12

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Quốc Phương

BỘ CÔNG AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 876 /BCA-ANKT V/v tham gia ý kiến thẩm định đối với Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	*Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2023*

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
ĐẾN Số: 14363
Ngày: 03.4.2023
Chuyển:.....
Số và ký hiệu HS:.....

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Trả lời Công văn số 989/HĐTĐ-CV, ngày 15/02/2023 của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh về việc đề nghị tham gia ý kiến thẩm định đối với hồ sơ Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Bộ Công an có ý kiến như sau:

1. Về Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

1.1. Bộ Công an đã có các văn bản: số 2915/BCA-ANKT ngày 15/8/2022 và số 3530/BCA-ANKT ngày 06/10/2022 trao đổi UBND tỉnh Tây Ninh tham gia một số ý kiến đối với dự thảo Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Các ý kiến tham gia của Bộ Công an cơ bản đã được cơ quan lập quy hoạch tỉnh Tây Ninh tiếp thu, bổ sung vào báo cáo quy hoạch tỉnh. Tuy nhiên, trong báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến mới chỉ thể hiện nội dung tiếp thu ý kiến tham gia ý kiến của Bộ Công an tại văn bản số 2915/BCA-ANKT ngày 15/8/2022. Do đó, đề nghị cơ quan lập quy hoạch bổ sung bản sao văn bản và thông tin về việc giải trình tiếp thu ý kiến của Bộ Công an tại văn bản số 3530/BCA-ANKT ngày 06/10/2022 trong báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến góp ý của các Bộ, ngành liên quan.

1.2. Một số ý kiến tham gia bổ sung

- Đối với nội dung quy hoạch sử dụng đất an ninh:

+ Về thông tin hiện trạng sử dụng đất an ninh, tại Bảng 41 trang 208 và tại mục 6.2.2.2 trang 685 của dự thảo Báo cáo tổng hợp quy hoạch tỉnh Tây Ninh: Tổng diện tích đất an ninh là 415,02ha, phân bổ trên địa bàn: thành phố Tây Ninh là 26,9ha; thị xã Trảng Bàng là 4,51ha; huyện Gò Dầu là 3,59ha; thị xã Hòa Thành là 0,9ha; huyện Bến Cầu là 6,83ha; huyện Châu Thành là 11,65ha; huyện Dương Minh Châu là 6,08ha; huyện Tân Biên là 310,76ha; huyện Tân Châu là 43,79ha; tại mục 6.2.2.2 trang 685, hiện trạng sử dụng đất an ninh là 416ha.

Tuy nhiên, theo số liệu thống kê của Bộ Công an (tính đến tháng 11/2022): Tổng diện tích đất an ninh do Bộ Công an quản lý là 424,00ha, phân bố trên địa bàn: thành phố Tây Ninh là 30,0843ha; thị xã Trảng Bàng là 4,8362ha; huyện Gò Dầu là 3,6879ha; Thị xã Hòa Thành là 2,1132ha; huyện

Bến cầu là 7,4094ha; huyện Châu Thành là 11,6548ha; huyện Dương Minh Châu là 5,8914ha; huyện Tân Biên là 311,8738ha; huyện Tân Châu là 46,5682ha.

+ Về thu hồi đất an ninh, tại Bảng 139 trang 699 dự thảo báo cáo tổng hợp quy hoạch tỉnh Tây Ninh, đất an ninh cần thu hồi 7ha (trong đó thành phố Tây Ninh 4ha, huyện Tân Biên 3ha). Tuy nhiên, theo tổng hợp của Bộ Công an, Công an tỉnh Tây Ninh đề xuất đưa ra khỏi quy hoạch đất an ninh thời kỳ 2021-2030 là 15 vị trí với tổng diện tích là 10,1796ha, trong đó: thành phố Tây Ninh có 12 vị trí với tổng diện tích 6,5744ha; thị xã Hòa Thành có 02 vị trí với tổng diện tích là 0,1398ha; huyện Bến cầu 01 vị trí diện tích là 3,4654ha.

+ Về chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất an ninh đến năm 2030: (1) Quy hoạch sử dụng đất an ninh đến năm 2030 là 445ha; diện tích đất tăng 29ha, trong đó: Chu chuyển giảm 7ha sang đất thương mại dịch vụ 1ha, đất giao thông 3ha, đất ở tại đô thị 2ha; Chu chuyển tăng 36ha được lấy từ trồng cây hàng năm khác 18ha, đất trồng cây lâu năm 14ha, đất cơ sở giáo dục đào tạo 1ha, đất ở đô thị 1ha, đất xây dựng trụ sở cơ quan 1ha; (2) Tại Bảng 139 trang 695 dự thảo báo cáo tổng hợp quy hoạch tỉnh Tây Ninh: Đến năm 2030 tổng diện tích đất an ninh là 445,00ha phân bổ trên địa bàn: thành phố Tây Ninh là 26ha; thị xã Trảng Bàng là 9ha; huyện Gò Dầu là 4ha; thị xã Hòa Thành là 7ha; huyện Bến Cầu là 10ha; huyện Châu Thành là 12ha; huyện Dương Minh Châu là 6ha; huyện Tân Biên là 326ha; huyện Tân Châu là 47ha.

Tuy nhiên, căn cứ yêu cầu nhiệm vụ đảm bảo an ninh trật tự, Bộ Công dự kiến lập quy hoạch sử dụng đất an ninh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2030 là 485ha (tăng 61 ha so với hiện trạng sử dụng đất an ninh năm 2022 và cao hơn 40ha so với chỉ tiêu đất an ninh được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022), trong đó: (1) Giảm 10,1796ha (do Công an tỉnh Tây Ninh thống nhất chuyển giao về địa phương 15 vị trí); (2) Tăng 71,18ha để bố trí xây dựng trụ sở làm việc Công an tỉnh, Công an huyện, Công an cấp xã trên địa bàn tỉnh; Trụ sở làm việc lực lượng Công an đảm bảo an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại các khu công nghiệp, khu cụm công nghiệp, sân bay, bến cảng; Trụ sở làm việc, nơi nghỉ cán bộ chiến sỹ và tạm giữ phương tiện vi phạm tại các tuyến đường cao tốc. (3) phân bổ sử dụng đất an ninh trên địa bàn: thành phố Tây Ninh là 44,4187ha; thị xã Trảng Bàng là 14,5577ha; huyện Gò Dầu là 11,7636ha; thị xã Hòa Thành là 5,4107ha; huyện Bến Cầu là 8,5690ha; huyện Châu Thành là 19,8296ha; huyện Dương Minh Châu là 9,5723ha; huyện Tân Biên là 315,8238ha; huyện Tân Châu là 55,4333ha.

Do đó, đề nghị UBND tỉnh Tây Ninh: chỉ đạo cơ quan lập quy hoạch tỉnh nghiên cứu, bổ sung thông tin phản ánh cập nhật số liệu của Bộ Công an về đất an ninh (số liệu hiện trạng, biến động thay đổi, chỉ tiêu nhu cầu trong

thời kỳ quy hoạch, phân bổ đến địa bàn hành chính cấp huyện), cung cấp thông tin làm rõ vị trí đất an ninh phải thu hồi (địa điểm cụ thể đến đơn vị hành chính cấp xã, đơn vị quản lý, sử dụng đất), lý do thu hồi diện tích đất đối với 7ha đất an ninh nêu trên; đồng thời chỉ đạo cơ quan chức năng phối hợp Bộ Công an và Công an tỉnh Tây Ninh rà soát, thống nhất số liệu hiện trạng sử dụng, thu hồi đất an ninh.

Đối với chỉ tiêu nhu cầu quy hoạch sử dụng đất an ninh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh trong thời kỳ quy hoạch, sau khi quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 của Bộ Công an được phê duyệt, Bộ Công an sẽ phối hợp Bộ Tài nguyên và Môi trường và UBND tỉnh Tây Ninh báo cáo Thủ tướng Chính phủ thực hiện điều chỉnh chỉ tiêu phân bổ đất an ninh tại các tỉnh, thành phố khác, đảm bảo tổng chỉ tiêu phân bổ quy hoạch sử dụng đất an ninh toàn quốc không vượt quá 72.332ha.

- *Về quy hoạch hạ tầng phòng cháy và chữa cháy*: Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã có nội dung đánh giá thực trạng hạ tầng phòng cháy và chữa cháy; đã xây dựng phương án phát triển hạ tầng phòng cháy và chữa cháy trong thời kỳ quy hoạch, trong đó xác định nhu cầu, kế hoạch sử dụng đất và phân kỳ đầu tư để phát triển các công trình phòng cháy và chữa cháy. Đồng thời, nội dung về quy hoạch hạ tầng phòng cháy và chữa cháy đã được thể hiện trong dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh Tây Ninh. Bộ Công an thống nhất nội dung về quy hoạch hạ tầng phòng cháy và chữa cháy đã được thể hiện trong Báo cáo tổng hợp và dự thảo Quyết định phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Về cử đại diện tham gia thành viên Hội đồng thẩm định

Bộ Công an cử đại diện Cục An ninh kinh tế tham gia thành viên Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (*sẽ thông báo cụ thể trước thời điểm diễn ra phiên họp*).

Bộ Công an trao đổi để Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Đ/c Bộ trưởng Tô Lâm (để báo cáo);
- Văn phòng BCA (để theo dõi);
- Lưu: VT, ANKT(TCĐT).ĐXS(04b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Thượng tướng Lương Tam Quang

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 2584 /BGTVT-KHĐT	*Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2023*
V/v tham gia ý kiến thẩm định đối với Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Bộ Giao thông vận tải (GTVT) nhận được Công văn số 989/HĐTĐ-CV ngày 15/02/2023 của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh về việc tham gia ý kiến thẩm định đối với Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Căn cứ các quy định của pháp luật về quy hoạch; Quyết định số 1291/QĐ-HĐTĐ ngày 17/9/2021 của Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh về ban hành Quy trình và nội dung thẩm định quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch thẩm định Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại văn bản số 1040/KH-HĐTĐ ngày 16/02/2023 của Hội đồng thẩm định. Sau khi nghiên cứu hồ sơ Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Bộ GTVT tham gia ý kiến thẩm định theo chức năng, nhiệm vụ được giao như sau:

I. Về thành phần hồ sơ quy hoạch

Bộ GTVT nhận được hồ sơ trình thẩm định Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 bao gồm:

- Tờ trình số 11/TTr-SKHĐT ngày 27/01/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh về việc đề nghị thẩm định Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Báo cáo tổng hợp, Báo cáo tóm tắt Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Hệ thống sơ đồ, bản đồ quy hoạch;

- Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch;

- Báo cáo tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia đối với Quy hoạch;

- Bản sao các văn bản góp ý Quy hoạch;

- Văn bản số 152/UBND-KT ngày 19/01/2023 của UBND tỉnh Tây Ninh thống nhất nội dung để trình Hội đồng thẩm định Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Hồ sơ trình thẩm định nêu trên đã đảm bảo đầy đủ theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định số 1291/QĐ- HĐTĐ ngày 17/9/2021 của Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh.

II. Nhận xét cụ thể về nội dung quy hoạch

1. Sự phù hợp với nhiệm vụ lập quy hoạch đã được phê duyệt: Cơ bản phù hợp với Quyết định số 775QĐ-TTg ngày 08/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Việc tuân thủ quy trình lập quy hoạch và việc tích hợp các nội dung quy hoạch tỉnh

- Về việc tích hợp một số nội dung theo yêu cầu tại Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02/12/2019 của Chính phủ về ban hành danh mục các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và mục 6, phụ lục 2 văn bản số 373/BKHĐT-QLQH ngày 22/01/2021 về nội dung cần tích hợp vào quy hoạch tỉnh: đề nghị rà soát kỹ lưỡng bảo đảm đã thực hiện đầy đủ theo yêu cầu tại Nghị quyết số 110/NQ-CP và văn bản số 373/BKHĐT-QLQH.

- Trong quá trình xây dựng quy hoạch tỉnh Tây Ninh, Bộ GTVT đã có văn bản số 10143/BGTVT-KHĐT ngày 30/9/2022 gửi UBND tỉnh Tây Ninh tham gia ý kiến dự thảo quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Các nội dung góp ý cơ bản đã được tiếp thu, giải trình để hoàn thiện quy hoạch tỉnh. Cơ quan chủ trì lập quy hoạch chịu trách nhiệm về việc tiếp thu, cập nhật đầy đủ các ý kiến Bộ GTVT đã góp ý và hoàn thiện hồ sơ quy hoạch tỉnh làm cơ sở xem xét theo quy định.

- Về sự phù hợp với các quy hoạch cấp cao hơn đã được cấp thẩm quyền phê duyệt: đề nghị nghiên cứu tổng hợp, đánh giá và có kiến nghị cần thiết để bảo đảm mối quan hệ giữa các loại quy hoạch được quy định tại Điều 6 Luật Quy hoạch.

3. Về nội dung quy hoạch

3.1. Về căn cứ lập quy hoạch

- Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07/10/2022 về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 154/NQ-CP ngày 23/11/2022 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW. Do vậy, đề nghị bổ sung Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07/10/2022, Nghị quyết số 154/NQ-CP ngày 23/11/2022 vào căn cứ lập quy hoạch; đồng thời rà soát, cập nhật hồ sơ quy hoạch tỉnh Tây Ninh đảm bảo phù hợp với mục tiêu, định hướng và các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đã được đề ra tại Nghị quyết số 24-NQ/TW và Nghị quyết số 154/NQ-CP ngày 23/11/2022 nêu trên.

- Đề nghị rà soát, lược bỏ các văn bản đã hết hiệu lực, đồng thời cập nhật, bổ sung các căn cứ lập quy hoạch:

+ Kết luận số 11-KL/TW ngày 13/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia, đầu tư công trung hạn 5 năm 2021 - 2025;

+ Nghị quyết số 16/2021/QH15 ngày 27/7/2021 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025;

+ Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025;

+ Nghị quyết số 81/2023/QH15 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

+ Bộ Luật Hàng hải Việt Nam số 95/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

+ Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

3.2. Về hiện trạng hạ tầng giao thông vận tải

Nội dung tại điểm 7 mục II phần II (trang 246 - 260) của Báo cáo tổng hợp đã trình bày tương đối đầy đủ, rõ ràng về hiện trạng và đánh giá các thuận lợi, khó khăn đối với hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông vận tải tỉnh Tây Ninh. Để hoàn thiện hồ sơ, đề nghị rà soát, bổ sung một số nội dung sau:

a) Hệ thống đường bộ

- Đề nghị bổ sung đánh giá (i) hiện trạng các bến xe trên địa bàn Tỉnh; (ii) số liệu hiện trạng lưu lượng phương tiện trên các tuyến đường để đánh giá khả năng đáp ứng nhu cầu vận tải trong nội tỉnh, liên tỉnh; (iii) hiện trạng về kết nối đường bộ tới các cảng, bến thủy thủy nội địa đang khai thác[1] và bến thủy nội địa phục vụ nhu cầu vận chuyển hàng hóa của người dân; (iv) kết quả thực hiện quy hoạch giao thông vận tải của tỉnh giai đoạn trước đây để từ đó xác định các điểm nghẽn về kết cấu hạ tầng giao thông làm cơ sở định hướng phát triển giai đoạn tiếp theo.

- Đường Hồ Chí Minh đoạn Chơn Thành - Đức Hòa: đề nghị bổ sung thông tin về tình hình thực hiện đầu tư như sau "Để hoàn thành các hạng mục thi công dở dang, từng bước hoàn chỉnh mạng lưới giao thông, bảo đảm an ninh - quốc phòng vùng Đông Nam Bộ và Tây Nguyên, Bộ GTVT đã phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đường Hồ Chí Minh đoạn Chơn Thành - Đức Hòa tại Quyết định số 1032/QĐ-BGTVT ngày 28/7/2022, phân kỳ đầu tư quy mô đường cấp III, dự kiến hoàn thành năm 2025".

b) Hệ thống đường thủy nội địa

- Đề nghị bổ sung hiện trạng cụ thể (quy mô, công suất) đối với các cảng thủy nội địa hiện có; bổ sung thuyết minh đánh giá về tình hình đầu tư cảng, bến thủy nội địa trên các tuyến đường thủy nội địa quốc gia và địa phương trong thời kỳ 2011-2020 từ các nguồn vốn khác nhau.

- Đề nghị nghiên cứu bổ sung nội dung tổng hợp, đánh giá các cơ chế, chính sách tỉnh đã ban hành đến nay để khuyến khích, hỗ trợ xây dựng đồng bộ và bền vững lĩnh vực kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và vận tải thủy nội địa.

3.3. Về quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải

---

[1] Gồm 02 cảng hàng hóa (Cảng Bến Kéo và Cảng Thanh Phước) và 02 cảng chuyên dùng (Cảng xăng dầu LPG và Cảng Xi măng Fico).

Nội dung tại mục VII và mục IX phần II (trang 500 - 581) của Báo cáo tổng hợp đã tích hợp quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải của quốc gia và trình bày tương đối đầy đủ về phương án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông của tỉnh Tây Ninh. Để hoàn thiện hồ sơ, đề nghị rà soát, bổ sung một số nội dung sau:

a) Hạ tầng đường bộ

- Mạng lưới đường cao tốc và quốc lộ (trang 501 báo cáo tổng hợp): Đề nghị bổ sung thông tin điểm đầu, điểm cuối, tiến độ thực hiện của các tuyến cao tốc trên địa phận tỉnh Tây Ninh.

- Về quy hoạch hệ thống đường tỉnh (trang 568 - 576 báo cáo tổng hợp), đề nghị rà soát, bổ sung thông tin về quy mô số làn xe đối với từng đường tỉnh, phù hợp với cấp đường, kết quả dự báo nhu cầu vận tải. Đối với quy hoạch xây dựng mới các cầu trên sông Sài Gòn và sông Vàm Cỏ Đông nhằm tăng cường kết nối với các tỉnh trong vùng, đề nghị rà soát bổ sung thông tin về quy mô, tiến trình đầu tư và đảm bảo thống nhất với quy hoạch của các tỉnh có liên quan trong vùng.

- Đề nghị bổ sung thống kê quy hoạch các điểm đấu nối với quốc lộ trên địa bàn tỉnh theo yêu cầu tại Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02/12/2019 của Chính phủ về ban hành danh mục các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh.

- Đề nghị rà soát, bổ sung các nội dung theo yêu cầu tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ để đảm bảo tỷ lệ quỹ đất hạ tầng giao thông đường bộ đô thị đạt bình quân từ 16-26% so với quỹ đất xây dựng đô thị.

Hiện nay, Bộ GTVT đang giao Cục Đường bộ Việt Nam tổ chức lập Quy hoạch kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đề nghị UBND tỉnh Tây Ninh chỉ đạo Cơ quan lập quy hoạch phối hợp chặt chẽ với Cục Đường bộ Việt Nam trong quá trình nghiên cứu, lập quy hoạch đảm bảo sự đồng bộ thống nhất giữa quy hoạch tỉnh và quy hoạch chuyên ngành đường bộ.

b) Hạ tầng đường thủy nội địa

- Đề nghị rà soát, cụ thể hóa hệ thống cụm cảng hàng hóa và hành khách dọc sông Sài Gòn và sông Vàm Cỏ Đông (trang 504 của báo cáo tổng hợp) theo Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31/10/2021.

- Theo Luật Quy hoạch, lĩnh vực đường thủy nội địa chỉ có quy hoạch ngành quốc gia, không có quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành nên đề nghị UBND tỉnh Tây Ninh chỉ đạo Cơ quan lập quy hoạch tỉnh nghiên cứu, rà soát kỹ lưỡng hợp phần quy hoạch đường thủy nội địa địa phương để tích hợp trong quy hoạch tỉnh, làm cơ sở tổ chức triển khai cụ thể.

c) Hệ thống cảng cạn và trung tâm logictics

- Đề nghị không sử dụng cụm từ "ICD", sử dụng định nghĩa về cảng cạn theo quy định tại Bộ luật Hàng hải Việt Nam số 95/2015/QH13 ngày 25/11/2015, Nghị

định số 38/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ và Thông tư số 09/2021/TT-BGTVT ngày 19/4/2021 của Bộ Giao thông vận tải.

- Đề nghị nghiên cứu, cập nhật định hướng, mục tiêu, giải pháp của Bộ Chính trị tại Nghị Quyết số 24-NQ/TW ngày 07/10/2022 và của Chính phủ tại Nghị Quyết số 154/NQ-CP ngày 23/11/2022 liên quan đến lĩnh vực hàng hải, hệ thống logistics tại Tây Ninh để xây dựng quy hoạch phát triển cho phù hợp.

- Về quy hoạch phát triển các cảng cạn, đề nghị nghiên cứu bổ sung thông tin về kết nối hạ tầng giao thông (đường bộ, đường thủy) và kết nối với cảng biển/cửa khẩu.

Hiện nay, Bộ GTVT đang giao Cục Hàng hải Việt Nam chủ trì lập các quy hoạch kỹ thuật chuyên ngành hàng hải, trong đó có Quy hoạch phát triển hệ thống cảng cạn Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, do vậy đề nghị UBND tỉnh Tây Ninh chỉ đạo Cơ quan lập quy hoạch phối hợp chặt chẽ với Cục Hàng hải Việt Nam trong quá trình nghiên cứu, hoàn thiện quy hoạch đảm bảo sự đồng bộ thống nhất giữa quy hoạch tỉnh và quy hoạch chuyên ngành hàng hải.

d) Hạ tầng đường sắt

Tại trang 505 của báo cáo tổng hợp có nêu *"Đối với tuyến liên vận quốc tế kết nối Campuchia, Chính phủ hai nước Việt Nam và Campuchia đã ký hiệp định từ năm 2008 kết nối qua cửa khẩu Hoa Lư (tỉnh Bình Phước), chiều dài tuyến 385km... Đề nghị Bộ GTVT sớm nghiên cứu và đề xuất Chính phủ ký hiệp định với Campuchia kết nối tuyến đường sắt liên vận quốc tế kết nối Camphuchia qua cửa khẩu Mộc Bài"*, đề nghị cơ quan lập quy hoạch không đưa nội dung nêu trên trong quy hoạch tỉnh do quá trình nghiên cứu lập Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã rà soát, nghiên cứu vị trí kết nối ray đường sắt giữa Việt Nam - Camphchia qua cửa khẩu Mộc Bài, theo đó cự ly từ TP. Hồ Chí Minh đến Phnom Pênh dài khoảng 220 km. Tuy nhiên, việc xác định điểm nối ray ngoài vấn đề kỹ thuật còn liên quan tới chính sách an ninh, quốc phòng của mỗi quốc gia, vì vậy Quy hoạch mạng lưới đường sắt được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 19/10/2021, trong đó quy hoạch kết nối quốc tế *"Mạng đường sắt Việt Nam kết nối xuyên Á, kết nối Á - Âu thông qua đường sắt Trung Quốc tại cửa khẩu Hữu Nghị và Lào Cai; kết nối với đường sắt ASEAN qua Lào (tại Mụ Giạ, Lao Bảo), qua Campuchia (tại Lộc Ninh), cụ thể: Kết nối với Campuchia thông qua tuyến Thành phố Hồ Chí Minh - Dĩ An - Lộc Ninh"*.

e) Cảng hàng không

Theo báo cáo của Cục Hàng không Việt Nam (cơ quan chủ trì lập Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050), Cục đã nghiên cứu khả năng quy hoạch cảng hàng không tại tỉnh Tây Ninh và thống nhất đưa tỉnh Tây Ninh vào danh mục các tỉnh có tiềm năng về thị trường vận tải hàng không, đồng thời đề xuất đưa vào nội dung trong dự thảo Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc theo hướng *"tiếp tục nghiên cứu, khảo sát, đánh giá khả năng quy hoạch cảng hàng*

không tại một số tỉnh có vị trí quan trọng về quốc phòng, an ninh và có tiềm năng phát triển về du lịch, dịch vụ như Tây Ninh (huyện Dương Minh Châu),...; báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét việc bổ sung quy hoạch khi có nhu cầu, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và nguồn lực đầu tư. Để triển khai thực hiện, đề xuất giao UBND các tỉnh tổ chức lập đề án đánh giá khả năng quy hoạch cảng hàng không, bao gồm: tính khả thi, hiệu quả, đảm bảo huy động được nguồn vốn để đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP), báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét việc bổ sung quy hoạch và đầu tư xây dựng cảng hàng không."

Do vậy, đề nghị Cơ quan chủ trì lập quy hoạch điều chỉnh, cập nhật lại mục 1.1.3.1 (trang 505 của báo cáo tổng hợp) theo nội dung nêu trên, phối hợp chặt chẽ với Cục Hàng không Việt Nam trong quá trình nghiên cứu, hoàn thiện quy hoạch đảm bảo sự đồng bộ thống nhất giữa quy hoạch tỉnh và quy hoạch ngành quốc gia.

g) Một số nội dung khác

- Về dự báo nhu cầu vận tải: Đề nghị bổ sung kết quả dự báo nhu cầu vận tải trên các hành lang vận tải và phân chia theo các phương thức vận tải để làm cơ sở cho việc nghiên cứu, xác định quy mô, công suất quy hoạch của các công trình kết cấu hạ tầng giao thông, đặc biệt là đối với các tuyến đường bộ.

- Đề nghị bổ sung nội dung phương án bảo vệ môi trường và phát triển bền vững giao thông vận tải trong báo cáo quy hoạch.

- Đề nghị rà soát, bổ sung Phụ lục quy hoạch hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh theo từng lĩnh vực: đường bộ, hàng hải, đường thủy nội địa, đường sắt, hàng không, trong đó bao gồm quy hoạch hạ tầng cấp quốc gia và quy hoạch hạ tầng cấp tỉnh.

3.4. Danh mục dự án ưu tiên đầu tư

- Đề nghị bổ sung luận chứng xây dựng danh mục dự án ưu tiên đầu tư; các tiêu chí lựa chọn dự án đầu tư trong danh mục ưu tiên và sắp xếp thứ tự ưu tiên, phân kỳ đầu tư; danh mục các dự án ưu tiên kêu gọi đầu tư giai đoạn 2021-2030 (phụ lục 6) đề nghị phân tách theo các giai đoạn 2021-2025 và 2026-2030 đồng thời bổ sung dự kiến sơ bộ tổng mức đầu tư làm cơ sở tính toán, cân đối nguồn lực và kêu gọi thực hiện.

- Đề nghị rà soát phạm vi, quy mô, công suất các dự án ưu tiên kết cấu hạ tầng giao thông đảm bảo phù hợp với quy mô, công suất quy hoạch trong phương án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông.

3.5. Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch: theo hồ sơ quy hoạch tỉnh, giai đoạn 2021-2030 dự báo nhu cầu vốn đầu tư của tỉnh Tây Ninh là rất lớn, khoảng 805.000 tỷ đồng, trong đó giai đoạn 2021-2025 cần khoảng 210.000 tỷ đồng, giai đoạn 2026-2030 cần khoảng 595.000 tỷ đồng. Đề nghị làm rõ các giải pháp huy động nguồn vốn cho phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng, đặc biệt là vốn FDI, ODA, đầu tư theo phương thức PPP... và tính tự chủ của tỉnh Tây Ninh trong việc cân đối nguồn vốn để thực hiện các nhiệm vụ đề ra; xác định cơ cấu nguồn vốn để triển khai các dự án ưu tiên đầu tư đảm bảo tính khả thi.

4. Hệ thống sơ đồ, bản đồ hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông

- Đề nghị rà soát bảo đảm phù hợp quy định tại Mục IX Phụ lục I Nghị định số 37/2019/NĐ-CP của Chính phủ; bổ sung danh mục bản vẽ, số hiệu bản vẽ để thuận tiện cho việc theo dõi.

- Bản đồ hiện trạng kết cấu hạ tầng giao thông: hiện trạng hệ thống quốc lộ trên địa phận tỉnh Tây Ninh chỉ có 2 tuyến quốc lộ QL22 và QL22B, tuy nhiên trên bản đồ thể hiện cả QL.22A và QL.14C. Đề nghị rà soát, chuẩn xác lại tên của các tuyến quốc lộ trên bản đồ phù hợp với hiện trạng; đề nghị tăng cỡ chữ ký hiệu tên các đường tỉnh trên bản đồ.

- Bản đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông: đề nghị bổ sung tên các quốc lộ QL.22C, QL.56B; bổ sung các vị trí dự kiến quy hoạch cảng cạn.

5. Các nội dung khác

- Đề nghị lưu ý rà soát, cập nhật hồ sơ quy hoạch tỉnh Tây Ninh để phù hợp với Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội.

- Về dự thảo Quyết định phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 về phương án phát triển mạng lưới giao thông:

+ Đề nghị rà soát, cập nhật và hoàn thiện dự thảo theo các ý kiến nêu trên; rà soát, điều chỉnh cụm từ "cảng đường thủy nội địa" thành "cảng thủy nội địa".

+ Sân bay: đề nghị rà soát, hoàn thiện như sau "định hướng nghiên cứu, khảo sát, đánh giá khả năng quy hoạch cảng hàng không tại huyện Dương Minh Châu, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc bổ sung quy hoạch khi có nhu cầu, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và nguồn lực đầu tư".

Trên đây là ý kiến của Bộ GTVT đối với quy hoạch tỉnh Tây Ninh, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, KHĐTVINHTQ.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Anh Tuấn

Ký bởi: Bộ Công Thương
Cơ quan: Bộ Công thương
Thời gian ký: 24-03-2023 14:20:11

BỘ CÔNG THƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 1700/BCT-KHTC V/v tham gia ý kiến thẩm định đối với Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030	*Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2023*

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Trả lời đề nghị của Hội đồng thẩm định Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030 tại văn bản số 989/CV-HĐTĐ ngày 15 tháng 02 năm 2023 về việc tham gia ý kiến đối với Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Bộ Công Thương có ý kiến như sau:

I. Ý kiến đối với Hồ sơ Quy hoạch

1. Nhận xét chung

- Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh tại văn bản số 2836/UBND-KT ngày 06 tháng 6 năm 2022, Bộ Công Thương đã có Văn bản số 6446/BCT-KH ngày 19 tháng 10 năm 2022 tham gia ý kiến đối với dự thảo Quy hoạch Tỉnh. Các ý kiến của Bộ Công Thương cơ bản đã được Cơ quan lập quy hoạch nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh sửa. Tuy nhiên, hiện nay các quy hoạch ngành quốc gia, trong đó có quy hoạch ngành quốc gia do Bộ Công Thương tổ chức lập đang trong quá trình trình thẩm định, phê duyệt. Vì vậy, đề nghị Cơ quan lập quy hoạch tiếp tục rà soát các ý kiến của Bộ Công Thương tại văn bản nêu trên để hoàn thiện.

- Các phương án quy hoạch được xây dựng trên cơ sở lựa chọn kịnh bản tăng trưởng tương đối cao. Vì vậy, ngoài 7 đột phá đã nêu, đề nghị nghiên cứu kỹ các giải pháp thực hiện quy hoạch phù hợp để đảm bảo tính khả thi.

- Dự thảo Quyết định phê duyệt nêu tương đối tóm tắt, chỉ mang tính định hướng, chưa đảm bảo yêu cầu về phân bố không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, hệ thống đô thị và phân bố dân cư nông thôn, kết cấu hạ tầng, phân bố đất đai, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường theo quy định tại khoản 8 Điều 3 của Luật Quy hoạch. Theo đó, đề nghị biên tập, thể hiện đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, định hướng, phương án quy hoạch được xây dựng trong báo cáo tổng hợp vào dự thảo quyết định và phụ lục kèm theo quyết định để có đủ căn cứ và đảm bảo tính khả thi khi triển khai thực hiện.

2. Ý kiến cụ thể

2.1. Về công nghiệp:

- Định hướng phát triển công nghiệp tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021-2030 và các ngành công nghiệp chủ yếu (dệt, may, chế biến cao su, chế biến thực phẩm. Mía đường, công nghiệp phụ trợ và năng lượng tái tạo) cơ bản phù hợp với tiềm năng, lợi thế của Tỉnh, lợi thế so sánh với các địa phương trong vùng Đông Nam Bộ, phù hợp với định hướng phát triển công nghiệp theo Quy hoạch tổng thể

Quốc gia. Tuy nhiên, để ngành công nghiệp của Tỉnh phát triển bền vững, đề nghị bổ sung định hướng phát triển các ngành công nghiệp có tính chất nền tảng, ổn định, hỗ trợ cho các ngành lĩnh vực khác như ngành công nghiệp hóa chất, hóa chất cơ bản, đồng thời cơ cấu lại các phân ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh theo hướng tăng tỷ trọng các ngành có kỹ thuật, công nghệ cao, ít gây ô nhiễm môi trường.

Với lợi thế có diện tích trồng cao su lớn và chất lượng tốt, việc định hướng phát triển ngành công nghiệp chế biến cao su, đặc biệt là chế biến cao su phục vụ sản xuất lốp xe là phù hợp, tận dụng hiệu quả nguồn nguyên liệu sẵn có, hạn chế xuất khẩu thô. Tuy nhiên, để nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm, cần nghiên cứu số lượng, công suất các dự án mới, mở rộng phù hợp, đảm bảo cân đối cung cầu, đồng thời có những giải pháp về cơ chế, chính sách phù hợp, đặc biệt lưu ý về các cam kết, các Hiệp định thương mại mà Việt Nam ký kết.

- Đối với hạ tầng công nghiệp, đề nghị xây dựng danh mục KCN, CCN trên địa bàn Tỉnh (bao gồm các KCN, CCN tiếp tục hoạt động; KCN, CCN mở rộng; KCN, CCN thành lập mới) và phân kỳ phù hợp.

- Đề nghị bổ sung các giải pháp về cơ chế chính sách thu hút đầu tư phát triển công nghiệp, thu hút đầu tư hạ tầng công nghiệp, và thống nhất trong giải pháp chung thực hiện Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030.

2.2. Về thương mại

- Đề nghị bổ sung định hướng phát triển hạ tầng thương mại văn minh, hiện đại hơn, củng cố hạ tầng thương mại truyền thống và hạ tầng thương mại điện tử gắn với chuyển đổi số.

- Làm rõ việc rà soát, tích hợp các nội dung quy hoạch về hạ tầng thương mại (chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, hội chợ triển lãm, trung tâm logisitics) trong danh mục quy hoạch tích hợp vào quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết 110/NQ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2019 Chính phủ (gồm Quy hoạch tổng thể phát triển mạng lưới chợ toàn quốc đến năm 2025, tầm nhìn đến 2035, Quy hoạch phát triển mạng lưới siêu thị, trung tâm thương mại cả nước đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030; Quy hoạch phát triển hệ thống trung tâm hội chợ triển lãm trên địa bàn cả nước đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Quy hoạch hệ thống trung tâm logistic trên địa bàn cả nước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030) vào Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030. Bổ sung trong dự thảo Quyết định danh mục hạ tầng thương mại trong kỳ quy hoạch để có cơ sở triển khai thực hiện.

- Đối với hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt, bổ sung danh mục về kho dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt dự kiến phát triển trên địa bàn Tỉnh trong kỳ quy hoạch (kho xăng dầu, kho/trạm chiết nạp LPG quy mô dưới 5.000m^3), đồng thời cập nhật dự án hạ tầng dự trữ xăng dầu, khí đốt quốc gia trên địa bàn Tỉnh để có cơ sở bố trí không gian, quỹ đất thực hiện (dự án mở rộng kho xăng dầu Tây Ninh tại ấp Long Bình, xã Long Thành Nam, huyện Hòa Thành quy mô từ 8.000 m^3 lên 20.000 m^3)

3. Về phương án phát triển điện lực

- Tiếp tục rà soát theo các ý kiến của Bộ Công Thương tại công văn số 6446/BCT-KH ngày 19/10/2022.

- Đề nghị rà soát, bổ sung danh mục công trình nguồn điện, hạ tầng truyền tải, phân phối điện trong Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030 phù hợp với các quy hoạch phát triển điện lực đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 2966/QĐ-BCT ngày 21/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương, Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011-2020, có xét đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ) và dự thảo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Trên cơ sở rà soát danh mục các công trình điện, cập nhật nhu cầu đất phù hợp.

4. Về lĩnh vực khoáng sản:

- Tỉnh Tây Ninh có tiềm năng khoáng sản khá hạn chế về chủng loại, các loại khoáng sản chủ yếu là than bùn, cao lanh, đá vôi, laterit phụ gia xi măng, đất sét, đá ốp lát, cuội sỏi, cát xây dựng và vật liệu san lấp có quy mô vừa, nhỏ thuận lợi trong việc phát triển ngành công nghiệp khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng phục vụ nhu cầu trong tỉnh, đặc biệt là các tuyến cao tốc, các khu đô thị, các khu công nghiệp của tỉnh nên cần bổ sung, đánh giá kỹ hơn về hiện trạng và tình hình thực hiện thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh từ khi Luật Khoáng sản năm 2010 có hiệu lực và thực hiện Quy hoạch khoáng sản tỉnh Tây Ninh, lợi thế, tồn tại, hạn chế, vướng mắc để làm cơ sở xây dựng phương án về khai thác khoáng sản trong quy hoạch tỉnh.

- Đề nghị rà soát các mỏ/điểm mỏ đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường khoanh định khu vực phân tán nhỏ lẻ hoặc các mỏ/điểm mỏ độc lập đã được điều tra, đánh giá hoặc đã thăm dò đánh giá trữ lượng, đáp ứng tiêu chí đối với mỏ phân tán nhỏ lẻ quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản. Cập nhật, điều chỉnh thống nhất đối với khu vực, điểm, diện tích tạm cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn Tỉnh (ví dụ: từ trang 762-765 báo cáo tổng hợp đang chưa thống nhất về thông tin nội dung đoạn dẫn và bảng biểu). Ngoài ra, đề nghị rà soát đảm bảo không chồng lấn tọa độ, ranh giới với Quy hoạch về thăm dò, khai thác chế biến khoáng sản Việt Nam thời kỳ 2021-2030.

5. Về danh mục các dự án đầu tư

Để có cơ sở triển khai thực hiện quy hoạch và đảm bảo tính khả thi của quy hoạch, ngoài các dự án ưu tiên đầu tư, cần phải xác định danh mục các công trình, dự án, quy mô dự án cần triển khai thực hiện trong giai đoạn quy hoạch.

Ngoài ra, đối với các dự án thuộc các quy hoạch ngành quốc gia không phải đối tượng của quy hoạch tỉnh nhưng cần cập nhật để bố trí quỹ đất, triển khai thực hiện đồng bộ.

6. Về nội dung đánh giá môi trường chiến lược

- Kết quả đánh giá môi trường chiến lược của Quy hoạch đã được lập thành Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC) riêng biệt và gửi kèm theo hồ sơ trình thẩm định quy hoạch đúng theo quy định tại Khoản 3, Điều 26, Luật Bảo vệ môi trường 2020.

- Nội dung quy hoạch tỉnh tích hợp nội dung/định hướng của các quy hoạch ngành quốc gia, vì vậy, đề nghị nghiên cứu, tham khảo, bổ sung các vấn đề về môi trường đã được xác định, đánh giá trong các quy hoạch ngành quốc gia trong nội dung đánh giá môi trường chiến lược của Quy hoạch tỉnh Tây Ninh.

- Bổ sung các giải pháp xử lý vấn đề ô nhiễm bụi, nhiệt, tiếng ồn và các tác nhân từ hoạt động sản xuất công nghiệp, khai thác và chế biến khoáng sản, đặc biệt đối với khoáng sản làm vật liệu xây dựng trên địa bàn Tỉnh.

II. Về cử đại diện tham gia Hội đồng thẩm định

Bộ Công Thương cử đồng chí Đỗ Vũ Anh Thư, Phó Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính đại diện tham gia Hội đồng thẩm định Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Hội đồng thẩm định./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Phan Thị Thắng

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng (báo cáo);
- ĐL, CTĐP, CN, TTTN, DKT, VCL;
- Lưu: VT, KHTCmth (2b).

ỦY BAN DÂN TỘC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 331 /UBDT-KHTC V/v ý kiến thẩm định đối với quy hoạch tỉnh Tây Ninh, thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	*Hà Nội, ngày 14 tháng3 năm 2023*

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư
(Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh)

Uỷ ban Dân tộc đã nhận văn bản số 989/HĐTĐ-CV ngày 15/02/2023 của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh đề nghị có ý kiến nhận xét đối với quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ các quy định của pháp luật về quy hoạch và Quyết định số 1291/QĐ-HĐTĐ ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh về ban hành Quy trình và nội dung thẩm định quy hoạch tỉnh. Sau khi nghiên cứu hồ sơ quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Uỷ ban Dân tộc có ý kiến thẩm định đối với hồ sơ quy hoạch tỉnh Tây Ninh như sau:

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ QUY HOẠCH

1. Hồ sơ quy hoạch, bao gồm: Tờ trình về thẩm định Quy hoạch; dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh; Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tỉnh; Báo cáo tóm tắt Quy hoạch tỉnh; Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược; Hệ thống bản đồ thể hiện nội dung quy hoạch.

2. Các tài liệu khác có liên quan, bao gồm: Báo cáo tiếp thu, giải trình chỉnh sửa ý kiến góp ý Quy hoạch tỉnh và các tài liệu khác có liên quan.

II. NHẬN XÉT CHUNG VỀ HỒ SƠ QUY HOẠCH

Sau khi nhận được hồ sơ quy hoạch tỉnh Tây Ninh; Uỷ ban Dân tộc đánh giá về hồ sơ quy hoạch như sau:

1. Danh mục hồ sơ: đã bảo đảm đầy đủ về thành phần hồ sơ theo quy định tại Điều 31 Luật Quy hoạch; khoản 15 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.

2. Kết luận: đủ điều kiện để nhận xét, đánh giá.

III. NHẬN XÉT CỤ THỂ VỀ NỘI DUNG QUY HOẠCH

Đối với Hồ sơ Báo cáo tổng hợp Quy hoạch, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh nghiên cứu, rà soát, bám sát nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Tây

Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt tại Quyết định số 775/QĐ-TTg ngày 08/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ và bảo đảm thể hiện đầy đủ, rõ ràng các nội dung theo yêu cầu tại Điều 27 Luật Quy hoạch năm 2017, Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.

Tại Khoản 1, Mục XVI, Phần II, "Nguyên tắc và tiêu chí xác định dự án ưu tiên đầu tư" (tr788): đề nghị bổ sung ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ kết nối các khu vực chưa phát triển với những khu vực có vai trò động lực của tỉnh.

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Quy hoạch tỉnh Tây Ninh đủ điều kiện để tổ chức phiên họp thẩm định.

2. Nhất trí thông qua quy hoạch.

3. Một số kiến nghị khác: Tây Ninh là tỉnh có 40 dân tộc thiểu số với 19.532 người, chiếm 1,67% dân số toàn tỉnh. Trong đó tỷ lệ hộ nghèo chiếm 2,3%, hộ cận nghèo chiếm 3,0%. Vì vậy Quy hoạch cần đi sâu đánh giá thực trạng, nguyên nhân và định hướng ưu tiên phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội vùng DTTS, phù hợp với mục tiêu tích hợp các chính sách đã được Đảng, Nhà nước xác định trong các văn kiện, các chương trình, chính sách dân tộc; mục tiêu phát triển tổng thể, bền vững về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường.

Trên đây là ý kiến của Uỷ ban Dân tộc đối với quy hoạch tỉnh Tây Ninh; đề nghị Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh xem xét./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm UBDT (để b/c);
- Lưu: VT, Vụ KHTC (02).

KT. BỘ TRƯỞNG CHỦ NHIỆM
THỨ TRƯỞNG, PHÓ CHỦ NHIỆM

Lê Sơn Hải

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 1157 /BTNMT-MT	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
V/v cử cán bộ tham gia Hội đồng thẩm định và tham gia ý kiến đối với báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	*Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2023*

Kính gửi: Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh
(thông qua Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Phúc đáp Công văn số 993/HĐTĐ-QLQH ngày 15 tháng 02 năm 2023 của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh về việc mời tham gia Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh Tây Ninh với tư cách là Thành viên để thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC) của Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây viết tắt là Quy hoạch), Bộ Tài nguyên và Môi trường cử thành viên tham gia như sau:

- Ông Nguyễn Thượng Hiền, Phó Vụ trưởng Vụ Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường tham gia với tư cách là Thành viên. Số điện thoại liên hệ: 0989.198.952; Email: nthien@monre.gov.vn; hienhoatung@gmail.com.

Về nội dung tham gia ý kiến đối với báo cáo ĐMC của Quy hoạch: Chi tiết được thể hiện tại Phụ lục kèm theo Công văn này.

Trên đây là ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường gửi quý Bộ tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- PTTgCP, Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- UBND tỉnh Tây Ninh;
- Lưu: VT, MT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Võ Tuấn Nhân

PHỤ LỤC

Ý kiến về nội dung đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC) của Quy hoạch tỉnh Tây Ninh

1. Những nội dung đạt được đối với báo cáo đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC) của Quy hoạch:

- Cấu trúc của báo cáo ĐMC: về cơ bản tuân thủ theo quy định tại mẫu 01b Phụ lục II Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Báo cáo đã đưa ra được sự cần thiết của nhiệm vụ lập Quy hoạch, các văn bản quy phạm pháp luật làm cơ sở để thực hiện nhiệm vụ.

2. Những nội dung cần bổ sung làm rõ, chỉnh sửa, hoàn thiện:

2.1. Phần mở đầu: căn cứ kỹ thuật là các hướng dẫn kỹ thuật về ĐMC và các tài liệu kỹ thuật có liên quan đến các bước và các phương pháp được sử dụng để thực hiện ĐMC; các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường thuộc hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, không phải là căn cứ kỹ thuật. Vì vậy, cần rà soát để xác định đúng các căn cứ pháp luật và kỹ thuật thực hiện ĐMC. Mặt khác, cần rà soát lại sơ đồ mối liên kết giữa quá trình xây dựng Quy hoạch và ĐMC và chỉnh sửa những nội dung liên quan đến các bước xây dựng Quy hoạch.

Về mối quan hệ với các quy hoạch có liên quan, đề nghị bổ sung Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ về quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và rà soát các nội dung liên quan để bảo đảm tính thống nhất. Bên cạnh đó, đề nghị rà soát, bổ sung và phân tích mối quan hệ của quy hoạch tỉnh với các quy hoạch ngành quốc gia cùng kỳ quy hoạch 2021 - 2030 có liên quan đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt.

2.2. Chương 2: cần rà soát lại các nội dung của quá trình thực hiện ĐMC, bao gồm thời gian nhận dạng các vấn đề tác động trong quá khứ và thời gian dự báo các tác động của các vấn đề môi trường chính trong quá trình thực hiện Quy hoạch để xác định thời gian thực hiện ĐMC theo quy định tại Phụ lục II, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

2.3. Chương 3: Đánh giá tác động của Quy hoạch đến môi trường:

- Chưa có sự kết nối giữa các vấn đề môi trường chính được lựa chọn và nội

dung đánh giá, dự báo các vấn đề môi trường chính trong trường hợp không thực hiện và thực hiện Quy hoạch. Đề nghị rà soát lại và chỉnh sửa để đảm bảo tính hợp lý và khoa học trong các nội dung của chương này theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Lưu ý nội dung đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến các vấn đề môi trường chính đã được xác định trong trường hợp không thực hiện quy hoạch cũng như đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến quy hoạch và ngược lại. Vì vậy, cần rà soát lại các nội dung của phần này và bổ sung nội dung liên quan về tác động của Quy hoạch đến biến đổi khí hậu.

2.4. Chương 4: Giải pháp duy trì xu hướng tích cực, giảm thiểu xu hướng tiêu cực của các vấn đề môi trường chính:

- Nội dung này chưa bám sát theo các vấn đề môi trường chính; có sự chồng chéo và nhầm lẫn trong việc nhận dạng các các giải pháp cơ chế, chính sách pháp luật và tổ chức quản lý với giải pháp công nghệ - kỹ thuật, lưu ý các phương án quản lý môi trường không phải là giải pháp công nghệ - kỹ thuật. Cần bổ sung nội dung tổ chức thực hiện và cơ quan chủ trì thực hiện theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Chưa xác định được các công cụ quản lý môi trường để định hướng áp dụng các công cụ này trong quá trình thực hiện Quy hoạch. Cần chỉ ra các vấn đề môi trường đối với các dự án đầu tư được đề xuất trong Quy hoạch trên cơ sở phân bố các loại hình dự án theo không gian và thời gian để định hướng thực hiện đánh giá tác động môi trường, từ đó chỉ ra những vấn đề môi trường để đánh giá, xác định nhóm đối tượng chịu tác động và dự báo khu vực bị tác động trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Chương trình quản lý và giám sát môi trường trong quá trình triển khai thực hiện Quy hoạch: bổ sung nội dung liên quan đến nguồn lực cần thiết (nhân lực, kinh phí và các điều kiện vật chất khác cần thiết cho hoạt động giám sát); bổ sung nội dung báo cáo kết quả thực hiện Quy hoạch, thực hiện chương trình quản lý môi trường và kết quả giám sát môi trường đến cơ quan phê duyệt Quy hoạch.

3. Những vấn đề khác cần lưu ý:

- Rà soát lại các nội dung của ĐMC để cụ thể hóa các nội dung liên quan đến các vấn đề môi trường chính theo vùng lãnh thổ, từ đó đề xuất các giải pháp, chương trình và giám sát để đảm bảo duy trì xu hướng tích cực, giảm thiểu xu hướng tiêu cực trong quá trình triển khai thực hiện Quy hoạch.

- Theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Luật Quy hoạch năm 2017: quy hoạch tỉnh phải phù hợp quy hoạch vùng, quy hoạch cấp quốc gia. Tuy nhiên, hiện nay

nhiều quy hoạch cấp quốc gia đang được lập, chưa được cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt. Vì vậy, cần làm rõ các vấn đề có liên quan chưa được xác định để đề xuất định hướng xử lý nhằm đảm bảo tính đồng bộ của hệ thống quy hoạch, trong đó có nội dung liên quan đến sự phù hợp của phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, quan trắc môi trường trong Quy hoạch tỉnh với định hướng phân vùng môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, quản lý chất thải, quan trắc và cảnh báo môi trường trong Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia; nhiệm vụ, giải pháp bảo tồn đa dạng sinh học trong Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia; nhiệm vụ, giải pháp về quan trắc môi trường trong Quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia.

- Đề nghị tiếp tục chỉnh sửa và hoàn thiện cấu trúc báo cáo theo mẫu số 01b Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường 2020.

BỘ TƯ PHÁP	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 788/BTP-PLDSKT V/v tham gia ý kiến đối với quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	*Hà Nội, ngày 09 tháng 3 năm 2023*

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
ĐẾN Số: 10314
Ngày 10/3/2023
Chuyển:
Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư
(Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh)

Trả lời Công văn số 989/HĐTĐ-CV ngày 15/02/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050) đề nghị tham gia ý đối với quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, căn cứ vào thông tin được cung cấp và theo chức năng, nhiệm vụ được giao, Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

1. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Quy hoạch năm 2017, nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt tại Quyết định số 775/QĐ-TTg ngày 08/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ. Thực hiện khoản 1 Điều 2 Quyết định số 775/QĐ-TTg ngày 08/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ, việc Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh lập hồ sơ Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050) để tổ chức thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt là có cơ sở pháp lý, đúng thẩm quyền.

2. Hồ sơ thẩm định Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, (gồm: (i) Tờ trình về thẩm định Quy hoạch tỉnh; (ii) Báo cáo tổng hợp quy hoạch tỉnh; (iii) Báo cáo tóm tắt quy hoạch tỉnh; (iv) Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược; (v) Báo cáo tổng hợp tiếp thu, giải trình các ý kiến tham gia quy hoạch tỉnh; (vi) dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh; (vii) Bản sao các văn bản góp ý quy hoạch tỉnh; (viii) hệ thống sơ đồ, bản đồ thể hiện nội dung quy hoạch tỉnh; (ix) cơ sở dữ liệu về quy hoạch tỉnh) đã đầy đủ về thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật Quy hoạch.

3. Đối với Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tỉnh, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh nghiên cứu, rà soát, bám sát nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt tại Quyết định số 775/QĐ-TTg ngày 08/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ và bảo đảm thể hiện đầy đủ, rõ ràng các nội dung theo yêu cầu tại Điều 27 Luật Quy hoạch năm 2017, Điều

28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.

Đối với các nội dung chi tiết của Quy hoạch, đây là những vấn đề mang tính chuyên môn, kỹ thuật; không thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tư pháp theo quy định tại Nghị định số 98/2022/NĐ-CP ngày 29/11/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp. Nội dung quy hoạch tỉnh Tây Ninh không có nội dung phương án phát triển ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp thuộc phạm vi tích hợp trong Quy hoạch tỉnh; do đó, Bộ Tư pháp không có ý kiến cụ thể về các nội dung này. Đề nghị Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh tham khảo ý kiến của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực về nội dung phương án phát triển ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý trong Quy hoạch tỉnh Tây Ninh (trong đó có ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược) để thẩm định, đảm bảo sự liên kết, tính đồng bộ và hệ thống giữa các ngành, giữa các địa phương trong vùng, tuân thủ đúng quy định của pháp luật quy hoạch và pháp luật có liên quan; quy định tại khoản 2 Điều 33 Luật Quy hoạch: "*Báo cáo thẩm định... quy hoạch tỉnh phải thể hiện rõ ý kiến của Hội đồng thẩm định quy hoạch về nội dung thẩm định quy hoạch quy định tại Điều 32 của Luật này và kết luận về việc quy hoạch đủ điều kiện hoặc chưa đủ điều kiện trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.*".

Trên đây là ý kiến của Bộ Tư pháp đối với Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, xin gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh) tham khảo, hoàn thiện đúng quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TT Đặng Hoàng Oanh (để b/c);
- PVT Lê Đại Hải (để biết);
- Lưu: VT, Vụ PLDSKT (PLKTTH, N. Trang).

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ PHÁP LUẬT DÂN SỰ - KINH TẾ

Nguyễn Thanh Tú

01 001

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 748 /BTTTT-VCL V/v tham gia ý kiến thẩm định đối với quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	*Hà Nội, ngày 08 tháng 3 năm 2023*

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
ĐẾN Số: 10044
Ngày: 13.3.2023
Chuyển:
Lưu hồ sơ ký hiệu HS:

Kính gửi: Hội đồng thẩm định Quy hoạch tỉnh

Bộ Thông tin và Truyền thông đã nhận văn bản số 989/HĐTĐ-CV ngày 15/02/2023 của Hội đồng thẩm định Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 về việc tham gia ý kiến thẩm định đối với Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ các quy định của pháp luật về quy hoạch và Quyết định số 1291/QĐ-HĐTĐ ngày 17/9/2021 của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Quy hoạch tỉnh về ban hành Quy trình và nội dung thẩm định Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; sau khi nghiên cứu hồ sơ Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Bộ Thông tin và Truyền thông có ý kiến thẩm định đối với hồ sơ Quy hoạch tỉnh như sau:

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ QUY HOẠCH

Hồ sơ quy hoạch, bao gồm:

- Tờ trình số 11/TTr-SKHĐT ngày 27/01/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh về việc thẩm định Quy hoạch tỉnh và Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Báo cáo Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt);

- Hệ thống bản đồ, danh mục và tỷ lệ bản đồ quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

II. NHẬN XÉT CHUNG VỀ HỒ SƠ QUY HOẠCH

Sau khi nhận được hồ sơ quy hoạch tỉnh Tây Ninh, Bộ Thông tin và Truyền thông đánh giá về hồ sơ quy hoạch như sau:

1. Danh mục hồ sơ: Danh mục hồ sơ quy hoạch tỉnh Tây Ninh đầy đủ tính hợp lệ theo quy định tại Điều 4: Hồ sơ trình thẩm định quy hoạch tỉnh tại Quyết định số 1291/QĐ-HĐTĐ ngày 17/9/2021 của Chủ tịch Hội đồng thẩm định.

2. Kết luận: thành phần hồ sơ Quy hoạch tỉnh Tây Ninh đủ điều kiện để nhận xét, đánh giá.

III. NHẬN XÉT CỤ THỂ VỀ NỘI DUNG QUY HOẠCH

1. Nhận xét, đánh giá thẩm định về nội dung quy hoạch theo quy định tại các Điều 12, 14 và 15 của Quy trình và nội dung thẩm định ban hành kèm theo Quyết định số 1291/QĐ-HĐTĐ ngày 17/9/2021 của Chủ tịch Hội đồng thẩm định.

a) Sự phù hợp với nhiệm vụ lập quy hoạch đã được phê duyệt

Tên quy hoạch, thời kỳ quy hoạch, phạm vi ranh giới quy hoạch: "Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050": phù hợp với tên quy hoạch trong nhiệm vụ lập quy hoạch đã được phê duyệt.

b) Nội dung quy hoạch theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/05/2019 của Chính phủ

Báo cáo Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đầy đủ nội dung theo quy định của Luật Quy hoạch và Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/05/2019 của Chính phủ trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

2. Nhận xét, đánh giá chi tiết về nội dung quy hoạch theo nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch thẩm định phù hợp với chức năng quản lý nhà nước của Bộ Thông tin và Truyền thông

2.1. Ý kiến tổng quan đối với báo cáo tổng hợp

Bộ Thông tin và Truyền thông đã có văn bản số 4533/BTTTT-VCL ngày 06/9/2022 về việc tham gia ý kiến Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tuy nhiên, báo cáo tổng hợp chưa tiếp thu một số ý kiến góp ý, cụ thể như sau:

- Trang 277, mục 7.1.3.3. Hạ tầng viễn thông thụ động, chưa chỉnh sửa, bổ sung nội dung hiện trạng hạ tầng mạng cáp (khu vực chưa có hạ tầng cáp quang); hạ tầng mạng thông tin di động (hiện trạng khu vực lõm sóng, sóng yếu; khu vực chưa có sóng thông tin di động; hiện trạng mạng thông tin di động theo cơ cấu vị trí trạm thu phát sóng thông tin di động, sử dụng chung cơ sở hạ tầng); hạ tầng

viễn thông thụ động; hạ tầng kết nối phục vụ chính quyền điện tử hướng đến chính quyền số và đánh giá về sự sẵn sàng của hạ tầng viễn thông cho chuyển đổi số.

- Về bản đồ: chưa điều chỉnh, bổ sung các nội dung trong bản đồ hiện trạng/bản đồ phương án phát triển hạ tầng viễn thông thụ động/thông tin và truyền thông.

Đề nghị rà soát các nội dung liên quan tới mục tiêu phát triển lĩnh vực thông tin và truyền thông đồng bộ, thống nhất với các chỉ tiêu, định hướng phát triển của các văn bản có liên quan (*Chiến lược quốc gia về phát triển Kinh tế số, xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 - Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022; dự thảo Quy hoạch hạ tầng ngành Thông tin và Truyền thông*) đồng thời bảo đảm tính khả thi, phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương. Quy hoạch phát triển địa phương cần gắn kết với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và quy hoạch phát triển của vùng, đồng thời gắn kết với định hướng phát triển của ngành trong thời kỳ tới. Các mục tiêu của tỉnh cần ưu tiên các giải pháp liên kết vùng, tận dụng lợi thế của các địa phương lân cận có thế mạnh về nguồn lực để triển khai đồng bộ với định hướng phát triển của ngành trên cơ sở tìm ra tiềm năng, lợi thế của tỉnh, từ đó xác định tính đặc thù và yếu tố khác biệt của địa phương gắn với yêu cầu quy hoạch của tỉnh. Bên cạnh đó, quy hoạch cũng cần đưa ra các yêu cầu phát triển mang tính đột phá, đổi mới nhằm tận dụng hiệu quả các cơ hội để nâng cao năng suất lao động, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế, hiệu lực, hiệu quả quản lý xã hội. Dự thảo quy hoạch trong lĩnh vực thông tin và truyền thông tích hợp trong quy hoạch tỉnh Tây Ninh chưa thể hiện được những nội dung này.

Đề nghị căn cứ vào các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và định hướng phát triển của các ngành, lĩnh vực có liên quan (giao thông, xây dựng, năng lượng,...) tại địa phương để nghiên cứu, bổ sung các mục tiêu, giải pháp phát triển hạ tầng viễn thông thụ động, hạ tầng mạng cáp, hạ tầng mạng thông tin di động trong quá trình triển khai phát triển hạ tầng liên ngành như giao thông, xây dựng năng lượng,... nhằm tạo cơ sở cho việc xây dựng, triển khai đồng bộ hạ tầng kỹ thuật và nâng cao hiệu quả sử dụng chung cơ sở hạ tầng trên địa bàn tỉnh. Dự thảo quy hoạch trong lĩnh vực thông tin và truyền thông tích hợp trong quy hoạch tỉnh Tây Ninh chưa đưa ra được mục tiêu, giải pháp để giải quyết vấn đề này.

Đề nghị nghiên cứu các phương án phát triển thông tin và truyền thông theo hướng thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số tại địa phương. Những định hướng/phương án thể hiện tại dự thảo quy hoạch trong lĩnh vực thông tin và truyền thông tích hợp trong quy hoạch tỉnh chưa đề cập rõ ràng đến nội dung này. Cần tăng cường áp dụng công nghệ số, nền tảng số, các thành tựu khoa học và công nghệ trong các ngành, lĩnh vực để phát triển sản xuất, kinh doanh... Đề nghị nghiên cứu Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030, từ đó thực hiện rà soát, nghiên cứu và đưa ra các giải pháp nhằm bám sát chỉ tiêu của cả nước, đảm bảo đạt được mục tiêu cơ bản đến năm 2030.

2.2. Ý kiến cụ thể đối với báo cáo tổng hợp

Trang 19, mục 2.3.2.3.2. Dịch vụ công nghệ thông tin và truyền thông, đề nghị nghiên cứu lại nội dung này và bổ sung những số liệu để chứng minh. Hiện nội dung của phần này chưa thể hiện rõ hiện trạng phát triển dịch vụ công nghệ thông tin và truyền thông trên địa bàn tỉnh.

Trang 277, mục 7.1.3.3. Hạ tầng viễn thông thụ động, đề nghị nghiên cứu Thông tư 14/2013/TT-BTTTT ngày 21/06/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông để xác định rõ phạm vi, quy mô của hạ tầng viễn thông thụ động, từ đó thể hiện chính xác hơn nội dung của mục này. Những thành phần không thuộc hạ tầng viễn thông thụ động đề nghị thể hiện tại những mục phù hợp.

Trang 279, mục 7.1.3.4. Chính quyền điện tử, ứng dụng CNTT trong hoạt động KT- XH, đề nghị bổ sung hiện trạng triển khai địa chỉ IPv6 trong cơ quan nhà nước.

Trang 286, mục (2). Kinh tế số, đề nghị nghiên cứu lại chỉ tiêu, công cụ đo lường Kinh tế số tại Quyết định số 1354/QĐ-BTTTT ngày 07/07/2022 để xác định rõ khái niệm, phạm vi của kinh tế số, từ đó thể hiện chính xác nội dung về kinh tế số, công nghiệp công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh. Bổ sung nội dung đánh giá hiện trạng phát triển công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp công nghệ số tại địa phương.

Trang 287, mục 7.1.3.7. Mạng lưới cơ sở báo chí, đề nghị đổi thành "*Mạng lưới cơ sở báo chí, in và phát hành xuất bản phẩm, phát thanh, truyền hình, thông tin cơ sở, thông tin điện tử, thông tin đối ngoại*".

Trang 635, mục 1.6.3.6. An toàn, an ninh thông tin, đề nghị chuyển thành *"An toàn thông tin mạng"* và bổ sung những nội dung phương án sau:

Thực hiện đảm bảo an toàn, an ninh mạng theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin và an ninh mạng đối với các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức chính trị, xã hội trên địa bàn tỉnh.

Người sử dụng Internet có cơ hội tiếp cận hoạt động nâng cao nhận thức, kỹ năng và công cụ đảm bảo an toàn, an ninh mạng.

Chú trọng đào tạo, phát triển đội ngũ chuyên gia tại tất cả các mảng của an toàn thông tin mạng; nâng cao chất lượng nhân lực an toàn thông tin mạng của tỉnh so với khu vực và cả nước.

Đảm bảo kinh phí cho công tác bảo đảm an toàn, an ninh mạng đạt tối thiểu 10% kinh phí khoa học công nghệ, chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin.

Đảm bảo mỗi cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nhà nước có một bộ phận được giao nhiệm vụ làm đầu mối, chịu trách nhiệm về công tác bảo đảm an toàn, an ninh mạng. Khuyến khích các doanh nghiệp khác có một đơn vị bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

Trang 636, mục 1.6.3.7. Công nghiệp công nghệ thông tin, đề nghị điều chỉnh thành *"Công nghiệp công nghệ thông tin, công nghệ số"* và bổ sung quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển công nghệ số trên địa bàn tỉnh.

2.3. Ý kiến cụ thể đối với dự thảo Quyết định phê duyệt

Trang 18, mục 8. Phương án phát triển mạng lưới viễn thông, đề nghị bổ sung phương án phát triển các lĩnh vực còn thiếu trong hạ tầng thông tin và truyền thông thống nhất với nội dung đã được thể hiện tại Mục 1.6. Hạ tầng thông tin và truyền thông tại trang 623 của Báo cáo tổng hợp quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2.4. Ý kiến cụ thể đối với bản đồ

Bản đồ số 2.12: Hiện trạng hạ tầng viễn thông thụ động tỉnh Tây Ninh: đề nghị thể hiện hiện trạng mạng cáp quang liên tỉnh, nội tỉnh.

Bản đồ số 2.18: Bản đồ phương án phát triển hạ tầng thông tin truyền thông: Đề nghị rà soát và thể hiện lại nội dung của bản đồ: hiện trạng thông tin và truyền thông hay phương án phát triển hạ tầng thông tin truyền thông. Hiện bản đồ có

tên hiện trạng nhưng thể hiện phương án quy hoạch 5G và khu vực ưu tiên ngầm hóa, phát triển cột ăng ten.

Bản đồ số 7.4. Bản đồ hiện trạng phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông: Đề nghị rà soát và thể hiện lại nội dung của bản đồ: hiện trạng thông tin và truyền thông hay phương án phát triển hạ tầng thông tin truyền thông. Hiện bản đồ có tên hiện trạng nhưng thể hiện phương án quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông. Những nội dung thuộc hạ tầng viễn thông thụ động cần điều chuyển sang bản đồ hiện trạng và bản đồ phương án phát triển hạ tầng viễn thông thụ động.

Bản đồ số 7.5. Bản đồ phương án phát triển hạ tầng viễn thông thụ động: đề nghị nghiên cứu khái niệm của hạ tầng viễn thông thụ động để thể hiện chính xác các nội dung về hạ tầng viễn thông thụ động trên bản đồ. Những nội dung không thuộc hạ tầng viễn thông thụ động cần điều chuyển sang bản đồ hiện trạng và bản đồ phương án phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông.

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Quy hoạch tỉnh Tây Ninh đủ điều kiện để tổ chức phiên họp thẩm định, cần chỉnh sửa theo ý kiến thẩm định.

2. Nhất trí thông qua quy hoạch sau khi chỉnh sửa theo ý kiến thẩm định.

Trên đây là ý kiến của Bộ Thông tin và Truyền thông đối với quy hoạch tỉnh Tây Ninh; đề nghị Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh xem xét./.

Nơi nhận:
- Như trên (Bộ Kế hoạch và Đầu tư);
- Bộ trưởng Nguyễn Mạnh Hùng (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Huy Dũng;
- Lưu: VT, VCL (4).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Huy Dũng

9658
07.3.2023

BỘ TỔNG THAM MƯU
CỤC TÁC CHIẾN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2023

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Cơ quan Thường trực HĐTĐ quy hoạch tỉnh **Tây Ninh** thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ quy hoạch tỉnh **Tây Ninh** thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Tôi có ý kiến như sau:

1. Ngày 21/8/2022, Bộ Quốc phòng đã có Công văn số 2781/BQP-TM tham gia ý kiến và thống nhất đối với Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Quá trình lập Quy hoạch tỉnh, Cơ quan tổ chức lập Quy hoạch Tỉnh đã tuân thủ quy trình lập quy hoạch; tích hợp cơ bản đầy đủ các nội dung, trong đó đã chủ động phối hợp với Quân khu 7 thực hiện cơ bản việc tích hợp các khu quân sự và địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng vào Quy hoạch Tỉnh. Các quan điểm, mục tiêu, phương hướng phát triển cơ bản phù hợp với quy định của Luật Quy hoạch; các giải pháp, cũng như nguồn lực tổ chức thực hiện về tổng quan bảo đảm tính khả thi. Hồ sơ Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 sau khi tiếp thu, giải trình đủ điều kiện trình Hội đồng thẩm định xem xét, thẩm định.

2. Hiện nay, Bản đồ các khu quân sự và địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh chưa được Bộ Quốc phòng phê chuẩn, đề nghị UBND tỉnh Tây Ninh - Cơ quan tổ chức lập Quy hoạch tỉnh tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Quân khu 7 để kịp thời cập nhật các nội dung quy hoạch ngành của Bộ Quốc phòng và nội dung tích hợp các khu quân sự và địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng vào quy hoạch tỉnh theo tinh thần của Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách pháp luật về quy hoạch; Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025 và ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 9297/VPCP-CN ngày 06/11/2020 về tích hợp Quy hoạch tổng thể bố trí quốc phòng với phát triển kinh tế - xã hội vào hệ thống quy hoạch tỉnh để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa các quy hoạch ngành và phối hợp chặt chẽ giữa quản lý ngành với quản lý lãnh thổ, kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với củng cố, tăng cường thế trận quân sự khu vực phòng thủ; thực hiện tốt công tác quản lý, sử dụng đất quốc phòng; quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Trân trọng đề nghị Cơ quan Thường trực HĐTĐ tổng hợp./.

THÀNH VIÊN HĐTĐ

Nơi nhận :
- Như trên;
- Sở KH và ĐT tỉnh Tây Ninh.

Đại tá Nguyễn Đức Hòe

BỘ NỘI VỤ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 924 /BNV - CQĐP V/v góp ý Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	*Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2023*

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Trả lời Văn bản số 989/HĐTĐ-CV ngày 15/02/2023 của Hội đồng thẩm định Quy hoạch tỉnh về việc góp ý Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:

1. Về Văn bản góp ý

Bộ Nội vụ đã có Văn bản số 4478/BNV-CQĐP ngày 12/9/2022 gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và UBND tỉnh Tây Ninh góp ý dự thảo Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tuy nhiên, Hồ sơ Quy hoạch tỉnh Tây Ninh gửi kèm theo Văn bản số 989/HĐTĐ-CV của Hội đồng thẩm định chưa có nội dung tiếp thu ý kiến của Bộ Nội vụ về đề nghị bổ sung phương án quy hoạch đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo yêu cầu tại Văn kiện Đại hội XIII của Đảng, Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030 và định hướng của Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Vì vậy, đề nghị UBND tỉnh Tây Ninh nghiên cứu, tiếp thu ý kiến nêu trên của Bộ Nội vụ.

2. Về các nội dung khác

a) Căn cứ lập quy hoạch (Mục IV Phần I Báo cáo tổng hợp và Phần mở đầu Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ): Đề nghị bổ sung Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

b) Về phương án phát triển hệ thống đô thị (khoản 3 Mục IV Điều 1 Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Mục VIII Phần II Báo cáo tổng hợp):

- Đề nghị làm rõ cơ sở đề xuất phương án phân loại đô thị của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch, vì phương án này có một số nội dung chưa thống nhất với Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030, cụ thể: Khoản 3 Mục IV Dự thảo Quyết định của Thủ trướng Chính phủ và Trang 534, Trang 535 Báo cáo tổng hợp định hướng xã Chà Là (huyện Dương Minh Châu) là đô thị loại V vào giai đoạn 2021-2025; thị xã Hòa Thành là đô thị loại II, xã Thái Bình và xã Thành Điền (huyện Châu Thành), xã Tân Hưng (huyện Tân Châu),... là đô thị loại V vào giai đoạn 2026-2030, trong khi Quyết định số 241/QĐ-TTg

định hướng thị xã Hòa Thành là đô thị loại III vào giai đoạn 2026-2030 và không có định hướng phân loại các xã nêu trên trong thời gian tới.

- Đề nghị bổ sung vào khoản 3 Mục IV Điều 1 Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ nội dung về phương án thành lập, điều chỉnh mở rộng địa giới các đơn vị hành chính đô thị của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch theo 02 giai đoạn 2021-2025, 2026-2030 và tầm nhìn đến năm 2050. Trong đó lưu ý việc đề xuất các phương án này cần căn cứ vào các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019), Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 và Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022.

Trên đây là ý kiến của Bộ Nội vụ, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Cơ quan thường trực Hội đồng) tổng hợp và có ý kiến với UBND tỉnh Tây Ninh để tiếp thu, hoàn thiện, báo cáo Hội đồng thẩm định xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND tỉnh Tây Ninh;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Duy Thăng;
- Lưu: VT, Vụ CQĐP.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Duy Thăng

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 1467 / BNN-KH	*Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2023*
V/v ý kiến thẩm định quy hoạch Tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Phúc đáp Công văn số 989/HĐTĐ-CV ngày 15/02/2023 của Hội đồng thẩm định Quy hoạch tỉnh về việc tham gia ý kiến góp ý dự thảo "Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050", (sau đây gọi tắt là Đồ án Quy hoạch), Bộ Nông nghiệp và PTNT có ý kiến như sau:

1. Trong quá trình lập Quy hoạch, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã tham gia ý kiến gửi UBND tỉnh Tây Ninh (Văn bản số 6176/BNN-KH ngày 19/9/2022). Nhìn chung, hầu hết các ý kiến góp ý của Bộ Nông nghiệp và PTNT đã được tỉnh Tây Ninh tiếp thu, giải trình tương đối cụ thể (tại Báo cáo số 24/BC-SKHĐT ngày 27/01/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh).

2. Tuy nhiên, để hoàn thiện Đồ án Quy hoạch, Bộ Nông nghiệp và PTNT đề nghị nghiên cứu chỉnh sửa, bổ sung và làm rõ một số nội dung sau:

a) Về căn cứ lập quy hoạch

- Cập nhật bổ sung Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022, Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị Quyết số 24-NQ/TW, ngày 7/10/2022 về phát triển kinh tế- xã hội và bảo đảm quốc phòng an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 154/NQ-CP ngày 23/11/2022 của Chính Phủ ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện NQ số 24-NQ/TW ngày 7/10/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đền năm 2045; Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Rà soát, cập nhật các chiến lược lĩnh vực nông nghiệp đã được duyệt cho giai đoạn tới, như: Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 06/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ); Chiến lược Phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày

01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ). Đồng thời, sắp xếp các căn cứ theo ngành, lĩnh vực để đảm bảo tính logic và thuận tiện cho nghiên cứu tài liệu.

b) Về định hướng phát triển nông nghiệp, nông thôn

Các phương án phát triển nông nghiệp, nông thôn tỉnh Tây Ninh đến năm 2030, định hướng đến năm 2050 phải phù hợp với định hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp tại các Chiến lược phát triển các ngành, lĩnh vực đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, bao gồm: Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 *(Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022)*; Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 *(Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021)*; Chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 *(Quyết định số 1520/QĐ-TTg ngày 06/10/2020)*; Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 *(Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021)*; Chiến lược phát triển thủy lợi Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 *(Quyết định số 33/QĐ-TTg ngày 07/01/2020)*; Chiến lược quốc gia phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 *(Quyết định số 379/QĐ-TTg ngày 17/3/2021);* Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 *(Quyết định 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022)*...

Phương hướng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn, các khu chức năng và hệ thống kết cấu hạ tầng đề nghị bổ sung phương hướng phát triển hạ tầng cho nông nghiệp (hạ tầng lâm nghiệp, phòng chống thiên tai, thủy lợi, thủy sản, nông thôn...).

c) Về các chỉ tiêu sử dụng đất

Các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp (đất lúa, đất rừng) đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 của tỉnh Tây Ninh tại trang 681-683 đã cơ bản phù hợp với "Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2021-2025)" được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022. Tuy nhiên, diện tích đất nông nghiệp (giảm 32.807 ha, trong đó chưa nêu rõ diện tích đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên), diện tích đất phi nông nghiệp tăng 32.807 ha so với Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022; đề nghị rà soát.

d) Hiện nay Bộ Nông nghiệp và PTNT đã cơ bản hoàn thành Hồ sơ xây dựng 04 Quy hoạch ngành quốc gia (Lâm nghiệp; Phòng, chống thiên tai và thủy lợi; Bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản; Hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh

trú bão cho tàu cá). Đề nghị UBND tỉnh Tây Ninh nghiên cứu, rà soát các nội dung liên quan trong Đồ án Quy hoạch phù hợp với các dự thảo các Quy hoạch ngành quốc gia trên.

3. Về việc cử đại diện tham gia thành viên Hội đồng thẩm định

Bộ Nông nghiệp và PTNT cử ông Trần Hoàng Hiệp – Chuyên viên chính Vụ Kế hoạch (điện thoại liên hệ: 0963423311) tham gia.

Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TTr. Phùng Đức Tiến
- TTr. Nguyễn Quốc Trị
- TTr. Nguyễn Hoàng Hiệp
} (để biết);
- Lưu: VT, KH(5).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Trần Thanh Nam

Người ký: Bộ Ngoại giao
Email: ttll.mfa@mofa.gov.vn
Cơ quan: Bộ Ngoại giao
Thời gian ký: 09.03.2023 15:20:10 +07:00

BỘ NGOẠI GIAO	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 943 /BNG-THKT	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
V/v tham gia ý kiến thẩm định đối với Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	*Hà Nội, ngày 8 tháng 3 năm 2023*

Kính gửi: Hội đồng thẩm định Quy hoạch tỉnh.
(Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Phúc công văn số 989/HĐTĐ-CV ngày 15/02/2023 của Quý Hội đồng về việc cho ý kiến thẩm định đối với Hồ sơ Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong phạm vi phụ trách, Bộ Ngoại giao có ý kiến như sau:

1. Hồ sơ Quy hoạch tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 về cơ bản đáp ứng yêu cầu của Luật Quy hoạch 2017, Điều 28 Nghị định 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch, và Quyết định số 775/QĐ-TTg ngày 08/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Các ý kiến góp ý của Bộ Ngoại giao tại công văn số 3902/BNG-THKT ngày 15/9/2022 đối với dự thảo Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tỉnh cơ bản đã được Cơ quan lập Quy hoạch tỉnh Tây Ninh tiếp thu và giải trình.

2. Để Hồ sơ Quy hoạch được hoàn thiện hơn, Bộ Ngoại giao xin có một số góp ý sau:

2.1. Về dự thảo Báo cáo tổng hợp:

- *Về sự cần thiết lập Quy hoạch*, đề nghị chỉnh sửa lại theo hướng ngắn gọn, súc tích, nêu bật được sự cần thiết của việc lập Quy hoạch. Kết quả chi tiết về các lĩnh vực đạt được trong giai đoạn 2010 - 2020 có thể đưa vào phần đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội.

- *Về nguyên tắc lập Quy hoạch*, đề nghị bổ sung nguyên tắc "*phù hợp với điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên*" để đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 4 Luật Quy hoạch năm 2017.

- *Về căn cứ lập Quy hoạch,* đề nghị rà soát, bỏ các văn bản đã hết hiệu lực (như: Nghị quyết 26-NQ/TW ngày 05/08/2008, Nghị quyết 19-NQ/TW ngày 31/10/2012...); bổ sung các văn bản có liên quan như: Quyết định 622/QĐ-TTg ngày 10/05/2017 về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững; Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 25/10/2022 của Chính phủ về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030; Kết luận số 36-KL/TW ngày 23/6/2022 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và

sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao; Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050...

Ngoài ra, đề nghị bổ sung các văn bản có liên quan do tỉnh ban hành; rà soát và sắp xếp văn bản theo nhóm cơ quan ban hành, loại văn bản và trình tự thời gian ban hành.

- Về phát triển lĩnh vực văn hóa:

+ Quan tâm hơn nữa tới việc nâng cao nhận thức người dân toàn vùng, để người dân, doanh nghiệp, nhà chuyên môn được tham gia, đóng góp vào quá trình xây dựng cũng như triển khai bền vững các mục tiêu đề ra; chú trọng thực hiện chính sách bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, di sản đặc trưng, trong đó có Nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ (được UNESCO ghi danh vào Danh sách di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại năm 2013).

+ Chú trọng hơn việc lồng ghép chương trình bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai, giám sát phát thải khí nhà kính; khai thác, sử dụng tài nguyên theo hướng hợp lý, hiệu quả và bền vững, đảm bảo chất lượng môi trường sống, duy trì cân bằng sinh thái, hướng tới nền kinh tế xanh, thân thiện với môi trường; cần bảo vệ, phát triển bền vững rừng và bảo tồn đa dạng sinh học, như tại Vườn Quốc gia Lò Gò - Xa Mát...

+ Đẩy mạnh công tác xây dựng các danh hiệu quốc tế, trong đó có danh hiệu UNESCO (tham gia mạng lưới các thành phố sáng tạo, thành phố học tập...), qua đó góp phần thúc đẩy du lịch, hợp tác, đầu tư.

- Về phát triển cửa khẩu biên giới trên đất liền, đề nghị Cơ quan lập Quy hoạch tiếp tục cân nhắc bổ sung nội dung này vào Quy hoạch nhằm tạo cơ sở để tỉnh Tây Ninh chủ động xây dựng kế hoạch đầu tư cơ sở hạ tầng, mua sắm trang thiết bị hoặc kêu gọi đầu tư xã hội. Việc bổ sung nội dung này vào Quy hoạch sẽ góp phần tạo thuận lợi trong công tác mở, nâng cấp cửa khẩu theo quy định của pháp luật có liên quan.

- Về các cơ hội và thách thức từ hội nhập quốc tế và tham gia các hiệp định thương mại tự do (Điểm 2.2.1, trang 372), cân nhắc bổ sung nội dung: "*Việc tăng cường mở rộng hội nhập quốc tế, với hội nhập kinh tế quốc tế là trọng tâm, giúp Việt Nam có cơ hội tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu, trở thành mắt xích quan trọng trong dây chuyền sản xuất của thế giới. Tuy nhiên, việc tận dụng hiệu quả các FTA song phương và đa phương thế hệ mới như CPTPP, EVFTA, RCEP... trở thành thách thức khá lớn đối với các địa phương. Các địa phương, trong đó có Tây Ninh, cần chú trọng nâng cao hiệu quả tận dụng các cam kết FTA thông qua việc nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp và sản phẩm địa phương nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn cao của khu vực và thế giới*".

- *Về quan điểm phát triển* (Điểm 7, trang 393), cân nhắc bổ sung như sau: "Bảy là, kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội... Mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động, *tích cực* hội nhập quốc tế, *chú trọng hội nhập kinh tế quốc tế* để tạo môi trường thuận lợi cho hợp tác phát triển kinh tế - xã hội".

- *Về quan điểm của Hạ tầng cấp điện* (trang 582), cân nhắc bổ sung nội dung: "*Huy động nguồn lực quốc tế để đánh giá chính xác tiềm năng điện mặt trời nhằm hỗ trợ chuyển đổi năng lượng*".

- *Về chỉ tiêu sử dụng đất,* đề nghị rà soát đảm bảo Quy hoạch thực hiện đúng diện tích đã được phân bổ theo Quyết định 326.

2.2. Về dự thảo Quyết định:

- Tại điểm II.2, Điều 1 (trang 3), đề nghị chỉnh sửa lại tiêu đề "Mục tiêu phát triển" thành "Mục tiêu phát triển *đến năm 2030*".

- Về mục tiêu tổng quát (trang 4), cân nhắc chỉnh sửa như sau: "...; mở rộng hợp tác, *thúc đẩy* hội nhập ~~ngày càng sâu rộng với thế giới~~ *quốc tế toàn diện, sâu rộng, linh hoạt, hiệu quả, với trọng tâm là hội nhập kinh tế quốc tế, tận dụng nguồn lực quốc tế phục vụ phát triển kinh tế - xã hội*".

Đồng thời, cân nhắc mục tiêu đến năm 2030 trở thành tỉnh "có môi trường sống tốt *bậc nhất khu vực*" cho phù hợp và có tính khả thi hơn.

2.3. Một số ý kiến khác:

- Đề nghị rà soát và chỉnh sửa lại chiều dài đường biên giới Việt Nam - Campuchia hiện nay là "*khoảng 1258 km*" trong toàn bộ Hồ sơ Quy hoạch.

- Đề nghị rà soát, sử dụng tên gọi "cửa khẩu song phương" (thay vì cửa khẩu quốc gia) trong toàn bộ Hồ sơ Quy hoạch để phù hợp với thỏa thuận giữa Việt Nam và Campuchia, cũng như quy định của pháp luật trong nước.

- Về bản đồ, đề nghị rà soát đảm bảo hệ thống bản đồ được xây dựng theo quy định (tỷ lệ, tọa độ) và thể hiện được đầy đủ Quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa tại các bản đồ có liên quan.

- Đề nghị Cơ quan lập quy hoạch rà soát, tham khảo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại công văn số 373/BKHĐT-QLQH ngày 22/01/2021 và công văn số 4220/BKHĐT-QLQH ngày 01/7/2021 đảm bảo dự thảo Báo cáo Tổng hợp, Báo cáo tóm tắt và dự thảo Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ đảm bảo về cấu trúc và nội dung theo quy định của Luật Quy hoạch, Nghị định 37 và các văn bản có liên quan.

Bộ Ngoại giao xin gửi ý kiến trên để Quý Hội đồng tham khảo, tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Các đơn vị: UBBG, TCQT, KTĐP, UNESCO, ĐNA;
- Lưu: HC, THKT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Minh Vũ

BỘ XÂY DỰNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1111 /BXD-QHKT V/v tham gia ý kiến thẩm định Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	*Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2023*

Kính gửi: Hội đồng thẩm định Quy hoạch tỉnh

Bộ Xây dựng nhận được công văn số 989/HĐTĐ-CV ngày 15/02/2023 của Hội đồng thẩm định Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 về việc tham gia ý kiến thẩm định đối với Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (QH tỉnh Tây Ninh). Sau khi nghiên cứu, Bộ Xây dựng có ý kiến như sau:

1. Đánh giá hồ sơ dự thảo QH tỉnh Tây Ninh:

a) Về sự phù hợp với Nhiệm vụ quy hoạch đã được phê duyệt

Báo cáo QH tỉnh Tây Ninh cơ bản đã nêu đầy đủ nội dung được xác định tại Quyết định số 775/QĐ-TTg ngày 08/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

b) Về việc tuân thủ quy trình lập quy hoạch:

Dự thảo Quy hoạch đã được UBND tỉnh Tây Ninh lấy ý kiến Bộ Xây dựng tại văn bản số 2836/UBND-KT ngày 09/9/2022; Bộ Xây dựng đã có ý kiến tại văn bản số 4615/BXD-QHKT ngày 12/10/2022.

Các ý kiến của Bộ Xây dựng tại văn bản nêu trên đã được UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tiếp thu, giải trình gửi kèm hồ sơ Quy hoạch tại công văn số 989/HĐTĐ-CV ngày 15/02/2023. Tuy nhiên, một số nội dung chưa được giải trình, tiếp thu chưa đầy đủ như: rà soát, loại bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do không liên quan đến công tác lập quy hoạch tỉnh Tây Ninh (Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14); văn bản hết hiệu lực (Quyết định số 925/QĐ-TTg ngày 29/6/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng biên giới Việt Nam – Campuchia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030); làm rõ các hạn chế, bất cập của hệ thống hạ tầng kỹ thuật của tỉnh Tây Ninh, trong đó tập trung làm rõ đối với các khu vực tập trung phát triển đô thị, công nghiệp của Tỉnh như thành phố Tây Ninh, các thị xã Trảng Bàng, Hòa Thành; các huyện Gò Dầu, Bến Cầu; rõ vai trò, tích chất của các đô thị trong tỉnh; mối liên kết giữa các đô thị, đô thị - khu công nghiệp, đô thị - khu du lịch làm cơ sở lập quy hoạch chung đô thị; nguyên tắc quản lý phát triển đô thị tại từng phân vùng...

c) Về tích hợp các nội dung quy hoạch: Bộ Xây dựng không thực hiện lập các nội dung quy hoạch trong QH tỉnh Tây Ninh và không có thêm ý kiến đối với việc tích hợp các nội dung quy hoạch của các Bộ, ngành khác và địa phương liên quan được phân công thực hiện.

e) Về sự phù hợp với quy định tại mục 2 chương II của Luật Quy hoạch

Nội dung được nghiên cứu tại Báo cáo QH tỉnh Tây Ninh cơ bản phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật Quy hoạch và Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.

2. Một số nội dung đề nghị nghiên cứu chỉnh sửa, bổ sung:

- Bổ sung các Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội bao gồm: Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị và Nghị quyết số 595/NQ-UBTVQH15 ngày 12/9/2022 về việc tiếp tục thực hiện chủ trương sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, xã.

- Quyết định số 775/QĐ-TTg ngày 08/6/2020 xác định việc đánh giá tình hình thực hiện Quy hoạch thời kỳ trước là một trong các nhiệm vụ cần thực hiện trong quá trình lập quy hoạch. Do đó, đề nghị bổ sung nội dung đánh giá, làm rõ kết quả đạt được so với mục tiêu, định hướng và dự báo tại quy hoạch thời kỳ trước, nêu cụ thể những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế. Xác định những vấn đề trọng tâm cần giải quyết về phát triển đô thị và nông thôn và thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng.

- Về hiện trạng phát triển đô thị:

+ Đề nghị làm rõ quy mô dân số tại đô thị hiện có, trong đó, bổ sung các số liệu về tăng trưởng dân số đô thị qua các năm để đánh giá về nhu cầu sử dụng đất tại các đô thị và nhận định về "*xu hướng đang có tình trạng xuất cư ra khỏi khu vực nội thị*".

+ Bổ sung phân tích, đánh giá thực trạng các chỉ tiêu liên quan đến tỷ lệ đất giao thông đô thị; hệ thống chiếu sáng công cộng; hệ thống hồ đô thị, hồ điều hòa; công tác quản lý, đầu tư phát triển hệ thống cấp nước; các khó khăn, vướng mắc trong quản lý, vận hành hệ thống cấp nước.

- Về phương án tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội:

+ Phương án tổ chức không gian cần nghiên cứu, đề xuất phù hợp với các nhiệm vụ, giải pháp được xác định tại Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07/10/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đang được tổ chức lập;

+ Bổ sung nội dung bố trí không gian các công trình, dự án quan trọng, vùng bảo tồn đã được xác định tại quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng Đông Nam Bộ trong phương án quy hoạch tỉnh. Xác định rõ phạm vi các khu vực khuyến khích phát triển, khu vực hạn chế phát triển và các khu vực cần bảo tồn, bảo vệ môi trường theo quy định tại khoản 5 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

- Về định hướng phát triển hệ thống đô thị:

+ Các vùng phát triển đô thị (vùng đô thị công nghiệp; vùng đô thị văn hóa, dịch vụ và du lịch; vùng đô thị sinh thái và cảnh quan) được đề xuất tại khoản 1.1.5.1 mục VIII phần II của Báo cáo quy hoạch cần xác định rõ phạm vi, nguyên tắc quản lý phát triển đô thị đối với từng vùng phát triển, làm cơ sở triển khai thực hiện các quy hoạch chung đô thị và tổ chức quản lý sau khi quy hoạch tỉnh Tây Ninh được phê duyệt.

+ Phương án phát triển hệ thống đô thị cần làm rõ cơ sở, căn cứ để đề xuất phát triển 07 đô thị mới loại V gồm: Chà Là, Phước Tân, Thái Bình, Thanh Điền, Tân Hưng, Tân Lập, Mỏ Công và dự kiến phạm vi hành chính của các đô thị mới.

+ Việc đề xuất phát triển thành lập thị xã Dương Minh Châu trên phạm vi toàn huyện đạt tiêu chí đô thị loại IV (thị xã thuộc tỉnh) đồng thời với việc phát triển đô thị Chà Là thành đô thị loại V (thị trấn thuộc huyện Dương Minh Châu) là chưa phù hợp với quy định về tổ chức đơn vị hành chính đô thị.

+ Làm rõ phạm vi dự kiến của các đô thị mở rộng và phương án tổ chức đơn vị hành chính đô thị trên địa bàn tỉnh, làm cơ sở lập và quản lý quy hoạch chung đô thị đồng bộ, hiệu quả.

+ Làm rõ quy mô dân số dự kiến của các đô thị theo các giai đoạn phù hợp với dự báo tăng trưởng dân số toàn tỉnh và cơ sở để đề xuất nâng cấp 15 xã tại 04 huyện, thị xã (Hòa Thành, Trảng Bàng, Gò Dầu, Bến Cầu) thành phường trong giai đoạn 2021-2025, trong đó có 06 xã thuộc khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài.

- Về phát triển nhà ở:

Theo Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Tây Ninh đến năm 2030 tại Quyết định số 3629/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của UBND tỉnh Tây Ninh, dự kiến số lượng nhà ở xã hội đến năm 2030 là khoảng 24.300 căn; tuy nhiên, tại dự thảo quy hoạch đề xuất khoảng 19.500 căn. Do đó, đề nghị rà soát nội dung quy hoạch để thống nhất với Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia và Chương trình phát triển nhà ở của tỉnh. Đồng thời, đề nghị làm rõ định hướng phát triển nhà chung cư, nhà ở cho thuê tại các đô thị Tây Ninh, Hòa Thành; làm rõ nhu cầu, định hướng quy hoạch bố trí quỹ đất để phát triển nhà ở xã hội phù hợp với quy định pháp luật.

- Về kết cấu hạ tầng kỹ thuật: Bổ sung diện tích tối thiểu cho các nhà máy nước, trạm cấp nước, nhà máy xử lý nước thải, trạm xử lý nước thải đảm bảo phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN01:2021/BXD; bổ sung phương án kết nối hệ thống thủy lợi với mạng lưới thoát nước đảm bảo hiệu quả của công tác thoát nước chống ngập trên địa bàn tỉnh.

- Về các khu kinh tế cửa khẩu (KKTCK): Hiện nay, KKTCK Mộc Bài đang được UBND tỉnh Tây Ninh lập quy hoạch chung theo Quyết định số 966/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ; KKTCK Xa Mát đã có chủ trương của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng. Do đó, việc bố trí và tổ chức không gian trong các KKTCK cần được đề xuất trên cơ sở quy hoạch chung xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Về tổ chức thực hiện: Đề nghị làm rõ các giải pháp để quản lý, phát triển hệ thống đô thị, nông thôn, khu chức năng trên địa bàn tỉnh theo quy hoạch tỉnh được

phê duyệt; xác định các đô thị, khu chức năng cần rà soát, điều chỉnh quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng làm cơ sở để quản lý, lập dự án đầu tư xây dựng.

- Về hệ thống bản đồ:

+ Bản đồ phương án phát triển hệ thống đô thị, nông thôn cần làm rõ các phân vùng phát triển đô thị, thể hiện đầy đủ các đô thị dự kiến theo các giai đoạn đến năm 2025, đến năm 2030.

+ Hiện nay, hồ Dầu Tiếng là nguồn nước cấp cho các tỉnh, thành phố vùng Đông Nam Bộ. Đề nghị làm rõ yêu cầu, nguyên tắc, phạm vi bảo vệ nguồn nước và thể hiện rõ trên bản đồ, làm cơ sở quản lý, thực hiện khi quy hoạch tỉnh được phê duyệt.

Trên đây là ý kiến của Bộ Xây dựng về dự thảo hồ sơ Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 gửi tới Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh để tổ chức thẩm định theo quy định./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Tường Văn

Nơi nhận:
- Như trên;
- BT. Nguyễn Thanh Nghị (để b/c);
- Sở XD tỉnh Tây Ninh;
- BXD: HTKT, PTĐT, VLXD;
- Lưu VT, QHKT

Ký bởi: BỘ TÀI CHÍNH
Cơ quan: 28 Trần Hưng Đạo
Thời gian ký: 23/03/2023 17:32:44 +07:00

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2653/BTC-NSNN V/v tham gia ý kiến thẩm định quy hoạch tỉnh Tây Ninh	*Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2023*

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh).

Bộ Tài chính nhận được Văn bản số 989/HĐTĐ-CV ngày 15/02/2023 của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) đề nghị tham gia ý kiến đối với hồ sơ do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh gửi Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh; về vấn đề này, căn cứ nội dung quy hoạch tỉnh tại Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch, Bộ Tài chính có ý kiến thẩm định tại Phụ lục kèm theo.

Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Cục QLCS;
- Vụ: ĐT, HCSN, I;
- Lưu: VT, NSNN (6b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Võ Thành Hưng

PHỤ LỤC THẨM ĐỊNH QUY HOẠCH
TỈNH: TÂY NINH
(Kèm theo Công văn số 2653./BTC-NSNN ngày 23/3/2023 của Bộ Tài chính)

I. Tên quy hoạch: Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

II. Thời kỳ lập quy hoạch: Theo báo cáo của tỉnh, Quy hoạch được lập cho thời kỳ 10 năm 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

III. Ý kiến thẩm định:

1. Nhận xét chung

a) Về thành phần hồ sơ quy hoạch: Đã đầy đủ theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 32 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch, bao gồm:

- Tờ trình số 11/TTr-SKHĐT ngày 27/01/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh về việc thẩm định quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Báo cáo Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt);

- Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý về quy hoạch;

- Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược quy hoạch;

- Hệ thống bản đồ; danh mục và tỷ lệ bản đồ quy hoạch tỉnh Tây Ninh theo quy định tại mục IX Phụ lục I Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ;

- Các văn bản có liên quan khác.

b) Nội dung của báo cáo tổng hợp quy hoạch đã bám sát quy định của Luật Quy hoạch, Nghị định số 37/2019/NĐ-CP và phù hợp với nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 518/QĐ-TTg ngày 16/4/2020.

2. Về nội dung báo cáo tổng hợp quy hoạch tỉnh:

a) Về sự phù hợp của các căn cứ pháp lý:

Theo quy định của Luật Quy hoạch và Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030: Quy hoạch tỉnh phải phù hợp quy hoạch vùng, quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia. Lập đồng thời các quy hoạch theo quy định của

Luật Quy hoạch và các luật, pháp lệnh khác có quy định về quy hoạch; tập trung ưu tiên lập quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng. Quy hoạch được lập, thẩm định xong trước thì được quyết định hoặc phê duyệt trước. Khi quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt, nếu có mâu thuẫn giữa quy hoạch thấp hơn với quy hoạch cao hơn thì quy hoạch thấp hơn phải điều chỉnh theo quy hoạch cao hơn.

Hiện nay, quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 463/QĐ-TTg ngày 14/4/2022 và quy hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025 được Quốc hội phê duyệt tại Nghị quyết số 39/2021/QH15 ngày 13/11/2021, quy hoạch cấp quốc gia được Quốc hội phê duyệt tại Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023; do đó, đề nghị Tỉnh rà soát, cập nhật nội dung các quy hoạch nêu trên đảm bảo tính đồng bộ, tích hợp và thống nhất.

b) Sự phù hợp với nhiệm vụ lập quy hoạch đã được phê duyệt; độ tin cậy và sự đầy đủ của số liệu, dữ liệu:

- Quy hoạch tỉnh được lập trên cơ sở các quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội các huyện; thị xã; thành phố; các quy hoạch phát triển ngành của tỉnh Tây Ninh đến năm 2020 và các nội dung còn hiệu lực, còn phù hợp với giai đoạn 2021-2030; các chủ trương, nghị quyết của Trung ương và của tỉnh, các cơ chế chính sách phát triển kinh tế - xã hội của trung ương đối với tỉnh Tây Ninh còn hiệu lực. Qua rà soát, hồ sơ quy hoạch bám sát, phù hợp với nội dung nhiệm vụ lập Quy hoạch đã được phê duyệt tại Quyết định số 775/QĐ-TTg ngày 08/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Độ tin cậy và tính đầy đủ của thông tin, số liệu; tính khoa học và khách quan, tính đồng bộ và thống nhất của thông tin, số liệu dữ liệu đầu vào để xây dựng các nội dung trong báo cáo quy hoạch tỉnh: Quy hoạch tỉnh được xây dựng dựa trên sự kết hợp giữa thực tế của địa phương với kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm quốc tế của các chuyên gia, nhà khoa học từ các Bộ, ngành Trung ương, các tổ chức quốc tế... kết hợp với các chuyên gia trên địa bàn tỉnh Tây Ninh vì vậy độ tin cậy và phương pháp lập đã sát với thực tiễn tỉnh Tây Ninh.

c) Về nguồn vốn đầu tư thực hiện Quy hoạch:

- Đối với giai đoạn 2021-2025:

Tại Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28/07/2021 của Quốc hội về kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn giai đoạn 2021 - 2025, tỉnh Tây Ninh được giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước (NSNN) giai đoạn 2021 - 2025 là 18.901,785 tỷ đồng (trong đó vốn ngân sách trung ương là 4.333,185 tỷ đồng, vốn ngân sách địa phương là 14.568,6 tỷ đồng).

Tuy nhiên, tại Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050, Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh dự kiến khả năng huy động vốn đầu tư từ NSNN giai đoạn 2021-2025 (tại trang 790 của Báo cáo thuyết minh) khoảng 36.430 tỷ đồng (gấp khoảng 1,9 lần so với tổng mức vốn NSNN trung hạn giai đoạn 2021-2025) và chưa xác định cơ cấu nguồn vốn (vốn

NSTW, vốn NSĐP) là chưa phù hợp. Vì vậy, đề nghị Tỉnh căn cứ kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao để thực hiện đảm bảo theo đúng quy định.

- Đối với giai đoạn 2026-2030:

Tại Báo cáo thuyết minh, Tỉnh dự kiến vốn NSNN khoảng 70.063 tỷ đồng (tăng khoảng 34.000 tỷ đồng) là khá lớn. Vì vậy, đề nghị UBND tỉnh Tây Ninh rà soát tính toán trên cơ sở phù hợp với sự phát triển của Tỉnh, theo quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công, khả năng cân đối ngân sách, sự cần thiết đầu tư các dự án đảm bảo tính khả thi và hiệu quả khi thực hiện./.

SAO Y Ký bởi: Bộ Lao động - Thương binh và XH
Cơ quan: Bộ Lao động - Thương binh và XH

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 896 /LĐTBXH-KHTC V/v tham gia ý kiến thẩm định đối với Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	*Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2023*

Kính gửi: Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh
(Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Phúc đáp Công văn số 989/HĐTĐ-CV ngày 15/02/2023 của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh về việc tham gia ý kiến thẩm định đối với Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (LĐTBXH) có ý kiến như sau:

1. Về Hồ sơ Quy hoạch tỉnh Tây Ninh

- Hồ sơ Quy hoạch tỉnh Tây Ninh trình thẩm định đã bảo đảm đủ thành phần theo quy định tại khoản 1 Điều 31 của Luật Quy hoạch.

- Báo cáo tổng hợp quy hoạch và các tài liệu liên quan được chuẩn bị bảo đảm chất lượng yêu cầu.

2. Về nội dung thẩm định quy định tại Điều 32 Luật Quy hoạch

2.1. Sự phù hợp với nhiệm vụ lập quy hoạch đã được phê duyệt

- Sự phù hợp về tên, thời kỳ, phạm vi ranh giới lập quy hoạch: bảo đảm theo đúng Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt tại Quyết định số 775/QĐ-TTg ngày 08/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ và quy định của pháp luật về quy hoạch.

- Sự phù hợp giữa nội dung quy hoạch với yêu cầu về nội dung quy hoạch theo nhiệm vụ được phê duyệt: Nội dung quy hoạch tỉnh Tây Ninh cơ bản đáp ứng được yêu cầu xác định trong Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt tại Quyết định số 775/QĐ-TTg nêu trên.

2.2. Việc tuân thủ trình tự lập quy hoạch quy định tại Điều 16 Luật Quy hoạch năm 2017

Tại Tờ trình số 11/TTr-SKHĐT ngày 27/01/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh gửi Hội đồng thẩm định đã nêu rõ về quá trình lập quy hoạch, bảo đảm việc lập quy hoạch tuân thủ đúng trình tự các bước lập quy hoạch tỉnh quy định tại khoản 4 Điều 16 Luật Quy hoạch, được thể hiện ở 5 bước chính, gồm: (1) Xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; (2) Lựa chọn tư vấn lập quy hoạch; (3) Thực hiện công tác phối hợp, triển khai lập quy hoạch tỉnh; (4) Tổ chức lấy ý kiến đối với quy hoạch tỉnh theo quy định; (5) Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và hoàn thiện quy hoạch để trình thẩm định quy hoạch.

2.3. Việc tích hợp các quy hoạch do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội được phân công thực hiện trong quy hoạch tỉnh

Ngày 11/10/2022, Bộ LĐTBXH đã có Công văn số 4069/LĐTBXH-KHTC về việc tham gia ý kiến đối với Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Cơ bản các ý kiến tham gia đã được cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, bổ sung hoặc làm rõ trong Báo cáo tổng hợp quy hoạch. Quy hoạch tỉnh Tây Ninh đã tích hợp phương án phát triển các cơ sở thuộc quy hoạch ngành quốc gia do Bộ LĐTBXH chủ trì thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

2.4. Về sự phù hợp của Quy hoạch tỉnh Tây Ninh với các quy định tại Mục 2 Chương II Luật Quy hoạch

Việc tổ chức lập quy hoạch tỉnh Tây Ninh thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch và Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội. Quy hoạch tỉnh Tây Ninh được lập bảo đảm yêu cầu định hướng phát triển trên toàn bộ không gian lãnh thổ của tỉnh, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững gắn với bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; phân bổ, khai thác và sử dụng hợp lý, hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên; cân bằng giữa các yếu tố kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và phù hợp với yêu cầu phát triển và hội nhập quốc tế của đất nước; hướng đến việc bảo đảm yêu cầu về tính khoa học, ứng dụng công nghệ hiện đại trong quá trình lập quy hoạch, các tiêu chuẩn, quy chuẩn, kỹ thuật và các nội dung liên quan khác. Nội dung quy hoạch tỉnh Tây Ninh đã nêu rõ quan điểm, định hướng phát triển và mục tiêu của tỉnh đến cuối thời kỳ quy hoạch cũng như tầm nhìn đến năm 2050. Quy hoạch có sắp xếp không gian phát triển và phân bổ nguồn lực cho các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường; đề ra các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá để phát triển tỉnh trong thời kỳ quy hoạch.

Một số nội dung đề nghị rà soát, bổ sung như sau:

2.4.1. Phần I. Sự cần thiết, căn cứ pháp lý và phạm vi lập quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Về căn cứ lập quy hoạch (từ trang 6-15): Đề nghị bổ sung Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc Hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Nghị quyết số 154/NQ-CP ngày 23/11/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày ngày 07/10/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Luật Giáo dục nghề nghiệp, Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Quyết định số 73/QĐ-TTg ngày 10/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 vì liên quan đến phát triển nguồn nhân lực.

2.4.2. Phần II. Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

a) Mục I. Phân tích, đánh giá các yếu tố, điều kiện tự nhiên, hiện trạng kinh tế - xã hội và bối cảnh phát triển đặc thù của tỉnh Tây Ninh.

Tại điểm 3. Điều kiện xã hội (từ trang 48 - 59): Phần này đánh giá khá đầy đủ về quy mô dân số, chất lượng nguồn nhân lực, tác động của các yếu tố dân số, lao động đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tác động của chuyển dịch cơ cấu lao động đến tăng năng suất lao động. Tuy nhiên, đề nghị bổ sung dự báo về nhu cầu nhân lực cho một số ngành, lĩnh vực quan trọng của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch, nhất là nhân lực qua đào tạo, nhân lực có kỹ năng nghề.

b) Mục II. Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2011-2020.

- Tại điểm 3. Đánh giá thực trạng phát triển các lĩnh vực văn hoá - xã hội: Báo cáo đã đề cập đến hiện trang lĩnh vực lao động, người có công và xã hội, bao gồm: Hiện trạng đào tạo nhân lực tại điểm 3.1.2 (từ trang 169-172), An sinh xã hội tại điểm 3.5 (từ trang 186-190). Tuy nhiên, đề nghị làm rõ hơn mức độ đáp ứng nhu cầu của về nhân lực qua đào tạo của mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp và khả năng đáp ứng của các cơ sở bảo trợ xã hội hiện tại.

- Tại điểm 7. Đánh giá hệ thống kết cầu hạ tầng kinh tế - xã hội: Phần này đã đề cập đầy đủ đến thực trạng hạ tầng lĩnh vực lao động, người có công và xã hội, bao gồm: Mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại điểm 7.2.3 (từ trang 316-321), bảo trợ xã hội tại điểm 7.2.5 (từ trang 329-332). Tuy nhiên, đề nghị rà soát, bổ sung làm rõ quy mô tuyển sinh, đào tạo đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; phân bố không gian, nhu cầu sử dụng đất và khả năng đáp ứng của tỉnh đối với các cơ sở bảo trợ xã hội hiện tại; đồng thời tách nội dung Mạng lưới trung tâm dịch vụ việc làm thành mục riêng để đánh giá và bổ sung thông tin về quy mô tư vấn, giới thiệu việc làm hàng năm của mạng lưới cơ sở hiện tại.

c) Mục IV. Quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu và phương hướng phát triển.

Về các mục tiêu cụ thể (tại điểm 4.2. Các chỉ tiêu xã hội (trang 408): Đề nghị rà soát chỉ tiêu "tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ" phù hợp với Nghị quyết số 154/NQ-CP ngày 23/11/2022 của Chính phủ *(Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt khoảng 40 - 45%)*; đồng thời, nghiên cứu, bổ sung chỉ tiêu về chuyển dịch cơ cấu lao động (tỷ trọng lao động phi nông nghiệp).

d) Mục IX. Phương án phát triển cơ sở hạ tầng.

Về các hạ tầng thuộc lĩnh vực lao động, người có công và xã hội: Báo cáo tổng hợp quy hoạch đã đề cập đến phương án phát triển hạ tầng Giáo dục nghề nghiệp và bảo trợ xã hội tại điểm 2.2 (từ trang 641-643). Tuy nhiên, đề nghị rà soát, làm rõ hơn phương án phát triển về số lượng cơ sở, quy mô phát triển *(quy mô tuyển sinh, đào tạo; quy mô chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng đối với cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công, bảo trợ xã hội...)*; định hướng không

gian phát triển, nhu cầu sử dụng đất và khả năng bố trí quỹ đất của tỉnh cho mạng lưới các cơ sở này trong thời kỳ quy hoạch. Đồng thời bổ sung phương án phát triển cơ sở dịch vụ việc làm (thuộc danh mục quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo Nghị quyết số 110/NQ-CP của Chính phủ).

đ Mục XVI. Danh mục dự án ưu tiên đầu tư (Phụ lục 5, từ trang 886-892): Đề nghị rà soát, bổ sung các dự án đầu tư các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, dịch vụ việc làm, trợ giúp xã hội (gồm cả cơ sở cai nghiện ma túy), trong danh mục dự án ưu tiên đầu tư, bảo đảm phù hợp với nhu cầu phát triển của địa phương, đáp ứng nhu cầu đào tạo nhân lực chất lượng cao, giải quyết việc làm và cung ứng các dịch vụ trợ giúp xã hội, chăm sóc đối tượng chính sách.

3. Về cử thành viên tham gia Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cử ông Nguyễn Hoàng Vĩnh Thanh, Phó Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính (điện thoại di động: 0913.282.836, email: thanhnhv@molisa.gov.vn) đại diện tham gia Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Trên đây là ý kiến tham gia của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội gửi Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng Đào Ngọc Dung (để b/c);
- Lưu: VT, KHTC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Lê Tấn Dũng

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 598 /BKHCN-ĐTG	
V/v ý kiến thẩm định quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	*Hà Nội, ngày 13 tháng 03 năm 2023*

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư
(Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh Tây Ninh)

Bộ Khoa học và Công nghệ nhận được Công văn số 989/HĐTĐ-CV ngày 15/02/2023 của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch).

Căn cứ các quy định của pháp luật về quy hoạch, Quyết định số 1291/QĐ-HĐTĐ ngày 17/9/2021 (Quyết định số 1291/QĐ-HĐTĐ) của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh ban hành Quy trình, nội dung thẩm định quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Sau khi nghiên cứu hồ sơ Quy hoạch, Bộ Khoa học và Công nghệ có ý kiến thẩm định đối với hồ sơ quy hoạch tỉnh Tây Ninh như sau:

I. Nhận xét chung về quy hoạch

1. Hồ sơ gửi xin ý kiến thẩm định quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã đảm bảo đầy đủ theo quy định tại Điều 4 của Quyết định số 1291/QĐ-HĐTĐ ngày 17/9/2021 gồm:

- Dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch tỉnh;
- Báo cáo tổng hợp và Báo cáo tóm tắt;
- Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC);
- Hệ thống sơ đồ, bản đồ và cơ sở dữ liệu;
- Báo cáo tổng hợp tiếp thu, giải trình các ý kiến tham gia với Quy hoạch;
- Bản sao các văn bản góp ý quy hoạch.

2. Báo cáo quy hoạch đã phân tích, đánh giá, dự báo các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh, các nguy cơ và tác động để đưa ra quan điểm và mục tiêu phát triển của tỉnh; đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng được kịch bản, phương hướng phát triển của tỉnh trên cơ sở phân tích, dự báo nhu cầu phát triển đối với từng ngành, lĩnh vực.

II. Một số ý kiến góp ý đối với Quy hoạch tỉnh

1. Ngày 29/9/2022, Bộ Khoa học và Công nghệ đã có Công văn số 2686/BKHCN-ĐTG gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh góp ý Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Phần lớn ý kiến góp ý đã được tiếp thu, chỉnh sửa tại Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý.

2. Về đánh giá thực trạng phát triển khoa học và công nghệ (KH&CN) tại mục 3.4.3 (trang 184): đề nghị bổ sung đánh giá kỹ hơn, nhất là thực trạng đóng

góp của KH&CN vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trên các lĩnh vực: quản lý, đổi mới, ứng dụng công nghệ; bảo vệ, phát triển tài sản trí tuệ, sở hữu trí tuệ; tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; kết quả thực hiện cơ chế, chính sách thu hút nguồn lực (từ doanh nghiệp, các tổ chức khác ngoài nhà nước) đầu tư cho KH&CN như: tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật, hạ tầng, đào tạo nguồn nhân lực, phát triển thị trường dịch vụ KH&CN (dịch vụ chuyển giao công nghệ, các chợ công nghệ và thiết bị,...). Trên cơ sở đó đề xuất phương hướng, giải pháp để đưa KH&CN thực sự trở thành nền tảng của tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh.

3. Về hạ tầng xã hội (trang 336): đề nghị bổ sung nội dung kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển KH&CN: cơ sở vật chất - kỹ thuật của tổ chức khoa học và công nghệ; hệ thống tiêu chuẩn đo lường, phòng thí nghiệm trọng điểm; khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, cơ sở ươm tạo công nghệ, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp KH&CN; hạ tầng thông tin, thống kê KH&CN trên địa bàn tỉnh để làm cơ sở xây dựng phương án phát triển hạ tầng khoa học trong thời kỳ quy hoạch.

4. Về các kịch bản phát triển và lựa chọn phương án phát triển (trang 393): Báo cáo đưa ra 3 kịch bản phát triển của tỉnh: (i) tăng trưởng trung bình; (ii) tăng trưởng cao; (iii) tăng trưởng rất cao. Báo cáo lựa chọn kịch bản 3 với các yếu tố động lực tăng trưởng được thúc đẩy chuyển biến nhanh, tích cực, hỗ trợ mạnh mẽ cho tăng trưởng kinh tế, đặc biệt là trong thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp và thương mai - dịch vụ. Tuy nhiên lựa chọn này cũng chứa đựng nhiều rủi ro như nguồn lực khó đáp ứng các yêu cầu đặt ra và không đáp ứng được mức tăng trưởng GRDP đạt 21,7% năm 2026-2030. Chính vì vậy, Bộ Khoa học và Công nghệ đề xuất lựa chọn kịch bản số 2 với mức tăng trưởng chuyển biến tích cực, định hướng phát triển đồng thời công nghiệp và dịch vụ.

5. Về giải pháp về môi trường, KH&CN (trang 795):

- Đề nghị tách giải pháp môi trường và giải pháp KH&CN thành hai mục riêng và lồng ghép giải pháp môi trường vào Chương XV "Phương án phòng chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu" (trang 781) cho phù hợp cấu trúc của Báo cáo quy hoạch;

- Hiệu chỉnh giải pháp KH&CN thành giải pháp khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH,CN&ĐMST);

- Về giải pháp về KH,CN&ĐMST: đề nghị bổ sung chính sách thu hút nguồn nhân lực KH&CN gắn kết chặt chẽ với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng các mối liên kết giữa doanh nghiệp với các nhà khoa học để nâng cao tính ứng dụng của sản phẩm; giải pháp về huy động vốn đầu tư từ các nguồn lực của địa phương (nguồn ngân sách và ngoài ngân sách) để phát triển KH,CN&ĐMST.

6. Về Danh mục dự án tại phụ lục 5 (trang 886): đề nghị bổ sung dự án liên quan đến phát triển hạ tầng KH&CN như: khu ươm tạo công nghệ, không gian làm việc chung cho hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo. Các dự án

này được phân kỳ thực hiện cho các giai đoạn đến 2021-2025, 2026-2030 và sau năm 2030,... cho phù hợp với mục tiêu chiến lược phát triển KHCN&ĐMST đến năm 2030.

7. Về Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050:

- Về cơ bản báo cáo tuân thủ theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

- Báo cáo đã đánh giá được sự phù hợp giữa các quan điểm mục tiêu của Quy hoạch với các quan điểm, mục tiêu về bảo vệ môi trường, dự báo tác động phát triển bền vững và xu thế môi trường liên quan tới Quy hoạch.

- Bổ sung đánh giá hiện trạng biến đổi khí hậu, thiên tai trên địa bàn tỉnh, các phương án, hạ tầng thích ứng với biến đôi khí hậu, phòng chống thiên tai mà tỉnh đã áp dụng.

8. Về dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050: đề nghị nghiên cứu các nội dung góp ý nêu trên để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

IV. Kết luận và kiến nghị

1. Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đủ điều kiện để tổ chức phiên họp thẩm định.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ nhất trí thông qua quy hoạch sau khi chỉnh sủa, hoàn thiện bổ sung theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định và các ý kiến góp ý của các bộ, ban, ngành có liên quan.

V. Về cử người tham gia thành viên Hội đồng thẩm định quy hoạch:

Bộ Khoa học và Công nghệ cử ông Nguyễn Sỹ Đăng, Phó Vụ trưởng Vụ Đánh giá, Thẩm định và Giám định công nghệ tham gia Hội đồng; điện thoại: 0937251977; email: nsdang@most.gov.vn.

Trên đây là ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ về Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, kính gửi Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 để nghiên cứu, tổng hợp.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, Vụ ĐP, Vụ ĐTG (NTL).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Xuân Định

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số1836/BGDĐT-KHTC V/v tham gia ý kiến thẩm định đối với Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050	*Hà Nội, ngày 25tháng04năm 2023*

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Ngày 17/02/2023, Bộ Giáo dục và Đào tạo nhận được Công văn số 989/HĐTĐ-CV của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 về việc tham gia ý kiến thẩm định đối với Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Bộ Giáo dục và Đào tạo có ý kiến như sau:

1. Về hồ sơ trình thẩm định quy hoạch

Thành phần hồ sơ trình thẩm định Quy hoạch tỉnh Tây Ninh về cơ bản đầy đủ theo quy định tại Điều 31 Luật Quy hoạch.

2. Về sự phù hợp với nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt

Đối chiếu với Hồ sơ Quy hoạch tỉnh Tây Ninh, về cơ bản Hồ sơ đã phù hợp Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 775/QĐ-TTg ngày 08/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Về việc tuân thủ quy trình lập quy hoạch quy định tại Điều 16 của Luật Quy hoạch và tích hợp các nội dung quy hoạch do Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan được phân công thực hiện

Về cơ bản việc lập quy hoạch tỉnh Tây Ninh đã tuân thủ đúng quy trình pháp lý lập quy hoạch tỉnh theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Quy hoạch.

4. Về sự phù hợp của nội dung quy hoạch

4.1. Nhận xét chung:

Kết cấu và nội dung của Báo cáo Quy hoạch tỉnh Tây Ninh nhìn chung bám sát, phù hợp với yêu cầu được quy định tại Điều 27 Luật Quy hoạch; Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định số 775/QĐ-TTg ngày 08/6/2020 phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Ngày 16/11/2022, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có Công văn số 6051/BGDĐT-KHTC về việc góp ý đối với Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đề nghị cơ quan lập quy hoạch rà soát, nghiên cứu tiếp thu và bổ sung nội dung đầy đủ theo các ý kiến góp ý của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại công văn nêu trên.

4.2. Nhận xét cụ thể:

4.2.1. Đối với Báo cáo Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050:

a) Về thực trạng phát triển giáo dục và đào tạo (Mục 3.1 trang 163):

- Đề nghị rà soát, biên tập cô đọng, ngắn gọn làm nổi bật nội dung đánh giá thực trạng phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh; bổ sung bảng, biểu đồ thể hiện sự thay đổi về số liệu thống kê, giảm bớt phần chữ. Ngoài ra, đề nghị rà soát, cập nhật thống nhất số liệu thực trạng giáo dục và đào tạo đến năm 2021 hoặc năm 2022 *(nhiều thông tin đánh giá thực trạng giáo dục và đào tạo tại báo cáo đang sử dụng số liệu năm 2019).*

- Đối với thực trạng giáo dục mầm non: Đề nghị bổ sung số liệu trường mầm non, mẫu giáo của tỉnh (Cụ thể: Toàn tỉnh có 133 trường mầm non, mẫu giáo trong đó trường công lập 108 trường, trường ngoài công lập 25 trường); tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia để phù hợp với các cấp học khác; bổ sung đánh giá và làm rõ mức độ đáp ứng nhu cầu đưa trẻ đến trường của tỉnh; khó khăn vướng mắc trong việc đảm bảo quyền của trẻ em được tiếp cận giáo dục. Đề nghị rà soát, cân nhắc sử dụng 1 số chỉ số như tỷ lệ số giáo viên mầm non/1000 dân, số lớp học mẫu giáo/1000 dân,... để đánh giá phát triển giáo dục và đào tạo là không thực sự cần thiết.

- Đối với thực trạng giáo dục phổ thông: Đề nghị bổ sung thông tin tỷ lệ học sinh/lớp, giáo viên/lớp, học sinh học 2 buổi/ngày, xã hội hóa giáo dục,... Đề nghị rà soát, cân nhắc sử dụng 1 số chỉ số như tỷ lệ số giáo viên phổ thông/1000 dân, số lớp học TH, THCS, THPT/1000 dân,... để đánh giá phát triển giáo dục và đào tạo là không thực sự cần thiết.

- Về thực trạng chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý: Đề nghị rà soát số liệu tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn đảm bảo phù hợp với quy định tại Luật Giáo dục; bổ sung thông tin, đánh giá về thực trạng đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên giáo dục; số liệu thừa thiếu giáo viên của từng môn học đặc biệt là số lượng giáo viên dạy các môn học năng khiếu, đặc thù theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 *(như giáo viên dạy Tin học, Tiếng Anh cấp Tiểu học, Nghệ thuật cấp THCS, giáo viên dạy môn Âm nhạc, Mỹ thuật cấp THPT);* thực trạng công tác bồi dưỡng, thu hút, phát triển đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên và nhân viên ngành giáo dục của tỉnh trong thời gian qua; bổ sung đánh giá về tồn tại, hạn chế cụ thể đối với công tác phát triển đội ngũ giảng viên, giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục và nhân viên ngành giáo dục *(cả về số lượng và chất lượng).*

- Về thực trạng giáo dục dân tộc, giáo dục chuyên biệt dành cho trẻ khuyết tật và giáo dục đại học và sư phạm (Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Ninh): Đề nghị cơ quan lập quy hoạch nghiên cứu tiếp thu và bổ sung nội dung theo các các ý kiến góp ý của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 6051/BGDĐT-KHTC. Ngoài ra, đề nghị rà soát các nội dung giải trình không tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ Giáo dục và Đào tạo về giáo dục chuyên biệt cho

trẻ khuyết tất, giáo dục dân tộc và giáo dục đại học và sư phạm chưa thực sự phù hợp như: *"Hiện nay hệ thống quản lý công chưa phân biệt giáo dục theo các dân tộc mà chủ trương phát triển hệ thống theo góc nhìn cả nước; hệ thống báo cáo hiện hành, thông tin và số liệu về cơ sở giáo dục dân tộc thiểu số, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, giáo dục cho người khuyết tật là chưa sẵn có nên không đủ thông tin để phân tích; cần phải làm riêng một tiểu đề án để thực hiện điều tra, khảo sát tự xây dựng số liệu đầu vào cho phân tích giáo dục dân tộc, giáo dục cho người khuyết tật,...; việc đánh giá thực trạng năng lực và phát triển hạ tầng Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Ninh đòi hỏi phải có hệ thống tiêu chuẩn và khuôn khổ riêng, mục tiêu của việc đánh giá cũng không tương thích yêu cầu của Báo cáo quy hoạch tỉnh nên cần được thực hiện trong một tiểu đề án riêng và việc đánh giá không phù hợp với phạm vi đề án báo cáo này; các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển giáo dục và đào tạo sẽ được triển khai trong quá trình lập kế hoạch thực hiện quy hoạch,... ".*

- Đề nghị rà soát, bổ sung thông tin, số liệu minh chứng cho các nhận định, đánh giá như: *"Phần lớn giáo viên phổ thông có trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn; Tây Ninh vẫn là địa phương có quy mô về nguồn nhân lực ít nhất trong Vùng ở các hầu hết các cấp học, ngoại trừ ở cấp tiểu học; tỷ lệ huy động học sinh trong độ tuổi đến trường ở khối mầm non, tiểu học chưa đạt mục tiêu đề ra, nhất là ở vùng biên giới và vùng đặc biệt khó khăn; công tác xã hội hoá giáo dục chuyển biến chưa mạnh mẽ, quá trình chuyển đổi các loại hình giáo dục ngoài công lập chiếm tỷ lệ rất thấp, ngoại trừ ở khối giáo dục mầm non;... ".*

- Đề nghị bổ sung đánh giá về những ưu điểm, khó khăn, hạn chế và nguyên nhân hạn chế đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo theo từng vấn đề làm cơ sở cho việc đề xuất mục tiêu, phương án, giải pháp phát triển giáo dục và đào tạo và mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo của tỉnh trong giai đoạn tới.

- Đề nghị rà soát, chỉnh sửa các thuật ngữ giáo dục và đào tạo tại báo cáo để đảm bảo phù hợp đúng quy định Luật Giáo dục (*Ví dụ: trường lớp ngành học mầm non, hệ mầm non, bậc tiểu học, bậc THCS, THPT....*)

b) Về thực trạng hạ tầng giáo dục và đào tạo (Mục 7.2.2 trang 309):

Thông tin thực trạng hạ tầng giáo dục và đào tạo còn sơ sài, mới bao gồm các thông tin về thực trạng mạng lưới lớp học. Đề nghị cơ quan lập quy hoạch nghiên cứu các ý kiến góp ý của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 6051/BGDĐT-KHTC và bổ sung nội dung theo các góp ý tại công văn nêu trên để làm cơ sở xây dựng phương án phát triển mạng lưới hạ tầng cơ sở giáo dục và đào của tỉnh trong giai đoạn tới.

c) Về các kịch bản phát triển và lựa chọn phương án phát triển (Mục 2 trang 393):

Đề nghị căn cứ vào kịch bản, phương án phát triển kinh tế, bổ sung dự báo về nguồn nhân lực, lực lượng lao động phân theo trình độ tương ứng với các kịch bản phát triển để xây dựng các phương án đào tạo, thu hút nguồn nhân lực

để đảm bảo khả thi, thực hiện được các mục tiêu đề ra. Báo cáo quy hoạch cũng đã xác định một trong những hạn chế của tỉnh đó là: *"Thách thức về lao động có thể kéo dài trong trường hợp chất lượng giáo dục không cải thiện kịp thời hoặc khả năng thu hút lao động nhập cư gặp khó khăn. Thách thức này sẽ ảnh hưởng đến chất lượng và khả năng tăng trưởng trong tương lai gần khi vốn đầu tư không tăng nhanh như xu hướng trước đây".*

d) Về các mục tiêu cụ thể đến năm 2030 (Mục 4 trang 407):

- Đề nghị bổ sung mục tiêu, chỉ tiêu cốt lõi phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh *(hiện báo cáo quy hoạch không có mục tiêu phát triển giáo dục và đào tạo)* để đảm bảo phù hợp với Mục tiêu tổng quát (Mục 3 trang 406) của quy hoạch đề ra *"Các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội từng bước phát triển toàn diện hướng đến nằm trong nhóm tiên tiến của cả nước"* và để làm căn cứ thực hiện, đánh giá đối với quy hoạch.

- Đề nghị cơ quan lập quy hoạch rà soát, bổ sung, hoàn thiện quy hoạch, quan tâm, chú trọng hơn tới giáo dục và đào tạo khi xây dựng các quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, các định hướng ưu tiên phát triển tỉnh thời kỳ 2021-2030 để đảm bảo tương xứng với vai trò là quốc sách hàng đầu, động lực phát triển kinh tế - xã hội và là yếu tố góp phần quyết định đến sự phát triển của tỉnh.

đ) Về phương hướng phát triển giáo dục và đào tạo (Mục 3.1 trang 471):

- Đề nghị rà soát, bổ sung quan điểm phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh như sau: *"Giáo dục và đào tạo là nền tảng phát triển bền vững. Đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển, được ưu tiên đi trước trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; huy động mọi nguồn lực của xã hội đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển các cơ sở giáo dục ngoài công lập; đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục hướng tới phát triển bền vững, cân đối về số lượng, chất lượng, cơ cấu, hiệu quả, cung ứng tốt hơn dịch vụ công cho xã hội, bảo đảm công bằng, bình đẳng trong tiếp cận giáo dục và đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục".*

- Về mục tiêu phát triển (Mục 3.1.2 trang 471):

+ Về mục tiêu, chỉ tiêu đối với giáo dục mầm non: Đề nghị điều chỉnh mục tiêu *"Chất lượng chăm sóc giáo dục được nâng cao, đảm bảo cho trẻ em có được nền tảng ban đầu **của** những phẩm chất và kỹ năng sống cơ bản..."* thành *"Chất lượng chăm sóc giáo dục được nâng cao, đảm bảo cho trẻ em có được nền tảng ban đầu **với** những phẩm chất và kỹ năng sống cơ bản...."*; nghiên cứu bổ sung mục tiêu, chỉ tiêu phát triển số cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông ngoài công lập và số học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông ngoài công lập.

+ Về mục tiêu, chỉ tiêu đối với giáo dục phổ thông: Đề nghị bổ sung một số mục tiêu, chỉ tiêu liên quan trực tiếp đến việc thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông mới *(như số phòng học/lớp, số phòng học kiên cố, tỷ lệ số học sinh học 2 buổi/ngày, tỷ lệ giáo viên/lớp,...).*

+ Đề nghị bổ sung mục tiêu, chỉ tiêu phát triển đối với giáo dục dân tộc, giáo dục chuyên biệt dành cho trẻ khuyết tật và giáo dục đại học và sư phạm của tỉnh. Ngoài ra, đề nghị lồng ghép các mục tiêu về chuyển đổi số trong giáo dục đào tạo được đặt ra trong Đề án Tăng cường ứng dụng Công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 đã được Thủ tướng phê duyệt tại Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022, đặc biệt lưu ý nội dung triển khai dạy học trực tuyến kết hợp theo hướng tăng dần đầu tư cho thiết bị, kết nối và tỉ trọng các nội dung học tập trực tuyến, đối tượng học tập trực tuyến.

- Về phương hướng phát triển (Mục 3.1.3 trang 473): Đề nghị bổ sung định hướng phát triển mạng lưới giáo dục và đào tạo của tỉnh như sau: *"Tiếp tục sắp xếp, tổ chức lại mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế của mỗi địa bàn cụ thể, đảm bảo đủ trường lớp và trang thiết bị dạy học, đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non và giáo dục cơ bản. Khuyến khích phát triển cơ sở giáo dục ngoài công lập ở những địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội phát triển. Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục thường xuyên theo hướng giáo dục mở, đảm bảo đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của mọi người dân, xây dựng xã hội học tập từ cơ sở. Phát triển hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập, đảm bảo đủ năng lực, quy mô, đáp ứng nhu cầu tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ giáo dục có chất lượng cho người khuyết tật; thực hiện công bằng trong tiếp cận giáo dục".*

- Đề nghị bổ sung các giải pháp phát triển giáo dục và đào tạo theo đó có các chương trình hành động, lộ trình thực hiện các giải pháp để đảm bảo khả thi như góp ý tại Công văn số 6051/BGDĐT-KHTC.

e) Về phương án phát triển khu nghiên cứu và đào tạo (Mục 5 trang 561):

Đề nghị bổ sung làm rõ phương án *"Thành lập các phân hiệu trường đại học liên kết với các trường đại học lớn trong vùng, định hướng trở thành các cơ sở nghiên cứu và đào tạo quan trọng của tỉnh" (quy mô, địa điểm, định hướng không gian bố trí và nhu cầu sử dụng đất,...).*

g) Về phương án phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo (Mục 2.1 trang 638):

- Nội dung phương án còn rất sơ sài, mới bao gồm thông tin dự báo về nhu cầu số lượng phòng học các cấp học đến năm 2030 và thông tin các dự án nâng cấp một số trường THPT. Đề nghị cơ quan lập quy hoạch nghiên cứu tiếp thu các ý kiến góp ý của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 6051/BGDĐT-KHTC và bổ sung nội dung theo các góp ý tại công văn nêu trên.

- Đề nghị bổ sung thuyết minh làm rõ sự cần thiết, cơ sở đề xuất, phương án phân bố không gian, bảo đảm bố trí quỹ đất cho các cơ sở giáo dục đại học tối thiểu đáp ứng diện tích đất cho cơ sở giáo dục đại học theo quy định hiện hành và đánh giá tác động của đề xuất: *"Thành lập Phân hiệu Trường Đại học Sài Gòn trên cơ sở Sáp nhập trường Cao đẳng sư phạm Tây Ninh vào trường*

Đại học Sài Gòn" và *"Phân hiệu Trường Đại học Ngoại thương"*. Ngoài ra, đề nghị bổ sung phương án phát triển giáo dục đại học cần đảm bảo tuân thủ, phù hợp với Quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học và sư phạm thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 Bộ Giáo dục và Đào tạo đang triển khai xây dựng.

- Đề nghị bổ sung bản đồ quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

g) Về danh mục dự án ưu tiên đầu tư (Phụ lục 5 trang 886):

Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư từ ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2030 của tỉnh không có dự án thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Do vậy, đề nghị xem xét bổ sung và dành ưu tiên hơn đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo trong quy hoạch tỉnh để đảm bảo giáo dục là quốc sách hàng đầu, đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển và nhằm thực hiện được các mục tiêu đề ra của quy hoạch tỉnh.

4.2.2. Đối với dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050:

Đề nghị cơ quan lập quy hoạch trên cơ sở Báo cáo thuyết minh Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã tiếp thu và hoàn thiện theo các góp ý tại Mục 4.2.1 nêu trên: (1) Rà soát, biên tập nội dung phương hướng phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh tại điểm a khoản 2 Mục III dự thảo Quyết định để đảm bảo khái quát, đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển và giải pháp phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh; (2) Rà soát nội dung phương án phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo của tỉnh tại điểm a khoản 9 Mục III dự thảo Quyết định, theo đó bổ sung đầy đủ nội dung phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông *(trường TH, THCS, THPT)*, giáo dục thường xuyên đến năm 2030 *(loại hình, quy mô, địa điểm và không gian bố trí)*; phương án phát triển mạng lưới, hạ tầng cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập đến năm 2030 để làm căn cứ thực hiện và đánh giá đối với quy hoạch. Ngoài ra, đề nghị rà soát đảm bảo số liệu chính xác, thống nhất với Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tỉnh Tây Ninh.

5. Kết luận và kiến nghị

Báo cáo quy hoạch nhiều lần đề cập đến vai trò, vị trí, tầm quan trọng của phát triển nguồn nhân lực trong phát triển tỉnh và các phương án phát triển của tỉnh trong giai đoạn tới cũng nhấn mạnh chú trọng đào tạo và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao. Tuy nhiên, các nội dung liên quan đến phát triển giáo dục và đào tạo còn sơ sài và điều này sẽ dẫn đến sự hạn chế, mất cân đối trong quy hoạch, có thể dẫn đến thiếu sự quan tâm, đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực cho tỉnh. Do vậy, đề nghị cơ quan lập quy hoạch rà soát, chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện quy hoạch, quan tâm, chú trọng hơn tới giáo dục và đào tạo khi xây dựng các quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, các định hướng ưu tiên phát triển tỉnh thời kỳ 2021-2030 để đảm bảo tương xứng với vai

trò là quốc sách hàng đầu, động lực phát triển kinh tế - xã hội và là yếu tố góp phần quyết định đến sự phát triển của tỉnh.

Hồ sơ quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 cần rà soát, bổ sung, chỉnh sửa, hoàn thiện các nội dung theo góp ý nêu trên trước khi trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt.

Trên đây là ý kiến của Bộ Giáo dục và Đào tạo, kính gửi Quý Cơ quan để nghiên cứu, tổng hợp./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Phạm Ngọc Thưởng

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng;
- Lưu: VT, Vụ KHTC.

BỘ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 801 /BVHTTDL-KHTC V/v tham gia ý kiến thẩm định Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	*Hà Nội, ngày 08 tháng 3 năm 2022*

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phúc đáp Công văn số 989/HĐTĐ-CV ngày 15/02/2023 của Hội đồng thẩm định Quy hoạch tỉnh (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) về việc đề nghị tham gia ý kiến thẩm định đối với Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có ý kiến như sau:

I. Nhận xét chung

Về hồ sơ và sự phù hợp với nhiệm vụ lập Quy hoạch:

- Thành phần hồ sơ đảm bảo đầy đủ theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật Quy hoạch.

- Kết cấu báo cáo thuyết minh và hồ sơ trình Quy hoạch đảm bảo phù hợp với yêu cầu của Nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 775/QĐ-TTg ngày 08/6/2020.

II. Đối với Báo cáo tổng hợp

1. Cơ bản các nội dung góp ý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Công văn số 3660/BVHTTDL-KHTC ngày 26/9/2022 đã được tỉnh Tây Ninh tiếp thu, chỉnh sửa và giải trình cụ thể. Tuy nhiên, nội dung giải trình được trích dẫn trong Báo cáo tổng hợp tiếp thu, giải trình các ý kiến tham gia với Quy hoạch không được chú thích đầy đủ chi tiết gây khó khăn cho việc rà soát, đối chiếu các nội dung đơn vị đã tiếp thu, chỉnh sửa, mặt khác nội dung giải trình cũng còn những chỗ chưa thống nhất với Báo cáo tổng hợp Quy hoạch (ví dụ: nội dung giải trình tại mục 6 (trang 75-76) Báo cáo giải trình không thống nhất với Báo cáo tổng hợp Quy hoạch), đề nghị đơn vị tư vấn rà soát, chỉnh sửa hoàn thiện hồ sơ trước khi trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

2. Tại mục 3.3.2. Hiện trạng lĩnh vực thể dục thể thao (trang 177) đề nghị bổ sung đánh giá thực trạng của thể dục thể thao trong trường học và trong lực lượng vũ trang.

3. Tại mục 3.3.3. Hiện trạng thiết chế văn hóa, thể thao (trnag 179) đề nghị bổ sung bảng thống kê số lượng các công trình thể thao cơ bản (sân vận động, nhà thi đấu, bể bơi) cấp tỉnh/huyện/xã và các ngành quản lý.

4. Tại mục 3.4.2.2. Lĩnh vực thể dục thể thao (trang 482)

- Đề nghị bổ sung mục tiêu phát triển thể dục thể thao cho mọi người (gồm thể dục thể thao quần chúng, thể dục thể thao trong trường học và thể dục thể thao trong lực lượng vũ trang)

- Đề nghị bỏ mục tiêu "Phấn đấu đạt vị trí từ 30-25 trên toàn quốc tại Đại hội thể thao toàn quốc lần thứ IX năm 2022" do Đại hội lần thứ IX năm 2022 đã được tổ chức và đặt mục tiêu cho kỳ đại hội tiếp theo.

5. Tại mục 3.2.2. Tác động của biến đổi khí hậu (trang 382), đề nghị bổ sung các nguy cơ và tác động của biến đổi khí hậu đến các di tích lịch sử - văn hóa, khu, điểm du lịch và cơ sở thể thao trên địa bàn tỉnh.

III. Đối với Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược

1. Tại mục 2. Căn cứ pháp luật và kỹ thuật để thực hiện đánh giá môi trường chiến lược (trang 6) đề nghị bổ sung Quyết định số 1316/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án tăng cường công tác quản lý chất thải nhựa ở Việt Nam; Quyết định số 1622/QĐ-TTg ngày 27/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 687/QĐ-TTg ngày 07/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam; đồng thời, làm rõ về sự phù hợp quan điểm bảo vệ môi trường của Quy hoạch với các chiến lược, đề án và quy hoạch cao hơn được nêu ở trên vào mục 3.1. Đánh giá sự phù hợp của quan điểm, mục tiêu Quy hoạch với quan điểm, mục tiêu, chính sách về bảo vệ môi trường (trang 182).

2. Tại mục 4.1.3. Các giải pháp ứng phó, thích ứng với biến đổi khí hậu (trang 269) đề nghị nghiên cứu bổ sung giải pháp nhằm nâng cao năng lực chống chịu, thích ứng của các công trình di tích lịch sử - văn hóa, khu, điểm du lịch và các cơ sở thể thao trước các hiện tượng cực đoan của biến đổi khí hậu.

3. Tại mục 4.2. Định hướng bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện Quy hoạch (trang 277) đề nghị cân nhắc bổ sung định hướng thực hiện đánh giá sức chịu tải của môi trường đối với các dự án đầu tư xây dựng được đề xuất trong quy hoạch nằm ven sông, khu vực có giá trị cao về đa dạng dạng sinh học (Vườn quốc gia Lò Gò Xa Mát, Khu Di tích Căn cứ Trung ương Cục miền Nam,...), trước khi phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án.

IV. Đối với nội dung phân công thẩm định của Bộ.

1. Về hiện trạng và phương án phát triển ngành du lịch:

- Về hiện trạng:

+ Báo cáo Quy hoạch cơ bản đã đánh giá được hiện trạng phát triển ngành du lịch tỉnh Tây Ninh về: số lượng khách du lịch; tổng thu từ khách du lịch cũng như đóng góp của ngành du lịch vào tổng GRDP toàn Tỉnh...

+ Báo cáo Quy hoạch chưa đánh giá được hiện trạng về: hệ thống tài nguyên du lịch; cơ cấu khách du lịch quốc tế và nội địa cũng như các thị trường khách du lịch quốc tế, nội địa đến Tỉnh; hệ thống sản phẩm du lịch; công tác xúc tiến, quảng bá; các địa bàn phát triển du lịch trọng điểm; các tuyến du lịch trên

địa bàn Tỉnh cũng như hoạt động liên kết phát triển du lịch tỉnh Tây Ninh với các tỉnh trong vùng và cả nước; chất lượng nguồn nhân lực ngành du lịch...

- Về phương án phát triển:

+ Báo cáo Quy hoạch cơ bản đã đưa ra được các mục tiêu, định hướng phát triển ngành du lịch của tỉnh Tây Ninh như: số lượng khách du lịch; tổng thu từ khách du lịch; nhu cầu lao động trong ngành du lịch; phương hướng phát triển hệ thống sản phẩm du lịch; các không gian phát triển du lịch; công tác xúc tiến quảng bá; đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ngành du lịch, nâng cao năng lực quản lý nhà nước về du lịch; giải pháp về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững trong du lịch...

+ Báo cáo chưa đưa ra được các định hướng về: đóng góp của ngành du lịch vào GRDP toàn Tỉnh; cơ cấu cũng như các thị trường khách du lịch quốc tế và nội địa mà tỉnh Tây Ninh hướng tới; liên kết phát triển du lịch giữa tỉnh Tây Ninh với các tỉnh trong vùng và cả nước; hệ thống các tuyến du lịch nội vùng và liên vùng; ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ trong phát triển du lịch...

2. Về hiện trạng, phương án phát triển khu chức năng và kết cấu hạ tầng du lịch:

- Về hiện trạng:

+ Báo cáo Quy hoạch bước đầu đã đánh giá được công tác đầu tư hạ tầng phát triển du lịch.

+ Báo cáo Quy hoạch đã đánh giá được hiện trạng hệ thống cơ sở hạ tầng, dịch vụ phục vụ du lịch trên địa bàn tỉnh Tây Ninh như: lưu trú, ăn uống, mua sắm, vui chơi giải trí...

+ Báo cáo Quy hoạch chưa đánh giá được hiện trạng phát triển các khu, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh Tây Ninh về: sản phẩm du lịch, hệ thống hạ tầng, cơ sở vật chất, cơ sở dịch vụ phục vụ du lịch... cũng như hiện trạng thu hút khách du lịch của các khu, điểm du lịch; đặc biệt khu du lịch quốc gia núi Bà Đen.

- Về phương án phát triển:

+ Báo cáo Quy hoạch đã đưa ra được định hướng phân bố, tổ chức các không gian du lịch trên địa bàn tỉnh Tây Ninh và định hướng phát triển tại từng không gian phát triển du lịch.

+ Báo cáo Quy hoạch chưa đưa ra được định hướng, giải pháp về đầu tư phát triển hệ thống các cơ sở dịch vụ phục vụ du lịch (lưu trú, ăn uống, mua sắm, vui chơi giải trí...) trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

+ Báo cáo Quy hoạch chưa đưa ra được định hướng phát triển các khu, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh Tây Ninh về: sản phẩm du lịch, hệ thống hạ tầng, cơ sở vật chất, cơ sở dịch vụ phục vụ du lịch...; đặc biệt khu du lịch quốc gia núi Bà Đen.

3. Về hiện trạng và phương án phát triển mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao

- Về hiện trạng: Báo cáo Quy hoạch đã đánh giá khái quát hiện trạng phát triển cơ sở hạ tầng các thiết chế văn hóa, thể thao từ tỉnh đến cơ sở. Hệ thống các thiết chế văn hóa, thể thao được chính quyền các cấp quan tâm đầu tư phát triển về

số lượng thiết chế và chất lượng hoạt động phục vụ tốt các nhiệm vụ chính trị của địa phương, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, vui chơi giải trí của nhân dân trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, cùng với những kết quả đạt được để vận hành hiệu quả hệ thống các thiết chế còn có những bất cập chưa khắc phục như: hệ thống thiết chế văn hóa thể thao chưa được đầu tư hiện đại, thiếu đồng bộ, thiếu kinh phí và nhân lực chưa đáp ứng được yêu cầu về quy mô và số lượng hoạt động nên chưa thu hút được sự tham gia đông đảo của người dân.

- Về phương án phát triển

+ Báo cáo đã đưa ra được định hướng, giải pháp đầu tư phát triển đồng bộ hệ thống thiết chế văn hóa thể thao các cấp, tuy nhiên chưa đề cập đến việc ưu tiên phát triển đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa thể thao ở tuyến cơ sở, là điểm hạn chế, tồn tại hiện nay của tỉnh.

+ Phương án phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật thể dục thể thao của tỉnh đề nghị thực hiện theo Quyết định số 1752/QĐ-TTg ngày 30/9/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật thể dục thể thao quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, Quyết định số 2164/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cở giai đoạn 2013-2020, định hướng đến năm 2030. Các thiết chế văn hóa, thể thao cấp xã đạt chuẩn theo Thông tư số 11/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010, Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010, Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL ngày 08/3/2011, Thông tư số 14/2016/TT-BVHTTDL ngày 21/12/2016 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

4. Đề nghị rà soát bổ sung, chỉnh sửa thống nhất nội dung trong toàn bộ hồ sơ Quy hoạch liên quan trước khi trình thẩm định.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng *(để báo cáo)*;
- Thứ trưởng Hoàng Đạo Cương;
- TCDL, TCTDTT, Vụ KHCNMT;
- Lưu: VT, KHTC, NTT (8).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Hoàng Đạo Cương

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 2684 /BTNMT-KHTC	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
V/v góp ý Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	*Hà Nội, ngày 19 tháng 4 năm 2023*

Kính gửi: Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh
thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050
(Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Phúc đáp Công văn số 989/HĐTĐ-CV ngày 15 tháng 02 năm 2023 của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050 về việc góp ý Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Bộ Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường đã có Công văn số 6167/BTNMT-KHTC ngày 17 tháng 10 năm 2022 gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh góp ý đối với dự thảo Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tuy nhiên, dự thảo kèm theo Công văn số 989/HĐTĐ-CV còn một số nội dung chưa được tiếp thu, giải trình các ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Công văn nêu trên, trong đó có các nội dung về lĩnh vực đất đai, môi trường, tài nguyên nước. Đề nghị đơn vị lập quy hoạch bổ sung nội dung tiếp thu, giải trình các ý kiến của Bộ Tài nguyên đã góp ý.

2. Ngoài các ý kiến đã góp ý tại Công văn số 6167/BTNMT-KHTC, để hoàn chỉnh Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 cần bổ sung, làm rõ một số nội dung sau:

2.1. Về đánh giá hiện trạng sử dụng đất

Hiện trạng sử dụng đất năm 2020 tỉnh Tây Ninh nêu tại Mục II. Phần II. Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 - Báo cáo thuyết minh tổng hợp Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 cơ bản phù hợp với Kết quả thống kê đất đai năm 2020 tỉnh Tây Ninh được Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Báo cáo số 218/BC-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2021.

2.2. Về phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai (thuộc Mục X, Phần II. Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 - Báo cáo thuyết minh tổng hợp Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050).

- Về các chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030: Tại Bảng 137. Tổng hợp chỉ tiêu sử dụng đất trong kỳ quy hoạch đến năm 2030, trong đó Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh xác định 02/24 chỉ tiêu sử dụng đất (đất an ninh và đất khu kinh tế) bằng chỉ tiêu cấp quốc gia phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ (Phụ lục 47 kèm theo Quyết định này), có 10/24 chỉ tiêu sử dụng đất xác định cao hơn cấp quốc gia phân bổ (đất rừng phòng hộ +177 ha, đất phi nông nghiệp +32.807 ha, đất khu công nghiệp +5.255 ha, đất phát triển hạ tầng +9.170 ha, đất giao thông +5.528 ha, đất cơ sở y tế +39 ha, đất cơ sở giáo dục và đào tạo +107 ha, đất cơ sở thể dục thể thao +380 ha, đất

công trình năng lượng +1.502 ha, đất đô thị +78.129 ha), có 12/24 chỉ tiêu sử dụng đất xác định thấp hơn cấp quốc gia phân bổ (đất nông nghiệp -32.807 ha, đất trồng lúa -10.923 ha, đất chuyên trồng lúa nước -9.312 ha, đất rừng đặc dụng -393 ha, đất rừng sản xuất -97 ha, đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên -158 ha, đất quốc phòng -90 ha, đất cơ sở văn hóa -27 ha, đất công trình bưu chính, viễn thông -60 ha, đất xây dựng kho dự trữ quốc gia -4 ha, đất có di tích lịch sử - văn hóa -15 ha, đất bãi thải, xử lý chất thải -23 ha).

- Về các chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh rà soát để đảm bảo phù hợp với các chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia phân bổ theo Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Quốc hội Khóa XV kỳ họp thứ II thông qua tại Nghị quyết số 39/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021, tuân thủ chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia đến năm 2030 và đến năm 2025 phân bổ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ (Phụ lục 47 kèm theo Quyết định này); thực hiện theo đúng chỉ đạo của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Nghị quyết số 499/NQ-UBTVQH15 ngày 28 tháng 3 năm 2022, Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030.

- Các nội dung khác có liên quan thuộc phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai:

Tại Bảng 139: Phân bổ diện tích đất cần thu hồi theo huyện thị: thời kỳ 2021-2030, tổng diện tích đất nông nghiệp cần thu hồi là 30.975 ha.

Tại Bảng 140: Phân bổ diện tích đất cần chuyển đổi theo huyện thị tỉnh Tây Ninh: thời kỳ 2021-2030, tổng diện tích đất nông nghiệp chuyển mục đích sang đất phi nông nghiệp là 45.878 ha.

Hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp năm 2020 của tỉnh Tây Ninh là 342.048 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 296.170 ha, thực giảm 45.878 ha so với năm 2020. Căn cứ Bảng 139, Bảng 140 thì tổng diện tích đất nông nghiệp cần thu hồi, chuyển mục đích sử dụng là 76.853 ha, như vậy còn 30.975 ha đất nông nghiệp giảm (thu hồi) so với năm 2020 không rõ chuyển sang mục đích gì; ngoài ra còn các loại đất khác tăng, giảm chưa phù hợp như: đất trồng lúa, đất chuyên trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh giải trình rõ nội dung này.

- Theo quy định tại khoản 15 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch thì thành phần hồ sơ Quy hoạch tỉnh Tây Ninh còn thiếu hệ thống sơ đồ, bản đồ và cơ sở dữ liệu quy hoạch tỉnh, danh mục và tỷ lệ bản đồ quy hoạch tỉnh theo quy định tại mục IX Phụ lục I của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP.

2.3. Về nội dung tài nguyên nước trong Quy hoạch tỉnh:

Hiện nay, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 1622/QĐ-TTg ngày

27 tháng 12 năm 2022) có liên quan đến tài nguyên nước của tỉnh Tây Ninh vì vậy, đề nghị rà soát, cập nhật các nội dung, thông tin dữ liệu để đảm bảo đồng bộ, thống nhất với Quy hoạch tài nguyên nước theo quy định.

- Về Quan điểm phát triển trong Dự thảo Quyết định: đề nghị thể hiện rõ để hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh gắn với khả năng nguồn nước, bảo vệ tài nguyên nước, bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu trên sông, không vượt quá ngưỡng khai thác đối với các tầng chứa nước và có các biện pháp bảo đảm đời sống dân cư theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch, đảm bảo phù hợp với quy hoạch tài nguyên nước.

- Về Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra: Để đảm bảo tính thực thi của quy hoạch cũng như có đầy đủ căn cứ, công cụ triển khai công tác quản lý tài nguyên nước ở địa phương, Phương án cần bổ sung đầy đủ, cụ thể các nội dung quy định về chức năng cơ bản nguồn nước; lượng nước có thể khai thác, sử dụng; dòng chảy tối thiểu; nhu cầu khai thác, sử dụng nước; lượng nước phân bổ cho các đối tượng khai thác, sử dụng; nguồn nước dự phòng cấp nước cho sinh hoạt; các công trình điều tiết, khai thác, sử dụng, phát triển tài nguyên nước; mạng giám sát tài nguyên nước, giám sát khai thác, sử dụng nước, chất lượng nước…theo quy định tại Khoản 11 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch, làm căn cứ thực hiện phân bổ nguồn nước, bảo vệ tài nguyên nước và phòng chống các tác hại do nước gây ra. Rà soát lại nội dung "phân vùng tài nguyên nước thành 03 vùng tương tự như phân vùng cấp nước của phương án phát triển hạ tầng thủy lợi" để đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của tất cả các ngành dùng nước.

2.4. Về nội dung liên quan đến địa chất khoáng sản trong Quy hoạch tỉnh:

Bổ sung vào báo cáo các Quyết định phê duyệt quy hoạch khoáng sản của giai đoạn trước, Quyết định phê duyệt khu vực cấm, tạm thời cấm, Quyết định phê duyệt kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng giai đoạn 2022-2025, định hướng đến 2030; Quyết định ban hành Kế hoạch khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh; các Quyết định liên quan đến nhu cầu sử dụng vật liệu xây dựng của tỉnh, … làm cơ sở lập Quy hoạch và phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản tương ứng với từng loại khoáng sản, không gây tác động tiêu cực đến môi trường.

Quá trình điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cần đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch kỳ trước; Phân tích số liệu cụ thể về hiện trạng tài nguyên: tình hình quản lý, khai thác, sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh, tình hình cấp phép thăm dò, khai thác; đánh giá kết quả của việc cấp phép thăm dò, khai thác, sản lượng cấp phép, số còn lại, giấy phép đã hết hiệu lực, còn hiệu lực, đến thời điểm lập Quy hoạch mới có đáp ứng được nhu cầu về vật liệu xây dựng cho các dự án trên địa bàn tỉnh; cập nhật các khu vực cấm, tạm cấm hoạt động khoáng sản; Đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội (nộp thuế, bảo vệ môi trường); tác động của việc thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng các loại khoáng sản đến phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, môi trường, đa dạng sinh học, cảnh quan, dịch vụ hệ

sinh thái, … từ đó đề xuất phương án hợp lý cho từng giai đoạn 2021- 2025 và 2026-2030, làm cơ sở căn cứ cấp phép theo quy hoạch.

Về bản đồ hiện trạng thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên; bản đồ phương án thăm dò - khai thác sử dụng bảo vệ tài nguyên: Tên gọi bản đồ chưa phù hợp theo hướng dẫn tại mục V, Phụ lục 1 của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch. Nội dung bản đồ cần thể hiện chi tiết các khu vực mỏ, số hiệu khu vực quy hoạch, loại khoáng sản; bổ sung khu vực Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng do Chính phủ quản lý; bổ sung các khu vực cấm, tạm cấm hoạt động khoáng sản, khu vực hạn chế hoạt động khoáng sản. Ngoài ra, các bản đồ chưa thể hiện tọa độ địa lý 4 góc khung, số hiệu bản đồ và các yếu tố địa hình…

Để đảm bảo tính liên thông, thống nhất giữa các quy hoạch đề nghị tiếp tục rà soát các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế trong quy hoạch tỉnh Tây Ninh với quy hoạch vùng, quy hoạch quốc gia, trong đó có các chỉ tiêu phát triển kinh tế gắn với khai thác, chế biến khoáng sản.

Về phương án phòng chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu, đề nghị bổ sung việc xem xét nguy cơ tai biến địa chất trên địa bàn tỉnh và vùng lân cận (nếu có).

2.5. Hiện nay Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường chưa nhận được văn bản đề nghị cung cấp cở sở dữ liệu nền địa lý của tỉnh Tây Ninh sử dụng để thành lập bản đồ quy hoạch. Do vậy đề nghị tỉnh yêu cầu đơn vị lập quy hoạch có giải trình cụ thể về nguồn gốc bản đồ nền nhằm đảm bảo tính pháp lý theo quy định của pháp luật.

2.6. Về nội dung bảo vệ môi trường trong quy hoạch tỉnh:

Đề nghị nêu rõ quan điểm, mục tiêu bảo vệ môi trường, phát triển bền vững, thúc đẩy mô hình kinh tế tuần hoàn; rà soát các mục tiêu, chỉ tiêu về bảo vệ môi trường để phù hợp với Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050; bổ sung mục tiêu, chỉ tiêu về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường; nước thải sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý; bổ sung các mục tiêu cụ thể về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học tương ứng với phương án bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học (trang 21).

Đề nghị nêu rõ nội dung phân tích, đánh giá về môi trường của địa phương theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, trong đó bao gồm các nội dung về phân vùng môi trường theo vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải; khu xử lý chất thải tập trung; mạng lưới quan trắc và cảnh báo môi trường đất, nước, không khí.

Trong nội dung đánh giá hiện trạng, tình hình thực hiện, chỉ tiêu quy hoạch cần thống nhất nội dung về: (1) Quản lý chất thải rắn sinh hoạt; (2) Quản lý chất thải nguy hại; (3) Quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường; (4) Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt.

Đề nghị bổ sung nội dung đánh giá sự phù hợp với quy hoạch hiện hữu của các khu/cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại (nếu có) đang hoạt động hoặc đã được chấp thuận chủ trương đầu tư trên địa bàn tỉnh để từ đó điều chỉnh, bổ sung nội dung quản lý chất thải vào quy hoạch tỉnh cho phù hợp; đánh giá tình hình hoạt động của các bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt và bổ sung kế hoạch cải tạo phục hồi môi trường các bãi chôn lấp đã và sẽ đóng cửa hoặc chuyển đổi sang công nghệ xử lý không chôn lấp (nếu có).

Bộ Tài nguyên và Môi trường đã có Công văn số 7652/BTNMT-TCMT ngày 16 tháng 12 năm 2022 và Công văn số 1617/BTNMT-KSONMT ngày 15 tháng 3 năm 2023 gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc thực hiện quy định của Luật Bảo vệ môi trường đối với nội dung quy hoạch các khu xử lý chất thải. Đặc biệt, theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 84 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại phải phù hợp với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia hoặc quy hoạch có nội dung về xử lý chất thải nguy hại, trừ trường hợp cơ sở đồng xử lý chất thải nguy hại. Do vậy, đề nghị Uỷ ban nhân dân tỉnh Tây Ninh quan tâm, chỉ đạo các cơ quan chức năng để thực hiện tốt nội dung quy hoạch các khu xử lý chất thải khi xây dựng quy hoạch tỉnh theo đúng các công văn nêu trên, đặc biệt là định hướng đối với các cơ sở xử lý chất thải nguy hại hiện đang hoạt động trên địa bàn.

Về phương án phân vùng môi trường: Đề nghị rà soát, bổ sung khu vui chơi giải trí dưới nước trên địa bàn theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Mục 4. Phương án bảo tồn đa dạng sinh học (trang 741): đề nghị sửa tên mục thành Phương án bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học cho phù hợp với Khoản 9 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch.

Đề nghị bổ sung nội dung bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên (theo Khoản 2 Điều 21 Luật Bảo vệ môi trường 2020).

Mục 4.2.1.2. Các khu bảo vệ cảnh quan (trang 744): đề nghị bổ sung hiện trạng diện tích cũng như sự biến động diện tích của Khu bảo vệ cảnh quan Núi Bà Đen và các khu bảo vệ cảnh quan Căn cứ Đồng Rùm và Căn cứ huyện ủy Châu Thành.

Mục 4.2.1.3. Các khu di tích lịch sử nằm trong quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia (trang 746): đề nghị làm rõ cụ thể các khu vực quy hoạch, sự phù hợp với các quy định tại điểm c Khoản 9 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP.

Mục 4.2.2. Các hệ sinh thái tự nhiên (trang 747): việc đề xuất đối tượng này chưa phù hợp với quy định tại điểm c Khoản 9 Điều 28 Nghị định số

37/2019/NĐ-CP. Đề nghị cơ quan chủ trì rà soát, đề xuất các đối tượng quy hoạch gồm: cảnh quan sinh thái quan trọng, khu vực đa dạng sinh học cao.

Tại 4.2.1.1. Vườn quốc gia Lò Gò Xa Mát (trang 742): đề nghị bổ sung phương án cụ thể về bảo tồn và khai thác bền vững giá trị của hệ thống khu bảo tồn thiên nhiên, đặc biệt là bảo tồn và khai thác bền vững giá trị của Vườn di sản ASEAN Lò Gò – Xa Mát.

Hiện nay Bộ Tài nguyên và Môi trường đang trình Chính phủ thẩm định Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, do vậy đề nghị Cơ quan soạn thảo quy hoạch tiếp tục rà soát các nội dung liên quan để đảm bảo sự thống nhất giữa quy hoạch trên và quy hoạch tỉnh Tây Ninh theo pháp luật về quy hoạch.

Trên đây là ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường, kính gửi Hội đồng thẩm định để tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, KHTC (L).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Trần Quý Kiên

BẢN NHẬN XÉT BÁO CÁO ĐMC CỦA QUY HOẠCH TỈNH TÂY NINH THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050.

PGS.TS.Nguyễn Thế Chinh.

Viện khoa học khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu (IMHEN). Nguyên Viện trưởng Viện Chiến lược Chính sách tài nguyên và môi trường (ISPONRE). Bộ tài nguyên và môi trường (MONRE).

Đối chiếu với quy định đánh giá môi trường Chiến lược (ĐMC) tại thông tư 02/2022/TT-BTNMT phụ lục II mẫu 1a, 1b ngày 10/01/2022 của Bộ tài nguyên và môi trường; căn cứ vào các nội dung trong dự thảo báo cáo ĐMC, báo cáo quy hoạch và các tài liệu liên quan khác của tỉnh Tây Ninh đối với quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, tôi có nhận xét sau.

1. Về cấu trúc báo cáo ĐMC:

Cấu trúc nội dung báo cáo ĐMC ngoài phần mục lục, danh mục các từ và các ký hiệu viết tắt, danh mục các bảng, danh mục các hình, tài liệu tham khảo và các phụ lục kèm theo báo cáo, nội dung dự thảo của báo cáo ĐMC quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 có các phần như sau.

Mở đầu

Chương 1: Tóm tắt nội dung quy hoạch.

Chương 2: Phạm vi đánh giá môi trường Chiến lược và thành phần môi trường, di sản thiên nhiên có khả năng bị tác động bởi quy hoạch.

Chương 3: Đánh giá tác động của quy hoạch đến môi trường.

Chương 4: Giải pháp duy trì xu hướng tích cực, giảm thiểu xu hướng tiêu cực của các vấn đề môi trường chính.

Chương 5: Tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá môi trường Chiến lược.

Kết luận, kiến nghị và cam kết

Như vậy cấu trúc báo cáo ĐMC của quy hoạch tỉnh Tây Ninh đã thể hiện đúng theo quy định chung các nội dung cần có của bản ĐMC theo phụ lục II, mẫu 1b thông tư 02/2022/TT-BTNMT đối với quy hoạch tỉnh gồm mở đầu, kết luận, kiến nghị và cam kết. Nội dung chính có 5 chương.

2. Nhận xét từng nội dung của báo cáo ĐMC.

2.1 Phần mở đầu.

- Về cấu trúc.

  Đối chiếu với yêu cầu tại phụ lục II, mẫu 1b của thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, trong phần này báo cáo đã làm rõ được 4 nội dung theo quy định gồm: (1) Sự cần thiết, cơ sở pháp lý của nhiệm vụ xây dựng quy hoach (2) căn cứ pháp luật và kỹ thuật để thực hiện đánh giá môi trường chiến lược, (3) phương pháp thực hiện đánh giá môi trường Chiến lược, (4) tổ chức thực hiện đánh giá môi trường Chiến lược. Như vậy cấu trúc của phần mở đầu đã tuân thủ theo qui định của thông tư 02/2022/TT-BTNMT mẫu 01b.

- Về nội dung tôi có những góp ý sau:

  + Mục 1. "Sự cần thiết, cơ sở pháp lý của nhiệm vụ xây dựng quy hoach" trang 1-6, mục này nên xem xét lại cách sắp xếp và cập nhật văn bản. Cơ sở pháp lý của nhiệm vụ quy hoạch chủ yếu là các văn bản pháp luật, các văn bản Nghị quyết của Đảng là chủ trương, định hướng. Do vậy chủ trương, định hướng trong văn kiện, Nghị quyết của Đảng nên đưa lên đầu và thành mục riêng. Quan trọng nhất đối với cơ sở pháp lý xây dựng quy hoạch tỉnh Tây Ninh chính là quyết định của Thủ tướng giao nhiệm vụ thực hiện Quy hoạch.

  + Mục 2. "căn cứ pháp luật và kỹ thuật để thực hiện đánh giá môi trường chiến lược" trang 6-11, mục này cần lưu ý không nên liệt kê quá nhiều, lan man, chỉ liệt kê các văn bản "làm căn cứ để thực hiện đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC) của Quy hoạch".

  + Mục 3. "phương pháp thực hiện đánh giá môi trường Chiến lược" trang 12-15, nên rà soát xem xét lại còn có sự lẫn lộn giữa phương pháp và kỹ thuật sử dụng. Nên bổ sung phương pháp "song song" thực hiện ĐMC cùng với thực hiện quy hoạch, phương pháp dự báo, vì ĐMC là dự báo điều gì sẽ xảy ra đối với môi trường khi thực hiện phương án quy hoach

2.2. Chương 1: Tóm tắt nội dung quy hoạch.

- Về cấu trúc: Theo quy định mẫu 1b thông tư 02/2022/TT-BTNMT yêu cầu chương này có 4 phần: (1). Tên quy hoạch, (2). Cơ quan được giao nhiệm vụ xây dựng Quy hoạch, (3). Mối quan hệ của Quy hoạch được đề xuất với các Chiến lược, Quy

hoạch, (4). Nội dung của Quy hoạch có khả năng tác động đến môi trường . Đối chiếu với cấu trúc của chương này trong bản dự thảo báo cáo ĐMC của tỉnh đã thể hiện đủ 4 phần. Như vậy cấu trúc chương 1 đáp ứng yêu cầu.

- Về nội dung: Để đảm bảo tính đầy đủ và theo yêu cầu của báo cáo ĐMC tôi có những góp ý sau.

+ Mục 1.3. "Mối quan hệ của Quy hoạch được đề xuất với các Chiến lược, Quy hoạch" trang 23-30, mục này còn thiếu liệt kê các Chiến lược, nhất là: Chiến lược phát triển kinh tế xã hội quốc gia giai đoạn 2021-2030; Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn bền vững đến năm 2030 tầm nhìn 2050; Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia; Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học; Chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực quy mô quốc gia..., đề nghị nhóm thực hiện ĐMC rà soát lại, bổ sung và xem xét các nội dung về quan hệ của BVMT cấp quốc gia liên quan đến quy hoạch tỉnh Tây Ninh. Tôi cho rằng mục này nên phân thành 2 nội dung, (i) Mối quan hệ của quy hoạch tỉnh với các Chiến, (ii) Mối quan hệ của quy hoạch tỉnh với các quy hoạch, ngoài ra cần chú ý Tây Ninh có biên giới khá dài với Cam Pu Chia, do vậy cần rà soát thêm các nội dung Chiến lược và quy hoạch quốc gia liên quan đến BVMT xuyên biên giới và hợp tác với CPC. Từ đó làm căn cứ cho phân tích xem xét các mối quan hệ để lồng ghép vào trong nội dung quy hoạch tỉnh của báo cáo ĐMC.

Mục 1.4. " Nội dung của Quy hoạch có khả năng tác động đến môi trường" trang 31-90. Phần này liệt kê khá tốt, tuy nhiên còn mang tính dàn trải tóm tắt của quy hoạch, cần làm nổi bật những nội dung quy hoạch có khả năng tác động tới môi trường, nhất là quy hoạch của các ngành và quy hoạch theo lãnh thổ (vùng) trong phương án thực hiện tới đây.

2.3. Chương 2: Phạm vi đánh giá môi trường Chiến lược và thành phần môi trường, di sản thiên nhiên có khả năng bị tác động bởi quy hoạch.

- Về kết cấu: Đối chiếu với yêu cầu cần có của chương này theo quy định trong phụ lục II mẫu 01b thông tư 02/2022/TT-BTNMT có 2 nội dung chính cần thực hiện trong báo cáo ĐMC (i). Phạm vi thực hiện đánh giá môi trường chiến lược, (ii). Thành phần môi trường, di sản thiên nhiên, điều kiện về kinh tế - xã hội khu vực có khả năng bị tác động bởi Quy hoạch. Kết cấu trong nội dung của báo cáo ĐMC của chương 2 đã có đủ 2 nội dung này.

- Về nội dung: Nội dung chương này thực hiện khá đầy đủ và khá tốt. Tuy nhiên để chất lượng báo cáo ĐMC của chương này tốt hơn, tôi có góp ý sau đây.

+ Đối với mục 2.2.1. Thánh phần môi trường trang 93-105, cần rà soát, xem xét lại tính đại diện của các con số đưa vào đối với thành phần môi trường không khí, nước và đất ở mốc thời gian xác định, nên có bản đồ chỉ rõ điểm xác định đo lường các chỉ số, hoặc địa điểm tính toán của các chỉ số thành phần môi trường đã nêu.

+ Đối với mục 2.2.2. "di sản thiên nhiên" trang 105-127. Trên cơ sở đã liệt kê, mô tả nên bổ sung *"thể hiện đặc điểm và phân bố các hệ sinh thái tự nhiên, các loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ trên bản đồ có tỷ lệ phù hợp"*. Như vậy sẽ rõ ràng và dễ hình dung theo dõi và làm căn cứ để đến năm 2030, 2050 mức độ phát triển và suy giảm đến đâu đối với các hệ sinh thái tự nhiên, nhất là độ che phủ của rừng tự nhiên.

2.4. Chương 3: Đánh giá tác động của quy hoạch đến môi trường.

- Về cấu trúc chương: Đối chiếu với quy định trong phụ lục II mục 1b của thông tư 02/2022/TT-BTNMT chương này gồm có 5 nội dung,: (1) Đánh giá sự phù hợp của quan điểm, mục tiêu Quy hoạch với quan điểm, mục tiêu, chính sách về bảo vệ môi trường; (2) Các vấn đề môi trường chính; (3) Đánh giá, dự báo xu hướng của các vấn đề môi trường chính trong trường hợp không thực hiện Quy hoạch (phương án 0); (4) Đánh giá, dự báo xu hướng của các vấn đề môi trường chính trong trường hợp thực hiện Quy hoạch; (5) Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy và các vấn đề còn chưa chắc chắn của các dự báo. Trong báo cáo dự thảo ĐMC đã đủ 5 nội dung theo yêu cầu.

- Về nội dung: Để hoàn thiện báo cáo ĐMC chương này tôi có những góp ý sau.

+ Mục 3.1. "Đánh giá sự phù hợp của quan điểm, mục tiêu Quy hoạch với quan điểm, mục tiêu, chính sách về bảo vệ môi trường" trang 128-153. Mục này đã thể hiện khá tốt, tuy nhiên cần rà soát và bổ sung thêm các loại văn bản *(1) Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, bảo tồn đa dạng sinh học; (2) Quy hoạch tổng thể quốc gia; (3) Quy hoạch sử dụng đất quốc gia; (4) Quy hoạch vùng Đông Nam Bộ; (5) Kịch bản biến đổi khí hậu"* để làm căn cứ đối chiếu với sự phù hợp quy hoạch của tỉnh. Trong trường hợp những quy hoạch chưa có như quy hoạch BVMT, bảo tồn đa dạng sinh học cần tham khảo những dự thảo hoặc các văn bản liên quan để đối chiếu với quy hoạch của tỉnh Tây Ninh.

+ Mục 3.2. "Các vấn đề môi trường chính" trang 154-162. Nội dung thực hiện mục này yêu cầu *"Nêu rõ kết quả nhận dạng các vấn đề môi trường chính có tính tích cực và tiêu cực của Quy hoạch"*. So với việc xác định danh mục 5 vấn đề môi

trường chính của quy hoạch đưa ra ở trang 161 không có vấn đề môi trường nào đem lại tác động tích cực, vậy cần xem xét lại phương án quy hoạch thực hiện.

+ Mục 3.3. "Đánh giá, dự báo xu hướng của các vấn đề môi trường chính trong trường hợp không thực hiện Quy hoạch (phương án 0)". Về cơ bản mục này đã thực hiện khá đầy đủ, có phân tích đánh giá khá tốt, tuy nhiên đối với nội dung của mục 3.3.3. "Tác động của biến đổi khí hậu đến các vấn đề môi trường chính trong trường hợp không thực hiện quy hoạch" trang 173-176 nhóm thực hiện ĐMC nên căn cứ vào kịch bản biến đổi khí hậu năm 2020 của Bộ TN&MT soi chiếu với tỉnh Tây Ninh để đưa ra được những đánh giá đầy đủ hơn đối với các vấn đề môi trường chính.

+ Mục 3.4. "Đánh giá, dự báo xu hướng của các vấn đề môi trường chính trong trường hợp thực hiện Quy hoạch" trang 183-251. Về nội dung, mục này thực hiện khá tốt và bám sát yêu cầu thực hiện ĐMC đối với những dự báo các vấn đề môi trường chính trường hợp thực hiện quy hoạch cũng như những vấn đề liên quan đến biến đổi khí hậu. Tuy nhiên chất lượng của báo cáo sẽ tốt hơn nếu bổ sung thêm 2 bản đồ, bản đố thứ nhất thể hiện được dự báo tác động đến môi trường của phương án thực hiện quy hoạch đến năm 2030 tầm nhìn 2050, bản đồ thứ hai thể hiện được dự báo tác động quy hoạch đến biến đổi khí hậu và ngược lại trên địa bàn lãnh thổ của tỉnh Tây Ninh. Cần lưu ý thêm những vấn đề môi trường liên quan đến biên giới giữa Tây Ninh và Cam Pu Chia. Phân tích sâu hơn quy hoạch phát triển du lịch tác động đến môi trường ở Tây Ninh, nhất là khu vực núi Bà Đen.

+ Mục 3.5. "Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy và các vấn đề còn chưa chắc chắn của các dự báo" trang 252-253, mục này theo tôi nên thiết kế lại cấu trúc 2 nội dung: (i) *"Xác định và nêu rõ những vấn đề còn không chắc chắn, thiếu tin cậy trong ĐMC"*; (ii) *"Lý do, nguyên nhân của từng vấn đề không chắc chắn, thiếu tin cậy"*, như vậy mới đúng quy định và đáp ứng yêu cầu của mục 3.5 trong chương 3.

2.5. Chương 4: Giải pháp duy trì xu hướng tích cực, hạn chế, giảm thiểu xu hướng tiêu cực của các vấn đề môi trường chính.

- Về cấu trúc: Chương 4 cấu trúc nội dung gồm các phần: (i) Giải pháp duy trì xu hướng tích cực, giảm thiểu xu hướng tiêu cực của các vấn đề môi trường chính; (ii) Định hướng về bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện Quy hoạch; (iii)

Chương trình quản lý và giám sát môi trường trong quá trình triển khai thực hiện Quy hoạch. Đối chiếu với yêu cầu của phụ lục II, mẫu 1b thông tư 02/2022/TT-BTNMT, nội dung chương 4 đã đủ theo yêu cầu.

- Vê nội dung: Đối với nội dung thể hiện của chương 4 tôi có các góp ý sau:

+ Mục 4.1. " Các giải pháp duy trì xu hướng tích cực, giảm thiểu xu hướng tiêu cực của các vấn đề môi trường chính" trang 254-277. Mục này khá chi tiết và đầy đủ, khá sát thực với tỉnh Tây Ninh, tuy nhiên trong nội dung tôi đề nghị rà lại, bổ sung và hoàn thiện phù hợp với quy hoạch của tỉnh đó là: (i) sử dụng công nghệ giám sát ô nhiễm nước, không khí bằng hệ thống đo và báo tự động, công nghệ số kết hợp GIS và viễn thám, (ii) ứng dụng mô hình kinh tế tuần hoàn trong các ngành, lĩnh vực sản xuất và tiêu dùng, giảm thiểu chất thải. Mặt khác Tây Ninh là đầu nguồn của sông Vàm cỏ Đông và Sông Sài Gòn, có hồ chứa nước dầu tiếng nên cần có giải pháp đầy đủ hơn cho đảm bảo quy hoạch không có ảnh hưởng tới nguồn nước đầu nguồn của 2 con sông này và hồ Dầu Tiếng, vì như vậy sẽ tác động tới nguồn nước hạ lưu.

+ Mục 4.2." Định hướng về bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện Quy hoạch" trang 277-286, đối với mục này, nội dung 4.2.1.2 về "định hướng áp dụng công cụ quản lý" trang 277-279 nên rà soát viết lại cụ thể hơn cho tỉnh Tây Ninh áp dụng thế nào để người đọc không cảm thấy áp dụng nội dung này vào tỉnh nào cũng đúng. Đối với nội dung 4.2.2. "định hướng phân vùng môi trường", trang 279-280, nên bổ sung bản đồ để thấy rõ được các vùng môi trường theo dự kiến (3 vùng).

+ Mục 4.3. "Chương trình quản lý và giám sát môi trường trong quá trình triển khai thực hiện Quy hoạch" trang 287-296. Tôi cho rằng, nội dung mục này nên sắp xếp, cấu trúc lại và bổ sung hoàn thiện theo yêu cầu: (4.3.1). *"Nội dung giám sát"*. Trong đó thể hiện được các thông số/chỉ thị giám sát về bảo vệ môi trường, địa điểm, trách nhiệm giám sát, tổ chức thực hiện thực hiện, nguồn lực cần thiết (nhân lực, kinh phí và các điều kiện vật chất khác cần thiết cho hoạt động giám sát); (4.3.2). *"Phương án phối hợp giữa các cơ quan liên quan trong quá trình thực hiện"*; (4.3.3). *"Chế độ báo cáo định kỳ đến cơ quan phê duyệt Quy hoạch"*. Trong đó yêu cầu Báo cáo kết quả thực hiện Quy hoạch, thực hiện chương trình quản lý môi trường và kết quả giám sát môi trường đến cơ quan phê duyệt Quy hoạch.

2.6. Chương 5 . Tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá môi trường Chiến lược.

- Về cấu trúc: Chương này yêu cầu có hai nội dung (i) Thực hiện tham vấn, (ii) Kết quả tham vấn. Trong báo cáo ĐMC quy hoạch của tỉnh Bình Thuận đã có đủ 2 nội dung này.

- Về nội dung: Nội dung chương này thể hiện khá đầy đủ và khá tốt, tuy nhiên cần rà soát và hoàn thiện thêm đẻ chất lượng tốt hơn nhất là đối với nội dung tham vấn thể hiện rõ của ĐMC quy hoạch tỉnh Tây Ninh chứ không phải của tỉnh khác

2.7. Kết luận, kiến nghị và cam kết.

- Về cấu trúc: Nội dung thực hiện "kết luận, kiến nghị và cam kết" theo yêu cầu của mẫu 1b thông tư 02/2022/TT-BTNMT có 4 mục (1). Vấn đề cần lưu ý về bảo vệ môi trường; (2) Kết luận; (3) Về hiệu quả của ĐMC; (4) Những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu trong quá trình thực hiện Quy hoạch. Trong cấu trúc nội dung đã thể hiện đủ 4 phần.

- Về nội dung: Về cơ bản nội dung thể hiện của "kết luận, kiến nghị và cam kết" khá đầy đủ và khá tốt. Để hoàn thiện nội dung này tốt hơn, tôi có những góp ý sau đây.

+ Mục 1. "Vấn đề cần lưu ý về bảo vệ môi trường" trang 319-321 cần xem xét lại, những vấn đề cần lưu ý BVMT không chỉ là 5 vấn đề môi trường chính đã được xác định, mà còn những vấn đề khác như hạ tầng cho BVMT, cơ cấu tổ chức thực hiện, nguồn nhân lực..., nhóm thực hiện cần xem xét lại mục này.

+ Mục 2. "Kết luận" trang 321-323, đối với mục 2.1 không yêu cầu phân tích "sự chưa phù hợp", do vậy cần tập trung vào phân tích thật cụ thể và chi tiết, đầy đủ "về sự phù hợp của quan điểm, mục tiêu quy hoạch với quan điểm, mục tiêu, chính sách về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững", có sự so sánh với từng nội dung của quan điểm, mục tiêu. Đối với mục 2.2 trang 322-323, lưu ý đối với những vấn đề môi trường như suy giảm môi trường nước, gia tăng chất thải, suy giảm chất lượng môi trường không khí nên áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn.

3. Kết luận chung.

- Tôi cho rằng, báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 về cấu trúc đã thực hiện đúng với yêu cầu của phụ lục II, mẫu 1b thông tư 02/2022/TT-BTNMT do Bộ tài nguyên và môi trường ban hành ngày 10/01/2022.
- Về nội dung: Cơ bản nội dung thực hiện báo cáo ĐMC của quy hoạch tỉnh Tây Ninh khá đầy đủ. Tuy nhiên cần tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện như góp ý các chương, mục đã nêu ở trên.
- Sau khi tiếp thu chỉnh sửa, bản báo cáo ĐMC cho quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đủ điều kiện nghiệm thu.

Ngày 08 tháng 3 năm 2023

NGƯỜI NHẬN XÉT.

PGS.TS.Nguyễn Thế Chinh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN NHẬN XÉT

Về Báo cáo Đánh giá môi trường chiến lược của Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050

CỦA ỦY VIÊN PHẢN BIỆN

1. Họ và tên người nhận xét: Nguyễn Danh Sơn

Điện thoại:.0912694437; Email: danhson@gmail.com

2. Học hàm, học vị, chức vụ công tác: PGS.TS., Nguyên Viện trưởng Viện Phát triển bền vững vùng, Viện hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam

3. Đơn vị công tác: Giảng viên khoa Chính sách công, Học viện khoa học xã hội, 477 Nguyễn Trãi, Q. Thanh xuân, Hà Nội

4. Tên quy hoạch: Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050

5. Nhận xét nội báo cáo đánh giá môi trường chiến lược

5.1. Ưu điểm:

- Bao quát đầy đủ các yêu cầu về nội dung, hình thức trình bày và quy trình thực hiện đối với Báo cáo Đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC) của Quy hoạch tỉnh theo quy định hướng dẫn của Luật Bảo vệ môi trường hiện hành.

- Phát hiện được đúng các vấn đề môi trường cốt lõi, chính yếu và đóng góp cụ thể, hữu ích trong quá trình xây dựng Quy hoạch tỉnh trên cơ sở các luận cứ khoa học và minh chứng cụ thể, rõ ràng.

- Đề xuất được các giải pháp và kiến nghị phù hợp và có giá trị tham khảo tốt cho công tác quản lý thực hiện quy hoạch.

5.2. Góp ý:

I. Vấn đề chung:

Vấn đề cần lưu ý đối với cả bản Quy hoạch và cả Báo cáo ĐMC là sự lựa chọn phương án phát triển của Quy hoạch tỉnh. Như đã biết, tăng trưởng cao thường kèm theo áp lực cao đối với môi trường. Báo cáo ĐMC ủng hộ lựa chọn phương án phát triển cao nhất (kịch bản số 3) trong Quy hoạch. Theo đó, GRDP của tỉnh tăng từ 87.500 tỷ đ (Quy hoạch, tr. 67) năm 2020 sẽ tăng lên 161.519 tỷ đ vào

năm 2025 và 475.598 tỷ đ vào năm 2030 (ĐMC, tr. 34). Nghĩa là, trong 5 năm giai đoạn 2021 – 2025 GRDP tăng khoảng 2 lần và giai đoạn 2026 – 2030 tăng khoảng 3 lần. Do yêu cầu tập trung vào báo cáo ĐMC nên ở đây không bình luận rộng về sự lựa chọn tăng trưởng này của Quy hoạch (mặc dù có khá nhiều chuyện cần bàn, nhất là trong 5 năm 2026 – 2030 tăng GRDP gần 3 lần, theo tôi là rất khó khả thi với tỉnh Tây Ninh) mà ở đây chỉ luận bàn dưới góc nhìn yêu cầu của ĐMC trở lại đối với lựa chọn phương án phát triển của Quy hoạch.

Xét theo những tác động về môi trường từ kịch bản này đã chỉ ra trong Báo cáo ĐMC thì, theo tôi, lựa chọn này (phương án tăng trưởng rất cao – theo tên gọi trong Quy hoạch) là chưa ổn, bởi 2 lý do: (i) các tác động và hệ quả tiêu cực to lớn về môi trường từ kịch bản phát triển này; và (ii) chưa thật phù hợp với quan điểm phát triển bền vững. Cụ thể:

+ Về các tác động và hệ quả tiêu cực: Các tác động tiêu cực đối với môi trường khi thực hiện kịch bản được lựa chọn được tổng hợp tại các bảng 3.26 (tr. 184) cho thấy rất đáng quan ngại.

+ Về sự chưa thật sự phù hợp với quan điểm phát triển bền vững: quan điểm phát triển bền vững trong bối cảnh mới hiện nay là "Môi trường là điều kiện, nền tảng, yếu tố tiên quyết cho phát triển bền vững kinh tế - xã hội ... không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng kinh tế" (Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050). GRDP tăng gấp 2, gấp 3 lần sau mỗi 5 năm đi kèm với tác động tiêu cực lớn tới tài nguyên thiên nhiên và môi trường đòi hỏi cân nhắc thật kỹ lưỡng khi lựa chọn phương án phát triển với mức tăng trưởng GRDP rất cao như vậy.

Như vậy, từ quan điểm bền vững về môi trường, báo cáo ĐMC cần kiến nghị cân nhắc lại và kỹ lưỡng hơn và có điều chỉnh tương ứng về lựa chọn kịch bản phát triển trong bản Quy hoạch, trước hết là về quan điểm và mục tiêu/chỉ tiêu phát triển. Cụ thể:

+ Về quan điểm: các quan điểm của Quy hoạch (tr. 31) chưa thể hiện rõ ràng quan điểm phát triển mới đã nêu trên cũng như chưa có nội dung về xây dựng và phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế số, kinh tế cac-bon thấp cũng được yêu cầu quán triệt và thể hiện trong xây dựng và tổ chức thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới (NQ của Bộ Chính trị số 24-NQ/TW ngày 7/10/2022 về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045).

+ Về mục tiêu/chỉ tiêu: nhìn chung, bộ chỉ tiêu phát triển được xác định trong Quy hoạch (Bảng 1.2, tr. 34) về cơ bản giống như bộ chỉ tiêu của thời kỳ trước (2011 – 2020), nghĩa là chưa có mặt các chỉ tiêu thể hiện quan điểm mới về phát triển bền vững trong bối cảnh mới, cụ thể là chưa có chỉ tiêu về kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, kinh tế cac-bon thấp.

Bình luận trong Báo cáo ĐMC (tr. 32) về lựa chọn kịch bản phát triển là "Các kịch bản này phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó có hai yếu tố có thể nói là quyết định đến tăng trưởng và phát triển kinh tế tỉnh, bao gồm: (i) Chính sách của Chính phủ và thực hiện đầu tư các dự án hạ tầng kết nối tỉnh với phần còn lại của đất nước; (ii) Các lựa chọn chính sách phát triển của tỉnh" cũng không thật đúng. Bởi lẽ, ít ra về mặt lý luận thì chỉ nhấn mạnh chính sách thôi là không đủ, nhất là coi đó là yếu tố quyết định tăng trưởng và phát triển kinh tế; còn về mặt thực tế Việt Nam, thì ngay chính sách phát triển quốc gia hiện nay vẫn còn nhiều vấn đề đang hoàn thiện, thậm chí có chính sách (số, các bon thấp) còn đang được xây dựng theo kiểu "dò đá qua sông" (dạng sand box). Hy vọng quá nhiều vào "cú hích" chính sách dễ kèm theo rủi ro.

II. Vấn đề cụ thể:

- Về xác định các vấn đề môi trường chính: Báo cáo ĐMC xác định 5 vấn đề môi trường chính (Bảng 3.6, tr. 161). Đó là các vấn đề liên quan tới chất lượng các thành phần môi trường (nước, không khí, đất, đa dạng sinh học) và chất thải rắn. Riêng đối với nước thì có cả tài nguyên nước (trữ lượng). Phương án tăng trưởng rất cao, tập trung nhiều vào công nghiệp (cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp – xây dựng trong GRDP, từ 37,78% năm 2020 lên 46% năm 2025 và 54% năm 2030), nên sức ép lên tài nguyên thiên nhiên sẽ rất lớn (Bảng 3.26, tr. 184). Do vậy, chắc chắn suy giảm (thậm chí cạn kiệt) tài nguyên thiên nhiên phải là một vấn đề vấn đề môi trường chính của tỉnh Tây Ninh cần được quan tâm. Thêm nữa, không chỉ chất thải rắn mà nước thải, khí thải cũng là vấn đề môi trường lớn, đáng quan tâm khi thực hiện quy hoạch, nhất là công nghiệp chế biến là trọng tâm của phát triển công nghiệp trong Quy hoạch của tỉnh Tây Ninh.

- Về đánh giá tác động tiêu cực đến môi trường khi thực hiện Quy hoạch (tổng hợp tại Bảng 3.26, tr. 184):

+ Nội dung đánh giá ở đây không đi theo "mạch" các vấn đề môi trường chính đã xác định mà lại theo các chỉ tiêu phát triển vĩ mô và ngành, vừa thiếu logic vừa chưa bao quát đầy đủ 5 vấn đề môi trường chính. Ví dụ: với các chỉ tiêu phát triển vĩ mô chỉ nêu tác động tiêu cực liên quan đến tài nguyên thiên nhiên và chất thải mà không có đề cập gì tới tác động môi trường chính khác (nước, đa dạng sinh học, đất, …).

+ Các đánh giá tuy bao quát đến tận các ngành nhưng có điểm hạn chế chung là mới dừng ở đánh giá chung (tăng, giảm), mà chưa cụ thể tác động tiêu cực ở mức độ nào (cao, trung bình, thấp). Chính mức độ tác động tiêu cực cụ thể như vậy mới là căn cứ thuyết phục và giúp hoàn thiện Quy hoạch, nhất là khi mức độ tác động tiêu cực được cảnh báo là có thể "vượt giới hạn sức chịu tải của môi trường" (tr. 184).

+ Đối với các chỉ tiêu về môi trường thì không thể có tác động tiêu cực để đánh giá vì lý do cả 2 chỉ tiêu được đánh giá (cung cấp và sử dụng nước sạch, hợp về sinh) đều ở mức đạt 100%.

- Về đánh giá tác động tích lũy đến môi trường khi thực hiện Quy hoạch (tổng hợp tại Bảng 3.28, tr. 207): theo quy định chung, cần có mô tả căn cứ xác định các con số (điểm đánh giá) cụ thể trong Bảng này (phương pháp, phương thức thực hiện, ngưỡng đánh giá, ...) để có căn cứ thẩm định và sau đó cũng cần có những bình luận cụ thể về các con số, nhất là những con số gây ấn tượng mạnh. Tuy vậy, xét theo những gì thể hiện tại Bảng này thì tác động tích lũy tiêu cực (dấu -) đối với môi trường tự nhiên chiếm đa số gần như tuyệt đối lại càng cần có những bình luận xác đáng.

- Về các giải pháp đề xuất (Chương 4):

+ Các giải pháp được đề xuất theo 5 vấn đề môi trường chính đã xác định có ưu điểm là logic với các phát hiện ở các chương trước và chi tiết, nhưng có nhược điểm là không có loại giải pháp nhằm vào các vấn đề môi trường chung, mang tính tổng thể, nhất là vấn đề môi trường mới, cần thiết được yêu cầu bao quát trong các quy hoạch là tạo dựng, phát triển kinh tế tuần hoàn cũng như các giải pháp nhằm vào hạn chế các tác động tiêu cực tới các tài nguyên thiên nhiên (riêng tài nguyên nước đã được đề cập).

+ Tác động tiêu cực tới môi trường lớn từ phương án tăng trưởng rất cao nên cần có giải pháp về tài chính cho bảo vệ môi trường, cụ thể là dành bao nhiêu tiền và cơ cấu nguồn huy động giống như đối với tăng trưởng kinh tế (vốn đầu tư thực hiện tính trên GRDP của tỉnh Tây Ninh được xác định trong Quy hoạch là đạt 54,1% vào năm 2025 và 64,5% vào năm 2030).

- Về phân vùng môi trường (mục 4.2.2, tr. 279): nội dung đề cập ở mục này vừa sơ sài (chỉ hơn 1 trang) vừa chưa bao quát đầy đủ phạm vi quản lý (lãnh thổ) của tỉnh, nhất là các khu vực, vùng có các hoạt động phát triển kinh tế. Tuy rằng báo cáo ĐMC có nêu lý do là "Do Quy hoạch chưa thật cụ thể vị trí, quy mô, diện tích ở từng vùng ..." (tr. 253) nhưng cần xác định các vùng môi trường tổng thể, bao quát hết diện tích tự nhiên thuộc lãnh thổ của tỉnh để vừa đáp ứng yêu cầu về nội dung phân vùng môi trường của ĐMC vừa phục vụ xây dựng Quy hoạch, thậm chí có những cảnh báo, kiến nghị điều chỉnh Quy hoạch nếu các hoạt động phát triển tập trung quá mức ở những khu vực nhạy cảm về môi trường. Một bản đồ màu thể hiện các vùng môi trường của tỉnh là cần thiết ở mục này.

III. Một số gợi ý hoàn thiện báo cáo ĐMC

Với các nhận xét nêu trên, bên cạnh bổ sung, giải thích một số chỗ trong nội dung báo cáo như đã nêu trên (phương pháp, con số, ngưỡng đánh giá, bản đồ phân vùng môi trường, ...), dưới đây nêu một số gợi ý phục vụ hoàn thiện báo cáo ĐMC (để tham khảo) như sau:

- Bổ sung quan điểm của Quy hoạch về "Môi trường là điều kiện, nền tảng, yếu tố tiên quyết cho phát triển bền vững kinh tế - xã hội … không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng kinh tế" và về kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, kinh tế cac-bon thấp.

- Bổ sung một số chỉ tiêu phát triển trong Quy hoạch về kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, kinh tế cac-bon thấp, cụ thể như sau

+ Về kinh tế tuần hoàn: Tỷ lệ tái chế hay tuần hoàn chất thải hoặc ít ra là Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được xử lý bằng công nghệ chôn lấp trực tiếp trên tổng lượng chất thải được thu gom (như hiện có trong Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050).

+ Về kinh tế xanh: Tỷ lệ sản phẩm sản xuất trên địa bàn Tỉnh đạt chứng nhận nhãn xanh hay cũng có thể dùng kết hợp với chỉ tiêu về kinh tế các bon thấp nêu dưới đây.

+ Về kinh tế cac-bon thấp: Mức giảm phát thải khí nhà kính.

- Bổ sung thêm vấn đề môi trường chính thứ sáu (MTC6) về suy giảm tài nguyên thiên nhiên (nước, khoáng sản, vật liệu xây dựng, …).

6. Kết luận:

Báo cáo ĐMC được thực hiện đáp ứng về cơ bản các yêu cầu và quy định chung. Tuy vậy, trong nội dung còn có một số hạn chế như đã nêu trên. Nếu như Hội đồng thẩm định chấp nhận đó là hạn chế thì cần chỉnh sửa trước khi trình phê duyệt chính thức.

Hà Nội ngày tháng 3 năm 2023

NGƯỜI VIẾT NHẬN XÉT

Nguyễn Danh Sơn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHẬN XÉT PHẢN BIỆN
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC QUY HOẠCH TỈNH TÂY NINH THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

1. Họ và tên phản biện: Võ Chí Mỹ

2. Học hàm, học vị, chức vụ công tác:

- GS. TS, Giảng viên cao cấp Trường Đại học Mỏ-Địa chất
- Phó Chủ tịch Hội Trắc địa-Bản đồ-Viễn thám Việt Nam

3. Nơi công tác (tên cơ quan, địa chỉ, số điện thoại, e-mail):

- Hội Trắc địa-Bản đồ-Viễn thám Việt Nam,

Địa chỉ: Số 2 Đặng Thuỳ Trâm, Hà Nội.

- ĐT: 0913009239, vochimytdm@gmail.com

4. Tên dự án: "Đánh giá môi trường chiến lược quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050".

NỘI DUNG NHẬN XÉT
MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết, cơ sở pháp lý của nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

1.1) Quan điểm của tư vấn khi thực hiện ĐMC :

Cần nêu và luận giải về sự cần thiết và hoàn cảnh ra đời của quy hoạch Tây Ninh từ quan điểm của tư vấn ĐMC, bao gồm:

+ Bối cảnh mới của thế giới: Khủng hoảng năng lượng toàn cầu, hội nghị BĐKH COP-26, COP-27 v.v…

+ Bối cảnh trong nước: Các mô hình phát triển kinh tế-xã hội của Việt Nam: Tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn, tiết kiệm năng lượng, trung hoà các-bon, Net Zero đặc biệt là nguyên tắc không đánh đổi môi trường lấy phát triển kinh tế, v.v…

+ Bối cảnh vùng miền Đông Nam Bộ:

- Chương trình phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, "tư duy mới - đột phá mới - giá trị mới" (Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Bộ Chính trị).

- Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Nghị quyết số 154/NQ-CP của Chính phủ).

1.2. Cơ sở pháp lý của nhiệm vụ xây dựng Quy hoạch:

1) Có 02 văn bản pháp lý là cơ sở của nhiệm vụ qui hoạch gồm:

+ Quyết định số 775/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

+ Quyết định của HĐND hoặc UBND tỉnh Tây Ninh (nếu có).

2) Lược bỏ các văn bản pháp luật không đúng trọng tâm (trang 1-5). Cần phân biệt cơ sở pháp lý của nhiệm vụ qui hoạch với căn cứ pháp luật phải tuân theo khi lập qui hoạch.

2. Căn cứ pháp luật và kỹ thuật để thực hiện đánh giá môi trường chiến lược

2.1. Căn cứ pháp luật

1) Cần cập nhật các văn bản pháp luật mới liên quan đến lĩnh vực bảo vệ môi trường như:

+ Quyết định số 687/ QĐ-TTg ngày 7/6/2022 Phê duyệt Đề án Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam.

+ Quyết định 896/ QĐ-TTg ngày 26/7/2022 Phê duyệt chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050.

+ Quyết định số: 280/QĐ-TTg phê duyệt chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019 - 2030

+ Nghị định số 06/2022/NĐ-CP, quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ôzôn.

+ Quyết định 888/QĐ-TTg phê duyệt đề án về những nhiệm vụ, giải pháp

triển khai kết quả hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia công ước khung của liên hợp quốc về biến đổi khí hậu.

1) Lược bỏ các văn bản pháp luật, các nghị quyết, quyết định, các thông tư đã cũ hết hiệu lực.

2.2. Căn cứ kỹ thuật

02 căn cứ kỹ thuật là "Hướng dẫn kỹ thuật ĐMC của Bộ TNMT" ban hành năm 2009 và "phụ lục II thông tư 02/2022 Bộ TNMT và các quy chuẩn quốc gia về môi trường" của báo cáo giới thiệu là đúng.

2.3. Tài liệu, dữ liệu cho thực hiện ĐMC

1) Tài liệu tham khảo :

Liệt kê các tài liệu, dữ liệu phục vụ quá trình thực hiện và báo cáo ĐMC như:

+ Điều kiện tự nhiên và kinh tế-xã hội tỉnh Tây Ninh

+ Kết quả khảo sát, quan trắc hiện trạng và sự biến động các thành phần tài nguyên, môi trường tỉnh Tây Ninh qua các năm.

2) Tài liệu dữ liệu tự tạo lập:

Liệt kê các tài liệu, dữ liệu tự tạo lập trong quá trình thực hiện ĐMC quy hoạch Tây Ninh (kết quả điều tra, khảo sát, quan trắc, tham vấn v.v…).

3) Thông tin về tài liệu: Các văn bản pháp lý không phải là tài liệu, dữ liệu cho ĐMC (trang 11). Cần viện dẫn đầy đủ nguồn để nâng cao tính tin cậy của tài liệu, dữ liệu (đơn vị phát hành, thời gian, địa điểm phát hành).

3. Phương pháp đánh giá môi trường chiến lược

1) ĐMC thực hiện theo hướng dẫn kỹ thuật của năm 2009 của Bộ TN&MT nên các phương pháp cần áp dụng theo hướng dẫn này. Báo cáo nêu nhiều phương pháp không có trong các phương pháp ĐMC chính thống (thống kê số liệu, đánh giá nhanh, phân tích chỉ số chất lượng v.v…).

2) Báo cáo chỉ cần giới thiệu các phương pháp ĐMC chính thống và các phương pháp bổ trợ đã sử dụng trong nội dung nào?

4. Tổ chức thực hiện

4.1. Mối liên hệ giữa quá trình lập QH với quá trình thực hiện ĐMC

1) Báo cáo cần diễn đạt để thể hiện là ĐMC thực hiện đồng thời với quy hoạch đúng yêu cầu của điều 26 luật Bảo vệ Môi trường. Cách diễn đạt: "Trên cơ sở tổng hợp các ý kiến của chuyên gia Quy hoạch, nội dung báo cáo ĐMC cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp" (trang 16) thể hiện ĐMC làm sau quy hoạch là trái với luật Bảo vệ môi trường.

2) Báo cáo ĐMC là biên bản ghi lại quá trình thực hiện ĐMC. Rất tiếc, nhiều nơi, cách diễn đạt trong báo cáo thể hiện nhiệm vụ của ĐMC là làm báo cáo, ví dụ: "Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh giao cho Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì xây dựng Quy hoạch và Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược" hoặc "Để thực hiện 2 nhiệm vụ trên, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã thành lập ban chuyên môn lựa chọn đơn vị xây dựng Quy hoạch và báo cáo ĐMC.

3) Theo yêu cầu của phụ lục II thông tư 02/2022/ BTNMT là báo cáo ĐMC lập danh sách các thành viên tham gia thực hiện ĐMC cho quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050. Bảng 0.1.3 (trang 23) là danh sách các chuyên gia tham gia lập báo cáo ĐMC là không đúng yêu cầu.

Chương 1
TÓM TẮT NỘI DUNG QUY HOẠCH

1.3. Mối quan hệ của Quy hoạch được đề xuất với các chiến lược, quy hoạch khác có liên quan.

1.3.1. Các chiến lược, quy hoạch đã được phê duyệt có liên quan đến Quy hoạch được đề xuất

1) Cần liệt kê và phân tích các quy hoạch đã được phê duyệt hoặc đang được thực hiện (kể cả quy hoạch Tổng thể, quy hoạch ngành, quy hoạch vùng, quy hoạch chuyên ngành của tỉnh) có liên quan đến quy hoạch của Tây Ninh.

2) Lược bỏ các qui hoạch chưa được phê duyệt.

3) Yêu cầu nêu các qui hoạch đã được phê duyệt (đang thực hiện), không phải các qui hoạch mới có quyết định giao nhiệm vụ qui hoạch. Lược bỏ các qui hoạch đã hết thời kỳ qui hoạch.

1.3.2. Phân tích mối quan hệ của quy hoạch với các quy hoạch có liên quan

1) Phân tích mối quan hệ của các qui hoạch như: Quy hoạch tổng thể quốc gia, Qui hoạch ngành, qui hoạch vùng, qui hoạch tỉnh có mối quan hệ đan xen với qui hoạch mới này của Tây Ninh như thế nào: dánh giá sự đồng thuận, phù hợp hoặc chồng chéo, mâu thuẫn v.v....

2) Lược bỏ các qui hoạch đã hết kỳ qui hoạch cũ (đã thực hiện).

1.4. Nội dung của quy hoạch có khả năng tác động tới môi trường

Chỉnh sửa nội dung súc tích hơn, đúng trọng tâm yêu cầu là: liệt kê các nội dung của quy hoạch (nông nghiệp, công nghiệp, giao thông, logistics, hạ tầng v.v...) có khả năng tác động đến môi trường.

Chương 2
PHẠM VI ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC VÀ THÀNH PHẦN MÔI TRƯỜNG, DI SẢN THIÊN NHIÊN CÓ KHẢ NĂNG BỊ TÁC ĐỘNG BỞI QUY HOẠCH

2.1.1. Phạm vi không gian của ĐMC

1) Nhận định chưa đúng: Phạm vi nghiên cứu trong lập Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050, không thể bao gồm tất cả phạm vi của các tỉnh Bình Dương, Bình Phước, Long An, thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh biên giới Campuchia và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam (trang 91).

2) Khi quy hoạch được thực hiện, tuỳ thuộc vào vị trí và đặc điểm phát thải, quy mô và cường độ tác động của quy hoạch thành phần, tác động môi trường có thể sẽ vượt quá giới hạn ranh giới tỉnh Tây Ninh. Cần xác đinh phạm vi không gian ĐMC rộng hơn, bao gồm một phần hành lang lãnh thổ phụ cận với tỉnh Tây Ninh, bao gồm: Bình Dương và Bình Phước (phía Đông), Tp Hồ Chí Minh (phía Đông Nam), Long An (phía Nam). Đặc biệt Tây Ninh giáp giới 3 tỉnh Svay rieng, Prey veng và Tbong Khmun của vương quốc Campuchia (phía Bắc và Tây) với 240 km đường biên giới. Cần phải xác định hành lang vùng tác động phần lãnh thổ phụ cận của Căмpuchia với

Tây Ninh để tiến hành đánh giá tác động xuyên biên giới phục vụ tranh tụng pháp lý quốc tế khi cần.

3) Xác định phạm vi ĐMC rộng hơn ranh giới tỉnh là để đánh giá tác động tương

hỗ và tác động tích luỹ của quy hoạch đối với một phần lãnh thổ phụ cận các tỉnh (hoặc các quốc gia) giáp giới. Cần bổ sung sơ đồ phạm vi không gian ĐMC.

2.2. Thành phần môi trường, di sản thiên nhiên, điều kiện về kinh tế - xã hội khu vực có khả năng bị tác động bởi quy hoạch

1) Thành phần môi trường: Môi trường có 4 thành phần: Thạch quyển (đất đai), thuỷ quyển (tài nguyên nước), khí quyển (không khí), sinh quyển (thảm thực vật và đa dạng sinh học). Yêu cầu mục này là mô tả tổng quát hiện trạng, diễn biến chất lượng từng thành phần môi trường trên địa bàn tỉnh Tây Ninh có khả năng bị tác động bởi Quy hoạch.

2) Di sản thiên nhiên: Bổ sung kết quả phân tích các di sản sản thiên nhiên của Tây Ninh có khả năng bị tác động bởi qui hoạch, ví dụ: Hệ sinh thái rừng nhiệt đới Lò Gò-Xa Mát, khu du lịch sinh thái Hồ Dầu Tiếng v.v...có bị tác động bởi quy hoạch không? Bị tác động như thế nào?

3) Di sản và không gian văn hoá xã hội: Phân tích khả năng các di sản văn hoá, lịch sử, tín ngưỡng như khu Di tích và Danh thắng núi Bà Đen, Toà thánh Tây Ninh, chùa Thiền Lâm v.v... có bị tác động bởi Quy hoạch không? Bị tác động như thế nào? Và không gian văn hoá của 21 dân tộc và 5 tôn giáo khác nhau ở Tây Ninh có bị tác động bởi Quy hoạch không? Bị tác động như thế nào?

Chương 3
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA QUY HOẠCH ĐẾN MÔI TRƯỜNG

3.1. Đánh giá sự phù hợp của quan điểm, mục tiêu Quy hoạch Tây Ninh với quan điểm, mục tiêu, chính sách về bảo vệ môi trường

1) Khi đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch Tây Ninh, tư vấn ĐMC cần có tầm nhìn chiến lược và thời sự, vì vậy, báo cáo cần cập nhật các chính sách mới liên quan quan đến quan điểm, mục tiêu bảo vệ môi trường và phát triển bền vững trong bối cảnh mới, như:

+ Quyết định số 687/ QĐ-TTg ngày 7/6/2022 Phê duyệt Đề án Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam. (Quan điểm: Chủ động phát triển kinh tế tuần hoàn (KTTH); mục tiêu cụ thể : Góp phần cụ thể hóa mục tiêu giảm cường độ phát thải khí nhà kính trên GDP ít nhất 15% vào năm 2030 so với năm 2014, hướng tới mục tiêu phát thải ròng về "0" vào năm 2050).

+ Quyết định 896/ QĐ-TTg ngày 26/7/2022 Phê duyệt chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050. (Quan điểm: Thích ứng với biến đổi khí hậu và thực hiện mục tiêu phát thải ròng bằng "0" là cơ hội để phát

triển bền vững. Mục tiêu: Đến năm 2030, bảo đảm tổng lượng phát thải khí nhà kính quốc gia giảm 43,5% so với kịch bản phát triển thông thường (BAU).

+ Quyết định số: 280/QĐ-TTg phê duyệt chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019 - 2030

+ Nghị định số 06/2022/NĐ-CP, quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ôzôn.

+ Quyết định 888/QĐ-TTg phê duyệt đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia công ước khung của liên hợp quốc về biến đổi khí hậu.

+ Nghị quyết só 24-NQ/TW ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Bộ Chính trị) về Chương trình phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, "tư duy mới - đột phá mới - giá trị mới".

+ Nghị quyết số 154/NQ-CP của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

3.2. Các vấn đề môi trường chính

1) Tư vấn ĐMC chưa xác định đúng các vấn đề môi trường chính. Cần chỉnh sửa như sau:

+ Suy thoái chất lượng không khí do Bụi và khí thải (SOx, NOx, CO).

- Chỉnh sửa lại thành: ô nhiễm không khí. (Nếu cần phân tích thì cần tập trung cho thành phần ô nhiễm nguy hiểm nhất hiện nay là bụi mịn PM_{10}, $PM_{2.5}$, $PM_{0.1}$)

+ Suy giảm trữ lượng và gia tăng ô nhiễm dinh dưỡng (TSS, BOD, COD, N, P) trong môi trường nước

- Chỉnh sửa thành: Suy thoái tài nguyên nước và ô nhiễm môi trường nước. Khi quy hoạch được thực hiện, nước bị ô nhiễm kể cả vật lý, hoá học, sinh học v.v...không chỉ ô nhiễm dinh dưỡng.

+ Suy giảm chất lượng môi trường do gia tăng chất thải rắn.

- Vấn đề chính này không rõ: Suy giảm chất lượng môi trường nào? Bản thân chất thải rắn không phải là vấn đề môi trường.

+ Suy giảm đa dạng sinh học.

- Chỉnh sửa thành: Suy thoái thảm thực vật và đa dạng sinh học

+ Suy thoái đất do chất thải và hóa chất bảo vệ thực vật.

- Chỉnh sửa thành: Suy thoái tài nguyên đất và ô nhiêm môi trường đất (Lưu ý phân tích suy thoái cả chất lượng đất và diện tích đất do chiếm dụng bởi quá trình công nghiệp hoá, đô thị hoá v.v...)

2) Khi xác định các vấn đề môi trường chính, cần lưu ý xem xét các vấn đề liên quan đến 4 thành phần môi trường theo thứ tự:

(1). Suy thoái và ô nhiễm tài nguyên nước.

(2). Suy thoái và ô nhiễm môi trường đất

(3). Ô nhiễm không khí

(4). Suy thoái thảm thực vật và đa dạng sinh học.

Sau các thành phần cơ bản của môi trường mới xét đến các vấn đề môi trường khác trong điều kiện cụ thể của tỉnh Tây Ninh.

3.3. Đánh giá, dự báo xu hướng của các vấn đề môi trường chính trong trường hợp không thực hiện qui hoạch (phương án 0)

Cần chỉnh sửa theo trọng tâm của mục này là: Liệt kê những quy hoạch lớn kể cả quy hoạch ngành, quy hoạch của tỉnh đã và đang thực hiện trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Đánh giá và dự báo xu hướng của các quy hoạch đó đối với các vấn đề môi trường chính. Mục đích là để có chuỗi dữ liệu nền theo không gian và thời gian phục vụ công tác đánh giá tác động tích luỹ và phân tích xu hướng, ngoại suy để dự báo tác động của qui hoạch đến các vấn đề môi trường chính khi thực hiện quy hoạch Lâm Đồng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050. Kết quả phương án 0 là cơ sở để so sánh với phương án có thực hiện quy hoạch.

3.4. Đánh giá, dự báo xu hướng của các vấn đề môi trường chính trong trường hợp thực hiện qui hoạch.

1) Cần phân biệt cách trình bày mạch lạc ba vấn đề gây ra tác động của quy hoạch đối với từng vấn đề môi trường chính:

+ Nhận diện nguyên nhân tác động,

+ Đánh giá mức độ, qui mô tác động,

+ Dự báo tác động.

2) Cần đánh giá để xác định được nguồn phát sinh tác động, cơ chế tác động và đối tượng bị tác động theo phạm vi không gian và thời gian, từ đó để xác định mức độ tác động dẫn đến các vấn đề môi trường chính.

3) Tổng hợp kết quả dự báo xu hướng tích cực và tiêu cực của các vấn đề môi trường chính khi thực hiện Quy hoạch.

4) Cần sử dụng phương pháp phân tích xu hướng và ngoại suy để dự báo xu hướng các vấn đề môi trường chính khi thực hiện quy hoạch. Kết quả dự báo là cơ sở để xây dựng các giải pháp duy trì xu hướng tích cực, giảm thiểu xu hướng tiêu cực của các vấn đề môi trường chính.

5) Vì các vấn đề môi trường chính xác định chưa đùng nên phần đánh giá tác động và dự báo xu hướng có độ tin cậy chưa cao.

6) Vì mục tiêu của ĐMC là phát triển bền vững nên ĐMC cần có đánh giá tác động xã hội (SIA) kể cả tác động tích cực và tiêu cực do ảnh hưởng của quy hoạch.

7) Đánh giá, dự báo tác động của Quy hoạch Tây Ninh đến biến đổi khí hậu và ngược lại cần phân biệt hai nội dung sau đây:

+ Xác định và đánh giá tác động của Quy hoạch Tây Ninh đến biến đổi khí hậu: Ngoài phát thải khí nhà kính như đã đề cập, còn có hiện tượng đảo nhiệt đô thị, giảm kho chứa các bon v.v…

+ Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu mà cụ thể là các hiện tượng thời tiết cực đoan đối với quá trình thực hiện qui hoạch như bão tố, lũ lụt, hạn hán v.v…tác động đến quá trình thực hiện các qui hoạch thành phần.

Chương 4

GIẢI PHÁP DUY TRÌ XU HƯỚNG TÍCH CỰC, GIẢM THIỂU XU HƯỚNG TIÊU CỰC CỦA CÁC VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG CHÍNH

4.1. Giải pháp duy trì xu hướng tích cực, giảm thiểu xu hướng tiêu cực của các vấn đề môi trường chính.

1) Theo kết quả nghiên cứu của tư vấn ĐMC cần áp dụng các giải pháp nào để duy trì xu hướng tích cực, giảm thiểu xu hướng tiêu cực của các vấn đề môi trường chính khi thực hiện quy hoạch trong điều kiện thực tế của tỉnh Tây Ninh.

2) Cần bám sát các vấn đề môi trường chính để nghiên cứu đề xuất các giải pháp phù hợp.

3) ĐMC mang tính chiến lược nên các đề xuất này chỉ mang tính dự báo, vì vậy, tư vấn ĐMC cần có nhận xét, đánh giá về tính khả thi, dự kiến phương án tổ chức thực hiện v.v… Ví dụ ĐMC đề xuất, kiến nghị trong quy hoạch Tây Ninh các giải pháp công nghệ-kỹ thuật như: khu kinh tế sinh thái (eco-industry), kinh tế tuần hoàn, giải pháp kiểm soát khí nhà kính v.v…

4.2. Định hướng bảo vệ môi trường. Quản lý môi trường

1) Quản lý môi trường cần có 03 công cụ:

+ Công cụ chính sách pháp luật,

+ Công cụ kinh tế (chế tài)

+ Công cụ kỹ thuật

Tư vấn ĐMC cần nêu cụ thể hơn về các công cụ này trong điều kiện cụ thể của Tây Ninh.

2) Trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia và hạ tầng dữ liệu không gian quốc gia (NSDI) cần bổ sung nội dung xây dựng *cơ sở dữ liệu môi trường* thành một cấu phần. dữ liệu (một lớp) tích hợp trong cơ sở dữ liệu qui hoạch Tây Ninh để phục vụ thuận lợi cho vấn đề quản lý và giám sát trong suốt quá trình thực hiện qui hoạch.

3) Định hướng thực hiện đánh giá tác động môi trường (ĐTM): đối với các dự án đầu tư được đề xuất trong Quy hoạch, tư vấn ĐMC phải chỉ ra những vấn đề môi

trường cần tập trung đánh giá, nhóm đối tượng có khả năng bị tác động và dự báo quy mô, mức độ bị tác động. Cần chỉ ra các dự án tiềm ẩn tác động lớn đến môi trường cần lưu ý thực hiện ĐTM và các yếu tố môi trường cần chú trọng trong quá trình ĐTM. Trong ĐMC không cần phải nêu tất cả các dự án vì các dự án đầu tư nằm trong qui định nghị định số 08/2022 đều phải làm ĐTM.

Chương 5
THAM VẤN
TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN ĐMC

1) Mục tiêu tham vấn là xin ý kiến về các nội dung thực hiện ĐMC, không phải để lập báo cáo ĐMC. Cách diễn đạt sai: "Báo cáo ĐMC của Dự án Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến 2050 được thực hiện dưới sự chủ trì của Cơ quan Chủ dự án là Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh" (trang 297).

2) Bổ sung đối tượng tham vấn là những bộ phận xã hội (đơn vị tập thể, cơ quan và cá nhân) trực tiếp bị tác động do quy hoạch để tham khảo ý kiến trong quá trình thực hiện quy hoạch. Sở Kế hoạch và Đầu tư Tây Ninh là cơ quan chủ trì lập quy hoạch và thực hiện ĐMC không thể là đối tượng tham vấn.

C. Phần hình thức trình bày

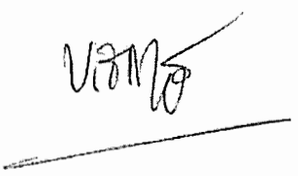
- Cần biên tập lại cách trình bày các mục và tiểu mục;
- Rà soát lỗi biên tập;
- Bổ sung giải thích nhiều từ viết tắt;
- Cần viện dẫn nguồn đối với các dữ liệu, số liệu, hình vẽ, bảng biểu trích dẫn từ các tài liệu tham khảo khác.

KẾT LUẬN

Báo cáo ĐMC quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 có thể được phê duyệt sau khi đã chỉnh sửa bổ sung một số nội dung và hình thức trình bày theo ý kiến nhận xét trên đây.

Hà Nội, Ngày 05 tháng 03 năm 2023

Người nhận xét



GS.TS Võ Chí Mỹ

PCT Hội Trắc địa-Bản đồ-Viễn thám Việt Nam

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN NHẬN XÉT
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC QUY HOẠCH TỈNH TÂY NINH

1. Họ và tên người nhận xét: Trần Thục

2. Học hàm, học vị, chức vụ công tác: Giáo sư, Tiến sĩ, Chủ tịch Hội Khí tượng Thủy văn Việt Nam

3. Nơi công tác: ***(tên cơ quan, địa chỉ, số điện thoại, Fax, e-mail)***

Tên cơ quan: Hội Khí tượng Thủy văn Việt Nam

Địa chỉ: Số 23 Ngõ 62, Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 02437730409; Fax: 02438355993

Email: tranthuc.vkttv@gmail.com

4. Chức danh trong hội đồng: Chuyên gia nhận xét

5. Tên báo cáo: Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050.

6. Nhận xét về báo cáo:

6.1. Nhận xét chung về những ưu điểm, mặt tích cực của báo cáo:

- Về hình thức: Báo cáo trình bày tương đối rõ ràng.

- Về nội dung: Báo cáo đã thể hiện các nội dung của một báo cáo Đánh giá môi trường chiến lược được quy định trong Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.6.2. Những nội dung chưa đạt yêu cầu, cần được chỉnh sửa, bổ sung: ***(nhận xét chi tiết, cụ thể theo trình tự các chương, mục của báo cáo quy định tại Phụ lục 2.5)***

Nhận xét chung:

- Các số liệu, các nhận định, các biểu bảng, hình vẽ trong báo cáo nếu lấy từ nguồn khác thì cần trích dẫn đầy đủ nguồn tài liệu để bảo đảm tính trung thực và dễ xác minh tính đúng đắn của dữ liệu.

<u>Phần Mở đầu</u>

- **Mục 1**: Cần cập nhật và sử dụng trong phân tích của báo cáo:

+ Quy hoạch tổng thể quốc gia đã được Quốc Hội thông qua.

- **Mục 2**: Cần sửa chữa theo nội dung được quy định trong Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, như sau:

"Trích dẫn Thông tư 02:

2.1. Căn cứ pháp luật

- Liệt kê các văn bản pháp luật làm căn cứ để thực hiện đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC) của Quy hoạch, trong đó nêu đầy đủ chính xác: mã số, tên, ngày ban hành, cơ quan ban hành của từng văn bản và đối tượng điều chỉnh của văn bản.

2.2. Căn cứ kỹ thuật

- Liệt kê các hướng dẫn kỹ thuật về ĐMC và các tài liệu kỹ thuật liên quan khác được sử dụng để thực hiện ĐMC của Quy hoạch.

- Liệt kê các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường và các quy chuẩn kỹ thuật liên quan khác được sử dụng để thực hiện ĐMC của Quy hoạch.

2.3. Tài liệu, dữ liệu cho thực hiện ĐMC

- Liệt kê các tài liệu, dữ liệu sẵn có đã được sử dụng cho ĐMC.

- Liệt kê các tài liệu, dữ liệu được thu thập bổ sung trong quá trình thực hiện ĐMC.

- Liệt kê các tài liệu, dữ liệu tự tạo lập bởi cơ quan lập Quy hoạch, của đơn vị tư vấn về ĐMC (từ các hoạt động điều tra, khảo sát, tham vấn...)."

Cụ thể là:

- Cần ngắn gọn, trình bày những căn cứ để thực hiện đánh giá môi trường chiến lược.

- Cần bổ sung các văn bản quan trọng liên quan trực tiếp đến nhiệm vụ đánh giá môi trường chiến lược.

+ Đã liệt kê quá nhiều tài liệu, văn bản nhưng có những văn bản không được dùng hoặc đề cập trong báo cáo. Tuy nhiên lại thiếu quyết định giao nhiệm vụ thực hiện đánh giá môi trường chiến lược.

+ Bổ sung Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050 (Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2022).

+ Bổ sung Thông tư số: 01/2022/TT-BTNMT Quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường về ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Về tài liệu, dữ liệu cho thực hiện đánh giá môi trường chiến lược:

+ Bổ sung Kịch bản biến đổi khí hậu năm 2020.

+ Bổ sung Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Tây Ninh và các báo cáo khác của Tỉnh có liên quan đến biến đổi khí hậu.

- **Mục 3**: Không chỉ liệt kê các phương pháp, mà cần trình bày rằng phương nào đã được sử dụng ở phần nào của Báo cáo.

<u>Chương 1</u>: Tóm tắt nội dung quy hoạch

- Mục 1.4. Nội dung của Quy hoạch có khả năng tác động đến môi trường:

+ Báo cáo đã trình bày khá dài các nội dung của Quy hoạch (60 trang, từ trang 31 đến trang 90). Tuy nhiên, lại thiếu phần "***Liệt kê các nội dung của Quy hoạch có khả năng tác động đến môi trường***." như yêu cầu của Phụ lục II Trong thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

Vì thế, cần phân tích để chỉ rõ những nội dung nào của Quy hoạch có thể làm ảnh hưởng **tiêu cực và tích cực** đến môi trường để làm tiền đề cho đánh giá về "*thành phần môi trường, di sản thiên nhiên có khả năng bị tác động bởi Quy hoạch*" trong mục 2.2.

<u>Chương 2</u>: Phạm vi đánh giá môi trường chiến lược và điều kiện môi trường tự nhiên và kinh tế - xã hội

- Mục 2.2. là mục rất quan trọng của Chương 2 "Thành phần môi trường, di sản thiên nhiên, điều kiện về kinh tế - xã hội khu vực có khả năng bị tác động bởi Quy hoạch".

Thông tư 02/2022/TT-BTNMT đã hướng dẫn rất cụ thể như sau:

"Trích dẫn Thông tư 02

2.2.3. Điều kiện về kinh tế - xã hội

- Mô tả tổng quát về hiện trạng hoạt động của các ngành kinh tế chính thuộc khu vực Quy hoạch (công nghiệp, nông nghiệp, khai khoáng, giao thông vận tải, du lịch, thương mại và ngành khác) có khả năng chịu tác động bởi Quy hoạch.

- Các công trình văn hóa, lịch sử, tôn giáo, tín ngưỡng và các công trình hạ tầng quan trọng khác có khả năng chịu tác động (tiêu cực/tích cực) bởi Quy hoạch.

- Mô tả về dân số, đặc điểm các dân tộc (nếu khu vực có các dân tộc thiểu số), mức sống, tỷ lệ hộ nghèo thuộc khu vực có khả năng chịu tác động (tiêu cực/tích cực) bởi Quy hoạch.

Lưu ý:

*- Nội dung trình bày về thành phần môi trường, di sản thiên nhiên, điều kiện về kinh tế - xã hội **chỉ tập trung vào đối tượng có khả năng chịu tác động bởi việc thực hiện Quy hoạch.***

- Số liệu phải có chuỗi thời gian ít nhất là năm (05) năm tính đến thời điểm thực hiện ĐMC.

- Thông tin, số liệu phải được chỉ dẫn nguồn tài liệu, dữ liệu sẵn có (tham khảo) và kết quả từ các hoạt động điều tra, khảo sát, tham vấn được thực hiện trong quá trình ĐMC.

- Báo cáo đã trình bày khá chi tiết các thành phần môi trường trong địa bàn tỉnh (35 trang, từ trang 93 đến trang 127), tuy nhiên chưa nhận dạng được "***có khả năng bị tác động bởi Quy hoạch***".

Vì thế, ở cuối chương 2 **cần có tiểu kết** của chương để nhận định trong số các thành phần môi trường thì thành phần nào có khả năng bị tác động bởi quy hoạch.

<u>Chương 3</u>: Đánh giá tác động của quy hoạch đến môi trường

- Mục 31. Báo cáo đã liệt kê khá dài về quan điểm, mục tiêu quy hoạch với quan điểm, mục tiêu của chính sách bảo vệ môi trường (26 trang, từ trang 128 đến trang 153). Theo tôi nên ngắn gọn để làm nổi bật "sự phù hợp của quy hoạch với quan điểm mục tiêu về bảo vệ môi trường"

- Báo cáo đã phân chia các chính sách liên quan đến bảo vệ môi trường thành 2 mục là: (1) Các quan điểm, (2) Mục tiêu. Vì thế, tên của văn bản bị lặp lại 2 lần, cả ở phần quan điểm và phần mục tiêu (thí dụ Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu được lặp lại 2 lần). Theo tôi nên ghép hai mục này thành một, bao gồm cả quan điểm và mục tiêu.

- Nên phân tích thêm sự phù hợp của quy hoạch với Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu năm 2022 thay cho phiên bản năm 2011.

Mục 3.2. Các vấn đề môi trường chính:

1) Trong mục 3.2 về "Các vấn đề môi trường chính", Báo cáo đã xác định các vấn đề chính ***có tính tích cực và tiêu cực của Quy hoạch*** và sắp xếp theo thứ tự ưu tiên, bao gồm:

- MTC1. Suy giảm trữ lượng và chất lượng nước mặt, nước dưới đất.
- MTC2. Suy giảm chất lượng môi trường do gia tăng chất thải rắn.
- MTC3. Suy thoái chất lượng không khí.
- MTC4. Ô nhiễm và suy giảm chất lượng đất.
- MTC5. Suy giảm đa dạng sinh học.

- Nên sửa tiêu đề của MTC1 cho phù hợp hơn, vì thuật ngữ "trữ lượng nước" thường được dùng đối với nước ngầm. Đối với tài nguyên nước (bao gồm cả nước mặt và nước ngầm) thì thuật ngữ hay được dùng là "số lượng và chất lượng nước".

- MTC2 *(Suy giảm chất lượng môi trường do gia tăng chất thải rắn)* có vẽ không cùng thứ nguyên với các MCT khác. Cần xác định "Suy giảm chất lượng môi trường do gia tăng chất thải rắn" là suy giảm môi trường gì? Nếu chất thải rắn gây giảm chất lượng môi trường nước, không khí, đất hay sinh học thì đã được bao gồm trong các thành phần nêu trên. Chính vì thế nên trong phần phân tích, Báo cáo chi nêu được là gia tăng chất thải rắn, nhưng không phân tích là sự gia tăng này gây suy giảm chất lượng môi trường như thế nào.

- Thông tư 02 yêu cầu Nêu rõ kết quả nhận dạng các vấn đề môi trường chính có tính tích cực và tiêu cực của Quy hoạch, vì thế nên chú trọng đến những vấn đề liên quan đến quy hoạch chứ không phải là các vấn đề môi trường chính của Tỉnh.

2) Trong mục 3.3.3 về Tác động của biến đổi khí hậu đến các vấn đề môi trường chính:

- Cần trích dẫn cụ thể nguồn tài liệu, dữ liệu được dùng trong đánh giá, nhận định.

- Cần sử dụng số liệu của các trạm khí tượng thủy văn trong tỉnh hoặc lân cận để đánh giá xu thế thay đổi của các yếu tố khí hậu, thủy văn (như nhiệt độ bình quân năm, nhiệt độ cực đoan; số ngày nắng nóng; lượng mưa năm, mưa cực đoan… dòng chảy năm, lũ lụt, hạn hán) trong thời gian dài (theo số liệu hiện

có). Điều này sẽ giúp hiểu rõ hơn về biểu hiện của biến đổi khí hậu trong địa bàn tỉnh

- Phần đánh giá tác động của biến đổi khí hậu cần chi tiết và cụ thể hơn đối với tỉnh Tây Ninh. (*có thể tham khảo báo cáo "Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Tây Ninh 2021 - 2030, tầm nhìn 2050"*).

3) Trong mục 3.4.2. về "*Đánh giá, dự báo tác động của Quy hoạch đến biến đổi khí hậu và ngược lại*" cần chú ý là có 2 nội dung riêng lẻ là:

- *Xác định tác động của Quy hoạch đến biến đổi khí hậu:* Có nghĩa là Quy hoạch có làm trầm trọng thêm vấn đề biến đổi khí hậu hay không, có nghĩa là có làm gia tăng/giảm phát thải khí nhà kính so với trường hợp không thực hiện quy hoạch hay không?

Trong mục 3.3.4, Báo cáo đã tính toán lượng phát thải khí nhà kính theo Phương án 0 (trang 176) và trong mục 2.4.2.1 đã tính toán lượng phát thải khí nhà kính trong trường hợp thực hiện quy hoạch.

Vì vậy, Báo cáo nên so sánh lượng phát thải của 2 Phương án để có thể nhận định là nếu thực hiện Quy hoạch thì sẽ làm tăng hay làm giảm lượng phát thải khí nhà kính.

+ *Đánh giá, dự báo tác động của các kịch bản biến đổi khí hậu đối với Quy hoạch:* Có nghĩa là dựa vào kịch bản biến đổi khí hậu để đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến các thành phần của quy hoạch.

Vì vậy, Báo cáo nên đánh giá cụ thể tác động của biến đổi khí hậu đến các thành phần của Quy hoạch, đặc biệt là các dự án, công trình có tính vĩnh cửu, các công trình cần phải chú ý đến tác động của biến đổi khí hậu.

<u>Chương 4</u>: Giải pháp duy trì xu hướng tích cực, giảm thiểu xu hướng tiêu cực của các vấn đề môi trường chính

- Theo Thông tư 02 "*Đề ra các giải pháp nhằm duy trì xu hướng tích cực, giảm thiểu xu hướng tiêu cực* ***do việc thực hiện Quy hoạch***.". Vì thế, các giải cần cụ thể để giải quyết vấn đề "***do việc thực hiện Quy hoạch***".

- Cần có giải pháp cụ thể cho việc thực hiện tích hợp biến đổi khí hậu vào ĐMC một cách đầy đủ hơn: (i) Xác định các vấn đề chính, những xung đột do BĐKH trong tương lai; (ii) Đề xuất các phương án ứng phó với các vấn đề liên quan đến BĐKH, tích hợp các biện pháp giảm phát thải và thích ứng với biến đổi khí hậu vào Quy hoạch; (iii) Đánh giá ảnh hưởng của quy hoạch đến phát thải khí nhà kính và tính dễ bị tổn thương do tác động của BĐKH.

6.3. Những đề nghị và lưu ý khác: ***(nếu có)***

7. Kết luận: ***(nêu rõ 01 trong 03 mức độ: thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung; thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung; không thông qua)***

Đề nghị cho thông qua Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, sau khi đơn vị lập ĐMC đã tiếp thu, chỉnh sửa theo các ý kiến của Hội đồng.

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2023

NGƯỜI VIẾT NHẬN XÉT

Trần Thục

NHẬN XÉT GÓP Ý BÁO CÁO TỔNG HỢP

QUY HOẠCH TỈNH TÂY NINH THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

Người nhận xét: PGS.TS. Trần Đình Thiên
Viện Kinh tế Việt Nam

1. Nhận xét chung

Bộ Tài liệu Báo cáo Quy hoạch Tỉnh Tây Ninh đáp ứng các yêu cầu về cơ cấu, bao gồm Báo cáo Tổng hợp, Báo cáo Tóm tắt, Báo cáo Đánh giá Môi trường Chiến lược, Báo cáo giải trình nội dung tiếp thu ý kiến góp ý và chỉnh sửa.

Báo cáo Tổng hợp Quy hoạch Tỉnh đáp ứng các yêu cầu về quy mô, cơ cấu nội dung và chất lượng. Trên cơ sở đường lối, chiến lược phát triển Tỉnh đã được xác định, từ góc độ quy hoạch, Báo cáo đã xây dựng và định hình khung khổ phát triển Tỉnh ở tầm chiến lược.

Để góp phần nâng cao chất lượng Báo cáo Quy hoạch, bản Nhận xét này tập trung chỉ ra những điểm khuyết thiếu, những nội dung chưa hoàn chỉnh, trên cơ sở đó, đóng góp các ý kiến và gợi ý bổ sung, chỉnh sửa.

2. Các nhận xét, góp ý:

2.1. Phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên và các yếu tố phát triển:

- ***Cần nhấn mạnh vị trí địa lý đặc thù, giá trị thực tế của tiềm năng - lợi thế phát triển của Tỉnh, phân tích sâu hơn động thái chuyển dịch các điều kiện nền tảng của phát triển:***

Báo cáo khắc họa bức tranh tổng thể các điều kiện phát triển nền tảng của Tây Ninh: có tiềm năng, lợi thế đáng, tuy nhiên, trong giai đoạn vừa qua, vẫn chưa được phát huy đầy đủ và hiệu quả.

Đây là đánh giá đúng và rất cơ bản.

Tuy nhiên, để làm cơ sở cho Quy hoạch tương lai, Báo cáo cần nhận diện rõ hơn trạng thái thực của các điều kiện phát triển và nguyên nhân; đồng thời cần xác định rõ hơn lợi thế – bất lợi thế phát triển của Tây Ninh trên quan điểm "tương lai".

Báo cáo cần nhấn mạnh tiềm năng và lợi thế phát triển của Tây Ninh – tuy không quá phong phú và "tầm vóc" chưa nổi bật, song mang tính khác biệt rõ rệt và giá trị đặc hữu, đặc biệt là xét trên quan điểm hiện đại – quỹ đất khá dồi dào, Núi Bà Đen và Đạo Cao Đài "độc nhất vô nhị", hồ Dầu Tiếng, sông Sài Gòn và Sông Vàm Cỏ kết nối Tây Ninh với TP. HCM và Long An.

Vì lợi thế tài nguyên thiên nhiên của Tây Ninh không nhiều nên càng cần nhấn mạnh giá trị "đặc hữu" của chúng để có chiến lược tập trung khai thác. Hiện nay, Tây Ninh đang làm rất tốt điều này với Núi Bà Đen thông qua dự án mang tính đột phá của Sungroup. Bài học kinh nghiệm này cần được đúc kết lại.

2.2. Tây Ninh là tỉnh thuộc Vùng Kinh tế Trọng điểm phía Nam. Đây là Vùng kinh tế động lực phát triển mạnh nhất cả nước. Tây Ninh lại rất gần TP. Hồ Chí Minh và Bình Dương, song thuộc nhóm "đi chậm" (cùng với Bình Phước) trong Vùng. Việc đánh giá thực trạng phát triển của Tây Ninh cần chú ý nhiều hơn đến khía cạnh này. Đây là cơ sở để xác định (đúng) nguyên nhân của thực trạng phát triển của Tỉnh – được quy định bởi vị thế được xác định trong logic lan tỏa khách quan của công nghiệp – đô thị toàn Vùng.

Theo logic đó, sẽ làm rõ được ảnh hưởng của "trật tự bước đi" phát triển Vùng đến tiến trình phát triển của Tây Ninh hiện nay và trả lời một câu hỏi then chốt: có phải Tây Ninh đang trong bước chuyển từ khu vực "dự trữ phát triển" thành khu vực "động lực phát triển" của Vùng?

Trả lời đúng câu hỏi này sẽ giúp nhận diện chính xác khung khổ, tầm thế và bước đi chiến lược của Tây Ninh trong giai đoạn tới.

2.3. Cần làm rõ mối quan hệ giữa xu thế dân số tăng trưởng rất chậm, mức di cư "thuần âm" với tuyến cấu trúc công nghiệp hóa – đô thị hóa. Cách phát triển công nghiệp của Tây Ninh có phải là nguyên nhân chủ yếu không?

Đồng thời, cần chỉ ra hệ lụy sâu sắc của xu thế dân số giảm đến triển vọng đô thị hóa, đến triển vọng phát triển công nghiệp (quy mô, cơ cấu và trình độ) và các mục tiêu phát triển đầy tham vọng của Tỉnh trong giai đoạn tới.

2.4. Cần đánh giá khái quát thực lực phát triển của Tây Ninh, không dừng lại ở việc liệt kê, mô tả thực trạng. Việc mô xẻ thực trạng nói chung được Báo cáo thực hiện rất tốt, thậm chí đến mức nhiều chỗ bị trùng lặp không cần thiết. Thể hiện rõ nhất của sự trùng lặp này là cách nhận diện thực trạng kiểu SWOT – có ở hầu khắp các mảng thực trạng lớn.

Để xác định rõ hơn thực lực phát triển của Tỉnh, những nội dung sau cần được đánh giá khái quát:

+ Quy mô kinh tế còn nhỏ bé của Tỉnh ảnh hưởng thế nào đến việc chủ động nguồn lực để giải tỏa các điểm nghẽn xuất phát? Tại sao trong 10

năm trước, Tây Ninh chỉ đạt được 50% mục tiêu tăng trưởng GRDP (7,4% so 15-15,5%)?
Trên thực tế, Tây Ninh còn nghèo, doanh nghiệp còn ít, còn yếu nên thiếu nguồn lực tạo lập các điều kiện nền tảng [giao thông kết nối, hạ tầng công nghiệp và đô thị, nhân lực] để nhập nhanh vào quỹ đạo phát triển hiện đại. Tự Tây Ninh không thể giải quyết tốt các vấn đề này mà i) cần sự hỗ trợ từ Trung ương (vốn "mồi" và cơ chế – chính sách tạo điều kiện), ii) cần liên kết phát triển và huy động các nguồn lực "tạo đột phá" từ bên ngoài.
Nhận diện chính xác vấn đề này tạo cơ sở định hướng mục tiêu, xác định nhiệm vụ chiến lược và lựa chọn ưu tiên – đột phá đúng cho giai đoạn mới.
+ Tại sao ICOR của Tây Ninh lại cao hơn hầu hết các tỉnh Đông Nam bộ mặc dù hạ tầng kết nối, hạ tầng đô thị của tỉnh lại còn kém phát triển?
+ Tại sao Tây Ninh cơ bản vẫn chưa thu hút được các nhà đầu tư lớn (Sungroup có thể coi là ngoại lệ) và các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ của Tây Ninh chiếm tới 88,1% số doanh nghiệp của tỉnh lại đều bị "âm" lợi nhuận? Tại sao khu vực doanh nghiệp tư nhân lại hoạt động kém hiệu quả nhất trong 3 khu vực doanh nghiệp?
+ Tại sao ở Tây Ninh lại có hiện tượng "xuất cư đô thị"?

2.5. Cần tập trung đánh giá khái quát SWOT tổng thể kỹ hơn, trong đó, chú ý 2 điểm nhấn:
Một là thách thức cạnh tranh kinh tế cửa khẩu (với Campuchia) – để tìm kiếm câu trả lời: tại sao có lợi thế nhất định về kinh tế, hoạt động kinh tế cửa khẩu của Việt Nam tại Tây Ninh lại "yếu thế" và kém hiệu quả?
Hai là cần phân tích so sánh "cặp" quan hệ SWOT, ví dụ cặp "điểm mạnh" và "thách thức", cặp "điểm yếu" và "cơ hội" để nhận diện những vấn đề cốt lõi đang đặt ra cho công cuộc phát triển Tây Ninh hiện nay, từ đó, làm cơ sở để nhận diện rõ hơn, chính xác hơn các tọa độ đột phá, hệ nhiệm vụ ưu tiên.

triển Câu trả lời sẽ gợi ý các vấn đề lớn mà Báo cáo Quy hoạch phải giải quyết, trước hết là cách tiếp cận phát triển (thay đổi phương thức phát triển để khơi dậy và hiện thực hóa được tiềm năng và lợi thế phát triển).

2.6. Quan điểm phát triển:
Báo cáo nêu 7 quan điểm phát triển, với nội dung đặc thù, sát thực với điều kiện phát triển của Tây Ninh, có giá trị định hướng tốt.

2.7. Các kịch bản tăng trưởng:

Để đề xuất các kịch bản tăng trưởng, Báo cáo đã tiến hành phân tích một số cơ sở nền tảng, giả định một số xu thế chính, trên cơ sở đó, đề xuất các phương án tăng trưởng.
Cách tiếp cận như vậy làm vững chắc hơn các luận cứ để đề xuất các kịch bản tăng trưởng.

Tuy nhiên, trong số cơ sở này, Báo cáo còn "bỏ sót" hai yếu tố xu hướng quan trọng bậc nhất. Đó là xu hướng dân số và xu hướng vốn đầu tư. Nên chú ý Đây là điểm khuyết cần được bổ sung.

Trong 3 kịch bản tăng trưởng được nêu, Báo cáo đề xuất lựa chọn kịch bản 3 – kịch bản tăng trưởng cao nhất; tăng trưởng GRDP bình quân 14,41%/năm giai đoạn 2021-2030. Đây là lựa chọn thể hiện khát vọng tăng trưởng mạnh mẽ của Tây Ninh, cách đánh giá năng lực và cơ hội phát triển đang đặt ra cho Tỉnh.

Tuy nhiên, có mấy điểm cần lưu ý để cân nhắc và có thêm luận cứ:

Thứ nhất, giai đoạn 10 năm trước, Tây Ninh cũng đặt mục tiêu tăng trưởng rất cao, song kết quả thực tế chỉ đạt 50%. Bài học quá khứ nóng hổi và khả năng "lặp lại lịch sử" cần được xem xét thế nào?

Thứ hai, trong 10 năm của giai đoạn 2021-2030, đến nay, có thể thấy rõ kết quả khá kém thuyết phục của 3 năm. Còn 7 năm nữa, đang ngày càng có nhiều cơ sở để dự báo mức độ khả thi của mục tiêu đề xuất. Báo cáo luận giải điều này thế nào?

Thứ ba, vốn đầu tư cho 10 năm được tính là cần 805.186 tỷ đồng, tương đương 37 tỷ USD. Đây là con số rất không nhỏ. Cơ sở nào để đề xuất mức vốn đầu tư này?

Báo cáo thiếu những lập luận tối thiểu về ICOR để xác định tổng vốn đầu tư cần thiết. Nguồn vốn bảo đảm từ đây cũng chưa được chỉ ra về nguyên tắc, cơ cấu đầu tư trong tương quan với ICOR được giả định là thế nào để bảo đảm tính hợp lý, v.v.?

Đây là những điểm cần có thêm những ý kiến bổ sung. Nếu không sẽ khó nhận thấy tính khả thi và tính hiệu quả của "quy hoạch" ở khía cạnh tăng trưởng kinh tế.

2.8. Các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá

Báo cáo đề xuất 9 nhiệm vụ trọng tâm, 7 chương trình đột phá.

Trong điều kiện nguồn lực có hạn, phải chăng đề xuất số lượng "nhiệm vụ trọng tâm" và "chương trình đột phá" như vậy là quá nhiều, nhất là trong

bối cảnh phát triển trong giai đoạn tới còn bất định, điều kiện phát triển còn rất khó khăn, và thời hạn 10 năm trên thực tế chỉ còn lại 6-7 năm?

Trên đây là một số ý kiến nhận xét, góp ý, bổ sung vào Báo cáo Tổng hợp Quy hoạch Tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Vẫn còn dư địa để nâng cấp chất lượng và hoàn thiện Báo cáo, để Báo cáo thuyết phục hơn về tính hợp lý và khả thi của các phương án phát triển được đề xuất lựa chọn.

Hà nội, ngày 31/3/2023

Người viết nhận xét

PGS.TS. Trần Đình Thiên
Viện Kinh tế Việt Nam

DƯƠNG ĐÌNH GIÁM
PHẢN BIỆN ĐỘC LẬP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2023

Kính gửi: Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh

Chuyên gia phản biện đã nhận văn bản số 990/HĐTĐ-CV, ngày 15 tháng 02 năm 2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (kèm theo hồ sơ) đề nghị có ý kiến phản biện đối với quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ các quy định của pháp luật về quy hoạch và Kế hoạch số 1040/KH-HĐTĐ ngày 16 tháng 02 năm 2023 của Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh về ban hành kế hoạch thẩm định quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Chuyên gia phản biện có ý kiến phản biện đối với hồ sơ quy hoạch tỉnh Tây Ninh như sau:

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ QUY HOẠCH

1. Hồ sơ quy hoạch, bao gồm:

- Văn bản số 152/UBND-KT, ngày 19/01/2023 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc thống nhất các nội dung hồ sơ trình thẩm định Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Tờ trình số 11/TTr-SKHĐT, ngày 27/01/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tây Ninh về thẩm định Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Báo cáo Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt);

- Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý về Quy hoạch tỉnh;

- Báo cáo Đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch;

- Hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu về quy hoạch.

2. Các tài liệu khác có liên quan, bao gồm:

- Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

II. NHẬN XÉT CHUNG VỀ HỒ SƠ QUY HOẠCH

Sau khi nhận được hồ sơ quy hoạch tỉnh Tây Ninh; qua xem xét, Chuyên gia phản biện đánh giá về hồ sơ như sau:

1. Danh mục hồ sơ: Nhận xét về tính hợp lệ của hồ sơ quy hoạch *(theo quy định tại Điều 4 Quy trình và nội dung thẩm định ban hành kèm theo Kế hoạch số 5208/KH-HĐTĐ ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Chủ tịch Hội đồng thẩm định).*

Đầy đủ theo quy định.

2. Nhận xét, đánh giá chung về các phần và nội dung các phần trong hồ sơ quy hoạch (nếu có).

3. Kết luận: Đủ điều kiện để nhận xét, đánh giá.

III. NHẬN XÉT CỤ THỂ VỀ NỘI DUNG QUY HOẠCH

1. Nhận xét, đánh giá về nội dung quy hoạch theo quy định tại Mục II, Chương II Quy trình và nội dung thẩm định ban hành kèm theo Kế hoạch số 1040/KH-HĐTĐ ngày 16 tháng 02 năm 2023 của Chủ tịch Hội đồng thẩm định.

Báo cáo Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã đạt được những thành công chính sau:

1.1. Về nội dung:

Báo cáo đã cơ bản bám sát các nội dung quan trọng của bản Quy hoạch theo đề cương đã được phê duyệt, thể hiện ở những nội dung sau:

- Các nội dung đánh giá thực trạng kinh tế - xã hội của giai đoạn trước (một trong những nội dung quan trọng và bắt buộc của Quy hoạch) đã được trình bày toàn diện (bao quát toàn bộ các ngành, lĩnh vực) và khá chi tiết; hệ thống số liệu minh họa phong phú và có độ tin cậy cao, về cơ bản có nguồn trích dẫn rõ ràng.

- Trên cơ sở luận giải các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức trong bối cảnh phát triển mới, Báo cáo đã đề xuất các kịch bản phát triển. Các

kịch bản được xây dựng và phương án để xuất được lựa chọn cơ bản là phù hợp với trình độ và nguồn lực của địa phương trong giai đoạn quy hoạch.

Hệ thống quan điểm, mục tiêu và những định hướng phát triển, tổ chức không gian cho các ngành, lĩnh vực trong giai đoạn phát triển mới (2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050) được đề xuất khá phù hợp; tuy nhiên, việc luận giải một số nội dung (đặc biệt là bối cảnh quốc tế và vùng; các yếu tố tạo đột phá cho tăng trưởng, các năng lực sản xuất mới) cần được bổ sung và làm sâu sắc hơn.

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và các phương án bảo vệ môi trường; bảo vệ tài nguyên, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; khai thác sử dụng tài nguyên; phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu... được đề xuất khá tỷ mỷ và tương đối toàn diện.

- Các nguồn lực thực hiện quy hoạch về cơ bản được tính toán khá chi tiết cùng hệ thống giải pháp khá toàn diện sẽ giúp cho việc triển khai Quy hoạch đạt được những mục tiêu đã đề ra.

Về cơ bản, Báo cáo Quy hoạch đã đạt được những yêu cầu đề ra.

1.2. Về kết cấu

Báo cáo Quy hoạch có kết cấu thành 2 phần: (i) Phần I. Sự cần thiết, căn cứ pháp lý và phạm vi lập quy hoạch; (ii) Phần II. Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050.

Bố cục này có vẻ chưa hợp lý. Theo người đọc, phần II nên tách thành 2 phần. Cụ thể:

- Phần II. Đánh giá các điều kiện phát triển, bao gồm các nội dung từ I đến IV;

- Phần III. Quy hoạch..., bao gồm các nội dung còn lại (từ mục V đến XVII).

Như vậy sẽ dễ theo dõi và phù hợp hơn.

1.3. Về hình thức

Văn phong Báo cáo về cơ bản sáng sủa, dễ hiểu;

Tuy nhiên, cần điều chỉnh một số điểm, như:

- Bổ sung "nguồn" của một số bảng số liệu và sơ đồ còn thiếu.

- Chỉnh sửa các lỗi kỹ thuật: (i) Rà soát số liệu cho khớp (giữa các phần) và nội dung một số bình luận và bảng biểu, hình vẽ cho phù hợp; (ii) Rà soát lại diễn đạt của một số nội dung và tính toán một số chỉ tiêu; (iii) Lược bỏ những nội dung trùng lắp…

II. MỘT SỐ GÓP Ý

2.1. Phần I. Sự cần thiết, căn cứ pháp lý và phạm vi lập quy hoạch…

a) Về các căn cứ lập quy hoạch

Rà soát và sắp xếp lại hệ thống các văn bản (mục 2. Các văn kiện, nghị quyết của Đảng; mục 4. Các nghị quyết, nghị định của Chính phủ) theo thời gian cho bảo đảm tính khoa học (mới dần hoặc cũ dần).

b) Về cách tiếp cận và phương pháp lập quy hoạch

Lưu ý về cách sử dụng phương pháp phân tích SWOT: Phương pháp SWOT không phải chỉ là xác định các điểm mạnh, điểm yếu (tr.385); mà là trên cơ sở các điểm mạnh, điểm yếu… này, cần lập ma trận SWOT và xây dựng các chiến lược và giải pháp phát triển bằng cách kết hợp các yếu tố thành phần của ma trận SWOT (Đây mới là kết quả của phương pháp SWOT).

Trong cách trình bày "Phương pháp lập quy hoạch" có nội dung này, nhưng khi triển khai lập quy hoạch không thấy sử dụng đầy đủ phương pháp này.

2.2. Phần II. Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

2.2.1. Về vị trí địa lý – kinh tế, điều kiện tự nhiên và điều kiện xã hội

Các thông tin được trình bày khá chi tiết. Tuy nhiên, cần:

- Làm rõ tác động của các yếu tố có tính đặc thù (về vị trí, điều kiện tự nhiên) tới phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh. Tránh tình trạng, chỉ "chụp ảnh" hiện trạng mà thiếu sự phân tích, đánh giá;

- Sự biến động trong cơ cấu lao động giữa các ngành về cơ bản phù hợp với sự thay đổi tỷ trọng trong cơ cấu GRDP. Tuy nhiên, việc giảm tỷ trọng của ngành TM-DV (6,1 điểm %) từ 36,3% (2010) xuống 30,2% (2020) so với việc tăng tỷ trọng lao động của ngành từ 33,63% lên 38,93% (5,3 điểm %) có vẻ không tương xứng; khiến cho NSLĐ của ngành này thấp hơn cả ngành NLTS.

Báo cáo cần làm rõ hơn nguyên nhân của nội dung này.

- Chỉ tiêu liên quan đến chất lượng nguồn nhân lực (lao động đã qua đào tạo có chứng chỉ) trong nền kinh tế của tỉnh cần được làm rõ hơn đối với các ngành kinh tế: Nông nghiệp, Công nghiệp và Dịch vụ... và so sánh với mức bình quân chung của Vùng.

- Ngoài ra, cần so sánh một số chỉ tiêu quan trọng với mức bình quân chung của Vùng và quốc gia, như: (i) Diện tích đất nông nghiệp; (ii) Diện tích đất chưa sử dụng (cho phát triển các công trình phi nông nghiệp, như hạ tầng, công nghiệp, dịch vụ....); (iii) Tỷ lệ che phủ rừng...; đây là những chỉ tiêu có ảnh hưởng lớn đến các phương án phát triển KTXH của tỉnh trong tương lai.

Rà soát số liệu của Tây Ninh tại Bảng 8 (tr.61).

2.2.2. Thực trạng phát triển kinh tế và hiệu quả sử dụng nguồn lực

a) Thực trạng phát triển kinh tế chung

- Làm rõ một số nội dung sau:

+ Tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2011-2020 đạt khá (7,4%/năm) so với quốc gia (6,9%/năm), nhưng có điểm đặc biệt, là năm 2015 có sự sụt giảm mạnh và đạt mức thấp nhất (6,05%); sau đó lại tăng trở lại vào năm 2016, đạt mức khá (7,9%). Cần làm rõ nguyên nhân: Tăng và giảm do khu vực nào, Vì sao;

+ Tỷ trọng của khu vực dịch vụ trong GRDP có thay đổi theo xu hướng giảm: từ 36,3% (năm 2010) xuống còn 30,2% (2020), thấp hơn mức bình quân chung của cả nước (41,6%) và của vùng (43,1%), ngược với xu thế chung là tăng tỷ trọng khu vực thương mại, dịch vụ.

Do vậy, cần làm rõ, mức giảm này là do khu vực nào (dịch vụ công, như y tế, giáo dục hay dịch vụ kinh tế). Trình độ nhân lực qua đào tạo thấp (14,7%) so với mức bình quân chung của Vùng (29,5%) có phải do tác động của sự giảm sút này không?.

+ Giai đoạn 2015 – 2020, có sự không tương thích giữa mức đầu tư cho một lao động của ngành nông nghiệp (4 triệu VNĐ/người) và năng suất lao động của ngành (65,78 triệu/người; cao gấp hơn 2,2 lần mức bình quân chung của cả nước: 29,6 triệu VNĐ); trong khi số liệu tương ứng của ngành dịch vụ là: 37,9 triệu VNĐ và 59,12 triệu VNĐ.

Báo cáo cần lý giải rõ hiện tượng này.

- Làm rõ hơn cơ cấu đóng góp trong GRDP theo các thành phần kinh tế;

- Đánh giá thêm một số chỉ tiêu tổng hợp, như: (i) GRDP bình quân; (ii) VA/GO; (iii) Chỉ tiêu năng suất tổng hợp TFP… và so sánh với mức bình quân chung của Vùng, quốc gia.

2.2.3. Thực trạng phát triển các ngành kinh tế

a) Thực trạng phát triển ngành công nghiệp

Để làm rõ hơn các nhận định/đánh giá, Báo cáo cần làm rõ các nội dung sau:

- Cơ cấu giá trị sản xuất (GO) và giá trị gia tăng (VA) trong nội ngành Chế biến chế tạo (nên lập bảng để dễ theo dõi, so sánh, đánh giá), để thấy rõ quy mô và đóng góp vào tăng trưởng của các phân ngành cấp 2 và cấp 3 trong nhóm ngành này; làm cơ sở cho việc lựa chọn các ngành, lĩnh vực quan trọng trong tương lai.

Ngoài các chỉ tiêu liên quan đến GO, VA, cần đánh giá thêm về trình độ công nghệ, nhân lực (số lượng, chất lượng), NSLĐ,…

- Riêng đối với các tiểu ngành (ngành cấp 2) thuộc phân ngành chế biến, chế tạo, như sản xuất vải sợi, phụ liệu may; chế biến cao su và plastic; chế biến thực phẩm,… là những ngành dự kiến sẽ phát triển mạnh trong tương lai, việc đánh giá cần được tiến hành theo các cụm liên kết ngành;

Làm rõ các nội dung, như: (i) Thượng nguồn: Khả năng cung ứng nguyên, phụ liệu cho sản xuất; (ii) Trung nguồn: Năng lực công nghệ, NSLĐ, trình độ nhân lực…; (iii) Hạ nguồn: Đối tượng tiêu thụ và quy mô thị trường (trong tỉnh, vùng, cả nước, xuất khẩu). Trong đó, chỉ rõ DN của địa phương nắm giữ khâu nào trong chuỗi giá trị (hiệu quả của DN).

Việc đánh giá theo các cụm LKN hay chuỗi giá trị, sẽ giúp:

+ Nhận diện được kỹ và chính xác hơn năng lực của các DN địa phương trong lĩnh vực sản xuất hiện tại (Sự phát triển của DN thuộc những ngành này mới chỉ đơn thuần là gia công sản phẩm cuối cùng hay đã có sự liên kết theo chuỗi hoặc manh nha có sự liên kết này và triển vọng của chúng ra sao); từ đó có được các định hướng và giải pháp phát triển cho giai đoạn tới.

+ Định hướng cho phát triển CNHT trong tương lai (tùy theo khả năng của cụm LKN): (i) Phục vụ cho chính các ngành công nghiệp trên địa bàn; (ii)

Phát triển theo thế mạnh để phục vụ cho các địa phương khác và từng bước hình thành ngành công nghiệp mới trên địa bàn.

- Nội dung liên quan đến hiện trạng các khu công nghiệp, khu kinh tế:

+ Về nội dung:

- Bổ sung các đánh giá về các cụm CN hiện đang hoạt động;
- Các nội dung đánh giá, cả các KCN và CCN, ngoài các thông tin về hiện trạng (diện tích quy hoạch, tỷ lệ lấp đầy, ngành nghề thu hút hút đầu tư…), cần đánh giá kỹ hơn về: (i) Ưu, nhược trong việc lựa chọn địa điểm, quy mô và phân bố không gian của các khu, cụm CN hiện tại và đã quy hoạch; (ii) Khả năng kết nối hạ tầng kỹ thuật của các K,CCN (hệ thống cung cấp điện, nước, xử lý nước thải...) với hệ thống hạ tầng chung của tỉnh; (iii) Tính kinh tế tuần hoàn trong hoạt động của các K,CCN hiện có... làm cơ sở cho các đề xuất điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển cho giai đoạn tới;
- Các nội dung liên quan đến khu kinh tế cửa khẩu: Mặc dầu đã có được một số thông tin liên quan đến thu hút đầu tư và khái quát được một số nội dung (điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức) liên quan đến các KKT của khẩu này; nhưng những nội dung cốt yếu, như thực trạng hạ tầng và các hoạt động liên quan… của các khu chức năng trong các KKT lại chưa được làm rõ.

+ Về bố cục: Việc gộp nội dung liên quan đến khu kinh tế vào nội dung này (Công nghiệp) có vẻ không phù hợp lắm, vì ngoài chức năng CN, các khu kinh tế còn có nhiều chức năng khác, như thương mại, dịch vụ, đô thị.

Báo cáo cân nhắc để tách nội dung này thành mục riêng: "Các khu chức năng", bao gồm các nội dung, như: K,CCN, Khu kinh tế cửa khẩu, Khu nông nghiệp ứng dụng CNC, Khu du lịch…

Ngoài ra, nội dung liên quan đến kinh tế cửa khẩu được đề cập đến trong 2 mục (2.1.4.2. Về phát triển kinh tế cửa khẩu và 2.1.4.3. Về các khu kinh tế cửa khẩu), có nhiều nội dung trùng lắp. Báo cáo cần rà soát nội dung này.

b) Thực trạng phát triển ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản

Hiện trạng ngành nông nghiệp được mô tả khá kỹ, nhưng còn khá dàn trải, thiếu trọng tâm. Do vậy, cần được điều chỉnh theo hướng sau:

- Ngoài việc đánh giá toàn diện (như đang làm), cần lựa chọn một số loại cây, con điển hình (có triển vọng phát triển trong giai đoạn quy hoạch tới, như khoai mì, cây ăn quả; bò, heo, gà…) để đánh giá sâu hơn về các chỉ tiêu, như: (i) Chất lượng sản phẩm; (ii) NSLĐ (hiệu quả so với mức bình quân chung của ngành, Vùng); (iii) Quy mô thị trường (nội tỉnh, ngoại tỉnh, XK) và năng lực sản xuất (khả năng đáp ứng ở mỗi khu vực thị trường, nếu có nhu cầu);

Các nội dung này nếu được đánh giá kỹ, sẽ cho thấy cơ hội cung cấp các SP nông nghiệp đặc sản/thế mạnh cho nội tỉnh (kể cả du lịch), cũng như phục vụ các thị trường lớn của Vùng, cả nước và tham gia xuất khẩu trong tương lai.

Ngoài ra, đối với các loại sản phẩm đặc sản này, cần phân tích, đánh giá theo chuỗi giá trị và cụm liên kết ngành (LKN), bao gồm các nội dung, như:

+ Liên kết trong cung ứng giống (cây, con), vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc thú y và BVTV hữu cơ…), các phương pháp canh tác, nuôi trồng theo công nghệ mới…;

+ Liên kết trong sản xuất và chế biến: Năng lực chế biến nông, lâm sản hiện tại thế nào. Khả năng cung ứng nguyên liệu (vùng nguyên liệu); liên kết theo chuỗi giữa công nghiệp chế biến và nông nghiệp (cung cấp nguyên liệu) trên địa bàn (hoặc trong Vùng) ra sao…

+ Liên kết giữa sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp chủ lực;

Chỉ rõ các hạn chế trong sự hình thành và phát triển của các chuỗi này trong các quan hệ liên kết.

- Làm rõ hơn kết quả của định hướng áp dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp trong thời gian vừa qua. Các vướng mắc trong triển khai chủ trương này là gì…

Các đánh giá này sẽ cho thấy, nếu còn khiếm khuyết thì đấy là một trong các nội dung cần hoàn thiện (giải pháp) trong thời gian tới.

c) Thực trạng phát triển ngành thương mại, dịch vụ

- Như trên đã nói, tỷ trọng của khu vực dịch vụ trong GRDP đã giảm: từ 36,3% (năm 2010) xuống còn 30,2% (2020), thấp hơn mức bình quân chung của cả nước (41,6%) và của vùng (43,1%), ngược với xu thế chung là tăng tỷ trọng khu vực thương mại, dịch vụ. Đây là một điểm đáng chú ý.

Tuy nhiên, do các số liệu về tỷ trọng đóng góp vào tăng trưởng của ngành (Hình 81, tr.138) không được thể hiện theo chuỗi thời gian (chỉ tại thời điểm 2020) nên chưa làm rõ được nguyên nhân sụt giảm từ khu vực nào.

Báo cáo cần làm rõ hơn nội dung này.

- Có sự không tương thích trong số liệu XNK (giai đoạn 2016-2020) tại hình 85 (tr.141) và 86 (tr.142). Báo cáo cần rà soát.

- Các nội dung liên quan đến hạ tầng thương mại còn khá sơ sài. Ngoài đánh giá về số lượng, cần đánh giá kỹ về một số nội dung, như; (i) Mật độ và phân bố hạ tầng thương mại (chợ, siêu thị, cửa hàng tiện ích) so với định mức chung và nhu cầu thực tế; (ii) Chất lượng hạ tầng thương mại (An toàn VSTP; Phòng chống cháy nổ, cứu hộ cứu nạn…)…

- Về thương mại biên giới: Hiện tại, hệ thống cửa khẩu của Tây Ninh khá phong phú, với 3 cửa khẩu quốc tế (Mộc Bài, Sa Mát, Tân Nam), 3 cửa khẩu quốc gia (Kà Tum, Chàng Riệc, Phước Tân) và 10 cửa khẩu phụ.

Để thấy rõ hiệu quả và vai trò của mỗi cửa khẩu (đặc biệt là các cửa khẩu quốc tế), ngoài việc có các thông tin liên quan đến lượng hàng hóa thông quan (XNK) qua các cửa khẩu này, Báo cáo cần đánh giá kỹ hạ tầng logistic, cùng những hạn chế trong hoạt động, để làm cơ sở đề xuất các giải pháp hoàn thiện cho giai đoạn tới.

d) Về hoạt động du lịch

- Ngoài các nội dung liên quan đến kết quả của hoạt động du lịch (số lượng khách, doanh thu của dịch vụ lưu trú, ăn uống…), Báo cáo cần đánh giá kỹ hơn về chất lượng của hạ tầng du lịch (cơ sở lưu trú, nhà hàng); nhân lực du lịch và thực trạng liên kết phát triển du lịch với các địa phương trong vùng và liên vùng…

- Để có cơ sở cho việc xây dựng quy hoạch phát triển trong tương lai, sẽ là tốt hơn, nếu ngoài việc đánh giá hiện trạng chung chung như đã làm, Báo cáo cần tiếp cận và đánh giá sâu theo hai hướng: (i) Về các loại hình du lịch và (ii) Về các không gian du lịch. Cụ thể:

+ Về các loại hình du lịch: 3 loại hình tiềm năng chính/chủ lực, có triển vọng và là định hướng phát triển trong tương lai, gồm: (i) Du lịch văn hóa, tín ngưỡng; (ii) Du lịch làng nghề bản địa; (iii) Du lịch sinh thái, cần được làm rõ các thông tin, như: Kết quả và những hạn chế của từng loại hình (nội dung

giải trí, thưởng ngoạn, khám phá; dịch vụ...); đặc biệt là loại hình du lịch mạo hiểm gắn với sinh thái (một loại hình du lịch mới đang thu hút lớp trẻ và khách quốc tế);

+ Về các không gian du lịch, cần làm rõ các nội dung, như: (i) Cơ sở vật chất cho du lịch (giao thông, cảnh quan, cơ sở lưu trú); (ii) Cách thức tổ chức tour, tuyến và sự phối hợp, kết nối giữa các trung tâm du lịch trong tỉnh (nhằm kéo dài thời gian lưu trú của khách); (iii) Liên kết phát triển với các địa phương nhằm tăng lượng khách đến với Tây Ninh, với vai trò là cầu nối giữa miền Đông nam bộ và miền Tây nam bộ...

2.2.4. Thực trạng các lĩnh vực văn hóa, xã hội

- Về Giáo dục, đào tạo: Cần đánh giá kỹ hơn các nội dung liên quan đến đào tạo, dạy nghề, như: (i) Quy mô, cơ cấu và chất lượng đào tạo; (ii) Khả năng đáp ứng nhu cầu của địa phương về nhân lực: Số lượng; chất lượng; ngành nghề (nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ)...

- Về Y tế: Quan tâm đến khả năng phòng chống và xử lý các tình huống khi có dịch bệnh xảy ra trên quy mô lớn.

- Về hoạt động KHCN: Làm rõ hơn các kết quả nghiên cứu, triển khai KHCN vào các hoạt động kinh tế cụ thể của địa phương; đặc biệt trong ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp.

2.2.5. Thực trạng bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu

- Cần làm rõ thực trạng môi trường (nước, không khí) và xử lý chất thải (rắn, lỏng) trong hoạt động khai thác khoáng sản, VLXD và chế biến nông, lâm sản quy mô công nghiệp;

- Các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu cần được bổ sung.

2.2.6. Hiện trạng sử dụng đất

Nội dung liên quan đến "hiệu quả sử dụng đất" (mục 5.5, tr.221) có nội dung khá tốt. Tuy nhiên, sẽ là tốt hơn, nếu các chỉ tiêu (kinh tế, xã hội...) được tính toán/thống kê theo chuỗi thời gian, để thấy rõ được hiệu quả hay hạn chế trong sử dụng đất đối với từng loại đất (nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ).

2.2.7. Thực trạng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội

- Về hạ tầng giao thông: Ngoài việc phản ánh hiện trạng số lượng/mật độ, chất lượng hệ thống giao thông trên địa bàn (như đã làm), cần đánh giá kỹ hơn

về khả năng kết nối, giữa: (i) Hệ thống các loại đường quốc lộ và tỉnh lộ, hệ thống giao thông nội tỉnh; (ii) Hệ thống các loại hình vận tải (bộ, thủy); (iii) Khả năng kết nối của các khu dân cư với các khu dịch vụ du lịch, thương mại và sản xuất tập trung (K,CCN) với các trục giao thông chính...; Khả năng đáp ứng nhu cầu hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của địa phương…

- Đối với hạ tầng năng lượng:

+ Đánh giá về khả năng kết nối của hệ thống năng lượng tái tạo (với những địa điểm dự kiến phát triển nguồn mới) với trục truyền tải quốc gia.

+ Bổ sung các nội dung liên quan đến kho dữ trữ và hệ thống phân phối xăng dầu, khí đốt trên địa bàn tỉnh.

- Về hạ tầng cấp nước: Ngoài nội dung đánh giá thực trạng cấp nước cho khu vực đô thị, nông thôn; công nghiệp… như hiện tại, cần đánh giá thêm khả năng cung cấp nước cho các khu sản xuất nông nghiệp tập trung (các trang trại, nông trại) quy mô lớn.

- Bổ sung các nội dung liên quan đến hoạt động *"Quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên"*, bao gồm các loại tài nguyên khoáng sản và tài nguyên nước, bao gồm cả nước mặt và nước ngầm.

2.2.8. Đánh giá thực hiện các quy hoạch thời kỳ trước (2011-2020)

Đây là một trong những mục quan trọng của nội dung "Đánh giá hiện trạng".

Báo cáo không thấy có nội dung này.

Bên cạnh việc rà soát và đánh giá các kết quả thực hiện được so với Quy hoạch 2011-2020 đã đặt ra, Báo cáo cần chỉ ra được các nguyên nhân (cả khách quan và chủ quan) dẫn đến các kết quả này, làm cơ sở cho việc xác định các mục tiêu và giải pháp cụ thể cho giai đoạn quy hoạch tới.

2.2.9. Bối cảnh và tác động đến phát triển của tỉnh Tây Ninh

a) Về vị thế và vai trò của tỉnh đối với vùng và quốc gia

Báo cáo cần làm rõ/phân biệt giữa vị thế và vai trò.

- Về vị thế: Nói đến *"Vị thế"* là ý muốn nói đến *"Thứ hạng"* của Tây Ninh đối với Vùng và quốc gia, ở một số chỉ tiêu lớn, như một số chỉ tiêu về: (i) Kinh tế (tổng GRDP, GRDP bình quân đầu người, cơ cấu kinh tế…); (ii) Xã hội

(Quy mô dân số, chất lượng nhân lực, NSLĐ, chỉ số HDI…); (iii) Một số ngành, lĩnh vực nổi trội (hiện tại và tiềm năng)...

- Về vai trò: Nói đến *"Vai trò"* là muốn nói đến tầm ảnh hưởng hay mức độ tác động của một số chức năng quan trọng (nào đó) trong sự phát triển của Vùng và quốc gia.

Với cách tiếp cận như vậy, Báo cáo cần làm rõ hơn (nhấn mạnh) vai trò của Tây Ninh đối với Vùng/quốc gia trong một số nội dung, như:

+ Với lợi thế về vị trí địa lý, Tây Ninh trở thành vai trò cửa ngõ, cầu nối giữa 3 khu vực: Tây Nguyên, Vùng Tp. Hồ Chí Minh và vùng Đồng bằng Sông Cửu Long và kết nối kinh tế đối ngoại với một số nước ASEAN (Căm puchia, Thái Lan…) trong giao lưu và phát triển kinh tế;

+ Vai trò quan trọng trong cung cấp nước trong sản xuất và sinh hoạt cho nhiều địa phương (Bình Dương, Bình Phước, Long An, Tp. Hồ Chí Minh) thông qua hệ thống thủy lợi Dầu Tiếng;

+ Một trong các trung tâm lớn cho phát triển các cụm LKN (canh tác và chế biến) khoai mỳ và một số loại cây công nghiệp (cao su, mía); dệt, may mặc và chế biến da; sản xuất năng lượng tái tạo lớn của Vùng và quốc gia;

+ Trong tương lai, trở thành vành đai cung cấp sản phẩm nông nghiệp chất lượng cao cho vùng Đông nam bộ.

Nhận xét chung: Các nội dung liên quan đến "Vị thế" đã được làm khá rõ. Các nội dung liên quan đến "Vai trò" cần được làm rõ hơn.

b) Về đánh giá bối cảnh thế giới và khu vực

Báo cáo cần lưu ý đến các tác động của các xu hướng chính trị và kinh tế quốc tế mới, như:

- Xung đột vũ trang và sự đối đầu về kinh tế giữa một số khu vực làm trầm trọng thêm sự đứt gãy của các chuỗi cung ứng;

- Khủng hoảng năng lượng ở quy mô toàn cầu và khủng hoảng kinh tế tại nhiều khu vực sẽ làm giảm nhu cầu tiêu thụ nhiều sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam và giảm lượng khách du lịch quốc tế…

Các nội dung này tác động mạnh tới kinh tế Việt Nam, từ đó tác động đến sự phát triển của Tây Ninh, đặc biệt là các sản phẩm xuất khẩu và khách du lịch.

c) Về bối cảnh của Vùng

Cần nhấn mạnh đến sự cạnh tranh mạnh giữa các địa phương trong Vùng, về các nội dung, như:

- Thu hút đầu tư từ xã hội, gây sức ép về cải thiện môi trường đầu tư (CPI) và nâng cao chất lượng nhân lực;

- Cạnh tranh trong thuyết phục thu hút đầu tư từ ngân sách: Cách thuyết phục phải khoa học, có luận cứ..., theo hướng: Đầu tư cho Tây Ninh để có những công trình mang ý nghĩa chiến lược quốc gia và Vùng... với vị thế là cầu nối của nhiều vùng kinh tế trong nước và quốc tế, chứ không phải cho riêng Tây Ninh.

2.2.10. Đánh giá chung (Điểm mạnh, Điểm yếu, Cơ hội, Thách thức)

Nội dung của mục này khá tốt; khắc họa được những nét cơ bản (điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức) trong phát triển kinh tế - xã hội của địa phương cho giai đoạn phát triển sắp tới. Tuy nhiên, sẽ là hoàn chỉnh hơn, nếu Báo cáo luận giải thêm những nội dung sau:

- Về cơ hội:

+ Nghị quyết 24- NQ/TW, ngày 07/10/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

+ Nghị quyết số 31-NQ/TW, ngày 30/12/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Đây là những nội dung chỉ đạo, những quan điểm và định hướng lớn cho sự phát triển của Tỉnh trong giai đoạn tới mà Tây Ninh cần nắm bắt kịp thời;

+ Ngoài các Hiệp định thương mại tự do lớn, quan hệ kinh tế, thương mại giữa Việt Nam và Trung Quốc được mở rộng, mở đường cho nông sản Việt, trong đó có nhiều sản phẩm rau quả và nông, lâm nghiệp chế biến của Tây Ninh vào thị trường Trung Quốc.

- Về thách thức:

+ Cạnh tranh trong nội vùng (Đông nam bộ) và liên vùng (Tây Nguyên và Đồng bằng sông Cửu Long) trong thu hút đầu tư, kể cả nguồn lực từ ngân sách nhà nước và đầu tư từ xã hội, khiến cho môi trường thu hút đầu tư cần phải có những đổi mới căn bản;

+ Do nhu cầu thu hút đầu tư lớn, nên nguy cơ tiếp nhận các dự án với công nghệ lạc hậu, nguy cơ ô nhiễm cao... gây thách thức cho mục tiêu phát triển bền vững...

- Ngoài ra, trên cơ sở các thành tố của ma trận SWOT, sẽ là tốt hơn, nếu nhóm nghiên cứu thiết lập được các chiến lược thành phần (ST, SO, WT, WO) làm cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp phát triển phù hợp cho giai đoạn tới.

2.3. Quan điểm, mục tiêu và lựa chọn kịch bản, phương án phát triển

2.3.1. Về quan điểm phát triển

- Làm rõ hơn nội hàm của: (i) Phát triển hài hòa, cân đối giữa các vùng, miền; và (ii) Ưu tiên tập trung phát triển vùng động lực...

- Bổ sung nội dung phát triển nhấn mạnh đến liên kết vùng và liên vùng.

- Các nội dung liên quan đến "Kinh tế tri thức" sau năm 2030 (ngoài giai đoạn quy hoạch: 2021-2030), nên đưa vào mục "Tầm nhìn 2050" sẽ phù hợp hơn.

2.3.2. Về các kịch bản và chỉ tiêu phát triển

a) Lựa chọn kịch bản phát triển

Kịch bản 3 (kịch bản rất cao) là kịch bản được lựa chọn; dựa trên 2 trụ cột phát triển là công nghiệp và dịch vụ.

Tuy nhiên, ngoài những giải pháp mang tính chủ quan/chủ động, như cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực...; thì một trong những bệ đỡ quan trọng cho tăng trưởng của giai đoạn tới là sự đột phá về hệ thống hạ tầng, gồm: (i) Hạ tầng giao thông (cao tốc Tp. HCM – Mộc Bài) hoàn thành trước năm 2025 (theo kế hoạch là 2027); và (ii) Hạ tầng logistic (cảng Mộc Bài và Hưng Thuận) được đưa vào vận hành.

Các giả định này chịu nhiều tác động của các yếu tố khách quan và khó được thực hiện đúng tiến độ (trước 2025) như kỳ vọng. Và nếu được hoàn thành vào cuối giai đoạn quy hoạch (trước 2030) thì tác động và hiệu ứng lan tỏa của các công trình này tới tăng trưởng kinh tế của Tây Ninh là chưa được rõ ràng.

Báo cáo cần làm rõ hơn những nội dung này.

b) Về các chỉ tiêu phát triển

- Về chỉ tiêu tăng trưởng GRDP: Báo cáo đề xuất mục tiêu cho giai đoạn 2021-2030 là 14%/năm (2021-2025: 7,5%/năm; 2026-2030: 21,7%/năm.

Đây là một chỉ tiêu đặc biệt cao cho giai đoạn 2026-2030, khi mà giai đoạn liền trước đó (2021-2025), mức tăng trưởng chỉ được đề xuất 7,5%/năm;

(BRVT và Bắc Ninh có quy mô GRDP gấp đôi TN (200 tỷ VNĐ), với nhiều điều kiện thuận lợi hơn (hạ tầng kết nối, nhân lực…) cũng chỉ xác định mức tăng trưởng là khoảng dưới 10%/năm).

- Về chỉ tiêu tăng trưởng công nghiệp và xây dựng: Mức tăng trưởng được đề xuất cho giai đoạn quy hoạch 2021-2025: 11%/năm là khả thi, nhưng giai đoạn 2026-2030 lại được đề xuất tới 31%/năm.

Đây là mức tăng trưởng được đặt ra quá cao; trong khi chưa làm rõ được các năng lực sản xuất mới sẽ được huy động trong giai đoạn quy hoạch tới.

Báo cáo cần luận chứng thêm về việc xây dựng các chỉ tiêu này (GRDP và Công nghiệp). Theo người đọc, sẽ là khả thi hơn, nếu:

+ Chỉ tiêu về tăng trưởng GRDP được điều chỉnh là khoảng trên 8%/năm (giai đoạn 2021-2025) và khoảng 15%/năm (2026-2030);

+ Chỉ tiêu tăng trưởng CN+XD được điều chỉnh là 12%/năm cho giai đoạn 2021-2025 và khoảng 24-25%/năm cho giai đoạn 2026-2030.

- Bên cạnh việc xác định các chỉ tiêu tăng trưởng (bắt buộc), Quy hoạch cần quan tâm đến chất lượng tăng trưởng (yếu tố phát triển), thông qua việc định hướng được mô hình phát triển cho mỗi loại ngành nghề…; đặc biệt chú ý các liên kết theo chuỗi giá trị (cụm liên kết ngành) trong các lĩnh vực chế biến nông, lâm sản, để người dân (đặc biệt là nông dân) có thể tham gia nhiều hơn vào những dự án mới này và được hưởng lợi từ sự phát triển.

Không rõ cơ cấu trong GRDP của thành phần FDI, nhưng theo Báo cáo, tỷ trọng vốn đầu tư của khu vực này có xu hướng tăng trong giai đoạn 2016-2020 và đạt mức 36,4% (tr.76); do vậy, trong tổng hợp các chỉ tiêu kinh tế - xã hội cho giai đoạn tới, bên cạnh chỉ tiêu GRDP bình quân, cần quan tâm đến chỉ tiêu "Thu nhập bình quân". Chỉ tiêu này sẽ phản ánh thực chất hơn những gì mà người dân Tây Ninh được hưởng trong giai đoạn quy hoạch.

c) Về các chương trình đột phá

Người đọc chia sẻ và tâm đắc với 2 nội dung: (i) Xây dựng thương hiệu và marketing Tây Ninh, quảng bá sản phẩm cho giới trung lưu và (ii) Phát triển kinh tế bạc (phục vụ người cao tuổi trung lưu trong và ngoài tỉnh).

Nhưng rất tiếc, các nội dung này lại không được làm rõ trong cơ cấu các sản phẩm của CNCB, chế tạo; Nông nghiệp CNC và Dịch vụ (Du lịch, nghỉ dưỡng).

Nếu có thể được, Báo cáo nên làm rõ hơn về các ý tưởng này.

2.4. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng

2.4.1. Xác định các ngành quan trọng

- Các ngành quan trọng được lựa chọn chủ yếu dựa trên phương pháp định tính nên tính thuyết phục chưa cao.

Báo cáo cần sử dụng kết hợp các phương pháp định lượng, dựa trên một số tiêu chí cơ bản, như: (i) Đóng góp vào tăng trưởng; (ii) Giá trị gia tăng; (iii) Tốc độ tăng trưởng; (iv) NSLĐ…

- Sắp xếp không gian bố trí các ngành quan trọng, cần lưu ý các nội dung sau:

+ Về quỹ đất: Với phương án phát triển rất cao (P.án 3), nhu cầu đất cho công nghiệp có thể lên tới trên 11.000ha; cần cân đối quỹ đất cho phát triển các ngành/lĩnh vực khác, như nông nghiệp, đô thị, du lịch.

+ Công nghiệp chế biến, chế tạo của Tây Ninh được định hướng phát triển với các ngành có nguy cơ ô nhiễm cao, như: Dệt, sợi; Chế biến cao su, thực phẩm khoai mỳ, chăn nuôi quy mô lớn,… Do vậy, cần lưu ý tới việc phân bố không gian để tránh gây ô nhiễm cho các lĩnh vực khác (không gian du lịch).

2.4.2. Phương hướng phát triển các ngành kinh tế quan trọng

a) Ngành công nghiệp

- Đối với lĩnh vực chế biến nông, lâm sản: Chế biến nông, lâm sản là một định hướng đúng, cần được khuyến khích. Tuy nhiên, cần chia nguồn nguyên liệu có nguồn gốc từ nông, lâm sản thành hai nhóm để có các định hướng phát triển phù hợp. Cụ thể:

+ Với nhóm sản phẩm có quy mô thị trường xuất khẩu lớn, như tinh bột sắn, cao su..., không nhất thiết tất cả đều phải là chế biến sâu (cho ra sản phẩm tiêu dùng cuối cùng).

Để phù hợp với năng lực công nghệ hiện tại, cần bổ sung định hướng: Chế biến để tạo ra các sản phẩm là nguyên liệu tinh cao cấp (không phải sản phẩm cuối cùng cho tiêu dùng), phục vụ cho chế biến sâu với các thương hiệu đã được khẳng định ở các trung tâm công nghiệp lớn, như Đông Nam bộ.

+ Với nhóm sản phẩm còn lại (phục vụ chủ yếu thị trường nội tỉnh, khu vực và du lịch), như các loại rau quả, gia súc, gia cầm... chế biến sâu theo nhu cầu, thị hiếu của thị trường và bảo đảm các tiêu chuẩn về VSATTP.

- Đối với lĩnh vực năng lượng: Tiềm năng của năng lượng tái tạo (điện gió, mặt trời) chỉ phát huy được, khi các dự án nguồn trên địa bàn được đưa vào Quy hoạch điện VIII (cho phép nối lưới quốc gia) hoặc tiêu thụ tại chỗ (khuyến khích). Do vậy, cần có kế hoạch tương ứng cho các công trình công nghiệp khác, để tiêu dùng nguồn năng lượng mới này.

- Bổ sung định hướng tiếp nhận sự dịch chuyển một số ngành công nghiệp từ khu vực Đông nam Bộ; tuy nhiên, cần lưu ý 2 nội dung sau:

+ Cân nhắc để lựa chọn sự dịch chuyển này theo hướng bền vững; lưu ý các vấn đề liên quan đến công nghệ sản xuất và phát thải (xử lý ô nhiễm);

+ Đối với các ngành thâm dụng lao động: Lưu ý các vấn đề liên quan đến an sinh tại các khu sản xuất công nghiệp tập trung.

- Về các giải pháp thực hiện: Lưu ý phát triển các quan hệ liên kết, giúp cho việc hình thành nên các chuỗi giá trị (cụm liên kết ngành); đặc biệt là trong chế biến nông, lâm sản, bao gồm:

+ Liên kết nội ngành, về nhân lực, công nghệ..., trong nội, ngoại tỉnh.

+ Liên kết liên ngành (giữa các ngành: công nghiệp, nông nghiệp, du lịch...) trong cung ứng nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm...

Riêng đối với các lĩnh vực cơ khí, điện tử, có thể lựa chọn cách thích hợp, như: (i) Thu hút DN nòng cốt, từ đó phát triển mạng lưới DN CNHT đi kèm; (ii) Lựa chọn DN tại vùng kinh tế động lực phía Nam (Tp. HCM Bà Rịa – Vũng Tàu, Đồng Nai, Bình Dương) để tổ chức hệ thống CNHT làm nhà cung cấp cho các DN nòng cốt này.

b) Ngành nông nghiệp

- Định hướng phát triển ngành nông nghiệp được trình bày khá chi tiết. Tuy nhiên, sẽ là tốt hơn nếu Báo cáo làm rõ hơn được mức độ đóng góp (chiều sâu) của các khu vực nội ngành (Trồng trọt, Chăn nuôi, Thủy sản,...), như: (i) Cơ cấu trong GTSX, (ii) Đóng góp vào tăng trưởng GRDP... của ngành nông nghiệp, trong giai đoạn quy hoạch là như thế nào.

- Đối với các vùng trồng trọt, chăn nuôi tập trung, trên cơ sở luận giải cụ thể về: (i) Chất lượng sản phẩm, (ii) NSLĐ và (iii) Triển vọng của quy mô thị trường... của một số sản phẩm cây con (rau quả, chăn nuôi, thủy sản), liệu có được các định hướng cụ thể là trong 10 năm tới, nông nghiệp Tây Ninh sẽ xác lập vị thế trên thị trường vùng, quốc gia (như Sơn La) đối với một số sản phẩm cụ thể (rau quả, sản phẩm chăn nuôi...) nào không?.

Định hướng quy hoạch, có lẽ cần những câu trả lời như vậy.

- Trong khi lực lượng lao động nông nghiệp hiện vẫn còn chiếm gần 30%, tiềm năng phát triển nông nghiệp lại khá dồi dào, tỷ trọng nông nghiệp trong GRDP trong giai đoạn tới được đề xuất giảm sâu (từ 21,6% xuống còn 7,8%); Quy hoạch cần tính đến các giải pháp để đảm bảo đủ sinh kế (việc làm, thu nhập) cho người nông dân, đảm bảo vùng nguyên liệu cho CNCB (khoai mì, cao su) và lượng thực phẩm cung cấp cho vùng Đông Nam bộ, như định hướng phát triển đã đề ra.

- Một số nội dung cần được quan tâm thêm, như:

+ Bảo toàn và phát triển giống các loại cây, con,... đặc sản;

+ Phát triển (sản xuất và hệ thống cung ứng) các sản phẩm CNHT phục vụ cho nông nghiệp hữu cơ, như phân bón hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, thức ăn chăn nuôi hữu cơ...;

Ngoài ra, cần lưu ý các phương án phòng chống dịch bệnh trong trồng trọt và chăn nuôi tập trung.

c) Ngành du lịch

- Về các nhóm sản phẩm du lịch: Tài nguyên du lịch của Tây Ninh (theo thống kê) là khá phong phú. Tuy nhiên, ngoài 2 khu vực nổi trội và đang được khai thác khá hiệu quả là Khu du lịch Núi Bà Đen và Tòa thánh Tây Ninh, thì các loại hình du lịch khác chủ yếu còn ở dạng tiềm năng (du lịch sông hồ), du

lịch sinh thái (Vườn quốc gia Lò Gò -Xa Mát) hay du lịch làng nghề, lịch sử... chưa phát triển.

Quy hoạch đã đề xuất nhiều loại hình sản phẩm (chủ lực, chính, phụ trợ), với nhiều tour tuyến và quy mô khác nhau cần đầu tư phát triển. Tuy nhiên, do nguồn lực có hạn, thời gian quy hoạch ngắn (10 năm), nên Báo cáo quy hoạch cần xác định rõ các nội dung trọng tâm cho giai đoạn đến 2030; cùng với đó là các giải pháp phát triển phù hợp.

Theo người đọc, trong 10 năm tới, nên tập trung nguồn lực để phát triển và hoàn thiện 2 loại hình du lịch chủ đạo (được xác định là đặc sắc của Tây Ninh); có khả năng thu hút khách du lịch cả trong nước và quốc tế, đó là: (i) Du lịch văn hóa (lễ hội, tôn giáo); (ii) Du lịch sinh thái (sông nước, hồ đầm) kết hợp Du lịch nghỉ dưỡng. Các loại hình còn lại, là: Du lịch làng nghề, Du lịch lịch sử... chỉ nên được coi là các loại hình bổ trợ; từng bước chuẩn bị cơ sở vật chất cho loại hình du lịch thể thao mạo hiểm, để phát triển trong giai đoạn sau 2030.

Logic của cách tiếp cận và giải quyết vấn đề là, (i) Xác định loại hình du lịch chủ lực/chủ đạo; (ii) Xác định sản phẩm du lịch cụ thể; (iii) Xây dựng các tour, tuyến; (iv) Hoàn thiện hạ tầng, cơ sở vật chất, nhân lực...

2.5. Phương án phát triển các khu chức năng

2.5.1. Các khu, cụm công nghiệp

- Về quy mô:

+ Đối với các KCN: Hầu hết được quy hoạch và phát triển với quy mô phù hợp, tỷ lệ lấp đầy cao (khoảng trên 60%, nhiều khu đạt trên 90%). Tuy nhiên, tỷ lệ lấp đầy chung chỉ đạt khoảng 45% (tr.113). Do vậy, cần cân nhắc với 2 KCN (Phước Đông và Thạnh Đức) được quy hoạch với quy mô khá lớn (trên 2.100ha và 2.700ha); trong khi đó, lại có KCN có quy mô nhỏ (KCN Chà Là: 42ha).

+ Đối với các CCN: Quy hoạch hướng đến mục tiêu bố trí ở mỗi đơn vị hành chính (cấp huyện) có ít nhất 01 khu, CCN. Đó là định hướng đúng. Tuy nhiên, còn một số CCN có quy mô nhỏ, dưới 50ha. Thực tế cho thấy, các CCN có quy mô nhỏ dưới 50ha thường hoạt động kém hiệu quả.

Do vậy, Quy hoạch cần rà soát lại để điều chỉnh (thu hẹp/mở rộng) quy mô của các KCN và CCN này.

- Về chức năng: Do hạn chế về nguồn lực (việc hoàn thiện đồng thời hạ tầng của các CCN còn gặp nhiều khó khăn) nên hầu hết các K,CCN đều được quy hoạch là các CCN đa năng. Điều đó dễ dẫn đến ô nhiễm chéo giữa các cơ sở sản xuất trong nội khu. Báo cáo cần có giải pháp để điều chỉnh, theo hai hướng sau:

+ Đối với các K,CCN đã có tỷ lệ lấp đầy cao: Điều chỉnh hoạt động theo hướng kinh tế tuần hoàn, nhằm giảm lượng phát thải từ quá trình sản xuất của các DN trong cùng K,CCN.

+ Đối với các K,CCN mới: Cần phân nhóm các dự án thu hút đầu tư vào mỗi K,CCN, để hạn chế hiện tượng này. Ví dụ: (i) Nhóm chế biến NSTP sạch, hàng tiêu dùng, TTCN; (ii) Nhóm chế biến NSTP có nguy cơ ô nhiễm cao; (iii) Nhóm Cơ khí, sửa chữa, thiết bị công nghiệp; điện tử...;

Ngoài ra, cần lưu ý tới bảo đảm kết nối các K,CCN với hạ tầng kỹ thuật (giao thông, điện, nước...) của địa phương. Tránh tình trạng có K,CCN, nhưng không có đường giao thông hoặc khó kết nối với hệ thống cung cấp điện, nước, thông tin...

2.5.2. Phát triển khu kinh tế cửa khẩu

Báo cáo đề xuất đồng thời hoàn thiện hạ tầng cả hai KKT cửa khẩu (Mộc Bài và Xa Mát). Tuy nhiên, do việc thu hút nguồn lực còn gặp nhiều khó khăn (sự hấp dẫn đầu tư còn hạn chế), có lẽ chỉ nên tập trung huy động nguồn lực đầu tư vào KKT cửa khẩu Mộc Bài trước.

2.6. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng

- Về hạ tầng giao thông: Ngoài việc chú trọng đầu tư một số dự án trọng điểm kết nối với Tp. Hồ Chi Minh (trục dọc) và trung tâm các huyện (trục ngang), cần quan tâm đến việc đầu tư để tạo nên sự kết nối giao thông giữa các trung tâm công nghiệp (K,CCN), khu vực dân cư tập trung... của các đô thị này với hệ thống các trục dọc, trục ngang này và giữa các phương thức vận tải (đường bộ, đường thủy) với nhau; nhằm phát huy hiệu quả của các hoạt động sản xuất kinh doanh và logistics trong nội tỉnh và trong Vùng;

Số lượng các dự án giao thông sử dụng ngân sách địa phương được quy hoạch khá lớn (36 dự án với tổng kinh phí lên tới hơn 12 nghìn tỷ VNĐ). Do vậy, cần sắp xếp các dự án theo thứ tự ưu tiên (khu vực, tuyến cụ thể) cho phù hợp với nguồn lực.

- Về hạ tầng logistic: Quy hoạch đề xuất hoàn thiện hạ tầng của tới 05 trung tâm logistic và 05 cảng cạn (ICD). Cần rà soát và sắp xếp chúng theo thự tự ưu tiên để đầu tư phù hợp với tiến độ (nhu cầu) phát triển của kinh tế - xã hội trên địa bàn. Tránh tình trạng lãng phí nguồn lực.

- Về hạ tầng cấp thoát nước: Ngoài hệ thống cấp, thoát nước cho các khu vực dân cư (đô thị, nông thôn), cần chú ý tới các phương án cấp và thoát nước (xử lý nước thải) cho các khu chăn nuôi tập trung.

- Về hạ tầng giáo dục nghề nghiệp: Quan tâm đầu tư cho hệ thống đào tạo nghề (giáo viên, cơ sở vật chất cho thực hành) phù hợp với định hướng phát triển nhân lực của nền kinh tế (du lịch, nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp...);

- Về hạ tầng y tế: Ngoài mục tiêu đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của người dân, cần quan tâm đến năng lực phòng chống và dập dịch bệnh trong những tình huống khẩn cấp.

2.7. Về nhu cầu vốn đầu tư

Vốn đầu tư cho giai đoạn 2021-2030 được dự tính tới hơn 800 nghìn tỷ VNĐ, trung bình mỗi năm là hơn 80 nghìn tỷ VNĐ. Đây là một con số quá lớn (gấp gần 7 lần) so với giai đoạn 2015-2020. Trong khi cả giai đoạn quy hoạch trước (2011-2020), thu hút vốn đầu tư của Tây Ninh luôn ở mức trên dưới 20 nghìn tỷ VNĐ/năm (chỉ đứng trên Bình Phước trong khu vực các tỉnh Đông nam bộ).

Điều đáng nói là:

+ Trong phân kỳ thu hút đầu tư; Giai đoạn 2021-2025 được xây dựng kế hoạch là 210 nghìn tỷ VNĐ (25%), còn 75% (gần 600 nghìn tỷ) trong giai đoạn 2026-2030. Điều đó cho thấy, các năng lực sản xuất mới, nếu có thì chỉ được hình thành ở giai đoạn 2026-2030 và khó lòng phát huy hiệu quả trong giai đoạn quy hoạch (2021-2030).

+ Trong danh mục các dự án thu hút đầu tư, chủ yếu là các dự án đầu tư cho hạ tầng (kinh tế, xã hội). Các dự án tạo ra năng lực sản xuất mới, động lực chính cho tăng trưởng GRDP thì lại quá ít (lĩnh vực công nghiệp chỉ có 01 dự án). Điều đó khiến cho câu hỏi về khả năng tạo ra tăng trưởng GRDP của thời kỳ quy hoạch, đặc biệt là giai đoạn 2026-2030, cần lời giải đáp cụ thể.

Báo cáo cần rà soát kỹ hơn những nội dung này.

IV. KẾT LUẬN

Do không có nhiều thông tin về các nội dung khác, nên các góp ý mới chỉ tập trung vào sự phát triển của các ngành kinh tế: Công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ. Đánh giá chung:

1. Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 về cơ bản đã đạt yêu cầu đặt ra.

2. Ban soạn thảo có thể cân nhắc tiếp thu các ý kiến góp ý để hoàn thiện Báo cáo tổng hợp theo yêu cầu của Hội đồng Thẩm định và tiến hành các thủ tục tiếp theo.

Trên đây là ý kiến góp ý đối với quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050./.

NGƯỜI GÓP Ý

TS. Dương Đình Giám

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ĐỘC LẬP – TỰ DO - HẠNH PHÚC

Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2023

Ý KIẾN PHẢN BIỆN QUY HOẠCH TỈNH TÂY NINH (HỆ THỐNG BẢN ĐỒ VÀ CƠ SỞ DỮ LIỆU)

1. **Người phản biện**: TS. Lê Thị Minh Phương

2. **Cơ quan công tác**: Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội

3. Các ý kiến phản biện về hệ thống bản đồ và cơ sở dữ liệu Quy hoạch Tỉnh Tây Ninh

- Tây Ninh là một trong 06 tỉnh của vùng Đông Nam Bộ, là một trong 9 tỉnh của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Diện tích tự nhiên toàn Tỉnh 4.041,25 km2. Tây Ninh có nhiều lợi thế nhờ vị trí địa chính trị chiến lược để trở thành cửa ngõ giao thương và kết nối quốc tế quan trọng của quốc gia và vùng Đông Nam Bộ. Việc lập quy hoạch Tỉnh trong giai đoạn 2021 – 2030 và tầm nhìn đến 2050 là công tác thực thi các chủ chương của nhà nước bên cạnh đó sẽ mang lại thông tin định hướng quan trọng trong việc giúp tỉnh Tây hình dung hình ảnh và mức độ phát triển của địa phương trong tương lai.

- Để có được sự hình dung bao quát rõ nét, và có bộ cơ sở dữ liệu đáp ứng trong quá trình chuyển đổi số, tiếp cận đô thị thông minh thì hệ thống bản đồ và cơ sở dữ liệu đóng một vai trò quan trọng. Bộ dữ liệu cần đảm bảo các yêu cầu của các cơ quản chủ quản để tiếp cận tích hợp dữ liệu.

- Sau khi đọc xem xét bộ hồ sơ quy hoạch Tỉnh tây Ninh phần hệ thống bản đồ và cơ sở dữ liệu bao gồm thuyết minh, bộ bản đồ giấy (A3) các file số về cơ sở dữ liệu, người đọc thẩm định có các ý kiến như sau:

3.1. Hệ thống bản đồ

Hệ thống bản đồ trong bộ hồ sơ bao gồm:

+ 01 bản đồ dạng ảnh pdf

+01 bộ bản đồ giấy in A3

- Tỉ lệ bản đồ được lựa chọn trong hệ thống bản đồ giấy và bản đồ in là: 1: 100.000 phù hợp với quy môn diện tích, kích thước và hình dáng của Tỉnh.
- Hệ thống bản đồ giấy định dạng pdf khổ giấy A3 nên cũng chưa có cơ sở để kiểm tra về cơ sở toán học (Hệ tọa độ, múi chiếu)
- Hệ thống bản đồ giấy trong quy hoạch tỉnh Tây Ninh bao gồm 50 bản đồ giấy trong đó có hai bản đồ lặp tên:

+ bản đồ hiện trạng di tích lịch sử văn hóa danh lam thắng cảnh và đối tượng được kiểm kê di tích tỉnh Tây Ninh

+ bản đồ phương án phát triển dịch vụ

- Hệ thống bản đồ giấy thiếu hai bản đồ:

+ bản đồ phương án phát triển văn hóa, thể thao;

+ bản đồ vị trí các dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện (theo báo cáo tổng hợp thì tỉnh có phương án này tại trang 789 và phụ lục 4, phụ lục 5 có thông tin danh mục dự án quan trọng cấp tỉnh, sắp xếp thứ tự ưu tiên và phân kỳ thực hiện).

- Hệ thống bản đồ giấy và bản đồ định dạng pdf còn chưa thể hiện được rõ các đối tượng chính được đề cập từ tên của bản đồ. Ví dụ như bản đồ hiện trạng di tích lịch sử văn hóa danh lam thắng cảnh và đối tượng được kiểm kê di tích tỉnh Tây ninh có 03 đối tượng chính thì trên bản đồ mới chỉ thể hiện địa điểm di tích lịch sử văn hóa (thể hiện ở phần chú giải); hoặc bản đồ phương án xử lý chất thải rắn và nghĩa trang thì tên và đối tượng thể hiện thiếu hẳn mảng nghĩa trang. Bản đồ hiện trạng môi trường thiên nhiên và đa dạng sinh học và bản đồ hiện trạng thăm dò khai thác sử dụng bảo vệ tài nguyên hiển thị nội dung và đối tượng giống nhau.
- Bản đồ: "Bản đồ vị trí và mối quan hệ Tỉnh tây ninh trong khu vực" Cơ quan lập quy hoạch xem xét lại vì trong công văn 5746/ BKHĐT –QLQH của Bộ kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn ký thuật về khung cơ sở dữ liệu quy hoạch Tỉnh có tên: Bản đồ và mối quan hệ tỉnh. Theo nghị định

37/2019/NĐ-CP thì có tên: Bản đồ vị trí và các mối quan hệ của tỉnh. Vì vậy, cần xác định lại tên để thể hiện cho đúng ý tưởng hơn.

- Hệ thống bản đồ dưới định dạng pdf file chưa phải là bộ bản đồ số nên không kiểm tra được thông tin.

- Hệ thống bản đồ giấy đang thể hiện ở dạng A3 nên cũng chưa rõ để có các nhận xét rõ ràng, tuy nhiên về màu sắc và các đối tượng thể hiện trên bản đồ khá bắt mắt, quy cách thể hiện bản đồ cũng nên xem xét lại. Hệ thống tọa độ bản đồ và hệ thống khung được thể hiện trên bản đồ giấy đúng theo quy định, tuy nhiên quy cách trình bày thể hiện thì hiện nay mỗi quy hoạch mỗi tỉnh lại thể hiện khác nhau vì thế cũng nên có sự thống nhất chung và theo quy định của Bộ tài nguyên và Môi trường.

- Bộ bản đồ giấy của dự thảo bản đồ trong bộ hồ sơ in A3 thì cần xem xét lại phần ghi tỉ lệ, với việc in như vậy thì tỉ lệ trên bản đồ không còn đúng với giá trị trên thực tế, vì thế theo ý kiến của người thẩm định cần ghi thêm một dòng dưới tờ bản đồ: Bản đồ này được thu nhỏ từ tờ bản đồ tỉ lệ 1: 100.000

3.2. Hệ thống cơ sở dữ liệu

Bộ hồ sơ quy hoạch đính kèm file cơ sở dữ liệu quy hoạch tỉnh Tây Ninh có các nhận xét sau:

Bộ cơ sở dữ liệu được thiết kế và thu thập khá công phu, các nội dung và tính kỹ thuật đều bám sát theo hướng dẫn quy định hiện hành. Tuy nhiên người đọc phản biện cũng ghi lại chi tiết các nhóm ngành dữ liệu, các lớp dữ liệu và các thông tin kỹ thuậtcòn tồn tại trong bộ cơ sở dữ liệu để cơ quan lập quy hoạch hoàn thiện trong điều kiện có thể.

3.2.1. Khung cơ sở dữ liệu; Cơ sở toán học

- Bộ dữ liệu đã đảm bảo về cơ sở toàn học, khung sử liệu, toàn bộ đã được chuẩn hóa hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105, múi 6 độ đảm bảo tính đồng bộ.

3.2.2. Cách đặt tên dữ liệu, lớp dữ liệu

- Quy cách đóng gói dữ liệu: Dữ liệu không được lưu trong 1 gdb duy nhất, mà đang tách mỗi nhóm quy hoạch thành 1 gdb riêng.

3.2.3. *Các nhóm dữ liệu: Đặt tên đúng và đầy đủ*

3.2.4. *Các thông tin trong lớp dữ liệu*

- Nhóm Kinh tế - Xã hội

- Thiếu Cơ cấu sử dụng đất theo đối tượng quản lý đất
- Thiếu Cơ cấu sử dụng đất theo đối tượng sử dụng đất
- Thiếu Cơ cấu phân bố tôn giáo
- Thiếu Tổng hợp một số chỉ tiêu kinh tế xã hội khác...

- Nhóm Xây dựng

- Lớp dữ liệu HienTrangDoThiNongThon: sai tên trường thuộc tính
- Lớp dữ liệu KhuKinhTeKhuCumCongNghiep: sai tên trường thuộc tính
- Thiếu lớp dữ liệu QuyHoachCapNuocDoThi
- Lớp dữ liệu HienTrangNhaMayCapNuocDoThi: sai tên trường thuộc tính
- Lớp dữ liệu QuyHoachNhaMayCapNuocDoThi: đang tách thành 2 lớp dữ liệu riêng, cho 2 giai đoạn quy hoạch, nên ghép vào 1 lớp; sai tên trường thuộc tính
- Lớp dữ liệu QuyHoachChuanBiKyThuat: sai tên trường thuộc tính
- Thiếu lớp dữ liệu DuAnDangTrienKhai

- Nhóm Công thương

- Lớp dữ liệu HienTrangCumCongNghiep: sai tên trường thuộc tính
- Lớp dữ liệu QuyHoachCumCongNghiep: sai tên trường thuộc tính
- Lớp dữ liệu HienTrangNguonCapDienTramBienAp: thiếu trường thuộc tính
- Lớp dữ liệu QuyHoachNguonCapDienTramBienAp: thiếu trường thuộc tính
- Lớp dữ liệu HienTrangNguonNangLuongTaiTao: sai tên trường thuộc tính

- Lớp dữ liệu QuyHoachNguonNangLuongTaiTao: sai tên trường thuộc tính
- Thiếu lớp dữ liệu HienTrangThamDoKhaiThacCheBienSuDungQuangPhongXa
- Thiếu lớp dữ liệu QuyHoachThamDoKhaiThacCheBienSuDungQuangPhongXa
- Thiếu lớp dữ liệu HienTrangHaTangXangDauKhiDot
- Thiếu lớp dữ liệu QuyHoachHaTangDuTruCungUngXangDauKhiDot
- Thiếu lớp dữ liệu QuyHoachHaTangThuongMai
- Thiếu lớp dữ liệu DuAnDangTrienKhai

• Nhóm Nông nghiệp

- Thiếu lớp dữ liệu QuyHoachBaLoaiRung
- Thiếu lớp dữ liệu QuyHoachPhatTrienTrongTrot
- Thiếu lớp dữ liệu HienTrangChanNuoiTapTrung
- Thiếu lớp dữ liệu QuyHoachChanNuoiTapTrung
- Thiếu lớp dữ liệu QuyHoachNuoiTrongThuySan
- Thiếu lớp dữ liệu PhanVungBVKTNguonLoiThuySan
- Thiếu lớp dữ liệu HienTrangCangCaKhuNeoDauTranhTruBao
- Thiếu lớp dữ liệu QuyHoachCangCaKhuNeoDauTranhTruBao
- Lớp dữ liệu QuyHoachHeThongDe: thiếu tên trường thuộc tính
- Lớp dữ liệu HienTrangHeThongDanChuyenNuoc: sai tên trường thuộc tính
- Lớp dữ liệu QuyHoachHeThongDanChuyenNuoc: thiếu trường thuộc tính
- Thiếu lớp dữ liệu HienTrangMangLuoiCapNuocLienHuyen
- Thiếu lớp dữ liệu QuyHoachMangLuoiCapNuocLienHuyen
- Thiếu lớp dữ liệu HienTrangNhaMayCapNuocLienHuyen
- Thiếu lớp dữ liệu QuyHoachNhaMayCapNuocLienHuyen
- Thiếu lớp dữ liệu DuAnDangTrienKhai

- Nhóm Tài nguyên và Môi trường

- Thiếu lớp dữ liệu HienTrangTaiNguyenNuoc
- Thiếu lớp dữ liệu QuyHoachTaiNguyenNuoc
- Thiếu lớp dữ liệu HienTrangNguonNuoc
- Thiếu lớp dữ liệu HienTrangPhanBoTaiNguyenKhoangSan
- Thiếu lớp dữ liệu QuyHoachTaiNguyenKhoangSan
- Thiếu lớp dữ liệu QuyHoachDieuTraCoBanDiaChat
- Thiếu lớp dữ liệu QuyHoachBaoVeMoiTruong
- Thiếu lớp dữ liệu QuyHoachBaoTonThienNhienDaDangSinhHoc
- Thiếu lớp dữ liệu HienTrangKhuXuLyChatThaiRan
- Lớp dữ liệu QuyHoachKhuXuLyChatThaiRan: sai tên trường và thiếu trường thuộc tính
- Thiếu lớp dữ liệu HienTrangTramXuLyNuocThai
- Lớp dữ liệu HienTrangHeThongNghiaTrang: sai tên trường thuộc tính
- Thiếu lớp dữ liệu QuyHoachHeThongNghiaTrang
- Thiếu lớp dữ liệu MangLuoiTramKTTVQuanTracTNMT
- Thiếu lớp dữ liệu HienTrangTNMTBienHaiDao
- Thiếu lớp dữ liệu QuyHoachKhaiThacSuDungTNMTBienHaiDao
- Thiếu lớp dữ liệu DacDiemKhiHau
- Thiếu lớp dữ liệu BienDoiKhiHau
- Lớp dữ liệu QuyHoachSuDungDatCapTinh: sai tên trường thuộc tính
- Thiếu lớp dữ liệu QuyHoachSuDungDatCapHuyen
- Thiếu lớp dữ liệu ChatLuongDat
- Thiếu lớp dữ liệu ThoaiHoaDat
- Thiếu lớp dữ liệu ThoNhuong
- Thiếu lớp dữ liệu TiemNangDat
- Thiếu lớp dữ liệu DuAnDangTrienKhai

- Nhóm Văn hóa Thể thao và Du lịch

- Thiếu lớp dữ liệu QuyHoachMangLuoiCoSoVanHoa

- Thiếu lớp dữ liệu QuyHoachMangLuoiCoSoTheThao
- Thiếu lớp dữ liệu QuyHoachDuLich
- Thiếu lớp dữ liệu DuAnDangTrienKhai

- Nhóm Giao thông Vận tải

- Lớp dữ liệu QuyHoachMangLuoiGiaoThongDuongSat: thiếu trường thuộc tính
- Thiếu lớp dữ liệu HienTrangHeThongNhaGaDuongSat
- Thiếu lớp dữ liệu QuyHoachHeThongNhaGaDuongSat
- Thiếu lớp dữ liệu HienTrangHeThongDuongThuyNoiDia
- Thiếu lớp dữ liệu QuyHoachHeThongDuongThuyNoiDia
- Thiếu lớp dữ liệu QuyHoachHeThongCangDuongThuyNoiDia
- Thiếu lớp dữ liệu HienTrangHeThongTuyenDuongHangHai
- Thiếu lớp dữ liệu QuyHoachHeThongTuyenDuongHangHai
- Thiếu lớp dữ liệu HienTrangHeThongCangBien
- Thiếu lớp dữ liệu QuyHoachHeThongCangBien
- Thiếu lớp dữ liệu HienTrangHeThongCangHangKhong
- Thiếu lớp dữ liệu QuyHoachHeThongCangHangKhong
- Thiếu lớp dữ liệu DuAnDangTrienKhai

- Nhóm Thông tin và Truyền thông

- Các lớp dữ liệu đang sắp xếp không thống nhất và không đúng với quy chuẩn, cần kiểm tra lại

- Nhóm Khoa học và Công nghệ

- Thiếu lớp dữ liệu QuyHoachMangLuoiCoSoKHCN
- Thiếu lớp dữ liệu DuAnDangTrienKhai

- Nhóm Y tế

- Lớp dữ liệu QuyHoachMangLuoiCoSoYTe: thiếu trường thuộc tính
- Thiếu lớp dữ liệu DuAnDangTrienKhai

. Nhóm Giáo dục và Đào tạo

- Thiếu lớp dữ liệu DuAnDangTrienKhai

- Nhóm Lao đông, Thương binh và Xã hội

- Thiếu lớp dữ liệu DuAnDangTrienKhai

- Nhóm An ninh Quốc phòng

- Thiếu lớp dữ liệu QuyHoachHeThongCoSoQuocPhong

- Thiếu lớp dữ liệu QuyHoachHeThongCoSoAnNinh

- Thiếu lớp dữ liệu QuyHoachHaTangPhongChayChuaChay

- Thiếu lớp dữ liệu DuAnDangTrienKhai

- Nhóm Ngoại giao: đã đáp ứng được yêu cầu

3.2.3. *Chuẩn hóa không gian*

- Dữ liệu dạng đường

- quy tắc không gian (topology) cho lớp dữ liệu dạng đường là yêu cầu quan trọng trong khi xây dựng cơ sở dữ liệu để đảm bảo quy cách nên cần sửa các lỗi chồng chè, các đường cần kết nối bắt điểm, ví dụ như lớp: HienTrangMangLuoiGiaoThongDuongBo thấy vẫn còn rất nhiều lỗi chưa được sửa như. Nên rà soát lại các lớp để không còn lỗi này

- Dữ liệu dạng vùng

- Các lớp dữ liệu dạng vùng đã được rà soát và đã đảm bảo được yêu cầu này.

- geometry (quy tắc hình học)

Tiến hành rà soát kiểm tra các lớp dữ liệu thì quy tắc hình học được thể hiện khá tốt, tuy nhiên vẫn còn các lỗi self-intersection ví dụ như lớp: HienTrangSuDungDatCapTinh bằng công cụ Check Geometry.

3.2.3. Dữ liệu thuộc tính

Sau khi rà soát thì vẫn có các lỗi thường gặp như sau:

- Thiếu trường thuộc tính (đã thống kê lớp dữ liệu ở trên)

- Sai tên trường thuộc tính (đã thống kê lớp dữ liệu ở trên)

- Ngoài ra có các lỗi chính tả khác như: viết hoa chữ cái không đứng ở đầu các từ (HIenTrangSuDungDatCapTinh_A – viết hoa chữ I trong từ Hien)

hay thừa dấu tiếng Việt (một số lớp dữ liệu có tên trường phanLoai bị viết thành phanLoaì – thừa dấu huyền ở chữ i)…

3.2.5. *Dữ liệu nền địa lý*

- Dữ liệu nền địa lý đã được cập nhật so với hiện trạng và đồng bộ

4. Kết luận chung

- Hệ thống bản đồ và bộ cơ sở dữ liệu Quy hoạch tỉnh Tây Ninh đã đáp ứng được các yêu cầu cơ bản. Hệ thống bản đồ cần rà soát và hiển thị theo các góp ý của người thẩm định và thể hiện theo định dạng quy định. Dựa trên tình hình thực tế việc đầy đủ mọi thông tin lấp đầy các trường trong cơ sở dữ liệu các lớp cũng còn gặp nhiều khó khăn, tuy hiện cơ quan lập quy hoạch cần rà soát xem xét bổ sung các trường dữ liệu còn thiếu để có thể cập nhật dữ liệu trong các giai đoạn sau. Các trường thông tin trong các dữ liệu còn thiếu cần cập nhật, ít nhất là các thông tin có trong báo cáo tổng hợp cần cập nhật vào cơ sở dữ liệu. Rà soát và đóng gói theo quy cách bộ cơ sở dữ liệu theo quy định giúp cho công tác quản lý được tốt hơn.

NHẬN XÉT BÁO CÁO TỔNG HỢP
QUY HOẠCH TỈNH TÂY NINH THỜI KỲ 2021- 2030, TẦM NHÌN 2050

(Theo yêu cầu công văn 990/HĐTĐ-CV Ngày 15/02.2023 của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh.)

1. Tài liệu người đọc nhận được:

- Báo cáo Tổng hợp quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021- 2030 tầm nhìn 2050 dầy 808 trang và 06 biểu phụ lục.
- Báo cáo Tóm tắt quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021- 2030 tầm nhìn 2050 dầy 187 trang.
- Báo cáo Đánh giá môi trường chiến lược Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021- 2030 tầm nhìn 2050 dầy 325 trang và phiếu mục lục.
- Bản sao các văn bản góp ý Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021- 2030 tầm nhìn 2050 của 21 Bộ, ngành Trung ương, 6 tỉnh/thành phố lân cận, 6 tổ chức xã hội trong tỉnh.
- Tổng hợp tiếp thu, giải trình các ý kiến tham gia với Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021- 2030 tầm nhìn 2050.
- Dự thảo bản đồ Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021- 2030 tầm nhìn 2050 gồm 50 bản đồ thể hiện vị trí địa lý, tài nguyên thiên nhiên môi trường, hiện trạng và quy hoạch phát triển các ngành, kinh tế xã hội và cơ sở hạ tầng.
- Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021- 2030 tầm nhìn 2050.
- USB ghi CSDL, Bản đồ Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021- 2030 tầm nhìn 2050.
- Các tài liệu, văn bản, bản đồ in ấn rõ, ít lỗi chính tả.

2. Nhận xét chung:

- Báo cáo Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021- 2030 tầm nhìn 2050 theo hướng tích hợp các ngành, các lĩnh vực hệ thống cơ sở hạ tầng, sử dụng tài nguyên thiên nhiên, môi trường trên địa bàn tỉnh có tính đến yếu tố liên vùng và hội nhập quốc tế. Đã đáp ứng được đầy đủ các nội dung quy định của luật quy hoạch, Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07.05.2019 của Chính phủ, Quyết định số 775/QĐ-TTg ngày 08/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021- 2030 tầm nhìn 2050. Báo cáo quy hoạch cơ bản đã đánh giá được các yếu tố thuận lợi, khó khăn của điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, môi trường, thực trạng phát triển kinh tế- xã hội, cơ sở hạ tầng của tỉnh giai đoạn 2010- 2020, dự báo bối

cảnh trong nước và quốc tế để xây dựng các quan điểm, mục tiêu, phương án phát triển. Định hướng các nội dung quy hoạch, phát triển tỉnh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050.

3. Để hoàn chỉnh Báo cáo, chúng tôi tham gia một số ý kiến như sau:

3.1. Đánh giá về văn hóa, lịch sử tỉnh Tây Ninh (trang 59) cần bổ sung "Tây Ninh là địa danh lịch sử trong các cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Đây là vùng lịch sử kháng chiến vô cùng gian khổ. Nhưng cũng lừng lẫy anh hùng của các thế hệ cha anh trong các cuộc kháng chiến giải phóng đất nước.

3.2. Phần đánh giá về thực trạng kinh tế-xã hội cần xem xét bổ sung:

- Số liệu chi ngân sách địa phương: cùng với việc cơ cấu chi ngân sách, bổ sung số liệu chi ngân sách của tỉnh thời kỳ 2010- 2020. So sánh thu- chi ngân sách trên địa bàn tỉnh có cân đối không? Cân đối được bao nhiêu %?
- Bổ sung, phân tích số liệu thu nhập GRDP đầu người của tỉnh giai đoạn 2010-2020, so sánh với trung bình cả nước và vùng Đông Nam Bộ.
- Thực trạng Nông nghiệp (trang 124- 136):

+ Nông nghiệp Tây Ninh là một trong số ít tỉnh của nước ta có sự gắn kết tương đối giữa vùng sản xuất nguyên liệu và nhà máy chế biến nông sản. Trên địa bàn tỉnh đã hình thành vùng sản xuất nguyên liệu tập trung quy mô tuong đối lớn gắn với nhà máy chế biến như: vùng nguyên liệu sắn gắn với các nhà máy chế biến sắn, vùng nguyên liệu mía gắn với các nhà máy chế biến dường, vùng cao su gắn với các nhà máy chế biến cao su… do vậy cần đánh giá, phân tích để rút ra bài học phát triển vùng nguyên liệu gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ, làm cơ sở quy hoạch phát triển giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050.

+ Cần xem xét, bổ sung đánh giá việc áp dụng khoa học công nghệ- kỹ thuật vào nông nghiệp của tỉnh trong thời gian qua (năng suất cao su, năng suất mía, năng suất sắn, năng suất các loại cây ăn trái… của tỉnh trong thời gian qua tương đối cao so với các tỉnh trong khu vực). Bổ sung đánh giá phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn của tỉnh trong thời gian qua.

- Tây Ninh là tỉnh có biên giới giáp với ba tỉnh của Campuchia đến 240km. Các tỉnh của Campuchia giáp với Tây Ninh là những tỉnh có đất rộng, màu mỡ, mật độ dân số thấp. Thực tế, trong những năm qua nông dân những vùng giáp biên giới của tỉnh đã liên kết với nông dân của các tỉnh giáp biên Campuchia để sản xuất nông nghiệp: liên kết trồng mía, trồng sắn, trồng lương thực, thực phẩm. Báo cáo cần có đánh giá những thuận lợi, khó khăn của sự liên kết

vùng. Rút ra bài học kinh nghiệm làm cơ sở cho quy hoạch giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050.

3.3. Chúng tôi đồng ý và đánh giá cao tính khoa học, thực tiễn của các quan điểm, mục tiêu, phương hướng phát triển của tỉnh (trang 342- 422). Nhưng sẽ là đầy đủ và rõ hơn phần trình bày các chỉ tiêu của các kịch bản phát triển cùng với các chỉ tiêu tốc độ phát triển nên trình bày các chỉ tiêu về cơ cấu phát triển của các ngành kinh tế của tỉnh giai đoạn 2021- 2030.

3.4. Mục tiêu cụ thể (trang 407- 410):

- Lựa chọn kịch bản phát triển tỉnh lựa chọn kịch bản 3 là kịch bản có tốc độ phát triển rất cao. Bình quân tốc độ tăng trưởng GRDP thời kỳ 2021- 2030 là 14,4%. Chúng tôi rất phân vân chỉ tiêu cơ cấu GRDP của tỉnh năm 2020. Nông lâm thuỷ sản- 21,6%, Công nghiệp xây dựng-43,2%, Thương mại dịch vụ- 30,2%. Cơ cấu ngành thương mại dịch vụ của tỉnh đến năm 2030 giảm tới 14%. Theo chúng tôi đây là cơ cấu không phù hợp xu thế phát triển chung. Ngành công nghiệp xây dựng phát triển quá "nóng". Tỉnh cần tính toán xem xét lại cơ cấu phát triển kinh tế của các ngành tới năm 2030

3.5. Phương hướng phát triển ngành nông nghiệp, lâm nghiệp thủy sản. Chúng tôi đồng ý với quan điểm, mục tiêu, phương hướng phát triển ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản trình bày trong báo cáo (trang 442- 454), để đầy đủ hơn chúng tôi thấy cần bổ sung những nội dung sau:

- Bổ sung định hướng phát triển vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh thời kỳ 2021- 2030 tầm nhìn 2050.
- Bổ sung định hướng phát triển vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn của tỉnh. (Theo quyết định số 885 / QĐ-TTg ngày 23/6/2020 về phê duyệt đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ).

3.6. Định hướng phát triển nông thôn: cùng với chương trình xây dựng nông thôn mới. Báo cáo cần xây dựng phương hướng xây dựng nông thôn tiên tiến, nông thôn kiểu mẫu của tỉnh giai đoạn 2021- 2030. Trong giai đoạn 2021- 2025 cần có phương hướng tập trung xây dựng phát triển nông thôn ở những vùng biên giới, vùng khó khăn.

3.7. Dự án của tỉnh kêu gọi đầu tư giai đoạn 2021- 2030 ngành nông nghiệp chúng tôi đề nghị bổ sung: dự án xây dựng vùng nông nghiệp hữu cơ tỉnh Tây Ninh.

4. Báo cáo Đánh giá môi trường chiến lược của Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kì 2021-2030, tầm nhìn 2050.

- Báo cáo dày 325 trang ngoài phần mở đầu và kết luận. Báo cáo gồm 5 chương được in ấn rõ và ít lỗi chính tả.

- Về nội dung cơ bản Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn 2050 đã đáp ứng được mục tiêu, yêu cầu nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường quy hoạch theo yêu cầu của luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/01/2020 và theo hướng dẫn tại nghị định 08/2020/NDD-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Cấu trúc và nội dung của báo cáo DMC của Quy hoạch tỉnh Tây Ninh đã thực hiện theo thông tư số 2/2021/TT-BTNMT.

Để đầy đủ hơn chúng tôi đề nghị bổ sung nội dung sau:

- Tây Ninh là tỉnh đầu nguồn của sông Vàm Cỏ chảy vào nước ta do vậy trong báo cáo đánh giá tác động môi trường chiến lược của quy hoạch tỉnh cần đánh giá rõ hơn sự ảnh hưởng của quy hoạch thời kỳ 2021-2030 của tỉnh đến lượng nước, chất lượng nước, đến sạt lở bờ sông trên địa bàn tỉnh.
- Tây Ninh có hồ thủy lợi lớn: Hồ Dầu Tiếng cung cấp nước cho tỉnh Tây Ninh, thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Long An. Hiện nay và theo quy hoạch, trong lòng hồ có nuôi trồng thuỷ sản tự nhiên và lồng bè. Cần đánh giá tác động của hoạt động nuôi trồng thủy sản có ảnh hưởng đến chất lượng nước, bồi lắng lòng hồ của hồ và giải pháp giảm thiểu tác động tiêu cực đến chất lượng nước và sự bồi lắng của lòng hồ

5. Kết luận:

- Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021- 2030 tầm nhìn 2050 được xây dựng công phu, khoa học. Về cơ bản nội dung của báo cáo quy hoạch tỉnh Tây Ninh đã đáp ứng được yêu cầu, nội dung của luật quy hoạch, nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07.05.2019 của chính phủ và phù hợp với nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021- 2030 đã được thủ tướng chính phủ phê duyệt tại quyết định số 775/QĐ-TTg ngày 08/6/2020.
- Chúng tôi đề nghị hội đồng quy hoạch thẩm định tỉnh thông qua báo cáo quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050.

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2023

Người nhận xét

Th.S Nguyễn Văn Chinh

Nguyên Viện trưởng Viện Quy hoạch và TKNN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

Kính gửi: Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh

Căn cứ các quy định của pháp luật về quy hoạch và Quyết định số 1291/QĐ-HĐTĐ ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh về ban hành quy trình và nội dung thẩm định quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; sau khi nghiên cứu hồ sơ quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, người phản biện có ý kiến đối với hồ sơ quy hoạch tỉnh Tây Ninh như sau:

1. Về hồ sơ quy hoạch, sự phù hợp với nhiệm vụ lập quy hoạch đã được phê duyệt và tuân thủ quy trình lập quy hoạch, tích hợp các nội dung quy hoạch

- Hồ sơ

. Theo quy định tại Điều 4 Quy trình và nội dung thẩm định ban hành kèm theo Quyết định số 1291/QĐ-HĐTĐ ngày 17 tháng 9 năm 2021 của chủ tịch Hội đồng thẩm định, hồ sơ quy hoạch tỉnh Tây Ninh là đầy đủ, phù hợp với các quy định, các tài liệu được in ấn rõ ràng. Hồ sơ đủ điều kiện để nhận xét, đánh giá.

- Về sự phù hợp với nhiệm vụ lập quy hoạch đã được phê duyệt

Về cơ bản, nội dung của báo cáo quy hoạch tỉnh Tây Ninh là phù hợp với Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (*Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 008/06/2020 của Thủ tướng Chính phủ)*. Danh mục các chiến lược, quy hoạch, danh mục các văn bản quy phạm pháp luật làm căn cứ tham khảo trong quá trình lập quy hoạch tỉnh (đã được điều chỉnh, cập nhật theo các ý kiến góp ý) là đầy đủ và phù hợp với quy định tại Điều 20 Luật Quy hoạch. Tên quy hoạch, thời kỳ quy hoạch, phạm vi ranh giới quy hoạch; nội dung quy hoạch; số lượng và các

nội dung đề xuất tích hợp vào quy hoạch là phù hợp với Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Tây Ninh đã được phê duyệt.

2. Về nội dung Báo cáo tổng hợp quy hoạch tỉnh Tây Ninh

2.1. Những vấn đề chung

Báo cáo quy hoạch của tỉnh Tây Ninh được thực hiện công phu, chi tiết, số liệu được phân tích và cập nhật đến 2020. Nội dung của Báo cáo đã cơ bản bám sát quy định của Luật Quy hoạch, Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch và Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Báo cáo đã phản ánh hiện trạng của từng ngành, lĩnh vực, từ đó đưa ra đánh giá chung, đối với từng ngành, lĩnh vực giai đoạn đến năm 2020 của tỉnh. Báo cáo đã xây dựng các kịch bản, luận chứng các kịch bản, trên cơ sở phân tích đã lựa chọn được phương án tăng trưởng của tỉnh Tây Ninh trong thời kỳ quy hoạch 2021 - 2030. Từ phương án tăng trưởng của tỉnh Tây Ninh đã được xác định, đã xây dựng quan điểm, mục tiêu phát triển, phương hướng phát triển, dự báo nhu cầu phát triển đối với từng ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội của tỉnh, từ đó đã định hướng phát triển đối với từng ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội của tỉnh Tây Ninh và các giải pháp thực hiệntrong thời kỳ quy hoạch 2021 - 2030.

Tuy nhiên, để đảm bảo các nội dung của Báo cáo được đầy đủ và khoa học hơn; nhất là để đảm bảo đáp ứng đúng quy định của Luật Quy hoạch và Nghị định số 37/2019/NĐ-CP, Báo cáo phải xem xét rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện thêm.

2.2 Những vấn đề cần xem xét, điều chỉnh

2.2.1. Đối với tổng thể báo cáo

Đề nghị xem xét, kết cấu lại các nội dung trong báo cáo quy hoạch theo thứ tự quy định tại khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch và Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ. Theo đó:

+ Cân nhắc điều chuyển mục III (trang 360) *Bối cảnh và tác động đến phát triển của tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050* lên mục I. *Phân tích, đánh giá, dự báo các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của Tây Ninh* cho đúng với tiêu đề của mục I và phù hợp với cấu trúc quy định.

+ Rà soát lại toàn bộ báo cáo, đối chiếu với các quy định hiện hành để điều chỉnh, bố cục lại cho phù hợp, đúng quy định. Rất nhiều mục của báo cáo chưa phù hợp cả về tên và vị trí.

2.2.2. Đối với các vấn đề cụ thể

2.2.2.1. Về sự cần thiết và các căn cứ

- Sự cần thiết: Đề nghị biên tập lại nội dung này. Theo đó, cần viết ngắn gọn, chỉ đưa ra một số kết quả đạt được của *Quy hoạch tổng thể phát triển – kinh tế xã hội tỉnh Tây Ninh đến năm 2020* và đưa ra những vấn đề hạn chế cơ bản của phát triển kinh tế - xã hội Tây Ninh để lý giải cho việc cần thiết xây dựng quy hoạch thời kỳ mới với tầm nhìn mới.

- Các căn cứ: Bổ sung các Nghị quyết, quyết định

+ Nghị quyết số 24-NQ/TW của Bộ Chính trị, ngày 7/10/2022 về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

+ Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030;

+ Quyết định 1099/QĐ-TTg ngày 5/9/2018 phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch quốc gia Núi Bà Đen

2.2.2.2 Đối với Phần thứ nhất về Phân tích, đánh giá, dự báo các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của Tây Ninh

Nhìn chung báo cáo quy hoạch đã trình bày khá đầy đủ về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, xã hội, tài nguyên thiên nhiên; các nguy cơ và tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh (nội dung này cần xem xét điều chỉnh cấu trúc)… với các minh chứng cụ thể bằng các số liệu thể hiện trên các bảng, biểu. Báo cáo cũng đưa ra những nhận định chung sau mỗi nội dung nêu

trên. Tuy nhiên, việc trình bày chủ yếu mang tính liệt kê là chính. Vì thế, đề nghị cân nhắc bổ sung nội dung Đánh giá tổng hợp về các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh vào trước mục 1.3, trong đó nêu rõ những lợi thế, những bất lợi về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, làm cơ sở lựa chọn phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng của tỉnh. Nội dung bổ sung này độc lập với phần phân tích SWOT ở nội dung sau.

2.2.2.3 Đối với Phần thứ hai về thực trạng phát triển kinh tế xã hội, sử dụng đất, hiện trạng đô thị và nông thôn

a) *Về thực trạng phát triển kinh tế*

Việc đánh giá thực trạng là nội dung quan trọng nhằm thấy được mức độ khai thác các nguồn lực, từ đó có định hướng khai thác phù hợp trong thời kỳ quy hoạch. Về cơ bản, Báo cáo qui hoạch đã đề cập khá đầy đủ, phân tích tương đối chi tiết các nội dung theo yêu cầu về đánh giá thực trạng phát triển của tỉnh Tây Ninh. Tuy nhiên, một số nội dung cần được xem xét, điều chỉnh:

- Đối với thực trạng ngành công nghiệp – xây dựng: điều chuyển mục 2.1.3. Khu công nghiệp, khu kinh tế xuống mục 6. *Đánh giá thực trạng phát triển và sự phù hợp về phân bố phát triển không gian của hệ thống đô thị và nông thôn, các khu chức năng, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trên địa bàn tỉnh*

- Đối với thực trạng doanh nghiệp tại địa phương (trang 87): đề nghị bổ sung phân loại quy mô, cơ cấu doanh nghiệp, hiệu quả hoạt động theo lĩnh vực (công nghiệp – xây dựng, nông nghiệp, thương mại – dịch vụ); hiện trạng sử dụng công nghệ trong các doanh nghiệp; những thuận lợi, khó khăn và nguyên nhân khó khăn của các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh để thấy được rõ hơn thực trạng doanh nghiệp của tỉnh

Đối với ngành du lịch, thực tế, du lịch Tây Ninh chưa phát triển, đóng góp rất hạn chế vào kinh tế xã hội. Báo cáo đã nêu được những nét cơ bản về hiện trạng của ngành du lịch. Tuy nhiên, đây là ngành được xác định là một trong những đột phá nhằm tạo động lực cho phát triển KTXH của Tây Ninh trong thời

kỳ quy hoạch nên nội dung này cần được đánh giá đầy dủ và toàn diện hơn. Cần xem xét bổ sung:

+ Các sản phẩm du lịch đang khai thác;

+ Phân tích thị trường du lịch quốc tế và nội địa; cơ cấu chi tiêu của khách du lịch.

+ Tổng vốn đầu tư; các dự án đã và đang đầu tư về du lịch, các nội dung về thực trạng quản lý nhà nước về du lịch ở địa phương (tổ chức bộ máy;các chính sách, cơ chế hiện có…).

+ Lý giải nguyên nhân, đặc biệt nguyên nhân chủ quan, Tây Ninh có nhiều tiềm năng, song du lịch vẫn chưa phát triển.

b) *Về thực trạng ngành và lĩnh vực xã hội*

Báo cáo đã phân tích tương đối chi tiết về giáo dục đào tạo; y tế; văn hóa-thể thao, khoa học công nghệ, an sinh xã hội…. Đề nghị cân nhắc:

- Đối với thực trạng văn hóa – thể thao:

+ Bổ sung nội dung thực trạng về hoạt động bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể; bảo tàng; hoạt động văn hóa nghệ thuật, điện ảnh; lĩnh vực thư viện (số lượng, số đầu sách, số lượt phục vụ bạn đọc…)

+ Nội dung mục 3.3.3. Hiện trạng thiết chế văn hóa, thể thao (tr. 179) trùng lặp nội dung 7.2.7 Thiết chế văn hóa thể thao (tr. 334). Nên chuyển xuống mục 7. Đánh giá hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội cho phù hợp với các nội dung về hạ tầng giáo dục, y tế, KHCN…

c) Đánh giá hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn

+ Đề nghị đổi tên mục 6. *Đánh giá hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn thành* mục *Đánh giá thực trạng phát triển và sự phù hợp về phân bố phát triển không gian của hệ thống đô thị và nông thôn, các khu chức năng, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trên địa bàn tỉnh;* để đúng với quy định trong điều 28, Nghị định 37 về Quy hoạch.

+ Báo cáo đã chỉ ra được thực trạng phát triển và phân bố đô thị, nông thôn ở Tây Ninh. Tuy nhiên, báo cáo thiếu đánh giá sự phân bố không gian của

các hệ thống này có phù hợp hay không, đặc biệt đối với hệ thống đô thị theo yêu cầu của nội dung này. Về thực trạng phát triển đô thị, bổ sung đánh giá chất lượng các đô thị, hạ tầng kỹ thuật trong các đô thị. Đánh giá chung về phát triển hệ thống đô thị cần nhấn mạnh tốc độ đô thị hóa, quy mô đô thị... có đạt theo yêu cầu, hệ thống đô thị đã hình thành có phát huy vai trò trung tâm hạt nhân để phát triển kinh tế xã hội...

d) Những tồn tại, hạn chế cần giải quyết; phân tích, đánh giá về thuận lợi, khó khăn, cơ hội, thách thức của tỉnh Tây Ninh

- Nội dung này trong báo cáo thể hiện ở mục IV. Đánh giá về thuận lợi, khó khăn, cơ hội, thách thức về phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Tây Ninh trong thời kỳ quy hoạch (trang 385). Như vậy, theo yêu cầu của điều 28, Nghị định 37, báo cáo thiếu nội dung xác định *Những tồn tại, hạn chế cần giải quyết.* Đề nghị bổ sung nội dung này, trong đó, phải nêu được những vấn đề lớn tồn tại cần giải quyết trong giai đoạn tới là gì, ví dụ mô hình phát triển, việc làm chủ được các chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng quan trọng; Nguồn vốn (đặc biệt vốn FDI) và cách thức huy động vốn, cơ chế chính sách...cần thay đổi? Vì sao?

- Đánh giá về thuận lợi, khó khăn, cơ hội, thách thức về phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Tây Ninh trong thời kỳ quy hoạch

Phân tích SWOT là nội dung quan trọng mang tính khái quát lại toàn bộ những kết luận đã rút ra trong quá trình đánh giá thực trạng về những tiềm năng, thế mạnh của Tỉnh và mức độ khai thác các nguồn lực, phát huy các thế mạnh trong phát triển các ngành, lĩnh vực. Trên cơ sở kết hợp phân tích, đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức làm căn cứ để chỉ ra các hướng mục tiêu chiến lược phát triển làm định hướng cho quy hoạch nhằm tập trung các nguồn lực vào phát triển các mũi nhọn, đồng thời tìm cách khắc phục, hạn chế các các vùng yếu trong phát triển. Báo cáo thực hiện khá tốt phần này, các nội dung điểm mạnh, yếu, cơ hội, thách thức là chính xác. Tuy nhiên, Tuy nhiên, theo Phương pháp SWOT mô tả trên hình 5 trong báo cáo, sau khi phân tích SWOT, cần nêu ra các kết luận rút ra từ phân tích này như các chiến lược nào để sử dụng

điểm mạnh để khai thác cơ hội; Chiến lược nào phát huy điểm mạnh giảm thách thức (S-O, W-O, S-T, W-T...) làm cơ sở đề xuất các phương án phát triển phù hợp.

2.2.2.4-Quan điểm, mục tiêu và lựa chọn phương án phát triển

- Về quan điểm phát triển: Đề nghị cân nhắc lại quan điểm thứ 3 (quản trị công với tinh thần doanh nhân), thứ 6 (chủ động gia nhập thị trường) vì dường như đây là giải pháp, cách làm chứ không phải là quan điểm phát triển.

- *Xây dựng và lựa chọn các kịch bản phát triển*:

Báo cáo đã đưa ra 3 kịch bản với các giả định khác nhau và luận giải để lựa chọn phương án phát triển với tốc độ cao nhất (phương án 3). Tuy nhiên, việc luận giải để chọn phương án 3 là tương đối khiên cưỡng. Thực tế, tất cả các địa phương đều muốn phát triển nhanh, thậm chí rất nhanh, tuy nhiên, những điều kiện về khả năng huy động vốn; sự cạnh tranh của các tỉnh lân cận đối với các lĩnh vực then chốt làm cho việc lựa chọn phương án phát triển với các mục tiêu cụ thể trở nên khó khăn hơn.

Đề nghị bổ sung thêm những luận cứ để lựa chọn phương án phát triển, bao gồm:

+ Quy mô vốn đầu tư cần thiết để đạt dược các mục tiêu theo tất cả các phương án và khả năng huy động vốn đầu tư (Báo cáo không chỉ ra);

+ Các điều kiện tiên quyết để đat được các mục tiêu theo phương án chọn.

+ Tác động có thể có của môi trường, hoặc việc đảm bảo các chỉ tiêu về môi trường khi đẩy nhanh tốc độ phát triển theo quan điểm phát triển số 1 và số 4 (phát triển xanh, cân bằng kinh tế - xã hội – môi trường….).

Đề nghị bổ sung Dự báo dân số trước khi xây dựng các kịch bản và kết quả dự báo là số liệu đầu vào (giống nhau) cho các kịch bản.

2.2.2.5. Phương hướng phát triển các ngành quan trọng của tỉnh Tây Ninh

- *Nội dung xác định ngành quan trọng và mục tiêu phát triển của tỉnh*: Nội dung này Báo cáo đã đưa ra các tiêu chí xác định ngành quan trọng (4 tiêu chí), trên cơ sở đó, lựa chọn các ngành, lĩnh vực quan trong để phát triển trong thời kỳ quy hoạch. Tuy nhiên, việc chỉ đưa ra 4 tiêu chí này là chưa đủ cơ sở để lựa chọn các ngành quan trọng, thiếu các tiêu chí liên quan đến khả năng đóng góp vào GRDP, khả năng thúc đẩy kinh tế của tỉnh trong giai đoạn quy hoạch...Tiêu chí 1 và tiêu chí 4 không phải tiêu chí lựa chọn ngành quan trọng mà là quan điểm, cách làm để phát triển kinh tế

Đề nghị báo cáo bổ sung/điều chỉnh:

- Về nguyên tắc, tiêu chí xác định ngành quan trọng:

+ Nguyên tắc xác định ngành quan trọng của tỉnh. Cả 4 tiêu chí nêu ra là chưa đầy đủ và chưa thực sự phù hợp. Nguyên tắc nêu ra phải đầy đủ, trong đó: Các ngành quan trọng là các ngành có đóng góp lớn đến sự phát triển toàn diện kinh tế - xã hội của Tỉnh, có tác động lan tỏa tích cực (positive externalities) đáng kể cho các ngành khác trong nền kinh t; Ngành quan trọng là ngành có lợi thế so sánh, tạo ra giá trị gia tăng và có tính chất kết nối cao, tạo ra năng lực cạnh tranh trong tơơng lai; Ngành quan trọng là ngành đang có tốc độ tăng trưởng cao trên thị trường nội địa và thị trường thế giới....

+ Các chỉ báo định tính (lợi thế đặc thù...) và định lượng (quy mô, tiềm năng thị trường, lợi thế so sánh và năng lực cạnh tranh; các vấn đề xã hội, môi trường...) sử dụng để xác định ngành/lĩnh vực quan trọng

+ Kết quả phân tích dựa trên các nguyên tắc, tiêu chí trên đối với tất cả các ngành kinh tế và lựa chọn các ngành quan trọng.

Để xác định các ngành quan trọng cũng cần bổ sung phân tích, so sánh với các tỉnh lân cận (đặc biệt với Cần Thơ) để thấy được khả năng cạnh tranh của các ngành, lĩnh vực ưu tiên trên thị trường.

- Về các nghành quan trọng: đề nghị nêu rõ ngành nông nghiệp là ngành quan trọng hay chỉ nông nghiệp sản xuất nguyên liệu tập trung để phục vụ cho công nghiệp chế biến, chế tạo của tỉnh; nông nghiệp công nghệ cao?

Việc lựa chọn xây dựng, giáo dục – đào tạo, y tế là ngành quan trọng dường như không thực sự phù hợp. Đề nghị cân nhắc lại.

- Sắp xếp tổ chức không gian phát triển các ngành quan trọng của tỉnh: Nội dung về nông nghiệp không phù hợp với đề xuất nêu ở mục lựa chọn ngành quan trọng. Theo đó, chỉ *Sắp xếp tổ chức không gian phát triển* đối với nông nghiệp sản xuất nguyên liệu tập trung để phục vụ cho công nghiệp chế biến, chế tạo của tỉnh; nông nghiệp công nghệ cao… chứ không phải toàn bộ ngành nông nghiệp.

Về Y tế: đề nghị nghiên cứu Nghị quyết 24-NQ/TW ngày 7/10/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội vùng Đông Nam Bộ để đề xuất cho phù hợp, trong đó nêu rõ: Phát triển bệnh viện vệ tinh của các bệnh viện trung ương tại các đô thị tỉnh lỵ như: Biên Hoà, Thủ Dầu Một, Bà Rịa, Tây Ninh. Nghiên cứu đầu tư phát triển Trung tâm kiểm soát bệnh tật vùng để đảm nhận vai trò hỗ trợ Trung tâm kiểm soát bệnh tật cho các tỉnh lân cận và có khả năng liên kết quốc tế.

- Đối với phương hướng phát triển ngành du lịch (trang 457).

Đối với phương án phát triển, những đề xuất về quan điểm, mục tiêu phát triển, định hướng phát triển và các giải pháp là tương đối chi tiết. Tuy nhiên, một số nội dung cần dược cân nhắc điều chỉnh, cụ thể: Bổ sung định hướng thị trường du lịch (khách quốc tế, khách nội địa); Bổ sung cơ sở đưa ra các chỉ tiêu phát triển du lịch (đưa vào phụ lục); bổ sung giải pháp về đầu tư, cơ chế chính sách thu hút đầu tư du lịch (điểm yếu trong giai đoạn 2011-2020); giải pháp liên kết phát triển du lịch (nội vùng Đông Nam Bộ và ngoại vùng)….

2.2.2.6. Phương án phát triển đô thị, nông thôn và các khu chức năng

Đối với Phương hướng phát triển không gian du lịch (trang 529):

Tổ chức không gian cho các hoạt động du lịch thường yêu cầu: phân chia lãnh thổ thành các không gian phát triển, các cụm du lịch; hệ thống các khu,

điểm du lịch; các tuyến du lịch. Báo cáo đã nêu được các không gian du lịch, các cụm du lịch trong mỗi không gian....Đề nghị bổ sung:

+ Hệ thống các khu du lịch dự kiến phát triển trong giai đoạn quy hoạch (khu du lịch quốc gia, khu du lịch cấp địa phương)

+ Hệ thống các tuyến du lịch (nội tỉnh, ngoại tỉnh)

+ Thể hiện liên kết không gian giữa các hoạt động du lịch và nông nghiệp (Theo đúng yêu cầu nội dung mục này),

2.2.2.7. Bản đồ, báo cáo DMC và dự thảo quyết định

- Các bản đồ liên quan đến phát triển du lịch: gồm 2 bản đồ chính là Bản đồ hiện trạng phát triển du lịchvà Bản đồ phương án phát triển du lịch. Cả hai bản đồ này chủ yếu thể hiện các tài nguyên du lịch, chưa phải là các bản đồ hiện trạng hoặc phương án phát triển. Đề nghị bổ sung, làm rõ các khu vực, cụm du lịch tuyến du lịch (với cả hai bản đồ) như đã mô tả trong báo cáo, các không gian phát triển du lịch; các tuyến du lịch liên kết với các địa phương...

- Về Báo cáo ĐMC: cấu trúc, nội dung báo cáo về cơ bản tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường (Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020). Báo cáo cần xin ý kiến của các chuyên gia về ĐMC, đặc biệt về đánh giá tác động của việc đẩy nhanh tốc độ phát triển (theo phương án 3) trong thời kỳ quy hoạch đến môi trường.

- Dự thảo quyết định phê duyệt về cơ bản là phù hợp, tuy nhiên, đề nghị rà soát, biên tập lại cho khoa học và đúng quy cách. Đồng thời rà soát nội dung cho phù hợp với báo cáo, cụ thể:

+ Quan điểm phát triển nêu trong dự thảo khác quan điểm nêu trong báo cáo;

+ Các ngành kinh tế quan trong nêu trong dự thảo (Bốn ngành kinh tế quan trọng: Công nghiệp chế biến chế tạo, năng lượng tái tạo; Du lịch, Nông nghiệp; Dịch vụ Logistics.) khác với Báo cáo.

+ Phương hướng phát triển các ngành quan trọng của tỉnh nêu trong dự thảo không phù hợp, khác cả trong Dự thảo và trong báo cáo.

3. Kết luận và kiến nghị

1) Báo cáo quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn 2050 nhìn chung đã được xây dựng phù hợp về cơ bản với đề cương nhiệm vụ quy hoạch và các quy định tại Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14, Nghị định 37/2019/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.

2) Tuy nhiên, Báo cáo quy hoạch còn nhiều hạn chế, liên quan đến các nội dung quan trọng của báo cáo, hiện ở những nội dung chính sau:

- Về bố cục: Báo cáo được trình bày chưa khoa học, cấu trúc chưa phù hợp với các quy định hiện hành, tương đối lộn xộn;

- Về nội dung: Những nội dung chính, những vấn đề lớn còn tồn tại:

+ Chưa chỉ ra được những tồn tại lớn cần giải quyết trong thời kỳ quy hoạch;

+ Các phương án phát triển, kịch bản phát triển của Tây Ninh được đề xuất trong giai đoạn quy hoạch chưa có sự luận giải đầy đủ và thuyết phục;

+ Nội dung của một số phương án phát triển ngành, trong đó có phương án phát triển du lịch còn chưa đầy đủ, trình bày không khoa học.

+ Các giải pháp, phương án phát triển đề xuất chưa logic với những tồn tại của các ngành, lĩnh vực đã nêu ở phần hiện trạng.

3) Báo cáo cần phải được chỉnh sửa hoặc giải trình đầy đủ các ý kiến nêu trên trước khi họp thẩm định Quy hoạch.

Trên đây là ý kiến phản biện đối với quy hoạch tỉnh Tây Ninh, đề nghị Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh xem xét./.

CHUYÊN GIA PHẢN BIỆN

TRƯƠNG SỸ VINH

Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch,
Tổng cục Du lịch, Bộ VHTTDL

Ý kiến nhận xét :

Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050

KTS. Trần Ngọc Chính
Chủ tịch Hội Quy hoạch Phát triển đô thị Việt Nam
Nguyên Thứ trưởng Bộ Xây dựng

Theo Luật Quy hoạch, Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021- 2030 tầm nhìn đến năm 2050 phải được thống nhất đồng bộ với Chiến lược phát triển kinh tế xã hội của cả nước giai đoạn 2020- 2030; Quy hoạch tổng thể Quốc gia ; Quy hoạch ngành Quốc gia ; Quy hoạch Vùng Nam Bộ thời kỳ 2021- 2030 tầm nhìn đến năm 2050 .

Tuy nhiên, mặc dù Quy hoạch tổng thể Quốc gia vừa được Quốc hội thông qua, nhưng đến nay vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể về nội dung này. Mặt khác, Quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kỳ 2021- 2030 tầm nhìn đến năm 2050 đến nay cũng chưa được lập, điều này sẽ ảnh hưởng đến việc Quy hoạch tỉnh Tây Ninh (theo quy định của Luật Quy hoạch). Mặc dù vậy, Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021- 2030 tầm nhìn đến năm 2050 (gọi tắt là Quy hoạch tỉnh Tây Ninh) đã được tư vấn lập với hồ sơ đầy đủ theo yêu cầu, bao gồm Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tỉnh Tây Ninh hơn 800 trang; Báo cáo tóm tắt 186 trang ; Báo cáo đánh giá tác động môi trường chiến lược 330 trang; Dự thảo Quyết định phê duyệt ; Tập dự thảo bản đồ quy hoạch tỉnh…

Hồ sơ Quy hoạch tỉnh Tây Ninh đã được đơn vị tư vấn- Công ty tư vấn Quốc tế EnCity thực hiện theo nhiệm vụ quy hoạch đã được Thủ tướng phê duyệt tại Quyết định số 775/QĐ- TTg ngày 8/6/2020 cũng như Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 7/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.

Hồ sơ Quy hoạch tỉnh Tây Ninh được nghiên cứu và thể hiện công phu, nghiêm túc, mang tính khoa học cao, bám sát nhiệm vụ thiết kế đã được phê duyệt, đã có các căn cứ pháp lý đầy đủ. Đã thể hiện được quan điểm phát triển và mục tiêu các định hướng lớn tạo bước đột phá của tỉnh. Qua nghiên cứu tài liệu Quy hoạch tỉnh Tây Ninh, tôi xin được đưa ra một số nhận xét sau :

1. Những nội dung đã đạt được

1.1.Về quan điểm phát triển :

Đồng tình với 7 quan điểm phát triển. Tuy nhiên với quan điểm 2 là "Hướng đến phát triển bền vững thông qua kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với xây dựng văn hóa, ổn định xã hội và bảo vệ môi trường. Định hướng phát triển nhanh nhưng không lệch cơ cấu kinh tế, bảo đảm hài hòa cân đối giữa các vùng miền, giữa thành thị và nông thôn, trong đó ưu tiên tập trung phát triển vùng động lực phía Nam và Trung tâm". Quan điểm này là một trong 7 quan điểm phát triển nhưng là quan điểm xuyên suốt có tính nguyên tắc và cũng là quan điểm phù hợp thời đại (phát triển bền vững) phù hợp với sự phát triển của tỉnh Tây Ninh trong vùng thành phố Hồ Chí Minh, có ý nghĩa quan trọng trong chiến lược gắn kết quy hoạch tỉnh- quy hoạch vùng và liên hệ quốc tế.

1.2.Về mục tiêu phát triển :

Có hai mục tiêu chiến lược

** Mục tiêu tổng quát* : trước mắt đến năm 2030, Tây Ninh trở thành tỉnh giàu đẹp văn minh và là tỉnh lỵ có môi trường sống tốt bậc nhất khu vực, thích ứng với biến đổi khí hậu, trở thành điểm đến hấp dẫn để sinh sống và làm việc.

** Mục tiêu cụ thể* :

+ Đồng tình với tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân thời kỳ 2021-2030 đạt khoảng 14,4%/năm

+ GRDP bình quân đầu người đến năm 2025 đạt 5.184USSD và năm 2030 đạt 12.582 USD (đây là mục tiêu cao nhưng cần phải đạt được chỉ tiêu này)

+ Tỷ lệ lao động qua đào tạo: 80%

+ Tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch : 100% đô thị ; 80% vùng nông thôn

1.3.Các định hướng lớn tạo đột phá phát triển :

- Đồng tình với 4 ngành kinh tế quan trọng: Công nghiệp chế biến, chế tạo ; Năng lượng tái tạo; Du lịch; Nông nghiệp và dịch vụ Logistics và 7 khâu đột phá chiến lược: (1) Phát triển kết cấu hạ tầng ; (2) Phát triển nguồn nhân lực ; (3) Cải cách thể chế; (4) Phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ; (5) Phát triển thương hiệu Tây Ninh xanh; (6) Phát triển du lịch Tây Ninh; (7)Phát triển kinh tế dịch vụ.

Đặc biệt tôi đồng tình với nội dung 3 trọng điểm đô thị :

+ Cụm đô thị thành phố Tây Ninh- Thị xã Hòa Thành kết nối với hồ Dầu Tiếng ;

+ Cụm đô thị Trảng Bàng- Gò Dầu- Phước Đông ;

+ Cụm đô thị dọc sông Sài Gòn.

Nội dung này đã được đơn vị tư vấn nghiên cứu sâu và đưa ra 3 cụm đô thị như trên là phù hợp với phát triển kinh tế trong quá trình Công nghiệp hóa- Hiện đại hóa của tỉnh.

1.4.Về phát triển ngành- lĩnh vực

Qua nghiên cứu hồ sơ, tôi đồng tình với nội dung phát triển các ngành quan trọng của tỉnh

+ *Về công nghiệp* : tập trung phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo gắn với công nghệ thông minh, thân thiện môi trường… với các sản phẩm công nghiệp chủ yếu: dệt; sản xuất sợi vải; nguyên liệu dệt may; sản xuất chế biến cao su và plastic; sản xuất chế biến thực phẩm, chế biến mía đường ; ngành cơ khí: tập trung vào điện tử và công nghiệp phụ trợ ; về năng lượng tái tạo : tập trung vào năng lượng mặt trời- hồ Dầu Tiếng

+ Ngành dịch vụ

Phát triển du lịch (dựa trên thế mạnh, tiềm năng); quần thể di tích lịch sử văn hóa và danh thắng núi Bà Đen, hồ Dầu Tiếng, vườn quốc gia Lò Gò- Xa Mát, du lịch ven sông Vàm Cỏ Đông, khu du lịch Ma Thiên Lãnh…

+ Thương mại

Đồng tình với nội dung này, trong đó tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại với TP. Hồ Chí Minh

+ Dịch vụ Logistics

Đồng tình phát triển lĩnh vực này thành một trong những ngành kinh tế quan trọng đưa Tay Ninh trở thành cửa ngõ, trung tâm trung chuyển hàng hóa, vận tải, kho bãi, trở thành Logistics thương mại của vùng Đông Nam Bộ, Tây Nguyên; tập trung phát triển vào khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài.

1.5.Về phát triển không gian lãnh thổ

1.5.1. Phân vùng kinh tế - xã hội và các trục phát triển

*** Phân vùng kinh tế xã hội**

Đồng tình với ý phân vùng kinh tế xã hội, chia 3 vùng:

Vùng 1: Thị xã Trảng Bàng, huyện Gò Dầu, phần phía Nam huyện Dương Minh Châu: Phát triển công nghiệp, dịch vụ kết nối hồ Dầu Tiếng.

Vùng 2: Thành phố Tây Ninh, thị xã Hòa Thành phía Tây huyện Dương Minh Châu (vùng Trung Tâm)

Vùng 3: Huyện Tân Biên, huyện Tân Châu phía Tây Châu Thành và phía Bắc Bến Cầu.

*** Các trục phát triển:**

Thống nhất với đồ án quy hoạch tỉnh về 4 trục phát triển:

Trục 1: Gắn với cao tốc Gò Dầu – Xa Mát và quốc lộ 22, 22B

Trục 2; Gắn với đường N2 và Quốc lộ 22 kết nối với quốc lộ 13, 14 sân bay Long Thành

Trục 3: Gắn với tuyết đất sét – Bến Củi – Bến Cầu

Trục 4: Gắn với đường tỉnh 781, hành lang kết nối liên vùng với Bình Dương

1.5.2. Phát triển không gian kinh tế - khu công nghiệp – cụm công nghiệp

Đồng tình với nội dung phát triển các khu kinh tế:

- Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài là quan trọng (theo quy hoạch được duyệt, diện tích tự nhiên 21.284ha)

- Khu kinh tế cửa khẩu Xa Mát (theo quy hoạch) diện tích tự nhiên 34.197 ha

(Đây là 2 khu kinh tế cửa khẩu quan trọng của Tây Ninh)

* Các khu công nghiệp, cụm công nghiệp như trong báo cáo là phù hợp với nội dung phát triển kinh tế, tôi đồng tình với phân tích trong báo cáo. Với tổng diện tích khu công nghiệp toàn tỉnh là 9.524 ha bao gồm: Khu công nghiệp Trảng Bàng, Thành thành Công, Phước Đông, khu công nghiệp Bến Củi và khu công nghiệp trong khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài.

1.5.3. Phương án tổ chức hệ thống đô thị

Về cơ bản, đồng tình với báo cáo về nội dung này.

+ Vùng đô thị công nghiệp gồm: Thị xã Trảng Bàng, huyện Gò Dầu và phía Nam huyện Dương Minh Châu (như vậy là chưa đủ cần nghiên cứu thêm huyện Bến Cầu)

+ Vùng đô thị văn hóa, dịch vụ và du lịch gồm thành phố Tây Ninh, thị xã Hòa Thành và một phần phía Đông huyện Châu Thành.

+ Vùng đô thị sinh thái và cảnh quan gồm huyện Tân Biên, huyện Tân Châu và phía Bắc Bến Cầu.

- Về phương án tổ chức lãnh thổ nông thôn, phân bố điểm dân cư nông thôn

+ Với chiến lược phát triển kinh tế xã hội và đô thị tỉnh Tây Ninh, tôi đồng tình phương án tổ chức các điểm dân cư nông thôn như báo cáo quy hoạch bao gồm phát triển vùng sản xuất tập trung nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và phát triển các vùng sản xuất chuyên canh tập trung

- Trong báo cáo đã làm rõ được phương án quy hoạch vùng liên huyện của tỉnh ; theo báo cáo quy hoạch tỉnh được chia làm 3 vùng là phù hợp với quá trình phát triển kinh tế xã hội và không gian địa lý của địa phương.

* Vùng 1: Thị xã Trảng Bàng, huyện Gò Dầu Một phần phía Nam Bến Cầu và Dương Minh Châu.

* Vùng 2: Thành phố Tây Ninh, thị xã Hòa Thành, vùng phía Tây huyện Dương Minh Châu và một phần phía Đông huyện Châu Thành.

* Vùng 3: Gồm huyện Tân Biên, Tân Châu, phía Tây huyện Châu Thành, phía Bắc huyện Bến Cầu.

Những nội dung này đã được thể hiện trên Dự thảo bản đồ Quy hoạch tỉnh Tây Ninh.

II/ Những nội dung cần nghiên cứu, bổ sung

2.1. Những vấn đề chung

Tỉnh Tây Ninh là một tỉnh thuộc miền Đông Nam Bộ là địa phương trong quy hoạch vùng Thành phố Hồ Chí Minh, có diện tích tự nhiên 4.041,3km^2, có đường biên giới dài 228km với nước bạn Camphuchia (gồm 3 tỉnh Svangrieng, Preyveng và Tbong Khmun).

Trong Quy hoạch tỉnh Tây Ninh cần phải làm rõ hơn nữa mối liên kết vùng vì đây là nội dung về vị trí địa lý (địa kinh tế, địa chính trị) rất quan trọng của Tây Ninh. Trong phần đánh giá SWOT , Quy hoạch tỉnh đã chưa làm rõ.

Trước hết, Tây Ninh giáp thành phố Hồ Chí Minh về phía Nam (phải so sánh vị trí các tỉnh tiếp giáp với thành phố Hồ Chí Minh như Long An, Bình Dương, Đồng Nai) thì Tây Ninh có lợi thế như thế nào về địa kinh tế và địa lý tự nhiên.

Theo tôi, đây là mặt lợi thế rất lớn của Tây Ninh khi hướng phát triển của thành phố Hồ Chí minh về Tây Ninh là quan trọng (đất cao, diện tích lớn) gồm có khu

kinh tế cửa khẩu Mộc Bài – kết nối với Campuchia, đây là tuyến giao lưu quốc tế huyết mạch của thành phố Hồ Chí Minh và của cả vùng cũng như của các nước ASEAN đến thành phố Hồ Chí Minh và ra cảng biển quốc tế Cái Mép. Mặt khác các hướng phát triển của thành phố và Long An bị hạn chế sông Vàm Cỏ Đông và đất thấp trũng, về Bình Dương đã hết quỹ đất, về Đồng Nai phải vượt sông Đồng Nai và cũng không có đất phát triển. Như vậy, còn lại duy nhất chỉ có Tây Ninh (vùng Trảng Bàng, Gò Dầu) kết nối cửa khẩu quốc tế Mộc Bài về thành phố Tây Ninh và khu kinh tế cửa khẩu Xa Mát.

Cần phải làm rõ ưu điểm này, vì thành phố Hồ Chí Minh đang phát triển gắn kết giữa Củ Chi và Trảng Bàng, hình như khó thấy được biên giới của không gian phát triển này. Bởi vậy, đây là điểm mạnh, là cơ hội để quy hoạch phát triển tỉnh Tây Ninh gắn kết với không gian thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài tuyến đường cao tốc nối với thành phố Hồ Chí Minh với Mộc Bài và Khu kinh tế cửa khẩu Xa Mát – thì hướng phát triển để tiếp cận nhanh có khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài đang là nội dung quan trọng trong bài toán Quy hoạch vùng thành phố Hồ Chí Minh cũng như khu kinh tế trọng điểm Đông Nam Bộ.

Giao thông chính tuyến Bắc Nam gắn kết tỉnh Tây Nam với thành phố và qua các trục Đông Tây để kết nối đường Hồ Chí Minh, đường vành đai 3 để về cảng biển Cái Mép – Thị Vải cũng cần phải được làm rõ và tổ chức không gian kinh tế xã hội của tỉnh.

Diện tích tỉnh Tây Ninh lớn, rừng có diện tích che phủ cao, có núi Bà Đen (di tích và không gian cảnh quan để phát triển du lịch văn hóa, thắng cảnh). Đặc biệt Tây Ninh có 2 con sông phía Tây và phía Đông của tỉnh (sông Vàm Cỏ Đông ở phía Tây và sông Sài Gòn ở phía Đông). Nhất là sông Sài Gòn với hồ Dầu Tiếng nổi tiếng là hồ thủy lợi có nhiều ý nghĩa với dung tích chứa hơn 1,2 tỷ m^3 nước. Đây là nội dung rất quan trọng trong tổ chức không gian lãnh thổ và phát triển kinh tế và du lịch của Tây Ninh.

2.2. Những vấn đề cụ thể

2.2.1. Nội dung phát triển kinh tế xã hộ của Tây Ninh

Tập trung trước hết vào phát triển các khu công nghiệp, khu kinh tế và các cụm công nghiệp.

Đồng tình với việc giữ và thành lập các khu công nghiệp của tỉnh nhưng trong báo cáo cần phải được phân tích và làm rõ hơn nội dung phát triển công nghiệp ở Tây Ninh là gì? Vị trí, địa điểm, quy mô. Loại hình công nghiệp, hình thức đầu tư…

Như đã phân tích ở trên, tỉnh Tây Ninh liền kế, giáp ranh với thành phố Hồ Chí Minh- cực tăng trưởng lớn nhất và có ảnh hưởng sâu rộng đến sự phát triển của tỉnh, nhất là về công nghiệp.

Vì vậy trong báo cáo cần phải nếu rõ các tuyến giao thông của tỉnh; tuyến Bắc Nam- Đông Tây hướng kết nối quốc tế và ra cảng? Các khu công nghiệp như Trảng Bàng, KCN Linh Trung III, KCN Thành Thành Công, KCN Phước Đông, KCN Chà Là... Mặc dù đây là đồ án quy hoạch tỉnh nhưng nội dung phải làm rõ được vị trí cụ thể, định vị trong không gian, quy mô KCN trước, hiện nay và khả năng mở rộng trong tương lai với bao nhiêu ha và nội dung loại hình công nghiệp cho phù hợp với yêu cầu của tỉnh. Nội dung này phải đón đợi được sự dịch chuyển hoặc phát triển mới theo sự tăng trưởng công nghiệp của TP. HCM và cả vùng. Những KCN này gắn kết với giao thông đường sắt, đường bộ như thế nào cũng phải được làm rõ. Trong quy hoạch này mới chỉ đề cập mang tính khái quát trên cơ sở các KCN đã có sẵn. Bởi vậy không làm rõ được vị thế của khu vực phía Nam Tây Ninh gắn kết với sự phát triển CN và kinh tế của TP. HCM và vùng kinh tế động lực.

Cũng như thế, khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài cũng mới chỉ được nêu trong quy hoạch mang ý nghĩa là khu kinh tế cửa khẩu đã có và đang được mở rộng. Vì vậy cần phải làm rõ KKT cửa khẩu Mộc Bài là cửa khẩu duy nhất ở phía Nam, có được lợi thế lớn nhất mà các KKT cửa khẩu khác trong toàn miền Nam không có được. Bởi vậy, khi đã được quy hoạch tuyến cao tốc TP. HCM-PhnômPênh (qua cửa khẩu Mộc Bài) có tầm quan trọng về kinh tế và an ninh quốc gia như thế nào?

Đây là khu kinh tế cửa khẩu quan trọng của miền Nam nên chỉ nêu tên địa điểm như trong báo cáo mà cần phải lấy lợi thế quan trọng này để làm địa bàn chiến lược. Một cực tăng trưởng, động lực kinh tế của tỉnh và của vùng.

Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài- bên kia nước bạn là khu kinh tế cửa khẩu Bà Vẹt, đã đi vào hoạt động nhiều năm nhưng phía bạn phát triển hơn vì họ nhận thức và đầu tư bài bản hơn, hiện đại hơn nên không gian khu kinh tế cửa khẩu Bà Vẹt có tác động lớn đến phát triển của phía Đông Nam Camphuchia – cửa khẩu Mộc Bài còn có mốc giới quốc tế hai nước được cắm ngay tại trung tâm cửa khẩu 2 nước. Là vị trí có thể khai thác tốt về du lịch khi khách qua cửa khẩu Quốc tế Mộc Bài. Trong báo cáo cũng chỉ nêu sơ bộ diện tích tự nhiên và không phân tích sâu sắc nội dung khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài sẽ là điểm nhấn là địa điểm giao thông cửa khẩu quốc tế nhộn nhịp quan trọng và đây là cơ hội để phát

triển công nghiệp, dịch vụ, thương mại, logistic tầm cao để có được khu công nghiệp – dịch vụ - đô thị quan trọng nhất của tỉnh Tây Ninh.

Bởi vậy, báo cáo phải làm rõ tính chất hơn, quy mô công nghiệp và định hướng phát triển – là tiền đề cho phát triển dịch vụ và đô thị Mộc Bài trong tương lai. Chúng tôi xem đây là cơ hội cần phải làm rõ trong quy hoạch tỉnh (quy mô diện tích, loại hình công nghiệp và dịch vụ, vị trí – phân khu chức năng trong khu kinh tế, quy mô lao động,...) như khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái – Quảng Ninh đã hiện thực và trở thành một thành phố biên giới phát triển và hữu nghị.

2.2.2. Phương án phát triển không gian du lịch

Đồng tình với báo cáo phân ra 3 vùng phát triển du lịch và 2 trục sinh thái. Nội dung này đã được dựa trên điều kiện địa lý tự nhiên và nhân văn để có được phân vùng phù hợp.

Tuy vậy, chúng tôi đề nghị làm rõ và sâu sắc hơn khu vực văn hóa, tín ngưỡng, sinh thái trung tâm (bao gồm thành phố Tây Ninh, thị xã Hòa Thành, Hồ Dầu Tiếng) núi Bà Đen. Vùng này có ý nghĩa để khai thác thế mạnh của tỉnh, có Tòa thánh (Hòa Thành) công trình mang đậm nét kiến trúc đặc trưng tôn giáo với không gian hành lễ trang nghiêm đặc sắc rất ấn tượng cho du khách – Vùng này kết hợp khai thác du lịch (Núi Bà Đen cao 986m- nóc nhà Nam Bộ) đã được quy hoạch và khai thác tốt, vùng này có không gian kết nối với Hồ Dầu Tiếng (hồ nước đẹp và thơ mộng của vùng Nam Bộ). Bởi vậy, trong báo cáo phân vùng đây là nơi du lịch – nghỉ dưỡng và hoạt động trải nghiệm đặc sắc và quan trọng của tỉnh và phải được ưu tiên làm rõ trong quy hoạch tỉnh.

Trong nội dung này, cần nhấn mạnh nét đẹp và sinh thái của 2 con sông: sông Sài Gòn và sông Vàm Cỏ Đông. Sông Sài Gòn đã được nội dung quy hoạch đề cập là khai thác đô thị sinh thái bờ sông, nhưng còn sông Vàm Cỏ Đông là con sông gắn kết với tỉnh trong tổ chức phát triển nông nghiệp, chuỗi sinh thái ven sông nhưng chưa được đề cập, làm rõ. Sông Vàm Cỏ Đông, địa giới phân chia huyện Bến Cầu và Gò Dầu và đi vào giữa huyện Châu Thành. Vì thế phải lấy trục không gian sông Vàm Cỏ Đông để kết nối chuỗi hoạt động nông nghiệp sinh thái và tổ chức du lịch, dịch vụ và phát triển đô thị gắn kết.

2.2.3. Định hướng phát triển hệ thống đô thị

Đồng tình với quan điểm và mục tiêu phát triển, các giai đoạn 2021-2025, giai đoạn 2026-2030 đã được đề cập và nêu rõ tỷ lệ đô thị hóa 50% và 55% giai đoạn 2026-2030. Trong đó có nêu nội dung hoàn tất việc phân cấp, phân loại đô thị.

Tuy vậy, báo cáo cũng chỉ nêu lên những nội dung mang tính lý luận, lý thuyết theo vùng và trục đô thị hóa mà không tập trung nêu lên đô thị trung tâm (với vai trò, ý nghĩa, quy mô dân số, đất đai, hướng phát triển). Đây là đô thị trung tâm có ý nghĩa tạo động lực cho phát triển của vùng và cả tỉnh, tác động ngược lại của hệ thống đô thị đến đô thị trung tâm. Đặc biệt phải nêu lên được những vấn đề liên quan mật thiết giữa thành phố Tây Ninh và thị xã Hòa Thành.

Tuy là 2 đô thị độc lập nhưng mối quan hệ đô thị của 2 đô thị này là một nội dung rất cần phải được phân tích trong báo cáo. Hai đô thị bổ sung cho nhau trong quá trình đô thị hóa như thế nào?

2.2.4. Về phương án xây dựng vùng liên huyện và vùng huyện

+ Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện

Về cơ bản thống nhất như nội dung đã được trình bày về quy hoạch xây dựng vùng liên huyện đã khái quát tình hình kinh tế xã hội, đặc điểm về địa lý tự nhiên, lịch sử phát triển để xây dựng vùng liên huyện.

Tuy nhiên, **tại vùng 1**: Đồng ý về tính chất nhưng hệ thống đô thị và nông thôn vùng 1, theo chúng tôi việc phát triển trung tâm của vùng là tam giác đô thị Trảng Bàng- Phước Đông- Gò Dầu để hướng tới vào năm 2030 Trảng Bàng là đô thị loại III; Gò Dầu là đô thị loại III và Bến Cầu là đô thị loại IV cần xem lại.

Như đã phân tích ở trên, tại vùng 1 có KKT cửa khẩu quốc tế Mộc Bài là KKT lớn có ý nghĩa quan trọng về phát triển đô thị nên tam giác phát triển phải là: Trảng Bàng- Phước Đông- Mộc bài. Như vậy mới làm rõ được ý nghĩa, vai trò và vị thế của KKT cửa khẩu quốc tế quan trọng của tỉnh và của vùng TP. Hồ Chí Minh.

Tại vùng 2: Vùng liên huyện trung tâm là khu vực đô thị trung tâm của tỉnh với hạt nhân là TP. Tây Ninh và thị xã Hòa Thành. Hướng tới năm 2030 Tây Ninh và Hòa Thành là đô thị loại II; Châu Thành và Dương Minh Châu là đô thị loại IV.

Theo tôi, trong quá trình đô thị hóa và quản lý phát triển đô thị cần thiết phải nghiên cứu hướng phát triển TP. Tây Ninh và Thị xã Hòa Thành là thành phố loại II đến trước năm 2030, tạo điều kiện thống nhất về mặt hành chính để quản lý phát triển- theo đó tính chất của một thành phố tỉnh lỵ còn có thêm tính chất văn hóa- tôn giáo rất đặc sắc của địa phương. Lấy mô hình của thành phố Phan Rang- Tháp Chàm làm hình mẫu mà đô thị này từ ngày có tên là thành phố Phan Rang- Tháp Chàm đã phát huy được thế mạnh hành chính- lịch sử đặc sắc.

2.3. Những vấn đề khác

2.3.1. Hồ sơ báo cáo quy hoạch tỉnh

Hệ thống hồ sơ quy hoạch tỉnh Tây Ninh đã được thực hiện theo nhiệm vụ đã được duyệt và tuân thủ các quy định của Luật Quy hoạch.

Tuy vậy, trong báo cáo tổng hợp, các sơ đồ, bản đồ, bản vẽ minh hòa còn mờ nhạt; chưa làm rõ được tên địa phương, tên các tuyến đường; ký hiệu và thể hiệu không đồng nhất nên khó theo dõi. Ví dụ như bản đồ hệ thống đô thị, quy mô đô thị khó phân biệt. Nói chung, hệ thống bản đồ kèm theo thuyết minh tổng hợp không rõ ràng, khó theo dõi.

2.3.2. Dự thảo bản đồ

Bản dự thảo bản đồ (A3) được in màu nhưng tập dự thảo bản đồ vẽ quá chung chung, không đi vào tính chất của các loại quy hoạch. Ký hiệu màu sắc, ký hiệu các loại đường, ranh giới, cách thể hiện không khoa học, chưa nêu bật được tính chất của bản vẽ đó. Ví dụ bản đồ phương hướng phát triển hệ thống đô thị nông thôn không làm rõ được vị trí và quy mô phát triển không gian đô thị (đô thị chỉ được thể hiện là những điểm tròn xanh trên bản đồ). Đây là bản vẽ rất quan trọng với sự phát triển không gian lãnh thổ, không chỉ là đô thị mà các vùng chức năng cũng phải được lồng ghép để thấy được vị thế đô thị của tỉnh trong quá trình phát triển. Trên bản vẽ cũng không thấy được hệ thống đường giao thông như đường cao tốc, đường bộ, đường sắt, KKT cửa khẩu một cách rõ ràng, mạch lạc, dễ hiểu và khoa học.

3. Kết luận

Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được tư vấn nghiên cứu bài bản, khoa học và bám sát vào nhiệm vụ thiết kế đã được Thủ tướng phê duyệt,

Qua thuyết minh tổng hợp, báo cáo đánh giá môi trường chiến lược và các văn bản giải trình ý kiến của các Bộ ngành, tôi đồng tình và đánh giá cao công sức nghiên cứu và về chất lượng quy hoạch đã đạt được.

Tuy nhiên, đây là một quy hoạch lớn thực hiện theo Luật Quy hoạch lần đầu ở địa phương nên chưa thể bảo đảm yêu cầu tích hợp và các nội dung khoa học liên ngành của vùng, của Quốc gia khi Quy hoạch vùng chưa được phê duyệt. Bởi vậy, tôi đồng tình với nội dung quy hoạch nhưng cần xem xét các ý kiến góp ý có nội dung phù hợp để bổ sung, chỉnh sửa và cần kịp thời tiếp cận các thông tin mới để hoàn thiện hồ sơ trình duyệt theo quy định.

Tháng 4/2023

Kí tên



KTS. Trần Ngọc Chính